

ĐẠI TẶNG KINH
VIỆT NAM

KINH
TẶNG NHẤT A-HÀM

TẬP 3

PL. 2549 - 2005

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

Tập III

Số thứ tự 27

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

TẬP III
Số thứ tự 27



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
- 2005 -

**HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH, CHỈ ĐẠO,
PHIÊN DỊCH VÀ ÁN HÀNH
ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM**

CHỨNG MINH: *Hoà thượng* THÍCH TRÍ TỊNH

- Chủ tịch : *Hoà thượng* THÍCH MINH CHÂU
- Phó Chủ tịch : *Hoà thượng* THÍCH THANH TỬ
- Phó Chủ tịch : *Hoà thượng* THÍCH ĐỨC NGHIỆP
- Phó Chủ tịch : *Hoà thượng* THÍCH ĐỒNG MINH
- Phó Chủ tịch : *Hoà thượng* THÍCH TRÍ QUANG
- Phó Chủ tịch : *Thượng toạ* THÍCH GIÁC TOÀN
(kiêm TB. In ấn)
- Phó Chủ tịch : *Giáo sư* MINH CHI
- Phó Chủ tịch : *Giáo sư* LÊ MẠNH THẮT
(kiêm TB. Thư ký)
- TB. Tài chánh : *Thượng toạ* THÍCH TỬ GIANG
- Phó Thư ký : *Đại đức* THÍCH TÂM ĐỨC
- Phó Thư ký : *Đại đức* THÍCH NHẬT TỬ
- Thủ quỹ : *Sư cô* TN HUỆ HẠNH

Việt dịch : Hòa thượng THÍCH THANH TỪ

Hiệu đính : Hòa thượng THÍCH THIÊN SIÊU

XXXX. PHẨM THẤT NHẬT (1)

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, rất nhiều Tỳ-kheo, sau khi thọ thực, tụ tập tại giảng đường Phổ Hội luận nghị thế này:

— Núi Tu-di này rất rộng lớn, các núi khác không thể bì kịp; rất kỳ đặc, cao rộng chót vót. Như thế mà không bao lâu cũng sẽ bị bại hoại không còn gì cả. Nương núi Tu-di lại có những núi lớn cũng lại bị bại hoại.

Bấy giờ Thế Tôn dùng Thiên nhĩ nghe những Tỳ-kheo ấy luận nghị như thế, liền từ tòa đứng lên đến giảng đường và đến chỗ ngồi. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy ở đây bàn luận những gì ? Muốn thi hành điều gì ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Mọi người tụ tập ở đây luận bàn việc pháp, điều vừa luận bàn đều đúng pháp.

Thế Tôn bảo:

— Lành thay ! Tỳ-kheo ! Các Thầy xuất gia đúng là phải nên luận bàn hợp pháp, lại cũng không bỏ sự im lặng của Hiền Thánh. Vì sao thế ? Nếu Tỳ-kheo tụ tập một chỗ, nên thi hành hai việc. Thế nào là hai ? Một là cùng nhau luận bàn Phật pháp; hai là hãy im lặng như Hiền Thánh. Các Thầy luận hai việc này trọn sẽ được an ổn, không mất thời nghỉ. Các Thầy vừa rồi luận nghị như pháp những gì ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Nay chúng Tỳ-kheo tụ tập ở giảng đường này luận nghị như vậy: Thật là kỳ đặc ! Núi Tu-di này rất là cao lớn rộng rãi, nhưng núi Tu-di này như thế chẳng bao lâu sẽ bị bại hoại và các núi Thiết Vi ở bốn bên cũng sẽ bại hoại như thế. Vừa rồi chúng con tụ tập ở đây bàn luận pháp như thế.

Thế Tôn bảo:

— Các Thầy có muốn nghe sự biến đổi bại hoại của cảnh giới thế gian này không ?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

— Nay thật đúng lúc, cúi mong Thế Tôn hãy diễn thuyết khiến cho chúng sanh tâm được giải thoát.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy hãy khéo suy nghĩ, ghi nhớ trong lòng !

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, Thế Tôn bảo:

— Núi Tu-di rất là rộng lớn, các núi không bì kịp. Nếu Tỳ-kheo muốn biết núi Tu-di vượt trên mặt nước khoảng tám vạn bốn ngàn do-tuần, ăn sâu vào nước cũng tám vạn bốn ngàn do-tuần. Núi Tu-di do bốn loại báu làm thành là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Lại có bốn góc, cũng làm bằng bốn thứ báu: vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Thành vàng quách bạc, thành bạc quách vàng, thành thủy tinh quách lưu ly, thành lưu ly quách thủy tinh. Trên núi Tu-di có năm bậc Trời cư ngụ ở đó, đều do túc duyên mà trụ. Năm bậc nào ? Trong thành bạc kia

có trời Tế Khước ở. Trong thành vàng kia có Trời Thi-lợi-sa cư ngụ, trong thành thủy tinh có Trời Hoan Duyệt cư ngụ; trong thành lưu ly có Trời Lục Thanh ở đấy.

Giữa thành vàng và bạc có Tỳ-sa-môn Thiên vương cư ngụ, cùng các Dạ-xoa nhiều không thể kể. Giữa thành vàng và thành thủy tinh có Tỳ-lưu-bác-xoa Thiên vương, cùng các Long thần cư ngụ. Giữa thành thủy tinh và thành lưu ly có Tỳ-lưu-lặc-xoa cư ngụ. Giữa thành lưu ly và thành bạc có Đề-đâu-lại-tra Thiên vương cư ngụ.

Tỳ-kheo nên biết, dưới núi Tu-di có A-tu-la cư trú. Nếu lúc A-tu-la muốn đánh nhau với trời Ba mươi ba, trước hết họ đánh nhau với trời Tế Khước; nếu thắng được, họ lại đến thành vàng đánh với trời Thi-lợi-sa; thắng trời Thi-lợi-sa rồi, họ lại đến thành thủy tinh đánh trời Hoan Duyệt; thắng rồi, họ lại đến thành lưu ly; thắng được trời đó mới cùng trời Ba mươi ba đánh nhau.

Tỳ-kheo nên biết ! Trời Ba mươi ba cư ngụ trên đỉnh núi Tu-di, ngày đêm chiếu ánh sáng, tự chiếu lẫn nhau nên đến như thế, nước vào núi Tu-di có mặt trời, mặt trăng di chuyển. Nhật thiên tử có thành quách rộng năm mươi một do-tuần, Nguyệt thiên tử có thành quách rộng ba mươi chín

do-tuần; ngôi sao lớn nhất rộng một do-tuần, ngôi sao nhỏ nhất rộng hai trăm bộ. Trên đỉnh Tu-di, Đông, Tây, Nam, Bắc rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần. Gân núi Tu-di, về phía Nam có núi Đại Thiết Vi, dài tám vạn bốn ngàn do-tuần, cao tám vạn dặm. Ở ngoài núi này có núi Ni-di-đà bao bọc núi ấy, cách núi Ni-di-đà lại có núi tên là Khur-la, cách núi này lại có núi tên Tỳ-sa, cách núi này lại có núi tên Mã Đầu, rồi lại có núi tên Tỳ-nà-da; kế núi Tỳ-nà-da lại có núi tên Thiết Vi Đại Thiết Vi. Ở giữa Thiết Vi có tám địa ngục lớn, giữa hai địa ngục có mười sáu bức ngăn. Núi Thiết Vi có nhiều lợi ích cho cõi Diêm-phù-đề. Diêm-phù-đề nếu không có núi Thiết Vi thì ở đây hằng hôi thúi. Mặt ngoài núi Thiết Vi có núi Hương Tích, bên núi Hương Tích có tám vạn bốn ngàn bạch tượng vương sống ở đó, mỗi con có sáu ngà và đeo vàng bạc. Trong núi Hương Tích có tám vạn bốn ngàn hang, có voi ở đó. Con voi tối thượng do vàng bạc thủy tinh, lưu ly tạo thành. Thích-đề-toàn-nhân cõi voi tối thượng, còn Chuyển luân Thánh vương cõi voi thấp nhất. Bên núi Hương Tích có hồ nước Ma-đà, sanh toàn hoa Ưu-bát Liên và hoa Câu-mâu-đầu; những con voi kia bói rẽ mà ăn. Bên cạnh hồ nước Ma-đà có núi tên Ưu-xà-già-la, núi ấy mọc rất nhiều cây cò, chim chóc, cọp (trùng) báo đều nương núi này, có những

vị thân thông đặc đạo ở đó. Kế đó lại có núi tên Bàn-trà-bà, kế đó lại có núi tên Kỳ-xà-quật. Đây là nơi cõi Diêm-phù-đề nương tựa.

Tỳ-kheo nên biết, hoặc có lúc thế gian này muốn bại hoại, khi ấy trời chẳng mưa, những hạt mầm gieo trồng không lớn lên, bao nhiêu khe suối, sông nhỏ đều không kiệt, tất cả các hành đều quy về vô thường, không tồn tại lâu dài.

Tỳ-kheo nên biết, hoặc có lúc bốn dòng sông lớn là Hằng Hà, Tư-dầu, Tát-dà, Bà-xoa cũng đều khô cạn tất cả. Đúng thế Tỳ-kheo, vô thường trăm lần biến đổi, chính là thế.

Tỳ-kheo, hoặc có lúc, thế gian có hai mặt trời xuất hiện, khi ấy trăm thứ cỏ cây đều rơi rụng, điều tàn. Đúng thế, Tỳ-kheo, vô thường biến đổi không có bên lâu. Lúc ấy các nguồn suối, dòng nước nhỏ đều khô cạn. Tỳ-kheo nên biết, khi hai mặt trời xuất hiện, nước bốn biển lớn khô cạn, trong khoảng một trăm do-tuần, dần dần đến bảy trăm do-tuần, nước tự nhiên cạn.

Tỳ-kheo nên biết, lúc thế gian có ba mặt trời xuất hiện, nước bốn biển lớn trong vòng một ngàn do-tuần, tự nhiên khô cạn, dần dần đến bảy ngàn do-tuần nước tự nhiên cạn.

Tỳ-kheo nên biết, nếu lúc bốn mặt trời xuất hiện ở thế gian, thì nước bốn biển sẽ rút sâu một ngàn do-tuần. Đúng vậy, Tỳ-kheo, tất cả hành đều vô thường không có bền lâu.

Tỳ-kheo nên biết, hoặc có lúc năm mặt trời xuất hiện ở thế gian, khi đó nước bốn biển chỉ còn bảy trăm do-tuần, dần dần đến một trăm do-tuần.

Tỳ-kheo nên biết, lúc năm mặt trời xuất hiện, khi ấy nước biển còn một do-tuần, dần dần khô cạn không còn gì hết. Nếu lúc năm mặt trời xuất hiện, còn đúng bảy thước nước. Lúc năm mặt trời xuất hiện, bốn biển khô cạn không còn chút nước nào. Tỳ-kheo nên biết, tất cả hành vô thường không được bền lâu.

Tỳ-kheo nên biết, hoặc có lúc sáu mặt trời xuất hiện, cõi đất dày sáu vạn tám ngàn do-tuần này sẽ bốc khói hết. Núi Tu-di cũng dần dần cháy tan. Lúc sáu mặt trời xuất hiện, tam thiên đại thiên quốc độ này đều cháy tan hết, ví như người thợ gốm đốt đồ gốm. Lúc ấy tam thiên đại thiên cõi nước cũng lại như thế, lửa dậy khắp mọi nơi.

Tỳ-kheo nên biết, lúc sáu mặt trời xuất hiện, tám địa ngục lớn cũng bị tiêu diệt, mọi người chết hết. Năm bậc Trời ở núi Tu-di cũng mạng chung,

trời Ba mươi ba, trời Diêm thiên, cho đến trời Tha hóa tự tại cũng mạng chung, cung điện trống trơn. Nếu lúc sáu mặt trời xuất hiện, núi Tu-di và tam thiên đại thiên cõi nước đều trống không chẳng còn gì. Đúng vậy Tỳ-kheo, tất cả hành vô thường, không có bền lâu.

Tỳ-kheo nên biết, có lúc bảy mặt trời xuất hiện ở đời, đất này tuy dày sáu vạn tám ngàn do-tuần và tam thiên đại thiên cõi nước thầy đều bốc lửa. Lúc bảy mặt trời xuất hiện, núi Tu-di dần dần tan chảy, trăm ngàn do-tuần tự nhiên đổ vỡ không còn gì cả, không còn thấy một phần khối bụi huống là thấy tro.

Khi ấy từ trời Ba mươi ba cho đến trời Tha hóa tự tại, tất cả cung điện đều bốc lửa, lửa hùng nóng đến trời Phạm thiên. Thiên tử mới sanh ở cung trời ấy, vì chưa thấy kiếp thiêu, thấy ánh lửa nóng này thầy đều hoảng sợ, lo sẽ bị lửa đốt. Nhưng những vị Thiên tử sống lâu, đã từng thấy kiếp thiêu liên đến an ủi những Thiên tử sanh sau: “Các ông chớ khiếp sợ, lửa này không đến thấu đây”.

Tỳ-kheo nên biết, lúc bảy mặt trời xuất hiện, từ cõi đời này đến sáu tầng trời cõi dục cho đến tam thiên đại thiên quốc độ đều thành tro đất,

không còn bóng dáng hình chất. Đúng vậy, Tỳ-kheo, tất cả hành vô thường, chẳng thể bảo đảm lâu bền, tất cả đều đi đến hoại diệt.

Khi ấy nhân dân chết hết, sinh vào quốc độ phương khác hoặc sanh lên Trời. Các chúng sanh ở trong địa ngục nếu tội cũ đã xong thì sanh lên Trời hoặc cõi nước phương khác. Tỳ-kheo nên biết, nếu lúc bấy giờ mặt trời xuất hiện, không còn dấu vết của ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú. Khi đó mặt trời, mặt trăng đã hoại diệt, không còn ngày đêm. Nay Tỳ-kheo, đó là do báo duyên nên bị bại hoại như thế.

Tỳ-kheo lại nên biết, lúc kiếp thành tựu trở lại, lúc ấy lửa tự diệt mất, trong hư không có đám mây lớn nổi lên, dần dần mưa xuống, khi đó ba ngàn đại thiên thế giới tràn ngập nước, lên đến trời Phạm thiên. Tỳ-kheo nên biết, lúc đó nước dần dần dừng lại rồi tự tiêu diệt, lại có gió nổi lên gọi là Tùy lam (khí núi) thổi nước này tụ vào một chỗ. Khi ấy, gió kia làm nổi lên ngàn núi Tu-di, ngàn núi Kỳ-di-đà, ngàn núi Ni-di-đà, ngàn núi Khur-la, ngàn núi Y-sa, ngàn núi Tỳ-na, ngàn núi Thiết Vi, ngàn núi Đại Thiết Vi; lại sanh tám ngàn địa ngục, lại sanh ngàn núi Mã Đầu, ngàn núi Hương Tích, ngàn núi Bàn-trà-bà, ngàn núi Ưu-xà-già, ngàn Diêm-phù-đế,

ngàn Cù-da-ni, ngàn Phát-vu-đê, ngàn Uát-đơn-việt, lại sanh nước ngàn biển, lại sanh ngàn cung Tứ thiên vương, ngàn trời Ba mươi ba, ngàn Diêm thiên, ngàn Đâu-suất thiên, ngàn Hóa tự tại thiên, ngàn Tha hóa tự tại thiên.

Tỳ-kheo nên biết, lúc ấy nước diệt, đất lại sanh trở lại, trên mặt đất tự nhiên có lớp đất màu mỡ, rất là thơm ngon hơn cả cam lô. Nên biết mùi vị của lớp đất màu mỡ này ví như rượu ngọt bô đào.

Tỳ-kheo nên biết, khi ấy trời Quang Âm bảo nhau: “Chúng tôi muốn đến Diêm-phù-đê ngắm xem hình thể cõi đất ấy lúc hoàn thành trở lại”.

Chư Thiên trời Quang Âm liền xuống thế gian, thấy trên đất có lớp đất màu mỡ này liền lấy tay quẹt đưa vào miệng nếm và ăn. Khi ấy Thiên tử nào ăn lớp đất màu này nhiều thì trở nên mất oai thần, cũng không có ánh sáng, thân thể trở nên nặng nề, sanh ra xương thịt, mất hết thần túc, không bay được nữa. Thiên tử nào ăn đất màu ít, thân thể không nặng, không mất thần túc, cũng có thể phi hành trong hư không. Lúc đó các Thiên tử mất thần túc, cùng nhau kêu khóc và bảo nhau: “Hôm nay, chúng ta thật là nguy khốn, mất hết thần túc, phải ở thế gian, không lên trời được nữa !” Họ bèn ăn lớp đất màu này và nhìn nhan

sắc nhau. Người nào dục ý nhiều thì thành đàn bà, rồi làm tình dục, cùng nhau vui thú.

Này Tỳ-kheo, đó là lúc thế gian mới thành lập, có sự dâm dục lan tràn thế gian. Đó là cách thức thông thường của đàn bà xuất hiện ở đời, cũng là pháp cũ không phải mới có đây.

Khi ấy, các Thiên tử Quang Âm khác, thấy các thiên tử này đọa lạc, đều đến trách mắng họ: “Các Ông vì sao lại làm hạnh bất tịnh này ?” Khi đó các chúng sanh nghĩ: “Chúng ta phải tìm cách nào tiện nghi để ăn ở với nhau cho người chẳng thấy”. Rồi từ từ họ làm nhà cửa để che thân thể. Tỳ-kheo, đó là nguyên nhân ngày nay có nhà cửa.

Tỳ-kheo nên biết, lúc đó, lớp đất màu mỡ tự nhiên chui vào đất, sau lại sanh lúa gạo, rất tươi tốt, sạch sẽ không có lớp vỏ, rất thơm ngon khiến người ăn mập trắng. Sáng, người ta thu thập, chiều nó lại sanh; nếu chiều thu thì sáng sanh ra. Tỳ-kheo, từ đó mới sanh ra tên lúa gạo. Tỳ-kheo, khi ấy nhân dân lười biếng, chẳng siêng năng sinh hoạt, họ nghĩ: “Nay ta ngày ngày đi thu gạo thóc làm chi. Hãy để hai ngày đi gom một lần”. Khi ấy, người kia để hai ngày mới đi thu một lần. Nhân dân lần lượt có thai. Do đây mới có việc sanh đẻ. Lại có chúng sanh bảo người kia:

— Chúng ta cùng đi thu lúa gạo đi !

Người kia đáp:

— Tôi đã lấy lương thực hai ngày rồi.

Người này nghe xong liền tự nghĩ: “Mình nên chứa lương thực bốn ngày”. Rồi liền lo lương thực bốn ngày. Lại có người bảo người ấy rằng:

— “Nên cùng nhau ra ngoài thu lúa gạo”.

Người này đáp:

— “Tôi đã thu lương thực bốn ngày”.

Người kia nghe xong liền nghĩ: “Ta nên lo lương thực tám ngày”. Và người ấy lo dự trữ thức ăn tám ngày. Khi ấy lúa gạo kia không sanh ra nữa. Mọi người đều nghĩ: “Thế gian có tai nạn lớn. Nay lúa gạo này không còn như cũ. Hãy chia lúa gạo này ra”.

Rồi họ chia lúa gạo. Bấy giờ chúng sanh lại nghĩ: “Nay ta hãy giấu lúa gạo của mình và hãy ăn trộm lúa gạo người khác”.

Khi ấy, chúng sanh kia giấu lúa gạo của mình rồi ăn trộm lúa gạo người khác. Người chủ kia thấy trộm lúa gạo mới bảo người ấy:

— “Ông vì sao lấy lúa gạo của ta. Lần này ta tha tội cho Ông, chớ có tái phạm”.

Bấy giờ, thế gian bắt đầu có tâm trộm cắp. Lại có chúng sanh nghe lời này liền nghĩ: “Nay ta nên giấu lúa gạo của mình và ăn trộm lúa gạo người khác”.

Khi ấy, chúng sanh kia bỏ vật của mình và lấy trộm của người. Người chủ kia thấy rồi bảo người ấy rằng:

— “Nay Ông vì sao lấy lúa gạo của ta ?”

Nhưng người đó im lặng không đáp. Lúc đó người chủ mới dùng nắm tay mà đánh nhau:

— “Từ nay về sau chớ có xâm phạm”.

Khi ấy, rất nhiều người nghe chúng sanh ăn trộm lẫn nhau, mỗi người đều nhóm họp bảo nhau rằng:

— “Thế gian có việc phi pháp này, mỗi người cùng ăn trộm lẫn nhau. Nay hãy lập người giữ ruộng, để giữ gìn ruộng rẫy. Có chúng sanh tài cao, thông minh, hãy lập làm chủ giữ ruộng”.

Bấy giờ, họ chọn lựa điền chủ và bảo:

— “Các Ông nên biết, thế gian có sự trộm cắp phi pháp này. Nay Ông giữ ruộng hãy coi sóc bông hạt, những người đến lấy lúa gạo của người khác thì nêu tội họ”.

Khi ấy liền đặt điển chủ.

Tỳ-kheo nên biết ! Bấy giờ người giữ ruộng gọi là dòng Sát-lợi. Đó là pháp cũ, chẳng phải là pháp mới.

Khi ấy Thế Tôn liền nói kệ này:

*Đầu tiên dòng Sát-lợi,
Cao nhất trong các dòng,
Người thông minh cao tài,
Được Trời Người cung kính.*

Bấy giờ có nhân dân nào xâm phạm vật của người khác thì dòng Sát-lợi sẽ trừng phạt họ. Nhưng sau người kia không sửa lỗi, lại phạm nữa, chủ Sát-lợi ra lệnh làm đao gây chặt đầu người kia. Lúc ấy thế gian mới bắt đầu có sát sanh. Nhiều người nghe lệnh giết này: “Người ăn trộm lúa gạo người khác, Sát-lợi chủ sẽ bắt giết” đều sợ hãi, lông tóc dựng ngược. Ai nấy đều cất nhà cỏ, ngồi Thiên trong đó, nhất tâm tu Phạm hạnh, bỏ lìa nghiệp nhà, vợ con, hầu thiếp. Một mình ở chỗ vắng vẻ, dốc chí tu Phạm hạnh. Nhân đây về sau có tên họ của Bà-la-môn.

Khi đó, có hai chủng tánh xuất hiện ở đời. Tỳ-kheo nên biết, khi ấy do trộm cắp mà có sát

sanh, do sát sanh nên có dao gậy. Sát-lợi chủ bảo nhân dân:

— “Người nào đoan chính tài cao, hãy cho thống lãnh nhân dân này”.

Sát-lợi chủ lại bảo họ rằng:

— “Nhân dân nào ăn trộm thì cho trừng trị tội nó”.

Khi đó liền có chủng tánh Tỳ-xá xuất hiện ở đời. Có nhiều chúng sanh nghĩ rằng: “Ngày nay chúng sanh sát sinh lẫn nhau đều do tiền nghiệp gây ra. Nay ta nên qua lại xoay vần để tự sinh sống”.

Bấy giờ liền có chủng tánh Thủ-đà-la xuất hiện thế gian.

Khi ấy Thế Tôn liền nói kệ này:

*Trước tiên dòng Sát-lợi,
Kế có Bà-la-môn,
Thứ ba là Tỳ-xá,
Tiếp là họ Thủ-đà.
Có bốn chủng tánh này,
Lẫn lẫn sanh lẫn nhau,
Đều là thân Trời đến,
Cùng đồng là một vẻ.*

Tỳ-kheo nên biết, lúc có tâm giết và trộm này,

không còn có lúa gạo tự nhiên nữa. Khi ấy, liền có năm loại ngũ cốc: rễ, cọng, cành, hoa, trái, và sanh các hạt giống khác. Đó là năm hạt giống đều là từ cõi nước phương khác theo gió thổi đến, người ta lấy trồng dùng đây để sống.

Như thế, Tỳ-kheo, thế gian có diêm ứng này, liền có sanh, già, bệnh, chết đến, khiến hôm nay có thân năm ấm, chẳng dứt được mé khổ. Đây gọi là sự biến đổi của kiếp thành hoại. Ta nói với các Thầy ! Việc đáng làm của chư Phật Thế Tôn, nay Ta đã nói hết cho các Thầy, hãy ưa thích chỗ vắng vẻ, nên nhớ tọa thiền chớ giải đãi, ngày nay nếu không tinh thành, sau hối hận vô ích. Đây là lời dạy của Ta.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở thành La-duyet trong vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ, vua A-xà-thế nước Ma-kiệt nói với quần thần rằng:

— Nước Bạt-kỳ rất thịnh vượng, dân cư đông đúc. Ta sẽ chinh phạt chiếm đất nước đó.

Lúc ấy, vua A-xà-thế lại bảo Bà-la-môn Bà-lợi-ca rằng:

— Nay Ông đến chỗ Thế Tôn, đem tên họ ta thăm hỏi Thế Tôn, lễ kính, thừa sự rồi thưa rằng: “Vua A-xà-thế bạch đức Thế Tôn, vua có ý muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ có được hay không?”. Nếu Như Lai có nói gì, Ông hãy khéo suy nghĩ rồi về nói cho ta. Vì sao thế? Như Lai nói không hai lời.

Bấy giờ Bà-la-môn vâng lời vua dạy, đến chỗ Thế Tôn, thưa hỏi rồi ngồi một bên. Khi đó, Bà-la-môn bạch Phật:

— Vua A-xà-thế lễ kính Thế Tôn, thừa sự, thăm hỏi.

Và Bà-la-môn ấy bạch thêm rằng:

— Ý vua muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ, trước đến hỏi Phật xem có được không?

Khi ấy Thế Tôn thấy Bà-la-môn kia lấy y che đầu, chân mang giày ngựa voi, lưng đeo kiếm bén, chẳng nên thuyết pháp cho ông ta. Thế Tôn mới bảo A-nan:

— Nếu dân chúng Bạt-kỳ tu bảy pháp thì trọn không bị ngoại xâm tiêu diệt. Thế nào là bảy? Nếu nhân dân Bạt-kỳ tụ tập một nơi không phân tán thì

không bị nước khác phá hoại. Đó là pháp đầu tiên không bị giặc ngoài phá hoại.

Lại nữa A-nan, người nước Bạt-kỳ trên dưới hòa thuận, thì nhân dân bạt-kỳ không bị người ngoài cầm giữ. A-nan ! Đó là pháp thứ hai không bị giặc ngoài phá hoại.

Lại nữa A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không dâm dục với đàn bà của người khác... Đó là pháp thứ ba không bị giặc ngoài phá hoại.

Lại nữa A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không đem việc ở đây truyền đến chỗ kia, cũng lại không đem việc đằng kia truyền lại đằng này... Đó là pháp thứ tư không bị giặc ngoài phá hoại.

Lại nữa A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, thừa sự, lễ kính người Phạm hạnh... Đó là pháp thứ năm không bị giặc ngoài phá hoại.

Lại nữa A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không tham lam tài sản của người khác... Đó là pháp thứ sáu không bị giặc ngoài phá hoại.

Lại nữa A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ đều đồng một lòng không theo thần tự, chuyên tinh ý mình, liên chẳng bị giặc ngoài phá hoại. Đó là pháp thứ bảy không bị giặc ngoài phá hoại.

A-nan, đó là người Bạt-kỳ tu bảy pháp này, trọn không bị giặc ngoài phá hoại.

Khi ấy Phạm chí bạch Phật:

— Dù cho người nước Bạt-kỳ chỉ thành tựu một pháp thôi, cũng không thể phá hoại được, huống là đến bảy pháp thì làm sao phá hoại được. Thôi, thôi ! Bạch Thế Tôn, việc nước bề bộn tôi muốn trở về chỗ mình.

Bấy giờ Phạm chí liền từ tòa đứng lên mà đi. Ông ta đi chưa xa, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta sẽ nói bảy pháp bất thối chuyển, các Thầy nên lắng nghe, khéo suy nghĩ.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

— Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, Thế Tôn bảo:

— Thế nào là bảy pháp bất thối chuyển ? Tỳ-kheo nên biết, Tỳ-kheo tụ họp chung một chỗ, hòa thuận với nhau, trên dưới kính nhường, càng lúc càng tiến lên, tu các pháp lành không thối chuyển, không để Ma được lợi thế. Đó là pháp bất thối chuyển đầu tiên.

Lại nữa, chúng Tăng hòa hợp, thuận theo lời dạy,

càng tiến lên, không thối chuyển, chẳng bị Ma vương phá hoại. Đó là pháp bất thối chuyển thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo không đắm công việc, không tập tành việc đời, cứ tiến tới, không để Thiên ma được tiện lợi. Đó là pháp bất thối chuyển thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo, không tụng đọc sách tập, suốt ngày thúc liễm tình ý càng tiến lên, không để Ma vương được tiện lợi. Đó là pháp bất thối chuyển thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo chuyên cần tu pháp trừ khử thù miên, hằng tự nhắc nhở tỉnh táo, càng tiến lên trên, không để Ma được tiện lợi. Đó là pháp bất thối chuyển thứ năm.

Lại nữa, Tỳ-kheo, không học toán thuật, cũng không khiến người tập thành nó, ưa chỗ vắng vẻ, tu tập pháp này, ngày càng tiến lên, không để Ma được tiện lợi. Đó là pháp bất thối chuyển thứ sáu.

Lại nữa, Tỳ-kheo, khởi lên ý tưởng “tất cả thế gian không có gì đáng ưa thích”, tu tập Thiên hạnh, kham nhẫn theo các pháp được dạy, càng tiến lên, không để Ma được tiện lợi. Đó là pháp bất thối chuyển thứ bảy. Nếu có Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp này, hòa thuận với nhau, thì Ma sẽ không được tiện lợi.

Khi ấy, Thế Tôn nói kệ:

*Trừ bỏ các sự nghiệp,
Không suy nghĩ loạn bậy,
Nếu không hành điều này,
Cũng chẳng được tam-muội.
Người hay vui với pháp,
Phân biệt nghĩa pháp này,
Tỳ-kheo ưa hạnh này,
Sẽ đến tam-muội định.*

Thế nên, Tỳ-kheo, hãy cầu phương tiện thành tựu bảy pháp này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dã, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta sẽ nói về bảy sử. Các Thầy hãy khéo nghĩ nhớ.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Khi ấy, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

— Thế nào là bảy ? Tham dục sử, sân nhuế sử, kiêu mạn sử, si sử, nghi sử, kiến sử, dục thế gian sử.

Này Tỳ-kheo, đó là bảy sử khiến cho chúng sanh thường ở trong u tối, bị trói buộc thân mình, lưu chuyển trong thế gian không hề ngừng nghỉ, cũng không thể biết cội rễ sanh tử. Ví như hai con trâu một đen, một trắng, mang chung một ách cùng kéo dẫn nhau, không cách xa được. Chúng sanh cũng như thế, bị tham dục sử, vô minh sử, trói buộc không lìa nhau được. Năm sử kia cũng lại đuổi theo; năm sử vừa theo, bảy sử cũng thế. Người phạm phu bị bảy sử này trói buộc, lưu chuyển trong sanh tử không giải thoát được, không thể biết nguồn gốc của khổ.

Tỳ-kheo nên biết, do bảy sử này bèn có ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Do bảy sử này không thể qua khỏi cảnh giới tệt Ma. Nhưng bảy sử này lại có bảy phương thuốc. Thế nào là bảy ? Tham dục sử thì có niệm giác ý trị. Sân nhuế sử có trạch pháp giác ý trị. Tà kiến sử có tinh tấn giác ý trị. Dục thế gian sử có hỷ giác ý trị. Kiêu mạn sử có ỷ giác ý trị. Nghi sử có định giác ý trị.

Vô minh sử có hệ giác ý trị. Nay Tỳ-kheo ! Đó là bảy sử dùng bảy giác ý trị.

Tỳ-kheo nên biết ! Lúc Ta chưa thành Phật, đang hành hạnh Bồ-tát, ngồi dưới cây Bồ-đề, khởi niệm này: “Chúng sanh côi dục bị những gì trói buộc ?” Rồi lại nghĩ: “Chúng sanh bị bảy sử trói buộc lưu chuyển trong sanh tử, mãi mãi không giải thoát được. Nay Ta cũng bị bảy sử này trói buộc không được giải thoát”. Lúc ấy Ta lại nghĩ: “Bảy sử này dùng gì để trị ?” Ta lại suy nghĩ nữa: “Bảy sử này sẽ dùng Bảy giác ý trị”.

Ta nên tư duy Bảy giác ý. Lúc Ta tư duy Bảy giác ý, tâm hữu lậu được dứt, liền được giải thoát. Sau thành đạo Vô Thượng Chánh Chân.

Trong bảy ngày ngồi kiết-già, tư duy Bảy giác ý này một lần nữa.

Thế nên các Tỳ-kheo ! Nếu muốn bỏ bảy sử, nên nhớ tu hành pháp Bảy giác ý. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có bảy hạng người đáng thờ, đáng kính, họ là phước điền vô thượng của thế gian. Thế nào là bảy hạng người ? Đó là: Hành từ, hành bi, hành hỷ, hành hộ (xả), hành không, hành vô tướng, hành vô nguyện. Đó là bảy hạng người đáng thờ, đáng kính, là phước điền vô thượng của thế gian. Vì sao thế ? Nếu có chúng sanh hành bảy pháp này thì ở trong hiện pháp thu hoạch được quả báo.

Bấy giờ A-nan bạch Thế Tôn:

— Vì có sao Thế Tôn không nói Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật và Phật mà lại nói bảy pháp này ?

Thế Tôn bảo:

— Người hành từ cho đến bảy pháp hành cùng với Tu-đà-hoàn cho đến Phật, việc này không đồng. Dù cúng dường Tu-đà-hoàn cho đến Phật cũng không được quả báo hiện tại; nhưng cúng dường bảy người này, ở hiện đời được quả báo. Thế nên, A-nan, nên chuyên cần dũng mãnh thêm để hoàn thành bảy pháp. Như thế, A-nan, nên học điều này !

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở Tỳ-xá-ly, bên ao Di-hầu, cùng với năm trăm chúng đại Tỳ-kheo.

Khi ấy Thế Tôn đến giờ đắp y, ôm bát, cùng A-nan vào Tỳ-xá-ly khát thực. Bấy giờ trong thành Tỳ-xá-ly có đại trưởng giả tên Tỳ-la-tiên, giàu có, nhiều tài sản chẳng thể tính kể, nhưng lại keo kiệt tham lam không có lòng bố thí, chỉ hưởng phước cũ, không tạo thêm phước mới. Lúc đó trưởng giả ấy đang cùng các dâm nữ ở hậu cung đàn hát, ca xướng vui chơi.

Thế Tôn đi đến hướng ấy, Ngài biết mà vẫn hỏi Tôn giả A-nan:

— Nay Ta nghe tiếng hát xướng, kỹ nhạc là ở nhà nào ?

A-nan bạch Phật:

— Đó là ở nhà trưởng giả Tỳ-la-tiên.

Phật bảo A-nan:

— Trưởng giả này sau bảy ngày sẽ chết và sanh trong địa ngục Thế Khốc. Vì sao thế ? Đó là lẽ thường. Nếu người đoạn căn lành thì lúc mạng chung đều sanh trong địa ngục Thế Khốc. Nay

trường giả này phước cũ đã hết, lại không chịu tạo phước mới.

A-nan bạch Phật:

— Có nhân duyên nào khiến trường giả này sau bảy ngày không chết chẳng ?

Phật bảo A-nan:

— Chẳng có nhân duyên nào mà làm ông ta không chết được. Những hạnh ông ta gieo trồng ngày xưa, hôm nay đã hết. Điều này không thể tránh khỏi.

A-nan bạch Phật:

— Có cách nào khiến trường giả này không sanh vào địa ngục Thế Khốc chẳng ?

Phật bảo:

— A-nan ! Có cách này có thể khiến trường giả không vào địa ngục.

A-nan bạch Phật:

— Những nhân duyên nào khiến trường giả không vào địa ngục ?

Phật bảo A-nan:

— Nếu trường giả này chịu cạo bỏ râu tóc,

mặc ba pháp y, xuất gia học đạo thì có thể khỏi tội này được.

A-nan bạch Phật:

— Nay con có thể khiến cho trưởng giả này xuất gia học đạo.

Bấy giờ Tôn giả A-nan từ giả Thế Tôn, đi đến đứng ngoài cửa nhà ông trưởng giả. Lúc ấy, Trưởng giả từ xa trông thấy A-nan đến liền ra cửa tiếp đón thỉnh ngài vào ngồi. Rồi A-nan bảo trưởng giả:

— Nay tôi ở bên bậc Nhất Thiết Trí được nghe Như Lai thọ ký Ông sau bảy ngày sẽ chết và sanh vào địa ngục Thế Khốc.

Trưởng giả nghe xong lông tóc dựng ngược, kinh hãi bạch Tôn giả A-nan:

— Có nhân duyên gì làm tôi trong bảy ngày không chết chăng ?

A-nan bảo:

— Không có nhân duyên nào khiến trong bảy ngày khỏi chết.

Trưởng giả lại bạch:

— Có nhân duyên nào khiến tôi chết không sanh vào địa ngục Thế Khốc chăng ?

A-nan bảo:

— Thế Tôn cũng có dạy rằng nếu Trưởng giả cạo tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo sẽ không phải vào địa ngục Thế Khốc. Nay Ông phải nên xuất gia học đạo, đến được bờ kia.

Trưởng giả bạch:

— Ngài A-nan hãy đi trước đi, tôi sẽ đến ngay.

Khi ấy, Tôn giả A-nan liền bỏ đi. Trưởng giả liền nghĩ: “Nói bấy ngày cũng còn xa, nay ta nên vui chơi ngũ dục, rồi sau hãy xuất gia học đạo”.

Tôn giả A-nan ngày hôm sau đến nhà trưởng giả, bảo ông ta:

— Một ngày đã qua, còn có sáu ngày, phải xuất gia đi !

Trưởng giả bạch:

— Ngài A-nan hãy đi trước, tôi sẽ theo sau ngay.

Nhưng trưởng giả ấy vẫn không đi. Ngài A-nan, hai ngày, ba ngày cho đến sáu ngày đến nhà trưởng giả, bảo ông ta:

— Bây giờ hãy xuất gia, nếu không sau hối không kịp. Nếu không xuất gia hôm nay sẽ chết rồi sanh trong địa ngục Thế Khốc.

Trưởng già bạch A-nan:

— Tôn già hãy đi trước, tôi sẽ theo sau.

A-nan bảo:

— Trưởng già ! Hôm nay Ông dùng thân túc nào đến kia được mà bảo ta đi trước ? Ta muốn đi một lượt với Ông.

Khi ấy A-nan dẫn trưởng già này đến chỗ Thế tôn, cúi lạy và bạch Phật:

— Nay trưởng già này muốn được xuất gia học đạo, cúi mong Như Lai hãy cạo bỏ râu tóc cho ông ta, để ông ta được học đạo.

Phật bảo A-nan:

— Nay chính Thầy có thể độ trưởng già này.

A-nan vâng lời Phật dạy tức thời cạo tóc cho trưởng già, dạy đắp ba pháp y và học Chánh pháp. Lúc ấy A-nan dạy Tỳ-kheo đó rằng:

— Ông nên nhớ tu hành, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm Thôi dứt, niệm Hơi thở, niệm Thân, niệm Tử. Nên tu hành pháp như thế. Tỳ-kheo hành mười niệm này sẽ được quả báo lớn, được pháp vị cam lồ.

Khi ấy Tỳ-la-tiên tu hành pháp như thế rồi;

ngay ngày ấy mạng chung sanh trong Tứ thiên vương. A-nan liền trà-tỳ thân ông ta, trở về chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên.

Bấy giờ A-nan bạch Thế Tôn:

— Vừa rồi Tỳ-kheo Tỳ-la-tiên đã mạng chung, sẽ sanh về đâu ?

Thế Tôn bảo:

— Nay Tỳ-kheo này mạng chung sanh lên cõi trời Tứ thiên vương.

A-nan bạch Phật:

— Ông ta ở đó mạng chung sẽ sanh về đâu ?

Thế Tôn bảo:

— Ông ta ở đó mạng chung sẽ sanh trời Ba mươi ba, lần lượt sanh Diệm thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên. Từ đó ông ta mạng chung lại sanh trở lại cho đến trời Tứ thiên vương. A-nan ! Tỳ-kheo Tỳ-la-tiên, bảy phen xoay vần trong Trời, Người. Cuối cùng ông ta được thân người xuất gia, học đạo, sẽ dứt mé khổ. Vì sao thế ? Vì ông ta có tín tâm đối với Như Lai. A-nan nên biết ! Cõi Diêm-phù-đề này, Nam Bắc hai vạn một ngàn do-tuần; Đông Tây bảy ngàn do-tuần.

Nếu có người cúng dường người khắp cõi Diêm-phù-đề, phước đó có nhiều không ?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

— Rất nhiều, rất nhiều, bạch Thế Tôn.

Phật bảo A-nan:

— Nếu có chúng sanh chỉ trong một khoảng khắc, không dứt tín tâm tu hành mười niệm này, phước chẳng thể lường, không thể lường được. Như thế, A-nan ! Hãy cầu phương tiện tu hành mười niệm. Như thế A-nan, hãy học điều này !

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta sẽ thuyết pháp cực diệu, ban đầu, ở giữa và rốt sau đều lành, nghĩa lý thâm sâu, đầy đủ để tu Phạm hạnh. Kinh này gọi là “Pháp sạch các lậu”. Các Thầy khéo suy nghĩ đó.

Tỳ-kheo đáp:

— Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

— Tại sao gọi là “pháp sạch các lậu” ? Hoặc có hữu lậu duyên kiến mà được đoạn, hoặc có hữu lậu nhờ thân cận được đoạn, hoặc có hữu lậu do xa lìa được đoạn, hoặc có hữu lậu do vui thích được đoạn, hoặc có hữu lậu do oai nghi được đoạn, hoặc có hữu lậu do tư duy được đoạn.

Thế nào là hữu lậu do kiến được đoạn ? Ở đây, người phạm phu chẳng gặp Thánh nhân, không thuận theo pháp Như Lai, chẳng thể ủng hộ pháp Hiền Thánh, chẳng gần gũi Thiện tri thức, chẳng phụng sự Thiện tri thức. Họ nghe pháp điều đáng suy nghĩ cũng không phân biệt được; điều không nên suy nghĩ thì lại suy nghĩ; dục lậu chưa sanh liên sanh, dục lậu đã sanh liên tăng thêm nhiều; hữu lậu chưa sanh liên sanh, hữu lậu đã sanh liên tăng thêm nhiều; vô minh lậu chưa sanh liên sanh, vô minh lậu đã sanh liên tăng thêm nhiều. Đây là pháp chẳng nên tư duy mà lại tư duy.

Thế nào là pháp đáng tư duy mà không chịu tư duy pháp này ? Pháp nên tư duy là dục lậu chưa sanh, khiến cho chẳng sanh, dục lậu đã sanh thì tiêu diệt đi; hữu lậu chưa sanh khiến cho chẳng sanh, hữu lậu đã sanh thì tiêu diệt đi; vô minh lậu chưa sanh khiến cho chẳng sanh, vô minh lậu đã

sanh thì tiêu diệt đi. Đó là pháp đáng nên tư duy mà không tư duy; pháp không nên tư duy thì tư duy, pháp nên tư duy lại không chịu tư duy; dục lậu chưa sanh liền sanh, dục lậu đã sanh tăng thêm; hữu lậu chưa sanh liền sanh, hữu lậu đã sanh liền tăng thêm; vô minh lậu chưa sanh liền sanh, vô minh lậu đã sanh liền tăng thêm.

Người ấy suy nghĩ thế này: “Thế nào là có quá khứ lâu xa ? Nay ta phải có quá khứ lâu xa”.

Người ấy lại suy nghĩ: “Không có quá khứ lâu xa. Thế nào mà có quá khứ lâu xa ? Thế nào lại có tương lai lâu xa ? Nay ta sẽ có tương lai lâu xa. Hay lại nói không có tương lai lâu xa ? Thế nào sẽ có tương lai lâu xa ? Ai có tương lai lâu xa ? Thế nào ở đây có chúng sanh từ lâu xa ? Chúng sanh lâu xa này từ đâu mà đến, từ đây mạng chung sẽ đi về đâu ?”

Người ấy khởi ý nghĩ chẳng lành này, liền nổi lên sáu kiến chấp lần lượt sanh tư tưởng tà vạy: Có ngã kiến, xét rõ có kiến này; không có ngã kiến xét rõ khởi lên cái kiến này; có ngã kiến, không ngã kiến, trong đó khởi xét rõ sanh kiến; lại tự quán thân rồi khởi kiến chấp; ở nơi mình mà không thấy mình, lại khởi cái chấp này; ở chỗ vô ngã mà không thấy vô ngã, trong đó khởi kiến chấp. Khi ấy người kia sanh tà kiến này: “Ngã đời này cũng là ngã đời

sau, thường còn ở đời không có hư hoại, cũng không biến đổi, cũng chẳng di động”. Đó gọi là nhóm tà kiến. Tà kiến khổ hoạn, ưu bi, khổ não, đều do đây sinh không thể trị liệu, cũng bỏ không được, bèn tăng thêm gốc khổ. Do đó không phải là hạnh của Sa-môn, đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo đệ tử bậc Hiền Thánh tu hành pháp này không mất thứ tự, khéo hay ủng hộ và ủng hộ cho Thiện tri thức. Người ấy có thể phân biệt, pháp chẳng thể tư duy cũng có thể biết; pháp nên tư duy cũng có thể biết; pháp không nên tư duy, người ấy cũng chẳng tư duy; pháp nên tư duy thì tư duy.

Thế nào là pháp chẳng nên tư duy thì chẳng tư duy ? Đối với các pháp dục lậu chưa sanh mà sanh, dục lậu đã sanh liên tăng thêm; hữu lậu chưa sanh liên sanh, hữu lậu đã sanh liên tăng thêm; vô minh lậu chưa sanh liên sanh, vô minh lậu đã sanh liên tăng thêm. Đó là pháp không nên tư duy.

Những pháp nào nên tư duy thì tư duy ? Đối với các pháp dục lậu chưa sanh liên chẳng sanh, dục lậu đã sanh liên tiêu diệt; hữu lậu chưa sanh liên chẳng sanh, hữu lậu đã sanh liên tiêu diệt; vô minh lậu chưa sanh liên chẳng sanh, vô minh lậu đã sanh liên tiêu diệt. Đây là pháp đáng nên tư duy,

điều chẳng nên tư duy người ấy không tư duy. Điều nên tư duy liền tư duy. Người ấy tư duy như thế liền diệt được ba pháp. Thế nào là ba ? Thân tà giới, trộm, nghi. Nếu không thấy biết thì tăng thêm hạnh hữu lậu. Nếu người thấy, nghe, nhớ, biết thì chẳng tăng thêm hạnh hữu lậu. Đã biết, đã thấy thì hữu lậu chẳng sanh. Đây là lậu do kiến mà đoạn được.

Thế nào là lậu nhờ cung kính mà đoạn ? Ở đây, Tỳ-kheo ! Kham nhẫn đói lạnh, chịu khổ gió mưa, muỗi mòng, lời ác nhục mạ, thân sanh đau đớn, rất là phiền phức, mạng sắp muốn dứt mà có thể nhẫn được. Nếu không dứt được liền khởi khổ não, nếu người có thể kham nhẫn được, như thế chẳng sanh. Đó là lậu do cung kính được đoạn.

Thế nào là lậu do thân cận được đoạn ? Ở đây, Tỳ-kheo ! Giữ tâm thọ nhận y, không đòi trang sức, chỉ muốn giữ gìn thân thể, muốn trừ lạnh nóng; muốn mưa gió không chạm vào thân. Lại che thân thể không lộ ra ngoài. Lại giữ tâm theo thời khát thực, không khởi tâm tham nhiễm, chỉ muốn gìn giữ thân thể, cho bệnh cũ được lành, bệnh mới chẳng sanh; giữ gìn các hạnh không xúc phạm, được an ổn lâu dài mà tu Phạm hạnh được lâu bền ở đời. Lại giữ gìn tâm ý, gần gũi sàng tọa, cũng

không đắm nhiễm phục sức vinh hoa; chỉ muốn trừ đói lạnh, gió mưa, muỗi mòng, che chở thân thể để hành đạo pháp. Lại giữ gìn tâm, găn gủi thuốc men, chẳng sanh tâm nhiễm đắm, đối với thuốc men chỉ muốn bệnh tật được lành, thân thể được an ổn. Nếu không thân cận thì sanh hoạn hữu lậu, nếu thân cận thì không sanh hoạn hữu lậu. Đó là lậu do thân cận được đoạn.

Thế nào là hữu lậu do xa lìa được đoạn ? Ở đây, Tỳ-kheo ! Trừ khủ loạn tướng, xem nó như voi ác, lạc đà, trâu ngựa, cạp beo, chó, rắn độc, hãm sâu bờ hiểm, gai góc, sườn dốc, bùn sinh, thày đều xa lìa chúng, chó theo phụng thờ Ác tri thức, cũng không găn gủi người ác, hay nghiêng ngả ở trong lòng chó bỏ qua. Nếu không ủng hộ thì sanh hữu lậu, nếu ủng hộ thì không sanh hữu lậu. Đó là hữu lậu do xa lìa mà đoạn.

Thế nào là hữu lậu do vui thích được đoạn ? Ở đây, Tỳ-kheo ! Sanh dục tướng mà chẳng xa lìa, nếu khởi sân giận cũng chẳng xa lìa, nếu lại khởi tương đối kỵ cũng chẳng xa lìa. Nếu không xa lìa thì sanh hữu lậu, người có thể xa lìa thì có thể chẳng khởi hữu lậu. Đó là hữu lậu do vui thích được đoạn.

Thế nào hữu lậu do oai nghi mà đoạn ? Ở đây, Tỳ-kheo ! Nếu mắt thấy sắc không khởi sắc tướng,

cũng không khởi tâm nhiễm ô, đầy đủ nhãn căn, cũng không thiếu sót mà hộ nhãn căn. Nếu tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp, đều không khởi tâm nhiễm ô, cũng không khởi tưởng chấp trước mà gìn giữ ý căn. Nếu không nhiếp hộ oai nghi thì sanh hữu lậu, nếu nhiếp hộ oai nghi thì không có hoạn hữu lậu. Đó là hữu lậu do oai nghi được đoạn.

Những hữu lậu nào do tư duy được đoạn ? Ở đây Tỳ-kheo ! Tu niệm giác ý, y vô dục, y không nhiễm ô, y diệt tận mà cầu xuất yếu; tu trạch pháp giác ý, tinh tấn giác ý, hỷ giác ý, y giác ý, định giác ý, hộ giác ý, y vô dục, y không nhiễm ô, y diệt tận mà cầu xuất yếu. Nếu không tu điều này thì sanh hoạn hữu lậu, nếu người hay tu thì không sanh hoạn hữu lậu. Đó là hữu lậu do tư duy mà đoạn.

Này Tỳ-kheo ! Nếu ở trong Tỳ-kheo có các hữu lậu, người do kiến đoạn được thì hãy dùng kiến đoạn, người do cung kính đoạn hãy dùng cung kính đoạn, người do thân cận đoạn hãy dùng thân cận đoạn, người do xa lìa đoạn hãy dùng xa lìa đoạn, người do oai nghi đoạn hãy dùng oai nghi đoạn, người do tư duy đoạn hãy dùng tư duy đoạn. Này Tỳ-kheo ! Đó là đầy đủ tất cả oai nghi có thể đoạn

kiết sử, bỏ được ái dục qua được bốn dòng, dần dần vượt khỏi khổ.

Này Tỳ-kheo ! Đó là pháp trừ hữu lậu. Chư Phật, Thế Tôn thường thi hành niệm từ với tất cả loài hữu tình, nay Ta đã thi hành. Các Thầy nên ưa thích chỗ vắng vẻ, dưới gốc cây, chuyên cần tinh tấn chớ có giải đãi; nếu nay không chuyên cần sau hối vô ích. Đây là lời dạy của Ta.

Bấy giờ, Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*
* *

XXXX. PHẨM THẤT NHẬT (2)

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở bên bờ sông A-du-xà cùng với năm trăm chúng đại Tỳ-kheo.

Khi ấy Đại Quân-đầu đang ở chỗ nhàn vắng nghĩ rằng: “Có nghĩa này hằng thêm công đức hay không có lý này ?”

Quân-đầu liền đứng dậy đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Bấy giờ Quân-đầu bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn ! Vừa rồi con ở chỗ vắng vẻ có nghĩ: “Có lý làm các việc được thêm công đức hay không ?”. Nay con hỏi Thế tôn, cúi mong thuyết cho.

Thế Tôn bảo:

— Có thể được tăng thêm công đức.

Quân-đầu bạch Phật:

— Được tăng thêm công đức thế nào ?

Thế Tôn bảo:

— Tăng thêm có bảy việc, phước ấy không thể cân lường, cũng không ai có thể tính toán được. Thế nào là bảy ? Ở đây, con nhà vọng tộc trai hoặc gái, chưa từng cất già lam cho Tăng, liền lập già-lam. Phước này không thể kể.

Lại nữa, Quân-đầu ! Nếu thiện nam, thiện nữ, có thể đem giường tòa thí cho tăng-già-lam và cho Tỳ-kheo Tăng. Nay Quân-đầu ! Đó là phước thứ hai không thể tính kể.

Lại nữa, Quân-đầu ! Nếu thiện nam, thiện nữ dùng thức ăn bố thí Tỳ-kheo Tăng. Nay Quân-đầu ! Đó là phước thứ ba không thể tính kể.

Lại nữa, Quân-đầu ! Nếu thiện nam, thiện nữ cấp áo che mưa cho Tỳ-kheo Tăng. Nay Quân-đầu ! Đó là phước thứ tư, không thể tính kể.

Lại nữa, Quân-đầu ! Nếu trai gái nhà vọng tộc đem thuốc men cho Tỳ-kheo Tăng. Nay Quân-đầu ! Đó là phước thứ năm không thể tính kể.

Lại nữa, Quân-đầu ! Nếu thiện nam, thiện nữ

ở đồng trống làm giếng tốt. Nay Quân-đầu ! Đó là phước thứ sáu không thể tính kể.

Lại nữa, Quân-đầu ! Thiện nam, thiện nữ làm nhà gần đường cho người sê, đi qua có chỗ trú ngụ. Đó là phước thứ bảy không thể tính kể.

Đây là, này Quân-đầu ! Pháp bảy công đức, phước không lường được. Hoặc đi hoặc ngồi, cho dù mạng chung, phước cũng theo sau như bóng theo hình, đức này không thể tính kể mà bảo rằng có bao nhiêu phước. Cũng như nước biển lớn không thể dùng thăng đấu đo lường rồi bảo có bao nhiêu nước; bảy công đức này cũng lại như thế, phước không có hạn lượng.

Thế nên Quân-đầu ! Thiện nam, thiện nữ hãy cầu phương tiện hoàn thành bảy công đức. Như thế Quân-đầu, hãy học điều này !

Bấy giờ, Quân-đầu nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy hãy tu hành về tướng chết, tư duy tướng chết.

Khi ấy có Tỳ-kheo Thượng tọa bạch Thế Tôn:

— Con thường tu hành tư duy tưởng chết.

Thế tôn bảo:

— Thấy tư duy tu hành tưởng chết thế nào ?

Tỳ-kheo bạch Phật:

— Con tư duy tưởng chết rằng: “Chỉ còn sống bảy ngày nữa, nên tư duy thất giác ý, ở trong pháp Như Lai có nhiều lợi ích, sau khi chết không hối hận” Bạch Thế Tôn, con tư duy tưởng chết như thế.

Thế Tôn bảo:

— Thôi, thôi, Tỳ-kheo ! Đây chẳng phải tu hành về tưởng chết. Đây gọi là pháp phóng dật.

Lại có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Con có thể kham nhận tu hành tưởng chết.

Thế Tôn bảo:

— Thấy tu hành tư duy tưởng chết thế nào ?

Tỳ-kheo bạch Phật:

— Nay con nghĩ rằng: “Ý muốn còn có sáu ngày, suy nghĩ Chánh pháp Như Lai rồi sẽ chết. Điều này có ích”. Con tư duy tưởng chết như thế.

Thế Tôn bảo:

— Thôi, thôi, Tỳ-kheo ! Thầy cũng theo pháp phóng dật, chẳng phải là tư duy tưởng chết.

Thế Tôn bảo:

— Thôi, thôi, Tỳ-kheo ! Thầy cũng theo pháp phóng dật, chẳng phải là tư duy tưởng chết.

Lại có Tỳ-kheo bạch Phật: “Muốn còn năm ngày, hoặc bốn ngày, hoặc ba ngày, hai ngày, một ngày”.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Thôi, thôi, Tỳ-kheo ! Đây cũng là pháp phóng dật, chẳng phải là tư duy tưởng chết.

Khi ấy lại có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

— Con có thể kham nhẫn tu hành tưởng chết như vậy: Con đến giờ đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, xong lại ra khỏi thành Xá-vệ trở về chỗ mình. Về trong thất vắng, con tư duy thất giác ý rồi mạng chung. Đây là tư duy tưởng chết.

Thế Tôn bảo:

— Thôi, thôi, Tỳ-kheo ! Đây cũng chẳng phải tư duy tu hành tưởng chết. Lời nói của các Thầy đều là hạnh phóng dật, chẳng phải là pháp tu hành tưởng chết.

Lúc đó Thế Tôn lại bảo Tỳ-kheo:

— Người có thể làm được như Tỳ-kheo Bà-ca-lợi. Đây gọi là tư duy tưởng chết. Tỳ-kheo ấy khéo hay tư duy tưởng chết, chán ghét thân này là nhờ nhóp bất tịnh. Nếu Tỳ-kheo tư duy tưởng chết, buộc ý ở trước, tâm không di động, nhớ số hơi thở ra vào, qua lại, trong đó tư duy thất giác ý, thì ở trong pháp Như Lai được nhiều lợi ích. Vì sao thế ? Tất cả các hạnh đều không, đều tịch; khởi và diệt đều là huyễn hóa, không chân thật. Thế nên Tỳ-kheo ! Nên ở trong hơi thở ra vào mà tư duy tưởng chết thì sẽ thoát sanh, già, bệnh, chết, sầu lo khổ não. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học như vậy !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc ra lệnh cho quần thần: “Mau sửa soạn xe vũ bảo. Ta muốn đến chỗ Thế Tôn, lễ bái thăm hỏi”.

Rồi Đại vương ra khỏi thành đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Khi ấy Như Lai đang thuyết pháp cho vô số chúng vây quanh.

Lúc này có bảy Ni-kiên Tử, lại có bảy người

lỏa hình, lại có bảy hắc Phạm chí, lại có bảy Bà-la-môn hỏa hình, đi qua cách Thế Tôn không xa. Khi ấy, vua Ba-tu-nặc thấy những người này đi qua chỗ Thế Tôn không xa, liền bạch Phật:

— Con xem những người này đi qua không dừng lại, đều là người thiếu đức trị túc không có gia nghiệp. Nay ở thế gian, những người này là thượng thủ nhất trong hàng A-la-hán. Vì sao thế ? Họ ở trong mọi người mà rất là khổ hạnh, không tham lợi dưỡng.

Thế Tôn bảo:

— Đại vương ! Ông trọn chưa biết chân nhân La-hán, chẳng do lộ bày hình thể mà gọi là A-la-hán. Đại vương nên biết ! Đây đều không phải hạnh chân thật. Nên nhớ quán sát lâu dài cho chính đáng; rồi lại nên quán đáng thân biết thân, đáng gần biết gần. Vì sao thế ? Thời quá khứ lâu xa có bảy Phạm chí cùng học một nơi, tuổi đã già yếu, lấy cô làm y phục, ăn quả hạt của cô, khời các tà kiến, mỗi người nghĩ: “Chúng ta tu pháp khổ hạnh này để sau làm đại Quốc vương, hoặc cầu làm Thích Phạm Tử thiên vương”.

Bấy giờ có Thiên sư A-tu-đà là tổ phụ của các Bà-la-môn, biết tâm niệm các Phạm chí kia, liền từ trời Phạm thiên hiện xuống chỗ bảy Bà-la-môn. Khi

ấy Thiên sư A-tư-đà bỏ phục sức của Trời, hiện hình Bà-la-môn đi kinh hành ngoài trời, bấy Phạm chí xa thấy A-tư-đà kinh hành ai nấy nổi giận mà nói:

— Đây là hạng người đắm trước dục lạc nào mà lại đi trước những người Phạm hạnh chúng ta ? Nay ta sẽ chú cho nó tiêu thành tro.

Rồi bấy Phạm chí lấy tay bụm nước rảy Phạm chí kia chú rằng:

— Nay Ông mau thành tro đất.

Nhưng Bà-la-môn càng ôm sân giận, thì nhan sắc Thiên sư càng thêm đoan chánh. Tại sao thế ? Vì lòng từ có thể diệt sân.

Bấy giờ bấy Phạm chí liền nghĩ: “Chúng ta chẳng phải cấm giới sắp thôi chuyển sao ? Chúng ta ngay khi khỏi sân hận, người kia liền được đoan chánh”.

Khi ấy bấy Phạm chí liền nói kệ này với Thiên sư:

*Là Trời, Càn-thát-bà,
Hay La-sát Quỷ thần,
Lúc này gọi là gì ?
Chúng tôi muốn được biết.*

Khi ấy Thiên sư A-tư-đà liền đáp kệ:

Không phải Càn-thát-bà,

*Không Quý thân, La-sát,
Thiên sư A-tư-đà,
Nay chính là thân ta.*

Nay ta biết tâm các Ông nghĩ gì nên từ trời Phạm thiên xuống đây. Phạm thiên cách đây thật là xa xôi; thân Trời Đế Thích cũng lại như thế, Chuyển luân Thánh vương cũng chẳng thể được. Chẳng thể dùng khổ hạnh này mà làm Thích Phạm Tứ thiên vương.

Khi ấy Thiên sư A-tư-đà liền nói kệ:

*Bao nhiêu niệm trong tâm,
Áo ngoài thì thô xấu,
Nếu cần tu chánh kiến,
Xa lìa hẳn đường ác.
Tâm giới hành thanh tịnh,
Miệng hành cũng như thế,
Xa lìa các ác niệm,
Ắt sẽ sanh lên trời.*

Lúc ấy bây Phạm chí thừa Thiên sư:

— “Có đúng là Thiên sư chăng ?”

— “Đúng vậy. Nhưng này Phạm chí ! Không phải do lỏa hình mà được sanh lên trời, chưa chắc tu khổ hạnh này được sanh cõi Phạm thiên, lại chẳng

phải lộ bày thân thể, làm bao nhiêu khổ hạnh mà được sanh cõi ấy. Ai có thể nhiếp tâm ý khiến không di động liền sanh lên trời, chứ không thể do chỗ tu tập của các Ông mà được sanh chỗ ấy”.

Đại vương ! Quán sát nghĩa ngày thì chẳng phải do lỏa hình mà gọi là A-la-hán. Người phạm phu muốn biết được bậc chân nhân, việc này chẳng đúng. Nhưng chân nhân có thể phân biệt được chỗ tu tập hạnh của phạm phu. Lại nữa, người phạm phu không thể biết hạnh của phạm phu. Bậc chân nhân thì có thể biết hạnh của phạm phu. Nếu Đại vương muốn biết họ, phải nên tìm phương tiện biết từ lâu xa đến nay, chứ chẳng phải ngay bây giờ mà dùng để quán xét họ. Đúng vậy, Đại vương, nên dùng phương tiện mà học điều này.

Bấy giờ vua Ba-tu-nặc bạch Thế Tôn:

— Như Lai thuyết rất hay ! Chẳng phải người đời có thể hiểu rõ. Việc nước bề bộn, con muốn trở về.

Phật bảo vua:

— Đã đúng lúc, Đại vương !

Vua liền từ chỗ ngồi đứng lên cúi lạy Thế Tôn rồi lui đi.

Khi ấy vua Ba-tu-nặc nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật tại nước Thích-sí Ca-tỳ-la-vệ, trong vườn Ni-câu-lũ cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ, Thế Tôn thọ thực xong, từ vườn Ni-câu-lũ đến làng Tỳ-la-da-trĩ ngồi dưới một gốc cây. Khi ấy Cháp Trọng họ Thích ra khỏi Ca-tỳ-la-vệ đến chỗ Thế Tôn, đứng trước mặt im lặng. Rồi ông ta hỏi Thế Tôn:

— Sa-môn dạy những gì ? Luận những gì ?

Thế Tôn bảo:

— Phạm chí nên biết ! Điều luận của Ta không phải chỗ Trời, Rồng, Quỷ Thần có thể bì kịp. Cũng chẳng phải dính mắc vào đời, lại chẳng phải trụ ở đời. Điều luận của Ta chính như thế đó.

Khi ấy Cháp Trọng họ Thích cúi đầu than thở rồi lui đi. Như Lai liền từ chỗ ngồi đứng lên, trở về chỗ ở. Lúc đó Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Vừa rồi Ta ngồi trong vườn kia có Cháp Trọng họ Thích đến hỏi Ta rằng: “Sa-môn có những luận gì ?”. Ta đáp: “Điều luận của Ta, Trời Người chẳng thể bì kịp; chẳng phải dính mắc vào đời, cũng chẳng phải trụ ở đời. Điều luận của Ta

chính là vậy". Khi ấy Chấp Trưởng họ Thích nghe lời này rồi liền lui đi.

Khi ấy có một Tỳ-kheo bạch Tỳ-kheo:

— Thế nào là không dính mắc vào đời, cũng không trụ ở đời ?

Thế Tôn bảo:

— Như điều Ta luận đều không dính mắc vào đời, như nay đối với dục được giải thoát, dứt hết các hồ nghi của họ Thích, không có các tướng. Điều luận của Ta chính là đây.

Như Lai nói thế xong, đứng lên vào thất. Lúc đó các Tỳ-kheo bảo nhau:

— Vừa rồi Thế Tôn nói sơ lược nghĩa của luận kia. Ai có thể kham nhậm nói rộng nghĩa này chăng ?

Các Tỳ-kheo tự nói với nhau:

— Thế Tôn thường khen ngợi Tôn giả Đại Ca-chiên-diên. Nay chỉ có Ca-chiên-diên có thể thuyết nghĩa này.

Khi ấy các Tỳ-kheo nói với Ca-chiên-diên:

— Vừa rồi Thế Tôn nói lược nghĩa này, cúi mong Tôn giả hãy giảng thuyết rộng rãi nghĩa này, phân biệt từng việc cho mọi người được hiểu.

Ca-chiên-diên đáp:

— Ví như ở làng xóm có người ra khỏi làng muốn tìm vật chân thật. Người ấy nếu gặp cây to liền đồn chặt, lấy cành lá, bỏ cây mà đi. Nay các Thầy cũng như thế, bỏ Như Lai rồi đi theo cành mà tìm thực. Nhưng Như Lai xem thấy khắp tất cả, chiếu sáng thế gian, là vị dẫn đường của Trời, Người. Như Lai là vị Chân chủ của pháp, các Thầy cũng sẽ có thời tiết, tự nhiên sẽ gặp lúc Như Lai nói nghĩa này.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Như Lai tuy là Chân chủ của pháp giảng rộng nghĩa này. Nhưng Tôn giả được Như Lai thọ ký đủ sức thuyết rộng nghĩa này.

Ca-chiên-diên đáp:

— Các Thầy lắng nghe, khéo suy nghĩ đó, tôi sẽ diễn thuyết phân biệt nghĩa này.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Rất tốt !

Khi ấy các Tỳ-kheo vâng lời rồi, Ca-chiên-diên bảo:

— Nay Như Lai nói: “Điều luận của Ta, chẳng phải Trời, Rồng, Quỷ thần có thể theo kịp. Cũng chẳng phải dính mắc vào đời, cũng chẳng phải trụ

ở đời. Ta đối với đó được giải thoát, đoạn các hồ nghi, không còn do dự nữa. Như nay chúng sanh ưa thích tranh tụng, khởi các loạn tương”. Như Lai lại nói: “Ta chẳng ở đó khởi tâm nhiễm trước”. Đây là tham dục sử, sân nhuế, tà kiến, dục thế gian sử, kiêu mạn sử, nghi sử, vô minh sử, hoặc gặp sự báo ứng đao gậy đau khổ, tranh tụng với người, khởi bao nhiêu hạnh bất thiện, khởi các loạn tương, hưng hạnh bất thiện. Nếu mắt thấy sắc mà khởi thức tương, ba việc làm nhân cho nhau mà có. Xúc đã có xúc liền có thọ, đã có thọ liền có sở giác, đã giác liền có tương, đã có tương liền cân lường nó, khởi bao nhiêu niệm tương, chấp trước. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân lại xúc chạm, ý biết pháp mà khởi thức tương, ba việc làm nhân cho nhau mà có xúc, đã có xúc liền có thọ, đã có thọ liền có giác, đã có giác liền có tương, đã có tương liền cân lường chúng, rồi ở trong đó khởi bao nhiêu thứ niệm tương chấp trước. Đây là tham dục sử, sân nhuế sử, tà kiến sử, kiêu mạn sử, dục thế gian sử, si sử, nghi sử, tất cả đều khởi lên sự nguy biến của đao gậy, và bao nhiêu tai biến khác, chẳng thể tính kể. Nếu có người nói rằng: “Cũng không có mắt, cũng không có sắc, mà có xúc”, việc này không đúng. Nếu lại có người nói: “Không xúc mà có thọ”, đây cũng không đúng. Nếu nói: “Không thọ mà có

tương dính mắc”, việc này không đúng. Nếu có người nói: “Không tai, không tiếng; không mũi, không mùi; không lưỡi, không vị; không thân, không xúc chạm; không ý, không pháp, mà nói có thức”, trọn không có lý này. Nếu nói không thức mà có xúc, việc này chẳng đúng. Nếu không xúc mà nói có thọ, việc này không đúng. Nếu nói không thọ mà có tương chấp trước, việc này không đúng.

Nếu lại có người nói có mắt có sắc, trong đó khô thức; điều này đúng. Nếu nói tai và tiếng, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc chạm, ý và pháp, ở trong đó khô thức; việc này ắt đúng.

Chư Hiền nên biết, do nhân duyên này, đức Thế Tôn mới nói rằng: “Điều luận của Ta, Trời và Người, Ma hay Thiên ma không thể tới kịp, cũng chẳng dính mắc vào đời, cũng chẳng trụ ở đời. Nhưng Ta ở nơi dục mà được giải thoát, dứt hồ nghi, không còn do dự”. Thế Tôn nhân nơi đây thuyết sơ nghĩa này.

Các Thầy nếu tâm không hiểu thì hãy đến chỗ Như Lai hỏi lại nghĩa này. Nếu Như Lai có nói gì, nên nhớ phụng trì.

Khi ấy, những Tỷ-kheo nghe Ca-chiên-diên nói, chẳng nói “hay” cũng chẳng nói “không phải”, đứng lên mà đi, tự bảo nhau rằng: “Chúng ta nên

đem nghĩa này đến hỏi Như Lai, nếu Thế Tôn có nói gì chúng ta sẽ vâng làm”.

Rồi những Tỳ-kheo ấy đến chỗ Thế Tôn cúi lạy chân Phật, ngồi xuống một bên. Bấy giờ các Tỳ-kheo đem việc này bạch Thế Tôn đầy đủ. Khi ấy Như Lai bảo Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo Ca-chiên-diên thông minh biện tài, đã thuyết rộng nghĩa này. Nếu các Thầy đến chỗ Ta hỏi nghĩa này, Ta cũng nói với các Thầy như thế.

Khi ấy Tôn giả A-nan ở sau lưng Như Lai. A-nan bạch Phật:

— Kinh này nghĩa lý rất sâu xa. Ví như có người đi đường gặp được cam lô, lấy mà ăn, rất thơm ngon, ăn không biết chán. Đây cũng như thế, thiện nam, thiện nữ đến nơi nghe pháp này không biết chán.

Và Tôn giả A-nan lại bạch Thế Tôn:

— Kinh này tên là gì, phải làm sao vâng làm ?

Phật bảo A-nan:

— Kinh này tên là “Cam lô pháp vị” hãy nhớ phụng hành.

Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỉ vâng làm.

XXXXI. PHẨM MẠC ÚY

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở trong vườn Ni-câu-lũ, nước Thích-sí Ca-tỳ-la-vệ.

Khi ấy Thích Ma-ha-nam đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy chân Phật rồi ngồi một bên. Thích Ma-ha-nam bạch Thế Tôn:

— Con theo Như Lai được dạy rằng: “Nếu có thiện nam, thiện nữ đoạn được ba kiết sử, được quả Tu-đà-hoàn, gọi là bất thối chuyển, chắc chắn sẽ thành đạo quả, chẳng tìm cầu các ngoại đạo dị học nữa, cũng không cần quán sát người khác nói nữa”. Nếu phải như vậy thì việc này không đúng. Còn nếu gặp trâu, ngựa, lạc đà hung dữ thì khiếp sợ, lông tóc dựng đứng. Rồi con nghĩ rằng: “Nếu hôm

nay ta ôm lòng khiếp sợ này mà mạng chung thì không biết sanh về đâu ?”.

Thế Tôn bảo Ma-ha-nam:

— Chớ khởi tâm sợ hãi. Nếu Thầy có mạng chung cũng không dọa vào ba đường ác. Vì sao thế ? Nay có ba nghĩa tiêu diệt. Thế nào là ba ? Như có đấm trước dấm dục thì khởi loạn tướng, rồi khởi tâm hại đối với người khác, nếu không có dục này thì không khởi tâm sát hại, trong hiện tại không khởi khổ não. Các pháp ác, bất thiện thì tự hại mình, nếu không có điều này thì không có nhiều loạn, không có sầu lo. Nay Ma-ha-nam, đó là ba nghĩa của các pháp ác, bất thiện khiến phải dọa xuống, còn các pháp thiện thì ở trên. Cũng như bình bơ (tô) ở trong nước bị bể, khi ấy ngôi đá thì chìm xuống dưới, còn bơ thì nổi ở trên. Đây cũng như thế, các pháp ác bất thiện thì chìm xuống, các pháp thiện thì nổi ở trên.

Này Ma-ha-nam, ngày xưa lúc Ta chưa thành Phật đạo, sáu năm cần khổ ở Ưu-lưu-tỳ, chẳng ăn thức thơm ngon, thân thể gầy ốm như người trăm tuổi, đều vì không ăn. Nếu lúc Ta muốn đứng lên, liền té xuống đất. Khi ấy Ta nghĩ rằng: “Nếu Ta ở đây mà mạng chung, sẽ sanh về đâu ?”. Ta lại nghĩ:

“Nay Ta mạng chung chắc chắn chẳng sanh trong đường ác. Nhưng nghĩa thú chẳng thể đi từ vui đến vui, mà phải do khổ mà sau đến chỗ vui. Bấy giờ Ta lại đạo trong hang Tiên nhân, có nhiều Ni-kiên Tử đang học đạo ở đó. Khi đó Ni-kiên Tử giơ tay chỉ mặt trời, phơi thân học đạo, hoặc có người ngồi xồm mà học đạo. Khi ấy Ta đến đó bảo Ni-kiên Tử:

— “Các Ông vì sao lại rời tòa ngồi giơ tay, kiễng chân thế ?”

Ni-kiên Tử ấy nói:

— “Cô-đàm nên biết ! Ngày xưa Tiên sư của tôi làm hạnh bất thiện, nay sợ dĩ tôi khổ như thế là muốn diệt hết tội kia. Nay tuy bày hình thế có phần hổ thẹn, nhưng cũng tiêu diệt được việc này. Cù-đàm ! Ngài nên biết hành tận thì khổ cũng tận, khổ tận thì hành cũng tận. Khổ và hành đã tận thì đến Niết-bàn”.

Lúc ấy, Ta lại bảo Ni-kiên Tử:

— “Việc này không đúng. Chẳng phải do hành tận mà khổ cũng tận; cũng chẳng do khổ tận mà hành cũng tận rồi đến được Niết-bàn. Nay nếu khổ hành tận đến Niết-bàn thì việc này đúng. Nhưng không thể từ vui đến vui”.

Ni-kiên Tử nói:

— “Vua Tân-bà-sa-la đi từ vui đến vui, có khổ gì đâu ?”

Khi ấy, Ta lại bảo Ni-kiên Tử:

— “Vua Tân-bà-sa-la vui đâu bằng cái vui của Ta !”

Ni-kiên Tử đáp:

— “Cái vui của Tân-bà-sa-la hơn cái vui của Ngài”.

Ta lại bảo Ni-kiên Tử:

— “Vua Tân-bà-sa-la có thể khiến Ta ngồi kiết-già bảy ngày bảy đêm không nhúc nhích chăng ? Cho dù sáu, năm, bốn, ba, hai cho đến một ngày ngồi kiết-già được chăng ?”

Ni-kiên Tử đáp:

— “Không được, Cù-đàm”.

Ta bảo:

— “Ta có thể đủ sức ngồi kiết-già, thân không lay động. Thế nào, Ni-kiên Tử, vua Tân-bà-sa-la vui hay Ta vui ?”

Ni-kiên Tử nói:

— “Sa-môn Cù-đàm vui”.

Đúng thế, Ma-ha-nam ! Nên dùng phương tiện

này để biết không thể từ vui đến vui mà phải từ khổ đến vui. Nay Ma-ha-nam ! Ví như một làng lớn, hai bên có ao nước to đầy nước, ngang dọc một do-tuần. Có người đến đó lấy một giọt nước. Thế nào, Ma-ha-nam ? Nước ở chỗ nào nhiều ? Nước của một giọt nhiều hay nước của ao nhiều ?

Ma-ha-nam nói:

— Nước ao nhiều chứ không phải nước một giọt nhiều.

Thế Tôn bảo:

— Đây cũng như thế. Đệ tử Hiền Thánh các khổ đã hết, không còn có nữa. Cái còn lại như một giọt nước, như đạo giả thấp nhất trong chúng của Ta, chẳng qua bảy lần chết, bảy lần sống thì hết mé khổ. Nếu lại dững mãi tình tấn thì liên đến bậc Gia-gia (A-na-hàm hướng) rồi chúng.

Bấy giờ Thế Tôn lại thuyết pháp vi diệu cho Ma-ha-nam một lần nữa. Ông ta nghe pháp rồi, đứng lên mà đi.

Khi ấy, Ma-ha-nam nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Tôn giả Na-già-bà-la ở trong thành

Lộc Dã. Khi ấy có một Bà-la-môn già lụ khụ, xưa có quen biết chút ít với Tôn giả Na-già-bà-la, đến chỗ Na-già-bà-la thăm hỏi rồi ngồi một bên.

Bấy giờ Phạm chí bảo Na-già-bà-la:

— Trong các sự vui, nay Ông thật là sung sướng nhất.

Na-già-bà-la nói:

— Ông xem những nghĩa gì mà nói trong các sự vui, tôi sung sướng nhất ?

Bà-la-môn đáp:

— Trong bảy ngày vừa qua, tôi có bảy đứa con trai chết, những đứa này đều dũng mãnh, tài cao, trí tuệ ít người bì kịp, rồi trong sáu ngày gần đây, mười hai người làm cũng bị vô thường, họ rất siêng năng không có lười biếng. Kế đó năm ngày, bốn anh em của tôi chết, họ biết nhiều kỹ thuật, việc gì cũng làm được. Rồi cách bốn ngày, cha mẹ tôi mạng chung, tuổi vừa trăm tuổi bỏ tôi mà qua đời. Cách đây ba ngày, hai vợ tôi lại chết, họ dung mạo đoan chánh, thế gian ít có. Trong nhà tôi lại có tám hầm trân bảo, hôm qua đi tìm mà không biết chỗ. Ngày nay, như tôi gặp chuyện khổ não này không thể tính kể; mà Tôn giả thì hôm nay xa lìa hẳn hoạn nạn đó, không còn sầu lo, chỉ lấy đạo pháp làm vui

thú. Tôi quán nghĩa này rồi mới nói: “Trong các sự vui, Ông là sung sướng nhất”.

Khi ấy Tôn giả Na-già-bà-la bảo Phạm chí kia rằng:

— Tại sao Ông không tìm cách khiến cho bao nhiêu người ấy đừng chết ?

Phạm chí đáp:

— Tôi cũng làm nhiều cách để mong không chết và không mất của tiền, tôi cũng tùy thời bố thí tạo công đức, cầu khẩn chư Thiên, cúng dường các trưởng lão Phạm chí, ủng hộ chư Thần, tụng các chú thuật, cũng hay xem tinh tú, rồi cũng trộn cô thuốc, cũng đem thức ăn uống ngon ngọt cho họ lúc nguy ngập. So như thế mà chẳng thể xứng hợp, chẳng thể cứu được mạng họ.

Khi ấy Tôn giả Na-già-bà-la liền nói kệ:

*Cỏ thuốc, các chú thuật,
Đồ y phục, uống ăn,
Tuy thí mà vô ích,
Còn ôm thân khổ hạnh.
Cho dù tế miếu Thần,
Hương hoa và tắm rửa,
So sánh nguồn gốc này,
Không thể trị liệu được.*

*Giả sử cho các vật,
Tinh tấn trì Phạm hạnh,
So sánh nguồn gốc này,
Không thể trị liệu được.*

Phạm chí bèn hỏi:

— Nên thi hành pháp gì để không bị khổ não này ?

Tôn giả Na-già-bà-la liên nói kệ:

*Gốc ân ái vô minh,
Nổi các hoạn khổ não,
Điều ấy diệt không sót,
Mới không có khổ nữa.*

Phạm chí ấy nghe xong liền nói kệ:

*Tuy già, không già lắm,
Việc làm như đệ tử,
Mong cho con xuất gia,
Để lìa tai nạn này.*

Khi ấy Tôn giả Na-già-bà-la liên truyền ba y cho ông ta xuất gia học đạo, và bảo ông rằng:

— Nay Tỳ-kheo ! Nay Ông nên quán thân này từ đầu đến chân: Tóc, lông, móng, răng này từ đâu đến ? Thân thể da dẻ, xương tủy, ruột bao tử đều từ đâu đến ? Nếu từ đây đi sẽ đi đến đâu ? Thế

nên, Tỳ-kheo ! Chớ lo nghĩ nhiều về thế gian khổ
nảo, hãy nên quán trong một lỗ chân lông này, rồi
tìm phương tiện thành tựu Tứ đế.

Rồi Tôn giả Na-già-bà-la nói kệ:

*Trừ tướng, chớ lo nhiều,
Chẳng lâu được pháp nhãn,
Vô thường hành như điện,
Không gặp may lớn này.
Mỗi mỗi quán chân lông,
Nguồn của sanh và diệt.
Vô thường hành như điện,
Để tâm hướng Niết-bàn.*

Khi ấy trưởng lão Tỳ-kheo ấy nhận lời dạy
như thế ở chỗ vắng vẻ tư duy nghĩa này. Đây là
pháp mà bậc vọng tộc, cạo bỏ râu tóc do lòng tin
kiên cố, xuất gia học đạo, muốn tu Phạm hạnh vô
thượng, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc
phải làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa, như
thật mà biết, và Tỳ-kheo ấy thành A-la-hán. Lúc ấy
có một vị Trời vốn là người quen biết cũ của Tỳ-
kheo ấy, thấy Tỳ-kheo ấy thành A-la-hán, liền đến
chỗ Na-già-bà-la, ở trên không trung nói kệ:

*Đã được giới cụ túc,
Ở chỗ vắng vẻ kia,*

*Đắc đạo, tâm vô trước,
Trừ các nguồn gốc ác.*

Rồi vị Trời ấy lại dùng hoa trời rải lên Tôn giả rồi biến mất.

Bấy giờ, Tỳ-kheo và vị Trời kia nghe Tôn giả Na-già-bà-la nói xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nên quán bảy xứ lành và quán bốn pháp thì ở trong hiện pháp này gọi là thượng nhân. Nay Tỳ-kheo ! Thế nào là quán bảy xứ lành ?

Này Tỳ-kheo ! Ở đây dùng tâm từ trùm khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phía trên dưới cũng lại như thế, đều đem lòng từ rải đầy khắp thế gian. Tâm bi, hỉ, xả, không, vô tướng, vô nguyện cũng lại như thế. Các căn đầy đủ, ăn uống lượng sức mình, hằng tự giác ngộ. Như thế, này Tỳ-kheo ! Hãy quán bảy xứ lành.

Này Tỳ-kheo ! Thế nào là quán sát pháp bốn chỗ ? Ở đây Tỳ-kheo, nội tự quán thân, trừ bỏ sâu lo được thân ý chỉ (niệm xứ), ngoại lại quán thân

thân ý chỉ, nội quán quán thân thân ý chỉ. Nội tự quán thọ thọ ý chỉ, ngoại tự quán thọ thọ ý chỉ, nội ngoại quán thọ thọ ý chỉ. Nội quán tâm tâm ý chỉ, ngoại quán tâm tâm ý chỉ, nội ngoại quán tâm tâm ý chỉ, trừ bỏ sâu lo, không còn khổ hoạn. Nội quán pháp pháp ý chỉ, ngoại quán pháp pháp ý chỉ, nội ngoại quán pháp pháp ý chỉ. Như thế, Tỳ-kheo ! Hãy quán bốn pháp lành. Nay Tỳ-kheo ! Nếu ai có thể quán sát bảy xứ lành và bốn pháp như thế, thì ở trong hiện pháp này là bậc Thượng nhơn. Thế nên, Tỳ-kheo ! Nên tìm phương tiện thành tựu bảy xứ lành và quán bốn pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Thích-sí Ca-tỳ-la-vệ, trong vườn Ni-câu-lũ cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ, nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Những Tỳ-kheo này bạch Thế Tôn:

— Chúng con muốn đến phương Bắc du hóa.

Thế Tôn bảo:

— Nên biết phải thời.

Thế Tôn lại bảo Tỳ-kheo:

— Các Thầy có từ giả Tỳ-kheo Xá-lợi-phất chẳng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Thưa không, bạch Thế Tôn.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy, hãy đến từ giả Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Vì sao thế ? Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thường giáo giới cho các người Phạm hạnh pháp này. Thầy ấy thuyết pháp không biết chán.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo nghe pháp xong đứng lên, cúi lạy Thế Tôn, đi nhiều quanh Phật ba vòng, rồi lui đi.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong đền Thân Thích-sí. Những Tỳ-kheo ấy đến chỗ Xá-lợi-phất thăm hỏi rồi ngồi một bên. Những Tỳ-kheo ấy bạch Xá-lợi-phất:

— Chúng tôi muốn đến phương Bắc du hóa trong nhân gian, nay đã từ giả Thế Tôn rồi.

Xá-lợi-phất nói:

— Các Thầy nên biết nhân dân phương Bắc, Sa-môn, Bà-la-môn thầy đều thông minh, trí tuệ khó sánh kịp, lại có nhân dân ưa đến thi tranh luận. Nếu như họ hỏi các Thầy: “Thầy của chư Hiền có những luận gì?”. Nếu họ hỏi thế, các Thầy định đáp thế nào?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Nếu có người đến hỏi thế, chúng tôi sẽ dùng nghĩa này trả lời: “Sắc là vô thường, mà vô thường tức là khổ, khổ thì vô ngã, vô ngã thì không; do không, vô ngã nên kia không. Như thế, bậc trí giả quán như vậy. Thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường, khổ, không, vô ngã. Kỳ thực không, đó là do vô ngã nên không. Như thế là chỗ người trí học hỏi. Ngũ thọ ấm này thầy đều không tịch, do nhân duyên hòa hợp, đều sẽ trở về hoại diệt, không có lâu bền. Tám chánh đạo và Bảy giác chi; chỗ Thầy tôi nói chính là đây vậy. Nếu các người Sát-lợi, Bà-la-môn đến hỏi nghĩa với chúng tôi, chúng tôi sẽ dùng nghĩa này đáp”.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy hãy giữ vững tâm ý, chớ có hấp tấp.

Rồi Xá-lợi-phất thuyết pháp vi diệu đầy đủ cho

các Tỳ-kheo, và họ đứng lên đi. Khi các Tỳ-kheo ấy đi chưa xa, Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

— Nên hành Tám chánh đạo và pháp Bảy giác chi thế nào ?

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

— Chúng tôi từ xa đến là muốn được nghe nghĩa này. Cúi mong Tôn giả nói cho.

Xá-lợi-phất đáp:

— Các Thầy lắng nghe, lắng nghe ! Khéo suy nghĩ. Nay tôi sẽ nói.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy. Xá-lợi-phất nói:

— Nếu một lòng nhớ chánh kiến là niệm giác ý chẳng loạn; Đăng tri, là một lòng nhớ tất cả pháp là trạch pháp giác ý; Đăng ngữ là thân ý tinh tấn, tức tinh tấn giác ý; Đăng nghiệp, tất cả các pháp được sanh là hỷ giác ý; Đăng mạng, biết đủ với tài sản của Hiền thánh, xả bỏ hết gia tài thân thể an ổn là ý giác ý (khinh an); Đăng phương tiện, được Tứ Đế của Hiền thánh, trừ sạch các kiết sử, là định giác ý; Đăng niệm, quán Tứ ý chỉ (Tứ niệm xứ), thân không bên chắc, đều không, vô ngã là hộ giác ý (xả giác ý); Đăng tam-muội, điều chưa được sẽ được, điều chưa độ sẽ độ, điều không chứng được khiến cho chứng được.

Nếu có người đến hỏi nghĩa này: “Làm thế nào để tu Tám chánh đạo và Bảy giác chi?”. Các Thầy nên đáp như thế. Vì sao? Nếu có Tỳ-kheo tu Tám chánh đạo và Bảy pháp này, thì tâm hữu lậu được giải thoát. Nay tôi lại bảo các Thầy một lần nữa: Nếu có Tỳ-kheo tu hành, tư duy Tám chánh đạo và Bảy pháp, Tỳ-kheo ấy sẽ thành tựu quả thứ hai, không có hồ nghi; sẽ đắc A-na-hàm hoặc A-la-hán. Thôi gác việc này, nếu không được nhiều, thì trong một ngày, người hành Tám chánh đạo và Bảy pháp này cũng được phước không thể tính kể; có thể đắc A-na-hàm hoặc A-la-hán.

Vì thế, chư Hiền! Nên tìm phương tiện tu hành Tám chánh đạo và Bảy pháp này, giữ đạo chớ có hồ nghi.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe lời Xá-lợi-phất dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ca-diếp:

— Nay Thầy tuổi đã già, không còn trai tráng nữa, hãy nên nhận thức ăn uống và y phục của các trưởng giả.

Đại Ca-diếp bạch Phật:

— Con không kham nhận y thực ấy. Nay con mặc áo nạp này tùy thời khát thực, vui sướng vô cùng. Vì sao ? Tương lai sẽ có các Tỳ-kheo, thân thể nhu nhuyễn, tâm tham đắm y thực tốt đẹp rồi thói chuyển việc tham Thiên, lại không chịu khổ. Họ lại sẽ nói rằng: “Các Tỳ-kheo ở thời Phật quá khứ, cũng nhận lời người thỉnh, nhận y thực của người. Vì sao chúng ta không làm theo pháp của Thánh nhân ngày xưa ?”. Vì họ ngồi tham đắm y thực, nên sẽ bỏ pháp phục, làm cư sĩ, khiến các Hiền Thánh không còn oai thần nữa. Bốn bộ chúng dần dần giảm bớt. Thánh chúng đã giảm ít thì chùa chiền của Như Lai sẽ bị hủy hoại. Vì chùa Như Lai đã bị hủy hoại thì kinh pháp sẽ bị thất lạc. Khi ấy chúng sanh không còn tinh quang nữa, đã không có tinh quang thì thọ mạng sẽ ngắn ngủi. Khi ấy, chúng sanh kia mạng chung đều rơi vào ba đường ác. Cũng như ngày nay, chúng sanh vì phước nhiều nên đều sanh lên trời, đời tương lai vì làm tội nhiều sẽ vào địa ngục.

Thế Tôn bảo:

— Lành thay, lành thay ! Ca-diếp có nhiều lợi ích, Thấy làm bạn tốt, làm phước điền cho người đời. Ca-diếp, Thấy nên biết ! Sau khi Ta nhập Niết-bàn

hơn ngàn năm, sẽ có các Tỳ-kheo thói chuyển việc tham Thiền, chẳng hành pháp đầu đà nữa, cũng không khát thực, mặc áo vá, mà tham nhận y thực của trưởng giả thính. Cũng chẳng ở dưới gốc cây, nơi vắng vẻ, ưa thích trang hoàng nhà cửa, cũng không dùng đại tiểu tiện làm thuốc, chỉ đắm trước các dược thảo cực kỳ ngon ngọt, hoặc trong đó tham đắm tài sản, lẫn tiếc nhà cửa, thường cãi vã nhau.

Bấy giờ đàn-việt, thí chủ dốc lòng tin Phật pháp, ưa thích bố thí chẳng tiếc của cải. Khi ấy, đàn-việt thí chủ sau khi mạng chung đều sanh lên trời; còn Tỳ-kheo giải đãi, chết sẽ vào địa ngục. Như thế, này Ca-diếp ! Tất cả các hành thâm đều vô thường, không được bền lâu. Lại nữa, Ca-diếp nên biết ! Đời tương lai, sẽ có Tỳ-kheo cạo bỏ râu tóc mà tập theo gia nghiệp, tay trái bông con trai, tay phải ôm con gái, lại cầm đàn sáo, đi khát thực trên các đường phố. Bấy giờ đàn-việt thí chủ thọ phước vô cùng, huống gì ngày nay có những người chỉ thành khát thực. Như thế, này Ca-diếp ! Tất cả các hành vô thường, không được bền lâu.

Ca-diếp nên biết, đời tương lai hoặc có Sa-môn Tỳ-kheo sẽ bỏ Tám chánh đạo và Bảy pháp như nay Ta đã tu tập pháp bảo ấy trong ba vô số kiếp. Các Tỳ-kheo đời tương lai dùng ca khúc, ở trong chúng

khất thực để tự nuôi sống. Song các đàn-việt thí chủ cúng thức ăn cho các Tỷ-kheo ấy cũng còn được phước, huống gì ngày nay mà không được phước sao ?

Nay Ta đem pháp này trao lại cho Tỷ-kheo Ca-diếp và A-nan. Vì sao ? Nay Ta tuổi đã già đến tám mươi. Như Lai không bao lâu sẽ diệt độ. Nay đem pháp bảo phó chúc hai người, khéo ghi nhớ đọc tụng, giữ gìn đừng cho dứt mất, lưu truyền trong thế gian. Người nào có lỗi làm dứt tuyệt lời dạy của bậc Thánh sẽ bị đọa vào chốn biên địa. Cho nên hôm nay Ta dặn dò trao phó kinh pháp cho các Thầy, đừng để dứt mất.

Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp và Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chấp tay bạch Phật:

— Do những có gì đem kinh pháp này trao phó hai chúng con mà không trao người khác ? Trong chúng của Như Lai, lại có các vị thần thông đệ nhất không thể tính kể, sao không trao phó dặn dò ?

Thế Tôn bảo Ca-diếp:

— Ta xem trong cõi Trời, cõi Người, trọn không thấy người nào có thể thọ trì pháp bảo này sánh bằng Ca-diếp, A-nan. Trong hàng Thanh văn cũng không ai hơn hai người này. Chư Phật đời quá

khứ cũng có hai người thọ trì kinh pháp, như Tỳ-kheo Ca-diếp và A-nan ngày nay sánh rất là thù diệu. Vì sao ? Tỳ-kheo hành đầu đà ở thời Phật quá khứ, khi pháp còn thì còn, pháp mất thì mất. Còn Tỳ-kheo Ca-diếp của Ta hôm nay còn lưu lại ở đời, đến Phật Di-lặc ra đời mới nhập diệt. Do nhân duyên này, Tỳ-kheo Ca-diếp ngày nay hơn chúng Tỳ-kheo thời quá khứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo A-nan, vì sao hơn thị giả thời quá khứ ? Thị giả chư Phật thời quá khứ nghe Phật nói rồi sau mới hiểu; còn nay Tỳ-kheo A-nan, Như Lai chưa nói ra đã hiểu. Như Lai không cần nói, A-nan đều hiểu tất cả. Do nhân duyên này, Tỳ-kheo A-nan hơn các thị giả chư Phật thời quá khứ.

Cho nên, này Ca-diếp, A-nan ! Nay Ta giao phó cho các Thầy, dặn dò các Thầy pháp bảo này, đừng để thiếu sót, diệt mất.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

*Tất cả hành vô thường,
Khởi lên ắt có diệt,
Không sanh thì không tử,
Diệt này rất là vui.*

Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp và Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

XXXXII. PHẨM BÁT NẠN (1)

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Người phàm phu không nghe, không biết thời tiết thuyết pháp. Tỳ-kheo nên biết ! Có tám thời không được nghe pháp, người không được tu hành. Thế nào là tám ?

Nếu lúc Như Lai xuất hiện ở đời, diễn nói giáo pháp rộng rãi được đến Niết-bàn, là việc làm của Như Lai, nhưng chúng sanh này ở trong địa ngục, không nghe, không thấy. Đó là nạn đầu tiên.

Lại nếu lúc Như Lai xuất hiện ở đời, diễn nói giáo pháp rộng rãi, mà chúng sanh này ở trong loài

súc sanh không nghe, không thấy. Đó là nạn thứ hai.

Lại nữa, lúc Như Lai xuất hiện ở đời, diễn nói giáo pháp rộng rãi, nhưng chúng sanh này ở trong ngạ quỷ, không nghe không thấy. Đây là nạn thứ ba.

Lại nữa, lúc Như Lai xuất hiện ở đời, diễn nói giáo pháp rộng rãi, nhưng chúng sanh này ở cõi trời Trường Thọ không nghe, không thấy. Đó là nạn thứ tư.

Lại nữa, lúc Như Lai xuất hiện ở đời, diễn nói giáo pháp rộng rãi, nhưng chúng sanh này sống ở biên địa, phi báng Hiền Thánh, tạo các tà nghiệp. Đó là nạn thứ năm.

Lại nữa, lúc Như Lai xuất hiện ở đời, diễn nói giáo pháp rộng rãi đến được Niết-bàn, nhưng chúng sanh này tuy sống ở trung tâm của nước, nhưng sáu căn không đầy đủ, lại cũng không phân biệt được pháp thiện, ác. Đó là nạn thứ sáu.

Lại nữa, lúc Như Lai xuất hiện ở đời, diễn nói giáo pháp rộng rãi đến được Niết-bàn, nhưng chúng sanh này tuy sống ở trung tâm của nước, sáu căn đầy đủ không có khuyết tật, mà tâm thức tà kiến; cho rằng không người thí, không người thọ, cũng không có quả báo thiện ác, không đời này, đời sau,

cũng không cha mẹ, đời không có Sa-môn, Bà-la-môn v.v... có thể thành tựu quả A-la-hán, tự thân chúng được để tự an lạc. Đó là nạn thứ bảy.

Lại nữa, lúc Như Lai không xuất hiện ở đời, lại cũng không thuyết pháp đưa đến Niết-bàn, tuy chúng sanh này sống ở trung tâm của nước, sáu căn đầy đủ, kham nhận thọ pháp, thông minh tài cao, nghe pháp hiểu liền, tu hành chánh kiến, biết có vật, có thí, có người thọ, có quả báo thiện ác, có đời này, đời sau, ở đời có Sa-môn, Bà-la-môn v.v... tu chánh kiến chúng được A-la-hán. Đó là nạn thứ tám, chẳng được tu hành Phạm hạnh. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là tám nạn chẳng được tu hành Phạm hạnh.

Ở đây, này Tỳ-kheo ! Có một thời tiết cho người tu hành Phạm hạnh. Thế nào là một ? Đó là lúc Như Lai xuất hiện ở đời, rộng nói giáo pháp được đến Niết-bàn, và người này sanh ở trung tâm của nước, thế trí biện thông, thấy vật đều rõ biết, tu hành chánh kiến, cũng hay phân biệt các pháp thiện ác, biết có đời này, đời sau, đời có bậc Sa-môn, Bà-la-môn tu chánh kiến chúng được A-la-hán. Đó là người Phạm hạnh tu hành một pháp được Niết-bàn.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Tám nạn không một loại,
Khiến người không được đạo,
Như nay hiện ở trước,
Thế gian không thể gặp.
Cũng nên học Chánh pháp,
Cũng chớ mất chỗ này.
Nhớ về lại quá khứ,
Đã sanh trong địa ngục.
Ở đây đoạn vô dục,
Tư duy nơi Chánh pháp.
Còn mãi ở thế gian,
Mà không lúc đoạn diệt.
Ở đây đoạn vô dục,
Tư duy nơi Chánh pháp,
Đoạn hẳn nguồn sanh tử,
Còn mãi ở thế gian.
Đã được mang thân người,
Phân biệt pháp chánh chân.
Những người chưa đắc quả,
Ắt đạo nơi tám nạn.
Nay nói có tám nạn,
Yếu hạnh của Phật pháp.
Một nạn vẫn còn quá,
Như bọng cây mặt biển.
Tuy nên là một nạn,

*Mới có được lý này.
Nếu là một Tứ đế
Là là hẳn chánh đạo.
Thế nên hãy chuyên tâm
Tư duy về diệu lý,
Chí thành nghe Chánh pháp,
Liên được chỗ vô vi.*

Thế nên Tỳ-kheo ! Hãy cầu phương tiện xa là nơi tám nạn, chớ mong ở đó. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có tám địa ngục lớn. Thế nào là tám ? Địa ngục Sóng Lại; địa ngục Dây Đen; địa ngục Đẳng Hại; địa ngục Gào Khóc; địa ngục Gào Khóc Lớn; địa ngục A-tỳ; địa ngục Nóng; địa ngục Nóng Lớn.

Như thế, này các Tỳ-kheo ! Có tám đại địa ngục.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Sống Lại và Dây Đen,
Đằng Hai, hai Gào Khóc,
Ngục A-tỳ ngũ nghịch,
Địa ngục Nóng, Nóng Lớn.
Đây gọi tám địa ngục,
Trong ấy không thể ở,
Đều do gốc ác hạnh,
Mười sáu lớp vách kín.
Và trên ngục sắt kia,
Lửa dữ hằng thiêu đốt,
Khắp trong một do-tuần,
Lửa hùng rất mạnh mẽ,
Bốn thành, bốn lớp cửa,
Trong đó rất bằng phẳng,
Lại lấy sắt làm thành,
Nấp sắt che trên đó.*

Đây do nhân duyên tội báo của chúng sanh, khiến chúng sanh kia thọ khổ vô lượng, máu thịt tiêu hết chỉ còn lại xương.

Vì những gì mà gọi là địa ngục Sống Lại ? Có những chúng sanh thân hình thẳng đơ không thể dao động, bị khổ bức bách mà không thể di chuyển, thân hình không còn máu thịt. Khi ấy họ tự bảo nhau: “Chúng sanh sống lại, sống lại”. Lúc đó,

chúng sanh ấy liên tục sống lại. Do nhân duyên này nên gọi là địa ngục Sống Lại.

Lại vì nhân đâu mà gọi địa ngục Dây Đen ? Chúng sanh kia hình thể gân mạch đều hóa thành dây để cứa vào thân, nên gọi là địa ngục Dây Đen.

Lại do nhân duyên gì gọi là địa ngục Đẳng Hại ? Ở đây, chúng sanh kia tụ tập một nơi, đều bị chặt rồi mọc lại. Do nhân duyên này gọi là địa ngục Đẳng Hại.

Lại do nhân duyên gì gọi là địa ngục Gào Khóc ? Chúng sanh kia gốc lành đoạn dứt chẳng còn sót mây lông tóc, ở trong địa ngục kia chịu khổ não vô lượng, trong đó kêu oán, tiếng gào không dứt. Do nhân duyên này gọi là địa ngục Gào Khóc.

Lại nữa, do nhân duyên gì gọi là địa ngục Gào Khóc Lớn ? Chúng sanh trong địa ngục ấy chịu đau khổ vô lượng, không thể tính kể. Trong đó, họ hô hoán, dấm ngực, tự đánh mình và đồng thanh gào thét. Do nhân duyên này gọi là địa ngục Gào Khóc Lớn.

Lại do nhân duyên gì gọi là địa ngục A-tỳ ? Những chúng sanh sát hại cha mẹ, phá hoại tháp Phật, làm rối loạn chúng Tăng, học tập tà kiến điên

đảo, tương ứng với tà kiến, tất cả không thể chữa trị. Vì thế nên gọi là địa ngục A-tỳ.

Lại do nhân duyên gì gọi là địa ngục Nóng ? Những chúng sanh ở trong địa ngục ấy, thân thể bốc khói, thầy đều tan nát, nên gọi là địa ngục Nóng.

Lại do nhân duyên gì gọi địa ngục Nóng Lớn ? Chúng sanh ở trong địa ngục này, đều không thấy sót lại chút gì của tội nhân. Nên gọi là địa ngục Nóng Lớn.

Thế là, này Tỳ-kheo ! Do nhân duyên này gọi là tám địa ngục lớn. Mỗi một địa ngục đều có mười sáu địa ngục nhỏ tên là địa ngục Ưu-bát, địa ngục Bát-đầu, địa ngục Câu-mâu-đầu, địa ngục Phân-đà-lợi, địa ngục Vị Tăng Hữu, địa ngục Vĩnh Vô, địa ngục Ngu Hoặc, địa ngục Súc Tụ, địa ngục Dao Sơn, địa ngục Thang Hỏa, địa ngục Hòa Sơn, địa ngục Khô Hà, địa ngục Kinh Cúc, địa ngục Phúc Thi, địa ngục Kiếm Thọ, địa ngục Nhiệt Thiết Hoàn.

Như vậy, mười sáu địa ngục nhỏ này không thể xưng lượng, khiến chúng sanh kia sanh trong địa ngục. Hoặc có chúng sanh hủy bỏ chánh kiến, phỉ báng và xa lìa Chánh pháp, sau khi mạng chung đều sanh trong địa ngục Sống Lại (Hoàn Hoạt).

Nếu có chúng sanh ưa thích sát sanh liên sanh trong địa ngục Dây Đen.

Nếu có chúng sanh mổ giết trâu dê, và nhiều loại khác, sau khi mạng chung sanh trong địa ngục Đẳng Hại.

Nếu có chúng sanh không cho mà lấy trộm vật của người khác, liên sanh trong địa ngục Gào Khóc.

Nếu có chúng sanh thường ưa dâm dật, lại thêm nói dối, sau khi mạng chung liên sanh trong địa ngục Gào Khóc Lớn.

Nếu có chúng sanh sát hại cha mẹ, phá hoại chùa chiền, làm rối loạn Thánh chúng, phỉ báng Thánh nhân, học tập tà kiến điên đảo; người ấy sau khi mạng chung sanh trong địa ngục A-tỳ.

Nếu có chúng sanh nghe lời nói ở chỗ này đem truyền đến chỗ kia, nếu ở kia lại truyền đến chỗ này, tìm phương tiện xấu của người; người ấy sau khi mạng chung sanh trong địa ngục Nóng.

Nếu có chúng sanh gây tranh đấu rối loạn đôi bên, tham đắm vật của người, dấy khởi lẫn tiếc, tật đố, ôm lòng do dự; người ấy sau khi mạng chung sanh trong địa ngục Nóng Lớn.

Nếu có chúng sanh tạo các nghiệp tạp, sau khi

mạng chung sanh trong mười sáu địa ngục nhỏ. Khi ấy ngục tốt hành hạ chúng sanh kia đau khổ khó lường, hoặc chặt tay, hoặc chặt chân, hoặc chặt tay chân, hoặc cắt mũi, hoặc xẻo tai, hoặc cắt tai, mũi, hoặc lấy cây đè lên, hoặc lấy cò nhét vào bụng, hoặc treo tóc ngược, hoặc lột da, khoét thịt, hoặc chẻ làm hai, hoặc may kín lại, hoặc chặt rời năm phần, hoặc chất lửa đốt, hoặc rưới nước sôi nóng lên, hoặc xé ra làm năm, hoặc kéo thân dài ra, hoặc dùng búa bèn chặt đầu, giã nát sống lại. Cần cho tội nghiệp của người trong ngục trả xong, sau mới ra khỏi.

Có lúc ngục tốt bắt chúng sanh kia, lấy chày lớn đập nát thân thể, hoặc tuốt gân xương, lại rượt đuổi khiến leo lên cây kiếm bén, lại rượt đuổi leo xuống. Có lúc có loài chim mỏ sắt lại mổ ăn, lại trói chặt năm chi không cho cử động, ném vào chảo nước sôi lớn, thêm dùng chĩa ba bằng sắt làm hại thân thể, gió thổi qua thân, sống lại như cũ. Có lúc ngục tốt lại bắt chúng sanh leo núi đao, núi lửa, không cho ngừng nghỉ. Trong đó chịu khổ không thể tính kể. Cần cho tội nghiệp đã tạo của người ấy hết rồi, sau mới ra.

Có lúc tội nhân không kham chịu sự thống khổ này, lại muốn vào địa ngục tro nóng chịu khổ vô lượng. Lại từ trong đó ra, vào lại địa ngục chẻ

ngược, trong đó gió thổi đau đớn không kể xiết. Lại từ trong đó ra, vào địa ngục phần nóng. Lúc ấy trong địa ngục phần nóng, có các loài trùng li ti rút rĩa thịt xương. Có lúc chúng sanh không chịu nổi thống khổ, lại dờn vào địa ngục cây kiếm, thân thể tan nát, đau đớn chịu được. Có lúc ngục tốt hỏi chúng sanh ấy rằng:

— “Các tội nhân từ đâu đến ?”

Khi ấy tội nhân đáp:

— “Chúng tôi cũng không biết từ đâu đến .

— “Rồi đi đâu ?

— “Cũng không biết sẽ đi đâu .

— “Bây giờ muốn những gì ?

— “Chúng tôi rất đói khát”.

Khi ấy ngục tốt lấy hoàn sắt nóng đổ vào miệng tội nhân ấy, đốt nát thân thể đau đớn không chịu nổi. Cần cho trả hết tội cũ rồi mới chết. Lúc ấy tội nhân lui tới trải qua bao nhiêu địa ngục như vậy, ở trong đó chịu khổ ngàn vạn năm, sau mới ra khỏi.

Tỳ-kheo nên biết ! Vua Diêm-la bèn khởi nghĩ thế này: “Chúng sanh trong các cõi, thân miệng ý làm ác, sẽ chịu hết những tội như thế. Chúng sanh

trong các cõi, thân miệng ý làm lành, những người như thế sẽ sanh cõi trời Quang Âm”.

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ:

*Người ngu thường vui vẻ,
Như trời Quang Âm kia,
Người trí thường sợ sệt,
Cũng như ở địa ngục.*

Lúc ấy, tội nhân nghe vua Diêm-la nói giáo lệnh này: “Ở đây đến lúc nào diệt hết các tội đã tạo thì chết rồi được thọ thân người, sanh vào trung tâm của nước, gặp Thiện tri thức, cũng gặp cha mẹ kính tin Phật pháp, ở trong chúng của Như Lai xuất gia học đạo, nơi hiện pháp dứt sạch hữu lậu thành vô lậu.

Nay ta bảo một lần nữa, Ông cần để ý, xa lìa tám nạn, được sanh chốn trung tâm, cùng gặp Thiện tri thức, được tu Phạm hạnh, đạt kết quả của bốn nguyện, không mất lời thệ cũ”.

Cho nên, này Tỳ-kheo ! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nơn muốn xa lìa tám địa ngục lớn và mười sáu địa ngục nhỏ, thì nên tìm phương tiện tu Tám chánh đạo. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Tỳ-xá-ly trong vườn Nai-kỳ (vườn Xoài Ambapàli) cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm người câu hội, dần dần đi du hóa nhân gian.

Khi ấy, Thế Tôn ngoái nhìn thành Tỳ-xá-ly, giây lâu bèn nói kệ này:

*Nay nhìn Tỳ-xá-ly,
Rồi sau không nhìn lại,
Cũng lại không bao lâu,
Sẽ từ biệt nơi này.*

Lúc ấy, nhân dân trong thành Tỳ-xá-ly nghe nói kệ này, thầy đều lo buồn, đi theo sau Thế Tôn ai nấy rơi lệ, tự bảo nhau: “Không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ, thế gian sẽ mất ánh sáng”.

Thế Tôn bảo:

— Thôi, thôi ! Các Người chớ buồn lo, vật đáng hoại diệt mà muốn không hoại diệt thì trợn không có lý. Trước đây, Ta đem bốn việc dạy bảo, do đây được tác chúng. Và Ta cũng ở trong bốn bộ chúng, dạy bảo bốn việc này. Thế nào là bốn ? Tất cả hành vô thường, là pháp thứ nhất. Tất cả hành khổ, là pháp thứ hai. Tất cả hành vô ngã, là pháp thứ ba. Niết-bàn là diệt tận, là pháp thứ tư. Như

thế, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Các Người nên biết bốn pháp căn bản, vì khắp tất cả chúng sanh nói bày nghĩa ấy.

Bấy giờ, Thế Tôn muốn khiến cho nhân dân thành Tỳ-xá-ly trở về, liền hóa hiện một hầm lớn, Thế Tôn đưa chúng Tỳ-kheo qua bờ bên kia, dân chúng trong nước ở bờ bên này. Lúc ấy, Thế Tôn ném cái bát của Ngài lên hư không cho dân chúng thành ấy, lại bảo:

— Các Người khéo cúng dường bát này, cũng nên cúng dường bậc Pháp sư tài cao được phước vô lượng lâu dài.

Lúc ấy, Thế Tôn cho họ chiếc bát rồi, liền đi đến nước Câu-thi-na-kiệt. Lúc ấy, nhân dân nước Câu-thi-na-kiệt có hơn năm trăm lực sĩ nhóm tại một chỗ bàn luận thế này:

— Chúng ta cùng làm một việc kỳ lạ để sau khi chết danh tiếng truyền lâu, con cháu cùng truyền tụng rằng: “Ngày xưa, các lực sĩ thành Câu-thi-na-kiệt thế lực khó bì.”

Lát sau, họ lại khởi niệm “Nên làm việc gì ?”.

Bấy giờ, cách thành Câu-thi-na-kiệt không xa có tảng đá vuông lớn, dài một trăm hai mươi bộ, rộng sáu mươi bộ. Họ nói: “Chúng ta sẽ cùng nhau

dựng nó lên”. Họ đem hết sức để dựng tảng đá mà không nhúc nhích lay chuyển, hướng gì dựng lên. Lúc ấy, Thế Tôn đi đến chỗ họ, hỏi rằng:

— Các Đồng tử muốn làm gì ?

Các đồng tử bạch Phật:

— Trước đây chúng con bàn luận như thế này, muốn dời tảng đá này để cho đời đời khen truyền danh tiếng của mình. Ra sức từ đó đến nay, đã bảy ngày, song không thể khiến tảng đá này di chuyển.

Phật bảo các đồng tử:

— Có muốn Như Lai dựng tảng đá này chăng ?

Các đồng tử đáp:

— Nay chính phải thời, cúi xin Thế Tôn sắp đặt tảng đá này.

Lúc ấy, Thế Tôn dùng bàn tay mặt nâng tảng đá lên, đưa qua bàn tay trái, ném lên hư không, tảng đá văng lên đến trời Phạm thiên. Các lực sĩ thành Câu-thi-na-kiệt không thấy tảng đá, bèn bạch Phật:

— Tảng đá ấy nay ở chỗ nào ? Chúng con đều không thấy.

Thế Tôn bảo:

— Tảng đá này hiện ở trên trời Phạm thiên,

Các đồng tử bạch Phật:

— Khi nào nó rơi xuống cõi Diêm-phù ?

Thế Tôn bảo:

— Nay Ta sẽ dẫn thí dụ, người trí do thí dụ tự hiểu. Giả sử lại có người lên đến Phạm thiên, nâng tảng đá ấy ném xuống Diêm-phù, mười hai năm mới đến. Song nay do oai thần của Như Lai, nó sẽ rơi xuống ngay.

Đức Phật nói xong, tảng đá ấy lập tức rơi xuống, trong hư không mưa trăm ngàn thứ hoa trời. Hơn năm trăm đồng tử ấy xa thấy đá rơi xuống, bèn chạy tán loạn không dám đứng chỗ cũ. Phật bảo họ:

— Đừng sợ ! Như Lai tự biết thời.

Bấy giờ Thế Tôn đưa bàn tay trái tiếp tảng đá, đặt qua bàn tay mặt và dựng nó lên. Lúc ấy, Tam thiên đại thiên thế giới rung động sáu cách. Các cõi trời thân diệu trong hư không, rải các thứ hoa sen Ưu-bát. Năm trăm đồng tử đều khen ngợi:

— Thật là chưa từng có, rất kỳ lạ, rất đặc biệt ! Oai thần của Như Lai thật không thể sánh kịp. Tảng đá này dài một trăm hai mươi bộ, rộng sáu mươi bộ, mà đức Thế Tôn chỉ dùng một tay sắp xếp cho nó.

Lúc ấy, năm trăm đồng tử bạch Phật:

— Như Lai dùng thần lực gì di chuyển tảng đá này ? Là dùng sức thân tức, hay dùng sức trí tuệ xếp đặt tảng đá này ?

Phật bảo các đồng tử:

— Nay không dùng sức thân tức, cũng không dùng sức trí tuệ. Nay Ta chỉ dùng sức của cha mẹ mà sắp xếp tảng đá này.

Các đồng tử bạch Phật:

— Không biết Như Lai dùng sức của cha mẹ là như thế nào !

Phật bảo:

— Nay Ta sẽ dẫn thí dụ cho các Đồng tử. Người trí do thí dụ tự hiểu. Nay các Người ! Nên biết sức của mười con lạc đà không bằng sức một con voi thường. Lại, sức của mười lạc đà và một voi thường, không bằng sức của một con voi Ca-la-lặc. Sức của mười lạc đà và một voi thường cùng sức của voi Ca-la-lặc, không bằng sức một con voi Cưu-đà-diên. Giả sử sức của mười lạc đà và một voi thường, cho đến cộng với sức một voi Cưu-đà-diên không bằng sức một voi Bà-ma-na. Lại tính sức của voi này, không bằng sức một voi Ca-ni-lưu. Lại tính hết sức của các voi trên, không bằng sức của một voi

Ưu-bát. Lại tính hết sức của bao nhiêu voi, không bằng sức của một voi Bát-đầu-ma. Lại tính kể so sánh sức của bao nhiêu voi, không bằng sức một voi Câu-ni-đà. Lại gom hết để tính kể so sánh, không bằng sức của một voi Phân-đà-lợi. Lại gom hết để tính kể so sánh, không bằng sức của một Hương tượng. Lại gom hết để tính kể so sánh, không bằng sức của một Ma-kha-na-cực. Lại gom hết để tính kể so sánh, không bằng sức của một Na-la-diên. Lại gom hết tính kể so sánh, không bằng sức của một Chuyển luân Thánh vương. Lại gom hết tính kể so sánh, không bằng sức của một A-duy-việt-trí (Bồ-tát bất thối). Lại gom hết để tính kể so sánh, không bằng sức của một Bồ-tát bồ xứ. Lại gom hết để so sánh, không bằng sức của một Bồ-tát ngồi dưới cội đạo thọ. Lại đem so sánh, không bằng sức của một đức Như Lai do di thể của cha mẹ. Nay Ta dùng sức của cha mẹ để sắp xếp tăng đá này.

Bấy giờ, năm trăm đồng tử lại bạch Phật:

— Sức thần túc của Như Lai, là như thế nào ?

Đức Phật bảo:

— Xưa, Ta có đệ tử tên Mục-kiên-liên, là bậc nhất trong hàng thần túc. Bấy giờ, Ta và Mục-kiên-liên du hóa tại làng vườn trúc Tỳ-la-nhuộc. Lúc ấy,

cõi nước nguy nan, nhân dân cầu xé lẫn nhau, xương phơi đầy đường. Người xuất gia khát thực khó khăn, Thánh chúng gây ốm, khí lực hư hao. Lại nữa, nhân dân trong làng đều đói khổ không nơi nương cậy. Lúc ấy, Đại Mục-kiên-liên đến chỗ Ta bạch rằng:

— “Nay thôn Tỳ-la-nhuộc này rất là đói khổ, không nơi khát thực, dân chúng khốn đốn không có đường sanh sống. Con cũng được nghe Như Lai dạy rằng, nay dưới lớp đất này có lớp đất tự nhiên màu mỡ, rất là thơm ngon, cúi xin Thế Tôn cho phép lật lớp đất ngon lên trên, khiến cho dân chúng được thức ăn, cũng khiến cho Thánh chúng khí lực sung mãn”.

Ta bảo Mục-liên:

— “Các loài trùng nhỏ nhít trong đất, Thầy để chỗ nào ?”

Mục-liên thưa:

— “Con sẽ hóa một tay giống lớp đất này, lại dùng một tay lật lớp đất màu mỡ lên, khiến loài trùng nhỏ nhít đều an ổn nơi chỗ của mình”.

Lúc ấy Ta bảo Mục-liên:

— “Tâm Thầy nghĩ gì mà muốn đảo ngược đất này ?”

Mục-liên thưa:

— “Nay con đào ngược đất này, như lực sĩ lật một chiếc lá, không khó khăn gì”.

Ta lại bảo Mục-liên:

— “Thôi, thôi, Mục-liên ! Không cần lật ngược đất màu mỡ này. Vì sao ? Chúng sanh thấy chuyện này sẽ kinh sợ, lòng áo đều dựng lên, đền chùa của chư Phật sẽ bị hủy hoại.”

Lúc ấy, Mục-liên đến trước Phật bạch:

— “Cúi xin Thế Tôn cho phép Thánh chúng đi sang châu Uất-đơn-việt khát thực”.

Phật bảo Mục-liên:

— “Hạng người không có thân tức trong đại chúng đây, làm sao sang bên ấy khát thực ?”

Mục-liên bạch Phật:

— “Người không có thân tức, con sẽ đưa sang cõi ấy”.

Phật bảo Mục-liên:

— “Thôi, thôi, Mục-liên ! Không cần Thánh chúng sang bên kia khát thực. Vì sao ? Đời sau cũng sẽ đói khổ như thế, khát thực khó được, người không nhan sắc. Bấy giờ hàng Bà-la-môn trưởng giả

sẽ bảo các Tỳ-kheo rằng: "Các Vị sao không sang Uất-đơn-việt khát thực ? Ngày xưa đệ tử dòng họ Thích có thân túc lớn, gặp nạn đói khổ này đều cùng đi sang Châu Uất-đơn-việt khát thực, để tự cứu mình. Ngày nay đệ tử của Thích-ca không có thân túc, cũng không có hạnh Sa-môn oai thần". Họ sẽ khinh dễ Tỳ-kheo, khiến hàng trưởng giả cư sĩ kia ôm lòng kiêu mạn chịu tội vô lượng. Mục-liên nên biết, do nhân duyên này, chúng Tỳ-kheo không nên sang hết bên ấy khát thực".

Các Đồng tử nên biết ! Thân túc của Mục-liên, đức ấy như thế, tính kể sức thân túc của Mục-liên trùm khắp Tam thiên đại thiên cõi nước, không nơi nào không có, hay thiếu sót nhưng không bằng sức thân túc của Như Lai là sức hơn trăm lần, ngàn lần, ức vạn lần, không thể dùng thí dụ để so sánh. Thân túc của Như Lai, đức ấy không thể lường.

Các đồng tử bạch Phật:

— Sức trí tuệ của Như Lai như thế nào ?

Đức Phật bảo:

— Xưa, Ta cũng có đệ tử tên Xá-lợi-phất, bậc nhất trong hàng trí tuệ. Như nước biển lớn sâu rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, nước đầy trong đó. Lại núi Tu-di cao tám vạn bốn ngàn do-tuần chìm

trong biển cũng như thế. Cõi đất Diêm-phù, chiều Nam Bắc hai vạn một ngàn do-tuần, chiều Đông Tây bảy ngàn do-tuần. Nay lấy việc này để so sánh. Dùng nước bốn biển làm mực, dùng núi Tu-di làm giấy, bao nhiêu cây cỏ hiện tại của Diêm-phù làm bút, lại khiến tất cả người trong Tam thiên đại thiên cõi nước đều viết, để tả cho hết trí tuệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Nhưng này các Đồng tử ! Nên biết nước mực bốn biển lớn và người cầm bút sẽ dần dần cạn kiệt, cũng không thể khiến cho trí tuệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cạn hết. Như thế, các đồng tử, hàng trí tuệ bậc nhất trong số đệ tử Ta, không ai hơn Xá-lợi-phất. Tính sức trí tuệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất trùm khắp Tam thiên đại thiên cõi nước, không sót không trống chỗ nào, muốn so sánh với sức trí tuệ của Như Lai, trăm lần, ngàn lần, ức vạn lần không thể dùng thí dụ để so sánh. Sức trí tuệ của Như Lai là như thế.

Lúc ấy, các đồng tử lại bạch Phật:

— Có thể lực nào hơn thế lực này chăng ?

Phật đáp:

— Cũng có thế lực này vượt hơn các thế lực trên. Đó là gì ? Là thế lực vô thường. Hôm nay vào nửa đêm, tại giữa cây Song thọ, Như Lai sẽ bị sức vô thường đưa đến diệt độ.

Bấy giờ, các đồng tử đều rơi lệ, than thở:

— Như Lai diệt độ mau chóng thay ! Thế gian mất đi nhân mục.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Quân-trà-la-hệ-đầu là con gái trưởng giả Bà-la-đà. Tỳ-kheo-ni này bèn khởi ý nghĩ: “Ta nghe Thế Tôn không bao lâu sẽ diệt độ. Ngày giờ đã hết, nay ta nên đến chỗ Thế Tôn để gần gũi thăm hỏi”.

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni kia liền ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến chỗ Thế Tôn, xa thấy Như Lai dẫn chúng Tỳ-kheo và năm trăm đồng tử muốn đến rừng Song thọ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, và bạch:

— Con nghe Thế Tôn sắp diệt độ, không còn trụ thế bao lâu.

Phật đáp:

— Chính vào giữa đêm nay, Như Lai diệt độ.

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

— Nay con xuất gia học đạo, lại không đạt kết quả sở nguyện; Thế Tôn bỏ con mà diệt độ. Cúi xin nói pháp vi diệu cho con để thành tựu sở nguyện.

Phật bảo:

— Này Tỳ-kheo-ni, nên tư duy về nguồn gốc của khổ.

Tỳ-kheo-ni lại bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn, thật khổ ! Bạch Như Lai, thật khổ !

Phật hỏi:

— Tỳ-kheo-ni quán những nghĩa gì mà nói khổ ?

Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

— Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, lo buồn rối loạn khổ, oán ghét gặp nhau khổ, thương yêu chia lìa khổ. Tóm lại, năm ấm lầy lùng khổ. Như thế, bạch Thế Tôn, con quán nghĩa này rồi nên nói là khổ.

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni suy nghĩ nghĩa rồi, liền ngay chỗ ngồi được Tam đạt trí (tam minh). Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

— Con không kham thấy Thế Tôn diệt độ, cúi xin cho phép con diệt độ trước.

Khi ấy, Thế Tôn im lặng hứa khả.

Tỳ-kheo-ni liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ dưới chân Phật, rồi ở trước Phật phi thân lên hư không, làm mười tám phép biến hóa, hoặc đi, hoặc ngồi,

hoặc kinh hành, thân phóng ra khỏi lửa, ẩn hiện tự do không ngăn ngại, hoặc phóng lửa nước đầy khắp hư không. Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni làm vô số thần biến rồi, liền nơi cảnh giới Niết-bàn vô dư mà diệt độ. Tại đó, chính trong ngày Tỳ-kheo-ni ấy diệt độ, có tám vạn Thiên tử được pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Trong hàng Thanh văn của Ta, Tỳ-kheo-ni được trí tuệ nhanh chóng bậc nhất là Tỳ-kheo-ni Quân-trà-la-hệ-đầu.

Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

— Thấy đến giữa Song thọ, trái tòa cho Như Lai, để đầu hướng về phía Bắc.

— Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

A-nan vâng lời Phật dạy, đến khoảng giữa Song thọ trái tòa cho Như Lai, rồi trở lại chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, bạch Phật:

— Đã trái tòa xong, đầu hướng về phía Bắc, nên biết đúng thời.

Thế Tôn liền đi đến giữa Song thọ, vào tòa đã trái. Lúc ấy Tôn giả A-nan bạch Phật:

— Có nhơn duyên gì khiến Như Lai dạy trái tòa, đầu hướng về phía Bắc ?

Phật bảo A-nan:

— Sau khi Ta diệt độ, Phật pháp sẽ ở tại Bắc Thiên Trúc. Do nhân duyên này nên Ta bảo trái tòa hướng về Bắc.

Lúc ấy, Thế Tôn chia ba y. A-nan bạch Phật:

— Do có gì khiến hôm nay Như Lai chia ba y ?

Phật bảo A-nan:

— Ta vì các đàn-việt thí chủ đời sau nên chia y này vậy, vì muốn cho các người ấy được phước, nên chia y riêng.

Bấy giờ, trong phút chốc, từ miệng Thế Tôn phát ra hào quang năm sắc.

Đức Phật bảo:

— Ta vừa khởi ý nghĩ này: Khi chưa thành đạo, ở địa ngục lâu dài, ăn hoàn sắt nóng, hoặc ăn rau cỏ nuôi thân tứ đại, hoặc làm loài lừa, lạc đà, voi, ngựa, heo, dê, hoặc làm ngựa quý hoặc làm thân người chịu khổ thọ thai, hoặc được phước trời ăn vị cam lồ tự nhiên. Nay Ta đã thành Như Lai, do Ngũ căn, Ngũ lực, Bảy giác chi, Tám chánh đạo thành tựu thân Như Lai. Do nhân duyên này nên miệng phát ra hào quang năm sắc vậy.

Lúc ấy, trong phút chốc, từ miệng Phật phóng

ra hào quang vi diệu hơn hào quang trước. A-nan bạch Phật:

— Lại do nhân duyên gì khiến Như Lai lại phóng ra hào quang thù thắng hơn trước ?

Phật bảo:

— Ta vừa khởi ý nghĩ này: “Các đức Phật Thế Tôn đời quá khứ diệt độ, Pháp để lại không tồn tại lâu nơi đời”. Ta lại suy nghĩ thêm: “Dùng phương tiện gì khiến pháp Ta được tồn tại lâu nơi đời?”. Thân Như Lai là thân Kim cang, ý Ta muốn nghiền thân này như hạt cải, để lưu bố thế gian, khiến cho các nhà đàn-việt tin vui ở đời tương lai mà không thấy được hình tượng Như Lai, sẽ cúng dường nơi đây nhờ nhân duyên phước báo này sẽ sanh trong gia đình bốn chủng tộc, sanh cõi trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Diêm ma, trời Đâu-suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại. Nhân phước này, họ sẽ sanh vào cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, hoặc lại được đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Bích-chi Phật, hoặc thành Phật đạo. Do nhân duyên này nên phát ra hào quang ấy.

Bấy giờ, Thế Tôn đích thân tự xếp y Tăng-già-lê làm bốn, nằm nghiêng hông bên hữu, hai chân

xuôi thẳng xếp lên nhau. Lúc ấy, Tôn giả A-nan khóc lóc rơi lệ không thể tự kiềm, lại tự trách mình: “Đã chưa thành đạo, bị kiết sử ràng buộc, mà nay Thế Tôn bỏ ta diệt độ, ta sẽ nương cậy vào ai ?”

Lúc ấy, Thế Tôn biết, nên bảo các Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo A-nan nay ở đâu ?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Tỳ-kheo A-nan nay đang đứng sau chỗ nằm của Như Lai, buồn khóc rơi lệ khôn thể tự kiềm, lại tự trách mình đã không thành đạo, lại không đoạn kiết sử, mà nay Thế Tôn bỏ vào Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

— Thôi, thôi, A-nan ! Đừng buồn lo. Phàm vật ở đời đáng tan hoại, muốn đừng thay đổi, việc ấy không được. Thấy cần ra sức tinh tấn, nhớ nghĩ tu tập Chánh pháp, như thế không bao lâu sẽ chấm dứt mé khổ, thành tựu hạnh vô lậu. Các đức Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác ở thời quá khứ cũng có thị giả như thế. Già sử hằng sa chư Phật đời tương lai, cũng sẽ có thị giả như A-nan. Chuyển luân Thánh vương có bốn pháp chưa từng có. Thế nào là bốn ? Lúc vua Chuyển luân Thánh vương muốn ra khỏi nước, nhân dân thấy đều vui mừng. Lúc Chuyển luân Thánh vương có lời dạy bảo, ai

nghe cũng đều vui mừng. Nghe lời Chuyển luân Thánh vương dạy không chán. Chuyển luân Thánh vương im lặng, giả sử nhân dân thấy vua im lặng cũng lại vui mừng. Tỳ-kheo ! Đó là Chuyển luân Thánh vương có bốn pháp chưa từng có này.

Tỳ-kheo nên biết ! Ngày nay A-nan cũng có bốn pháp chưa từng có. Thế nào là bốn ? Giả sử Tỳ-kheo A-nan im lặng vào trong chúng, người nào thấy cũng vui mừng. Giả sử Tỳ-kheo A-nan có nói lời gì, người nghe lời ấy đều cùng hoan hỷ, nếu im lặng cũng lại như thế. Giả sử Tỳ-kheo A-nan vào trong bốn bộ chúng, vào trong chúng Sát-lợi, Bà-la-môn, vào trong chúng quốc vương, cư sĩ, mọi người đều hoan hỷ, khởi tâm cung kính, nhìn A-nan không chán. Giả sử Tỳ-kheo A-nan có nói điều gì, người nghe dạy pháp vâng theo không chán. Đó là này Tỳ-kheo, có bốn việc chưa từng có này.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

— Phải làm thế nào khi gặp người nữ ? Bởi vì hiện nay Tỳ-kheo đúng thời đắp y mang bát đi từng nhà khát thực, tạo phước độ chúng sanh.

Phật bảo A-nan:

— Đừng gặp gỡ họ. Nếu có gặp đừng nói

chuyện với họ. Nếu cùng nói chuyện phải giữ tâm ý chuyên nhất.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

*Đừng giao thiệp người nữ,
Cũng đừng nói chuyện chung,
Người có thể xa là,
Ắt là khỏi tám nạn.*

*

* *

XXXXII. PHẨM BÁT NẠN (2)

— Nên đối xử với Tỳ-kheo Xa-na thế nào ?

Thế Tôn dạy:

— Nên dùng pháp Phạm-đàn để trị phạt.

A-nan bạch Phật:

— Thế nào là pháp Phạm-đàn trị phạt ?

Thế Tôn dạy:

— Không nên nói chuyện với Tỳ-kheo Xa-na. Cũng chớ nói lành, cũng chớ nói dữ. Còn Tỳ-kheo này cũng không nói gì với các Thầy.

A-nan bạch Phật:

— Nếu không xét kỹ sự việc, ắt phạm tội không nặng ư ?

Phật dạy:

— Chỉ không nói chuyện tức là dùng pháp

Phạm-dân trị phạt. Nhưng nếu kẻ ấy không sửa đổi, sẽ đưa ra giữa chúng, mọi người cùng búng tay khiến đuổi ra, không thuyết giới với người ấy, cũng chớ làm việc chung trong pháp hội.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

*Muốn cùng oan gia kia,
Mà đáp kẻ oán ấy,
Thường niệm, chớ nói năng,
Điều này không có lỗi.*

Lúc ấy, nhân dân thành Câu-thi-na-kiệt nghe tin Thế Tôn sẽ diệt độ vào lúc nửa đêm. Nhân dân trong nước đi đến khoảng rừng Song thọ, đến rồi cúi đầu lễ chân Phật, lui ngôi một bên.

Dân chúng đồng bạch Phật:

— Nay nghe Như Lai sắp diệt độ, chúng con phải tôn kính thế nào ?

Lúc ấy, Thế Tôn ngoái nhìn Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan liền khởi nghĩ: “Hôm nay thân thể Như Lai mệt nhọc, muốn bảo ta chỉ dạy nghi thức cho họ”. A-nan quỳ gối bên phải xuống đất, chấp tay bạch Phật:

— Nay có hai dòng họ, một tên Bà-a-đà, thứ hai tên Tu-bạt-đà, nay đến quy y Như Lai và Thánh

chúng. Cúi xin Thế Tôn cho họ làm Ưu-bà-tắc, từ nay về sau không sát sanh nữa. Lại có hai người, một tên Đế-xa, thứ hai tên Ưu-ba-đế-xa. Lại có người tên Phật-xá, người thứ hai tên Kê-đâu, những người như thế đều đến quy y Như Lai. Cúi xin Thế Tôn cho phép họ làm Ưu-bà-tắc, từ nay về sau không sát sanh, vâng giữ năm giới.

Lúc ấy, Thế Tôn rộng vì họ thuyết pháp, để phát khởi những người còn lại, khiến họ quy y. Lúc ấy, năm trăm chúng Mạt-la liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Phật ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

— Đệ tử thọ pháp, chúng đắc tối hậu của Ta chính là năm trăm người dòng Ma-la nước Câu-thi-na-kiệt.

Bấy giờ, Phạm chí Tu-bạt từ nước của ông (nước Bà-bà) đi đến nước Câu-thi-na-kiệt, xa thấy năm trăm người đi đến, liền hỏi:

— Các Ông từ đâu đến đây ?

Năm trăm người đáp:

— Tu-bạt nên biết, đức Thế Tôn sẽ diệt độ vào hôm nay tại giữa rừng Song thọ.

Tu-bạt liền khởi nghĩ: “Như Lai ra đời rất khó

gặp. Thời gian Như Lai xuất hiện như hoa Ưu-đàm-bát, ước kiếp mới xuất hiện. Nay ta có các điều nghi ngờ không hiểu các pháp, chỉ có Sa-môn Cù-đàm ấy mới giải đáp điều nghi ngờ của ta. Nay ta có thể đến chỗ Cù-đàm ấy mà hỏi nghĩa này”.

Lúc ấy, Phạm chí Tu-bạt đến rừng Song thọ, đến chỗ Tôn giả A-nan, thưa rằng:

— Tôi nghe Thế Tôn hôm nay sẽ diệt độ, có đúng không ?

A-nan đáp:

— Thật có việc ấy.

Tu-bạt thưa:

— Song nay tôi còn có điều nghi ngờ, xin Tôn giả nhận lời, thưa với Thế Tôn rằng: Có người không hiểu lời nói của Lục sư, có thể được nghe Sa-môn Cù-đàm chăng ?

A-nan nói:

— Thôi, thôi, Tu-bạt ! Chớ quấy nhiễu Như Lai.

Như vậy đến ba lần, Tu-bạt lại nói với A-nan:

— Như Lai ra đời thật khó gặp; như hoa Ưu-đàm-bát đúng thời mới có. Như Lai cũng lại như vậy, đúng thời mới xuất hiện. Nay tôi xét thấy Như Lai có thể giải quyết điều nghi ngờ của tôi. Điều tôi

hỏi không đủ để nói hết, mà nay A-nan không cho tôi đến bạch với Thế Tôn. Lại có nghe Như Lai quán sát không cùng tận, biết trước không cùng tột, mà nay riêng không tiếp tôi.

Lúc ấy, Như Lai dùng Thiên nhĩ xa nghe Tu-bạt nói với A-nan như thế. Thế Tôn bảo A-nan:

— Thôi, thôi A-nan ! Chớ ngăn cản Phạm chí Tu-bạt. Vì sao ? Ông ấy đến hỏi nghĩa được nhiều lợi ích. Nếu Ta thuyết pháp, ông ấy liền được độ thoát.

A-nan bảo Tu-bạt:

— Lành thay, lành thay ! Nay Như Lai cho phép Ông vào trong hội pháp.

Tu-bạt nghe lời này, vui mừng phấn khởi không thể tự kiềm. Tu-bạt đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Bấy giờ, Tu-bạt bạch Phật:

— Nay tôi có điều muốn hỏi, cúi xin Thế Tôn cho phép.

Thế Tôn bảo Tu-bạt:

— Nay chính phải thời, có thể hỏi.

Tu-bạt bạch Phật:

— Các Sa-môn Cù-đàm khác biết các toán

thuật, phân nhiều hơn đời. Đó là Bất-lan Ca-diếp, A-di-chuyên, Cù-da-lâu, Chi-hưu Ca-diên, Tiên-tỳ Lư-trì, Ni-kiên Tử v.v... Những người như thế biết việc trong ba đời chẳng ? Là không biết chẳng ? Trong Lục sư ấy có ai hơn Như Lai chẳng ?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

— Thôi, thôi, Tu-bạt ! Chớ hỏi nghĩa này. Cần gì hỏi họ hơn Như Lai không ? Hôm nay, Ta ở tại chỗ này, sẽ vì Ông thuyết pháp, khéo suy nghĩ nhớ lấy.

Tu-bạt bạch Phật:

— Nay tôi đáng hỏi nghĩa thâm sâu, cúi xin Thế Tôn đúng thời nói.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

— Khi Ta mới học đạo, hai mươi chín tuổi, vì muốn độ dân chúng, nên từ đó đến ba mươi lăm tuổi, theo học trong chúng ngoại đạo. Từ đó đến nay lại không thấy có Sa-môn, Bà-la-môn trong đại chúng nào không có Tám thánh đạo, ắt không có bốn quả Sa-môn.

Thế nên, này Tu-bạt ! Thế gian rộng không, lại không có bậc Chân nhân đặc đạo. Do trong pháp Hiền Thánh kia có pháp Hiền Thánh, nên có bốn

quả Sa-môn. Vì sao ? Nhân duyên có bốn quả Sa-môn đều do Tám đạo phẩm Hiền Thánh.

Này Tu-bạt ! Nếu Ta không được đạo Vô thượng Chánh chơn, đều do không được Tám đạo phẩm Hiền Thánh. Do được Tám đạo phẩm Hiền Thánh nên Ta thành Phật đạo. Thế nên, này Tu-bạt, nên tìm phương tiện thành tựu đạo Hiền Thánh.

Tu-bạt lại bạch Phật:

— Tôi cũng thích nghe Tám đạo phẩm Hiền Thánh, cúi xin diễn nói.

Phật bảo:

— Tám đạo phẩm là: Đăng kiến, Đăng tri, Đăng ngữ, Đăng mạng, Đăng nghiệp, Đăng phương tiện, Đăng niệm, Đăng tam-muội. Tu-bạt ! Đó là Tám đạo phẩm Hiền Thánh.

Lúc ấy, Tu-bạt liền tại chỗ ngồi được pháp nhãn tịnh. Tu-bạt nói với A-nan:

— Hôm nay con vui mừng được lợi lành. Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Sa-môn.

A-nan đáp:

— Ông hãy tự đến chỗ Thế Tôn mà xin làm Sa-môn.

Tu-bạt đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy chân Phật, bạch Phật:

— Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Sa-môn.

Bấy giờ, Tu-bạt liền thành Sa-môn, thân mặc ba pháp y. Khi ông ngẩng nhìn dung mạo Thế Tôn, liền tại chỗ ngồi được giải thoát tâm hữu lậu.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

— Đệ tử tối hậu của Ta là Tu-bạt.

Tu-bạt bạch Phật:

— Con nghe Thế Tôn vào giữa đêm nay nhập Niết-bàn. Cúi xin Thế Tôn cho phép con nhập Niết-bàn trước. Con không kham thấy Thế Tôn diệt độ trước.

Bấy giờ, Thế Tôn yên lặng hứa khả. Vì sao ? Hằng sa chư Phật Thế Tôn đòi quá khứ, đệ tử chúng đạo rốt sau đều nhập Niết-bàn trước, Như Lai diệt độ sau. Đây là pháp thường của chư Phật Thế Tôn, chẳng phải mới hôm nay.

Tu-bạt thấy Thế Tôn đã hứa khả, liền ở trước Phật, chánh thân chánh ý buộc niệm ở trước, nơi cảnh giới Niết-bàn Vô dư mà diệt độ. Lúc ấy mặt đất chấn động sáu cách.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

*Tất cả hành vô thường,
Có sanh ắt có tử,
Không sanh thì không tử,
Diệt này rất là vui.*

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

— Từ nay về sau, răn nhắc các Tỳ-kheo, không nên đối đãi nhau như thói thường, người lớn xưng Tôn, người nhỏ xưng Hiền, xem nhau như anh em. Từ nay về sau không được xưng tên do cha mẹ đặt.

A-nan bạch Phật:

— Các Tỳ-kheo ngày nay, phải tự xưng tên hiệu như thế nào ?

Phật dạy:

— Nếu Thấy Tỳ-kheo nhỏ đối với Thấy Tỳ-kheo lớn thì gọi là trưởng lão. Tỳ-kheo lớn gọi Tỳ-kheo nhỏ bằng họ. Lại, các Tỳ-kheo muốn đặt tên, phải y cứ vào Tam tôn. Đây là lời dạy bảo của Ta.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Lộc Dã cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Lúc ấy, A-tu-la tên Ba-ha-la và Thiên tử Mâu-đê-luân phi thời đến chỗ Phật, cúi đầu dâng lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Khi ấy, đức Phật hỏi A-tu-la:

— Các Ông rất thích biển lớn, phải không ?

A-tu-la bạch Phật:

— Rất thích ! Không phải không thích.

Đức Phật bảo:

— Trong biển lớn có pháp kỳ đặc gì mà các Ông thấy rồi vui thích ở trong ấy ?

A-tu-la bạch Phật:

— Trong biển lớn có tám việc chưa từng có, các A-tu-la vui thích ở trong ấy. Thế nào là tám ? Biển lớn rất sâu rộng, đó là việc chưa từng có thứ nhất.

Lại nữa, biển lớn có thần đức này, bốn sông lớn, mỗi sông dẫn theo năm trăm sông nhỏ chảy vào biển lớn, rồi mất tên riêng của sông; đó là pháp chưa từng có thứ hai.

Lại nữa, biển lớn đều đồng một vị; đó là pháp chưa từng có thứ ba.

Lại nữa, biển lớn nước thủy triều đúng thời, không mất thời tiết; đó là pháp chưa từng có thứ tư.

Lại nữa, biển lớn là nơi cư trú của các loài quý thân có hình tướng, hết thảy đều ở trong biển lớn; đó là pháp chưa từng có thứ năm.

Lại nữa, biển lớn dung chứa những loài hình tướng to lớn, trăm do-tuần đến bảy ngàn do-tuần cũng không chật chội; đó là pháp chưa từng có thứ sáu.

Lại nữa, biển lớn phát xuất bao nhiêu trân bảo, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách, thủy tinh, lưu ly; đó là pháp chưa từng có thứ bảy.

Lại nữa, phía dưới biển lớn có cát vàng, lại có núi Tu-di làm bằng bốn thứ trân bảo; đó là điều chưa từng có thứ tám.

Đây là tám pháp chưa từng có, khiến các A-tu-la vui thích trong ấy.

Lúc ấy, A-tu-la bạch Phật:

— Trong pháp Như Lai có gì kỳ đặc, khiến các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích trong ấy ?

Phật bảo A-tu-la:

— Có tám pháp chưa từng có, khiến các Tỳ-kheo vui thích trong ấy. Thế nào là tám ? Trong pháp của Ta đầy đủ giới luật, không có hạnh phóng dật; đó là pháp chưa từng có thứ nhất. Các Tỳ-kheo

thấy rồi vui thích trong ấy, như biển lớn kia rất sâu và rộng.

Lại nữa, trong pháp của Ta có bốn dòng họ đều làm Sa-môn trong pháp của Ta không gọi theo tên cũ để làm tên riêng, cũng như biển lớn kia, bốn sông lớn đều chảy về biển mà đồng một vị, không có tên khác; đó là pháp chưa từng có thứ hai.

Lại nữa, trong pháp của Ta lập bày cấm giới, cùng vâng theo không vượt qua điều qui định; đó là pháp chưa từng có thứ ba.

Lại nữa, trong pháp của Ta đều đồng một vị, đó là vị của Tám đạo phẩm của Hiền Thánh; đó là pháp chưa từng có thứ tư, như biển lớn kia thấy đồng một vị.

Lại nữa, trong pháp của Ta sung mãn các pháp. Đó là Tứ ý đoạn, Tứ thần túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác ý, Bát chơn chánh hạnh, các Tỳ-kheo thấy rồi vui thích trong ấy, như biển lớn kia có các loài Thân ở trong; đó là pháp chưa từng có thứ năm.

Lại nữa, trong pháp của Ta có các thứ trần bảo, đó là trần bảo Niệm giác ý, trần bảo Trạch pháp giác ý, trần bảo Tinh tấn giác ý, trần bảo Hỷ giác ý, trần bảo Ý giác ý (khinh an), trần bảo Định giác ý, trần bảo Hộ giác ý (xà); đó là điều chưa từng

có thứ sáu. Các Tỳ-kheo thấy rồi vui thích trong ấy, như biển lớn kia phát xuất các thứ trân bảo.

Lại nữa, trong pháp của Ta có các chúng sanh, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo. Nơi Vô dư Niết-bàn mà được diệt độ, nhưng pháp của Ta không tăng giảm, như biển lớn kia, các sông chảy vào, nước biển không tăng giảm; đó là pháp chưa từng có thứ bảy. Các Tỳ-kheo thấy rồi vui thích trong ấy.

Lại nữa, trong pháp của Ta có Kim cang tam-muội, Diệt tận tam-muội, Nhất thiết quang minh tam-muội, Đắc bất khởi tam-muội, các thứ tam-muội không thể tính kể, các Tỳ-kheo thấy rồi vui thích. Như biển lớn kia phía dưới có các vàng; đó là pháp chưa từng có thứ tám. Các Tỳ-kheo thấy rồi vui thích trong ấy.

Trong pháp của Ta có tám pháp chưa từng có này, các Tỳ-kheo rất tự vui thích.

Lúc ấy, A-tu-la bạch Phật:

— Giả sử trong pháp của Như Lai chỉ có một pháp chưa từng có, cũng đã hơn tám việc chưa từng có của biển kia trăm lần, ngàn lần không thể so sánh; đó là Tám đạo phẩm Hiền Thánh. Lành thay ! Thế Tôn hoan hỷ nói lời này.

Bấy giờ, Thế Tôn dần dần thuyết pháp, đó là luận về thí, về giới, về sanh thiên, dục là tướng bất tịnh, lậu là hoạn lớn, xuất yếu là vui. Bấy giờ Thế Tôn thấy A-tu-la mở thông tâm ý, Ngài bèn đem các pháp chư Phật thường nói như Khổ, Tập, Tận (Diệt), Đạo vì A-tu-la mà nói. A-tu-la bèn khởi ý niệm rằng: “Đáng lẽ có Năm đế, nay Thế Tôn chỉ nói Bốn đế, còn với chư Thiên thì nói Năm đế”.

Khi ấy, Thiên tử ở tại chỗ ngồi được pháp nhãn tịnh. A-tu-la bạch Phật:

— Lành thay Thế Tôn ! Hoan hỷ nói lời này. Nay tôi muốn trở về chỗ mình.

Phật dạy:

— Nên biết đúng thời.

A-tu-la liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, theo đường mà đi. Khi ấy, Thiên tử bảo A-tu-la:

— Nay ý niệm của Ông không tốt, nói rằng: “Nhu Lai vì chư Thiên nói Năm đế, với ta chỉ nói Bốn đế”. Vì sao ? Chư Phật Thế Tôn trọn không hai lời, chư Phật trọn không bỏ chúng sanh, nói pháp cũng không môi mệ, nói pháp cũng không tận, lại chẳng lựa người để nói pháp, tâm bình đẳng mà nói pháp. Có Bốn đế là Khổ, Tập, Tận, Đạo; nay

Ông chớ nghĩ như vậy mà đổ lỗi Như Lai nói có Năm đế.

A-tu-la trả lời:

— Nay tôi làm việc không tốt, tự sẽ sám hối. Cần phải đến chỗ Phật hỏi nghĩa này.

Bấy giờ, A-tu-la và Thiên tử nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Trời đất chấn động mạnh có tám nhân duyên. Thế nào là tám ? Tỳ-kheo nên biết ! Đất của Diêm-phù-đê này, chiều Nam Bắc hai vạn một ngàn do-tuần, chiều Đông Tây bảy ngàn do-tuần, bề dày sáu vạn tám ngàn do-tuần. Nước sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, lửa dày tám vạn bốn ngàn do-tuần. Dưới lửa có lớp gió dày sáu vạn tám ngàn do-tuần. Phía dưới gió có lớp Kim cang luân xá-lợi của chư Phật Thế Tôn thời quá khứ đều ở đây.

Tỳ-kheo nên biết ! Hoặc có khi gió lớn chấn động, lửa cũng động. Lửa đã động, nước liền động,

nước đã động, đất liền động. Đây là nhân duyên thứ nhất khiến đất chấn động mạnh.

Lại nữa, khi Bồ-tát từ cõi Trời Đâu-suất giáng thân vào thai mẹ, lúc ấy đất cũng chấn động mạnh. Đây là nhân duyên thứ hai khiến đất chấn động mạnh.

Lại nữa, khi Bồ-tát giáng thân ra khỏi thai mẹ, lúc ấy trời đất chấn động mạnh. Đây là nhân duyên thứ ba khiến đất chấn động mạnh.

Lại nữa, khi Bồ-tát xuất gia học đạo, thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, lúc ấy trời đất chấn động mạnh. Đây là nhân duyên thứ tư khiến đất chấn động mạnh.

Lại nữa, nếu Như Lai ở cảnh giới Vô dư Niết-bàn diệt độ, lúc ấy trời đất chấn động mạnh. Đây là nhân duyên thứ năm khiến đất chấn động mạnh.

Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo đại thân túc, tâm được tự tại, tùy ý muốn làm vô số biến hóa, hoặc phân thân ra trăm nghìn, rồi trở lại một thân, bay trên hư không, xuyên qua vách tường núi đá, ẩn hiện tự do, quán đất không có tướng đất, thấy đều rỗng không, lúc ấy đất chấn động mạnh. Đây là nhân duyên thứ sáu đất chấn động mạnh.

Lại nữa, chư Thiên đại thân túc, thân đức vô

lượng, mệnh chung từ nơi ấy lại sanh trở về nơi ấy. Do phước đời trước tạo đầy đủ các đức, bỏ thân Trời cũ, được làm Đế Thích hoặc Phạm thiên vương. Lúc ấy đất chấn động mạnh. Đó là nhân duyên thứ bảy đất chấn động mạnh.

Lại nữa, nếu chúng sanh mệnh chung phước hết. Khi ấy các quốc vương không vừa ý nước của mình. Các nước chinh phạt lẫn nhau, hoặc bị đói hiểm mà chết, hoặc bị đao bén mà chết. Lúc ấy trời đất chấn động mạnh. Đó là nhân duyên thứ tám khiến đất chấn động mạnh.

Như thế Tỳ-kheo ! Có tám nhân duyên khiến trời đất chấn động mạnh.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Tôn giả A-na-luật ở tại bốn nơi Phật cư trú.

Lúc ấy, A-na-luật ở chỗ vắng khỏi ý niệm này: “Trong hàng đệ tử của Phật Thích-ca Văn những bậc thành tựu giới đức trí tuệ, đều nương vào giới luật, ở trong Chánh pháp này mà được nuôi lớn. Người không đầy đủ giới luật trong hàng Thanh văn, những người này đều lìa Chánh pháp, không

tương ứng với giới luật. Nay, như hai pháp này, Giới và Văn, pháp nào hơn ? Nay ta có thể đem cội gốc nhân duyên này, đến hỏi Như Lai, việc này thế nào ?”.

A-na-luật lại khởi ý niệm này: “Pháp này là việc làm của người tri túc, không phải việc làm của người không biết đủ. Pháp này là việc làm của người thiếu dục, không phải việc làm của người đa dục. Pháp này là việc làm của người ở chỗ vắng, không phải việc làm của người ở chỗ ồn. Pháp này là việc làm của người trì giới, không phải việc làm của người phạm giới. Pháp này là việc làm của người định, không phải việc làm của người loạn. Pháp này là việc làm của người trí tuệ, không phải việc làm của người ngu si. Pháp này là việc làm của người đa văn, không phải việc làm của người ít học”.

Lúc ấy, A-na-luật, suy nghĩ về tám điều tâm niệm của bậc đại nhân rồi nghĩ rằng: “Nay ta có thể đến chỗ Thế Tôn để hỏi nghĩa này”.

Bấy giờ, Thế Tôn ở tại thành Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc thỉnh Phật và chư Tỳ-kheo Tăng kiết hạ ba tháng. A-na-luật dẫn năm trăm Tỳ-kheo, dần dần du hóa trong

nhân gian, lần đến nước Xá-vệ, đến chỗ đức Phật, cúi đầu dâng lễ Phật, lui ngồi một bên.

Tôn giả A-na-luật bạch Phật:

— Con ở nơi vắng lặng, suy nghĩ về nghĩa này. Giới và Văn, hai pháp này pháp nào tối thắng ?

Khi ấy, đức Phật bèn vì A-na-luật nói kệ:

*Giới hơn hay Văn hơn,
Nay Ông khởi hồ nghi,
Giới tối thắng hơn Văn,
Trong đó có gì nghi.*

Vì sao ? A-na-luật nên biết ! Nếu Tỳ-kheo thành tựu giới, liền được định ý. Đã được định ý liền được trí tuệ. Đã được trí tuệ liền được đa văn. Đã được đa văn liền được giải thoát. Đã được giải thoát liền được diệt độ nơi Niết-bàn vô dư. Do điều này biết rõ rằng giới là tối thắng.

Lúc ấy, A-na-luật hướng về Thế Tôn, nói tám điều tâm niệm của bậc Đại nhân.

Phật bảo A-na-luật:

— Lành thay, lành thay, A-na-luật ! Điều Thầy suy nghĩ chính là điều suy nghĩ của bậc Đại nhân: Ít muốn, biết đủ, ở chỗ vắng, thành tựu giới,

thành tựu chánh định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn.

A-na-luật ! Nay Thầy nên khởi ý này, suy nghĩ về tám điều tâm niệm của bậc Đại nhân. Thế nào là tám ? Pháp này là việc làm của người tinh tấn, không phải việc làm của người giải đãi. Vì sao ? Bồ-tát Di-lặc đáng lễ trong ba mươi kiếp sẽ thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng Ta do sức tinh tấn mà thành Phật trước hơn.

A-na-luật biết đó, các đức Phật Thế Tôn đồng một bậc, đồng nhau về giới luật, giải thoát, trí tuệ không khác; cũng lại đồng nhau về không, vô tướng, vô nguyện, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân, nhìn không chán, không thể thấy đảnh, thấy đều không khác; chỉ có tinh tấn không đồng. Đối với chư Phật Thế Tôn thời quá khứ và tương lai, người tinh tấn hơn hết là Ta.

Cho nên, này A-na-luật ! Điều tâm niệm thứ tám của bậc Đại nhân này là tối thượng, là tôn quý, không có thí dụ nào sánh kịp. Cũng như do sữa có lạc, do lạc có tô, do tô có đề hồ nhưng trong đó đề hồ là hơn hết, không thể so sánh. Đây cũng thế, ý niệm tinh tấn đối với trong tám điều tâm niệm của bậc Đại nhân là tối thượng, thật không thể so sánh.

Cho nên A-na-luật, nên vâng theo tám điều tâm niệm của bậc Đại nhân, cũng nên vì bốn bộ chúng phân biệt nghĩa ấy. Nếu tám điều tâm niệm của Đại nhân được lưu truyền tại thế gian thì khiến đệ tử Ta đều được thành tựu quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

Vì sao ? Pháp Ta là điều được làm của người thiếu dục, không phải điều được làm của người đa dục. Pháp Ta là điều được làm của người tri túc, không phải điều được làm của người không biết đủ. Pháp Ta là điều được làm của người ở chỗ vắng, không phải điều được làm của người ở trong chúng. Pháp Ta là điều được làm của người trì giới, không phải là điều được làm của người phạm giới. Pháp Ta là điều được làm của người định, không phải điều được làm của người loạn. Pháp Ta là điều được làm của người trí, không phải điều được làm của người ngu. Pháp Ta là điều được làm của người tinh tấn, không phải điều được làm của người giải đãi.

Thế nên, A-na-luật ! Bốn bộ chúng nên tìm cách thực hành tám điều tâm niệm của bậc Đại nhân này. Như thế, A-na-luật, nên học điều này.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có tám bộ chúng, các Thầy nên biết. Thế nào là tám ? Đó là chúng Sát-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng Trưởng giả, chúng Sa-môn, chúng Tứ thiên vương, chúng Trời Ba mươi ba, chúng Ma vương, chúng Phạm thiên.

Tỳ-kheo nên biết ! Từ trước đến nay Ta đi vào trong chúng Sát-lợi, cùng họ chào hỏi nói năng đàm luận, cũng không người nào bằng Ta, Ta đi một mình không bạn bè, cũng không ai ngang hàng. Ta ít muốn, biết đủ, niệm không lầm loạn, thành tựu giới, thành tựu chánh định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn, thành tựu tinh tấn.

Lại tự nhớ nghĩ, Ta vào trong chúng Bà-la-môn, chúng Trưởng giả, chúng Sa-môn, chúng Tứ thiên vương, chúng Trời Ba mươi ba, chúng Ma vương, chúng Phạm thiên vương, cùng họ chào hỏi nói năng đàm luận, Ta đi một mình không bạn bè, cũng không ai ngang hàng, ở trong ấy tối tôn, cũng không người sánh bằng. Ta ít muốn biết đủ, ý

không lấm loạn, thành tựu giới, thành tựu chánh định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn, thành tựu tinh tấn.

Bấy giờ trong tám bộ chúng, Ta đi riêng một mình không bạn bè, vì bao nhiêu chúng sanh làm tàn che lớn. Khi ấy tám bộ chúng không thể thấy danh, cũng không dám nhìn mặt, huống gì cùng luận nghị. Vì sao ? Vì Ta cũng không thấy trong cõi Trời, cõi Người, trong chúng Ma hoặc Thiên ma, chúng Sa-môn, Bà-la-môn có ai có thể thành tựu tám pháp này, trừ Như Lai không kể. Cho nên Tỳ-kheo ! Nên tìm phương tiện thực hành tám pháp này. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, trưởng giả A-na-bân-đề đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo trưởng giả:

— Trong nhà trưởng giả bố thí rộng lớn, phải chăng ?

Trưởng giả bạch Phật:

— Bồ thí cho nhà nghèo, ngày đêm không ngừng, tại bốn cửa thành, và trong chợ lớn, trong nhà, nơi đường đi, Phật và Tỳ-kheo Tăng. Đó là tám chỗ bố thí.

Như thế, Bạch Thế Tôn ! Người đòi cần gì, cần y phục cho y phục, cần thức ăn cho thức ăn, trọn không vi phạm đến trân bảo của nước nhà. Y phục, mền nệm, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh, trị ghẻ, thầy đều cấp thí cho.

Cũng có chư Thiên đến chỗ con, ở trên hư không bảo rằng: “Nên phân biệt tôn ty ! Người này trì giới, người này phạm giới; cho người này được phước, cho người này không được không báo đền”

Song tâm con không có bì thù, không khởi tâm tăng giảm; lòng từ bình đẳng khắp tất cả chúng sanh. Hơn nữa, chúng sanh nương mạng căn mà thân hình tồn tại, có ăn mới sống, không ăn thì mạng căn không cứu giúp. Bồ thí cho tất cả chúng sanh, quả báo ấy vô lượng, thọ quả báo ấy không có tăng giảm.

Phật bảo trưởng giả:

— Lành thay, lành thay ! Trưởng giả, bồ thí bình đẳng, phước tôn quý bậc nhất. Song tâm của

chúng sanh, lại có hơn kém, như bố thí cho người trì giới hơn bố thí người phạm giới.

Lúc ấy trên hư không, chư Thiên thân khen ngợi vô lượng, liền nói kệ này.

*Phật nói chọn thí hơn
Chúng ngu có tăng giảm,
Muốn được ruộng phước tốt,
Ai hơn chúng của Phật ?*

Nay lời Thế Tôn nói, rất là thích thay ! Bố thí cho người trì giới hơn người phạm giới.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo trưởng giả A-na-bân-đề:

— Nay Ta sẽ nói với Ông về chúng Hiền Thánh. Hãy khéo suy nghĩ ghi nhớ, giữ trong tâm: Hoặc bố thí ít được phước nhiều, hoặc bố thí nhiều được phước nhiều.

Trưởng giả A-na-bân-đề bạch Phật:

— Cúi xin Thế Tôn diễn bày nghĩa ấy. Thế nào là thí ít được phước nhiều ? Thế nào là thí nhiều cũng được phước nhiều ?

Phật bảo Trưởng giả:

— Các vị hướng A-la-hán, đặc A-la-hán, hướng A-na-hàm, đặc A-na-hàm, hướng Tư-dà-hàm, đặc Tư-dà-hàm, hướng Tu-dà-hoàn, đặc Tu-dà-hoàn,

Trưởng giả, đó gọi là chúng Hiền Thánh, bố thí ít được phước nhiều, bố thí nhiều được phước nhiều hơn.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

*Người thành tựu Tứ hướng,
Thành tựu Tứ quả thật.
Đây là chúng Hiền Thánh,
Bố thí được phước rộng.*

Các đức Phật Thế Tôn ở đời quá khứ lâu xa cũng có chúng Hiền Thánh này như Ta ngày nay không khác. Giả sử đời vị lai, các đức Phật Thế Tôn xuất hiện nơi đời, cũng có chúng Hiền Thánh như thế này. Cho nên, này Trưởng giả ! Hãy có tâm hoan hỷ vui mừng cúng dường Thánh Chúng.

Lúc ấy, đức Phật vì Trưởng giả nói pháp vi diệu, để an lập địa vị bất thối chuyển. Trưởng giả nghe pháp xong, vui mừng vô lượng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, đi nhiều ba vòng, rồi lui ra.

Bấy giờ, trưởng giả A-na-bân-đề nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn dùng tài vật bố thí thì sẽ được tám công đức. Thế nào là tám ? Một là tùy thời bố thí, không phải là phi thời. Hai là thanh khiết bố thí, không phải là uế trược. Ba là tự tay đưa cho, không nhờ người khác. Bốn là tự nguyện bố thí, không có tâm kiêu tú. Năm là giải thoát mà bố thí, không hy vọng báo đáp. Sáu là bố thí cầu diệt độ, không cầu sanh Thiên. Bảy là bố thí tìm ruộng tốt, không bố thí đất hoang. Tám là đem công đức này bố thí chúng sanh, không tự vì mình.

Như thế, này các Tỳ-kheo ! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn dùng tài vật bố thí được tám công đức.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

*Người trí tùy thời thí,
Không có tâm tham tiếc,
Đã làm công đức rồi,
Đem thí hết cho người.
Thí này là tối thắng,
Được chư Phật khen ngợi,
Hiện thân thọ quả báo,
Chết đt thọ phước Trời.*

Cho nên, các Tỳ-kheo ! Người muốn tìm quả báo kia, nên làm tám việc này, phước báo ấy vô lượng không thể tính kể, được báu cam lồ, dần dần đến diệt độ. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta sẽ nói về con đường dẫn đến Nê-lê (địa ngục) và con đường hướng đến Niết-bàn. Hãy khéo suy nghĩ ghi nhớ điều này, đừng để rơi mất.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

— Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy. Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Thế nào là con đường dẫn đến Nê-lê, con đường hướng đến Niết-bàn ? Tà kiến dẫn đến Nê-lê, chánh kiến hướng đến Niết-bàn. Tà tri (tà tư duy) hướng đến đường Nê-lê, chánh trí (chánh tư duy) là đường hướng đến Niết-bàn. Tà ngữ dẫn đến

đường Nê-lê, chánh ngữ hướng đến Niết-bàn. Tà nghiệp dẫn đến đường Nê-lê, chánh nghiệp hướng đến Niết-bàn. Tà mạng dẫn đến đường Nê-lê, chánh mạng hướng đến Niết-bàn. Tà phương tiện hướng đến đường Nê-lê, chánh phương tiện hướng đến Niết-bàn. Tà niệm dẫn đến đường Nê-lê, chánh niệm hướng đến Niết-bàn. Tà định dẫn đến đường Nê-lê, chánh định dẫn đến Niết-bàn.

Này các Tỳ-kheo ! Đó là đường dẫn đến Nê-lê, đường hướng đến Niết-bàn. Pháp mà chư Phật Thế Tôn thường nói, nay đã rớt ráo. Các Thầy nên ở chỗ vắng vẻ, ngồi dưới gốc cây, nơi đồng trống, nghĩ nhớ làm pháp lành, dùng khởi tâm giải đãi, kiêu mạn. Hôm nay không siêng năng, sau hối không kịp.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Phi thời, Nê-lê, Đạo,
Tu-la, Trời, Đất động,
Tám điều niệm Đại nhơn, Chúng,
Thiện nam tử thí, Đạo.*

*
* *

XXXXIII. PHẨM THIÊN TỬ MÃ HUYẾT HỎI VỀ BÁT CHÁNH (1)

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Thiên tử Mã Huyết vào lúc không người, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân, lui ngồi một bên.

Bấy giờ, Thiên tử bạch Phật:

— Vừa rồi con khởi ý niệm này: “Đi bộ trên đất này có thể đến cùng tận thế giới này chăng ?” Nay con hỏi Thế Tôn, có thể đi cùng tận thế giới chăng ?

Phật bảo:

— Nay Ông do nghĩa lý gì mà hỏi điều này ?

Thiên tử bạch Phật:

Trước kia, một hôm con đến chỗ Phạm thiên Bà-già. Khi ấy, Phạm thiên từ xa thấy con đến, nói với con rằng: “Khéo đến đây, Thiên tử Mã Huyết ! Chỗ này là cảnh giới vô vi, không sanh, không già, không bệnh, không chết, không kết cuộc, không khởi đầu, cũng không buồn lo khổ não”.

Lúc ấy con lại khởi nghĩ rằng: “Đây là đạo Niết-bàn ư ? Vì sao ? Trong Niết-bàn không có sanh, già, bệnh, chết, buồn lo khổ não. Đây là bờ mé tội cùng của thế giới ư ? Nếu là bờ mé tội cùng của thế giới, thế là thế gian có thể đi suốt hết ư ?”

Thế Tôn bảo:

— Nay thân tức của Ông thuộc loại nào ?

Thiên tử bạch Phật:

— Cũng như lực sĩ giòi bắn cung, tên bay không trở ngại. Hiện nay thân tức của con, đức ấy như thế, không bị ngăn ngại.

Thế Tôn bảo:

— Nay Ta hỏi Ông, tùy chỗ ưa thích trả lời. Như có bốn thanh niên giòi về bắn cung, bốn người hướng về bốn phía bắn. Giả sử có người đến, muốn bắt hết mũi tên của bốn phía, không cho rơi xuống

đất. Thế nào, Thiên tử ? Người này có rất nhanh nhẹn chẳng mới có thể khiến tên không rơi xuống đất ?

Thiên tử nên biết ! Trên cung điện Nhật Nguyệt có vị Thiên tử đi bước nhanh đi lại, tới dừng vượt hơn sức nhanh của người kia. Song cung điện Nhật Nguyệt đi nhanh như vậy, so với sức nhanh của người kia cùng sức nhanh của Thiên tử cung Nhật Nguyệt, không bằng sức nhanh của Trời Ba mươi ba. Tính sức nhanh của Trời Ba mươi ba không bằng sức nhanh của Trời Diêm-ma. Thần túc của chư Thiên như thế, mỗi mỗi không kịp nhau. Giả sử nay Ông có thần đức như chư Thiên kia, từ kiếp này sang kiếp khác, cho đến trăm kiếp, còn không thể cùng tận thế giới. Vì sao ? Phương vực của cõi đất không thể tính kể.

Thiên tử nên biết ! Thời quá khứ lâu xa, Ta từng làm tiên nhơn tên Mã Huyết, cùng tên với Ông. Ta đã chấm dứt dục ái, bay trong hư không không ngăn ngại. Bấy giờ thần túc của Ta khác hơn người, trong khoảng khảy móng tay có thể bắt mũi tên của bốn phía không để rơi xuống. Khi ấy, Ta do có thần túc bèn khởi ý nghĩa này: “Nay Ta có thể dùng thần túc này để đi cùng tận bờ mé của cõi đất chẳng ? Ta liền đi khắp thế giới mà không thể cùng

tận phương vực ấy. Sau khi mạng chung, Ta tấn đức tu nghiệp, thành Phật đạo, ngồi dưới cội cây, đoan tọa tư duy về những việc làm đã qua. Vốn là tiên nhơn, Ta dùng thân đức này còn không cùng tận phương vực kia, phải dùng thân lực nào mới rớt ráo bờ mé ấy ?

Ta lại nghĩ thế này: “Cần phải nương Tám đạo phẩm của Hiền Thánh, sau đó mới cùng tận bờ mé sanh tử”. Thế nào gọi là nương Tám đạo phẩm của Hiền Thánh ? Đó là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Nay Thiên tử ! Nên biết tên Tám đạo phẩm của Hiền Thánh này mới cùng tận được bờ mé thế giới. Hằng sa chư Phật quá khứ cùng tận được thế giới, đã tận dụng Tám đạo phẩm của Hiền Thánh này mà tột cùng thế giới.

Giả sử vị lai các đức Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời thì chư vị cũng sẽ dùng Tám đạo phẩm của Hiền Thánh này mà được cùng tận bờ mé.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

*Đi bộ không rớt ráo
Tận cùng được thế giới,
Địa chủng không thể kể,
Thân tức không thể kịp.*

Phàm phu khởi ý niệm,
Trong đó khởi mê hoặc,
Không phân biệt pháp chánh,
Lưu chuyển trong năm đường.
Tám phẩm của Hiền Thánh,
Dùng đây làm thuyền bè,
Chỗ hành của chư Phật,
Mà tội mê thế giới.
Giả sử Phật đương lai,
Như Phật Di-lặc thấy,
Cũng dùng Tám đạo chúng,
Được tận thế giới này.
Cho nên người có trí,
Tu đạo Hiền Thánh này,
Ngày đêm tập làm theo,
Liên đến chỗ vô vi.

Lúc ấy, Thiên tử Mã Huyết nghe Phật nói Tám đạo phẩm của Hiền Thánh, liền ngay chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ, Thiên tử liền cúi đầu lễ chân Phật, đi quanh Phật ba vòng rồi lui ra. Lúc ấy, Thiên tử kia cũng ngày đó đem các thứ hoa đẹp rải trên Như Lai, liền nói kệ:

Lưu chuyển sanh tử lâu,

*Muốn đi hết thế giới,
Tám đạo phẩm Hiền Thánh,
Không biết cũng không thấy.
Nay Ta do thấy đế,
Lại nghe Tám đạo phẩm,
Liên được tận bờ mé,
Chỗ chư Phật đã đến.*

Bấy giờ, đức Phật chấp nhận lời của Thiên tử ấy. Thiên tử thấy Phật đã chấp nhận, liền lễ chân Phật lui ra.

Bấy giờ, Thiên tử nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta sẽ nói về pháp Bát quan trai Hiền Thánh, các Thầy khéo suy nghĩ ghi nhớ, tùy hỷ vâng làm.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

— Thế nào gọi là pháp Bát quan trai ? Một là không sát sanh. Hai là không trộm cắp. Ba là không

tà dâm. Bốn là không vọng ngữ. Năm là không uống rượu. Sáu là không ăn phi thời. Bảy là không nằm giường cao rộng. Tám là xa lìa hát xướng, hương hoa thoa thân.

Này Tỳ-kheo ! Đó là pháp Bát quan trai Hiền Thánh.

Khi ấy, Ưu-ba-ly bạch Phật:

— Làm thế nào tu hành pháp Bát quan trai ?

Đức Phật bảo:

— Ở đây này Ưu-ba-ly ! Thiện nam tử, thiện nữ nhor vào các ngày mùng tám, mười bốn, rằm, đến chỗ các Sa-môn, hoặc Tỳ-kheo trưởng lão, tự xưng tên, từ sáng đến chiều, như A-la-hán, giữ tâm không thay đổi, không lay động, không dùng dao gậy với quần sanh, lòng từ khắp tất cả. “Nay ta thọ trai pháp, không phạm một điều, không khởi tâm sát, tập theo lời dạy của bậc Chân nhân, không trộm, không dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, không ăn phi thời, không nằm giường cao rộng, không tập hát xướng đánh đàn, hoa hương xoa thân”.

Nếu người có trí tuệ, nên nói như thế; nếu người không trí tuệ, nên dạy họ như thế.

Lại, Tỳ-kheo kia nên chỉ dạy cặn kẽ, đừng để

mất, cũng chớ vượt thứ lớp. Lại nên dạy họ phát thệ nguyện.

Ưu-ba-ly bạch Phật:

— Nên phát nguyện thế nào ?

Phật bảo:

— Người kia phát nguyện rằng: “Nay con do pháp Bát quan trai này, không rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng không rơi vào chỗ bất nạn, không ở biên địa, không rơi chỗ hung ác, không theo ác tri thức; thờ phụng cha mẹ, chuyên cánh không tập tà kiến, sanh vào trung tâm của quốc gia, nghe pháp lành này, phân biệt suy nghĩ, thành tựu từng pháp; đem công đức giữ gìn trai pháp này, nhiếp thủ điều lành cho tất cả chúng sanh; đem công đức này bố thí người ấy, khiến thành đạo Vô thượng Chánh chơn; đem phước báu thệ nguyện này bố thí cho hàng Tam thừa khiến không thoái chuyển nửa chừng”.

Lại nữa, pháp Bát quan trai này được dùng để học Phật đạo, Bích-chi Phật đạo, A-la-hán đạo. Người học Chánh pháp trên thế giới cũng tập nghĩa này. Giả sử đời vị lai, khi đức Phật Di-lặc xuất hiện, bậc Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, ai gặp hội của Ngài khiến đứng thời được độ.

Thời đức Phật Di-lặc ra đời, Thanh văn có ba hội. Hội thứ nhất có chín mươi sáu ức chúng Tỳ-kheo, hội thứ hai có chín mươi bốn ức chúng Tỳ-kheo, hội thứ ba có chín mươi hai ức chúng Tỳ-kheo, đều là bậc A-la-hán các lậu đã hết. Vua nước ấy và bậc thầy giáo thọ của quốc gia cũng sẽ dạy những lời như thế, không thể thiếu sót.

Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

— Nếu thiện nam tử, thiện nữ nơh kia, tuy giữ pháp Bát quan trai, trong ấy không phát thệ nguyện, có được công đức lớn chăng ?

Đức Phật bảo:

— Tuy được phước, phước ấy không đủ. Vì sao ? Nay Ta sẽ nói.

Thời quá khứ có vua tên Bảo Nhạc, dùng pháp trị dân không cong vạy, thống lãnh cảnh giới Diêm-phù-đề này. Bấy giờ có đức Phật hiệu là Bảo Tạng Như Lai, Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian. Nhà vua có người con gái tên là Mâu-ni, dung mạo rất đặc biệt thù thắng, sắc mặt như hoa đào, đều do đời trước cúng dường chư Phật mà được như vậy.

Bấy giờ, đức Phật kia cũng có ba hội Thanh văn. Hội ban đầu có một ức sáu vạn tám ngàn chúng. Hội thứ hai có một ức sáu vạn chúng. Hội thứ ba có một ức ba vạn chúng. Đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết. Lúc ấy, đức Phật kia vì các đệ tử thuyết pháp như thế này:

— “Các Tỳ-kheo ! Nên nhớ tọa Thiền, chớ giải đãi, lại cần tìm phương tiện tụng tập kinh giới”.

Vị thị giả của đức Phật tên Mãn Nguyên, đa văn đệ nhất, như Tỳ-kheo A-nan của Ta ngày nay đa văn hơn hết. Khi ấy, Tỳ-kheo Mãn Nguyên, bạch đức Phật Bảo Tạng:

— “Có các Tỳ-kheo các căn chậm chạp, u tối, cũng không tinh tấn đối với pháp Thiền định, cũng không tụng tập. Hôm nay Thế Tôn sẽ xếp những người như thế vào nhóm nào ?”

Đức Phật Bảo Tạng dạy:

— “Nếu như có Tỳ-kheo các căn ám độn, không kham thực hành pháp Thiền, nên tu về ba pháp nghiệp của bậc Thượng nhân. Thế nào là ba ? Là tọa Thiền, tụng kinh, siêng năng giúp đỡ việc chúng”.

Như thế, đức Phật kia vì các đệ tử nói pháp vi diệu như thế. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo trưởng lão cũng không kham tu hành pháp Thiền. Tỳ-kheo kia

bèn nghĩ rằng: “Nay ta tuổi già yếu, không thể tu pháp Thiên, nay ta nên tìm cách làm theo pháp siêng năng giúp đỡ”. Khi ấy, Tỳ-kheo trưởng lão kia đi vào thành Dã Mã, xin dầu thắp đèn về cúng dường đức Phật Bảo Tạng, khiến cho ánh sáng không dứt. Công chúa Mâu-ni thấy Tỳ-kheo trưởng lão này đi xin trên các đường phố, liền hỏi:

— “Thầy Tỳ-kheo ! Hôm nay Thầy cần gì ?”

Tỳ-kheo đáp:

— “Công chúa nên biết ! Tôi tuổi đã già, không kham tu hành pháp Thiên, nên đi xin các loại dầu để cúng dường Phật, tiếp tục ánh sáng của bậc Tôn quý.

Khi ấy, công chúa nghe danh hiệu Phật, vui mừng, phấn khởi không thể dùng, liền thưa với Tỳ-kheo trưởng lão:

— Tỳ-kheo ! Nay Thầy đừng đi xin các nơi khác, tôi sẽ tự cung cấp các loại dầu đèn, thầy đều bố thí đủ hết.

Tỳ-kheo trưởng lão nhận sự bố thí của công chúa, mỗi sáng đến lấy dầu cúng dường đức Phật Bảo Tạng. Thấy nguyện đem công đức phước nghiệp này, hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh chơn. Miệng tự nói rằng: “Tuổi đã già lại căn tánh chậm, không có trí tuệ

thực hành được pháp Thiên, đem công đức này, nơi sanh ra không rơi vào đường ác, khiến đời tương lai được gặp đấng Thế Tôn như đức Phật Bảo Tạng hiện nay không khác. Cũng được gặp Thánh chúng như Thánh chúng hiện nay không khác, nói pháp cũng như hiện nay không khác”.

Khi ấy, đức Phật Bảo Tạng biết ý niệm trong tâm thầy Tỳ-kheo kia, liền mỉm cười, trong miệng phát ra hào quang năm sắc mà bảo rằng:

— “Này Tỳ-kheo ! Qua vô số kiếp đời vị lai, Thầy sẽ làm Phật hiệu Đăng Quang Như Lai, Chí Chơn Đăng Chánh Giác”.

Khi ấy, Tỳ-kheo trưởng lão vui mừng hơn hờ không thể tự kềm, thân tâm vững chắc, ý không thoái chuyển, nhan sắc đặc biệt không giống ngày thường. Công chúa Mâu-ni thấy Tỳ-kheo ấy dung mạo đặc biệt hơn ngày thường, liền hỏi:

— “Tỳ-kheo ! Hôm nay sắc diện rất là thù diệu, không giống ngày thường, có điều gì đặc ý ?”

Tỳ-kheo đáp:

— “Công chúa nên biết, vừa rồi Như Lai dùng cam lộ rưới trên danh tôi.”

Công chúa Mâu-ni hỏi:

— “Nhu Lai dùng cam lô rưới trên đánh thế nào ?”

Tỳ-kheo đáp:

— “Tôi được đức Như Lai Bảo Tạng thọ ký, nói rằng qua tương lai vô số a-tăng-kỳ kiếp, tôi sẽ làm Phật, hiệu là Đăng Quang Như Lai Chí Chơn Đăng Chánh Giác. Thân tâm tôi vững chắc, ý không thối chuyển. Như thế, Công chúa, vì tôi được Như Lai thọ ký”.

Công chúa hỏi:

— “Đức Phật không thọ ký cho tôi ư ?”

Tỳ-kheo trưởng lão đáp:

— “Tôi cũng không biết có thọ ký cho Công chúa chăng ?”

Công chúa nghe thấy Tỳ-kheo nói rồi, liền cỡi xe vũ bảo, đến chỗ đức Phật Bảo Tạng, cúi đầu lễ chân Phật lui ngồi một bên. Công chúa bạch Phật:

— “Nay con là đàn việt thí chủ, thường cung cấp các thứ dầu cần dùng. Mà nay Thế Tôn thọ ký cho thầy Tỳ-kheo, riêng không thọ ký cho con”.

Đức Phật Bảo Tạng đáp:

— “Phát tâm cầu nguyện, phước ấy khó lường, huống gì dùng tài vật bố thí”.

Công chúa Mâu-ni thưa:

— “Nếu Như Lai không thọ ký cho con, con sẽ tự đoạn mạng sống của mình”.

Đức Phật Bảo Tạng đáp:

— “Làm thân người nữ, cầu làm Chuyển luân Thánh vương không được, cầu làm Đế Thích cũng không được, cầu làm Phạm thiên vương cũng không được, cầu làm Ma vương cũng không được, cầu làm Phật cũng không được”.

Công chúa thưa:

— “Nhất định con không thể thành đạo Vô thượng được u ?”

Phật Bảo Tạng đáp:

— “Được, Công chúa Mâu-ni được thành đạo Vô thượng Chánh chơn. Song Công chúa nên biết, về tương lai qua vô số a-tăng-kỳ kiếp có Phật ra đời, đó là thiện tri thức của Cô, đức Phật kia sẽ thọ ký cho Cô”

Khi ấy, công chúa bạch Phật:

— “Người nhận thanh tịnh, còn thí chủ uest trước chăng ?”

Phật Bảo Tạng đáp:

— “Những gì Ta nói hôm nay, là tâm ý thanh tịnh, phát nguyện vững chắc”.

Công chúa nói xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, đi quanh Phật ba vòng rồi lui ra.

Ưu-ba-ly nên biết ! Qua vô số a-tăng-kỳ kiếp, Phật Đấng Quang xuất hiện ở đời tại nước lớn tên là Bát-đầu-ma, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo mười sáu vạn tám ngàn người câu hội. Quốc vương và nhân dân nước ấy đều đến kính thờ Phật. Khi ấy, nước kia có vua tên Đề-bà-diên-na, dùng pháp trị hóa, thống lãnh cõi Diêm-phù-đề. Nhà vua thỉnh Phật và chúng Tỳ-kheo đến để cúng dường trai phạn.

Bấy giờ, đức Phật Đấng Quang sáng sớm dậy mang bát, dẫn chúng Tỳ-kheo vào thành. Khi ấy, có một Phạm chí tên Di-lặc, gương mặt đoan chánh, riêng vượt hơn mọi người, như là Phạm thiên, thông suốt các kinh tạng thầy đều quán triệt, các sách vở, chú thuật, thầy đều rành rẽ, thiên văn, địa lý thầy đều biết rõ. Phạm chí kia xa thấy Phật Đấng Quang đi đến, dung mạo đặc biệt thù thắng, phi thường hơn đời, các căn vắng lặng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân; thấy rồi liền phát khởi lòng hoan hỷ, sanh lòng lành nghĩ rằng: “Các sách vở ghi chép việc Như Lai

xuất hiện rất là khó gặp, đúng thời mới xuất hiện, như hoa Ưu-bát đúng thời mới xuất hiện, nay ta nên đến thú”.

Khi ấy, Phạm chí tay cầm năm cành hoa, đến chỗ Thế Tôn, lại khởi nghĩ thế này: “Ai có đủ ba mươi hai tướng tốt gọi là thành Phật”. Ông liền đem năm cành hoa tung lên mình Phật, và mong thấy được ba mươi hai tướng tốt. Song ông chỉ thấy ba mươi tướng, mà không thấy thêm hai tướng nữa, liền khởi hồ nghi: “Nay quan sát Thế Tôn, không thấy được tướng lười rộng dài và tướng mã âm tàng”.

Ông liền nói kệ:

*Nghe có ba hai tướng,
Tướng mạo của Đại nhơn,
Nay không thấy hai tướng,
Tướng hảo có đủ chăng ?
Có tướng mã âm tàng,
Trình khiết không dâm chăng ?
Có tướng lười rộng dài,
Chấm tai, trùn mặt chăng ?
Vì tôi hiện tướng ấy,
Để dứt các hồ nghi,
Mã âm và tướng lười,
Xin nguyện muốn thấy đó.*

Khi ấy, đức Phật Đăng Quang liền nhập chánh định khiến Phạm chí thấy được hai tướng ấy. Đức Phật Đăng Quang liền bày tướng lưới rộng dài, liềm tròn cả mặt, phóng ánh sáng lớn, trở lại từ đánh chui vào. Phạm chí thấy đức Phật có đầy đủ ba mươi hai tướng, thấy rồi vui mừng hơn hờ không thể tự kiềm, rồi nói thế này:

— Cúi xin Thế Tôn chứng minh cho con, ngày nay dùng năm cành hoa dâng lên Như Lai, và đem thân này cúng dường bậc Tôn Thánh.

Khi phát thệ này, năm cành hoa ở trên không trung hóa thành đài báu, rất thù diệu, có bốn trụ bốn cửa. Phạm chí thấy đài báu, vui mừng hơn hờ không thể tự kiềm, phát lời nguyện: “Xin cho con đời sau được làm Phật như đức Phật Đăng Quang, đệ tử đồ chúng thầy đều như thế”.

Khi ấy, đức Phật Đăng Quang biết ý nghĩ trong tâm Phạm chí liền mỉm cười. Pháp thường của chư Phật, khi thọ ký thì Phật mỉm cười, trong miệng phát ra hào quang năm sắc chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Lúc ánh sáng đã chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, mặt trời mặt trăng không còn ánh sáng, ánh sáng ấy lại từ đánh mà vào. Nếu khi thọ ký thành Phật thì ánh sáng

từ danh vào. Nếu khi thọ ký thành Bích-chi Phật, ánh sáng từ miệng phát ra lại trở vào lỗ tai. Nếu thọ ký thành Thanh văn, thì ánh sáng trở vào vai. Nếu thọ ký sanh lên Trời, lúc ấy ánh sáng trở vào cánh tay. Nếu thọ ký sanh loài Người, ánh sáng trở vào hai bên hông. Nếu thọ ký sanh ngạ quỷ, thời ánh sáng trở vào nách. Nếu thọ ký sanh súc sanh, ánh sáng trở vào đầu gối. Nếu thọ ký sanh địa ngục, ánh sáng đi vào gót chân.

Khi ấy, Phạm chí thấy ánh sáng trở vào đỉnh đầu, vui mừng hơn hờ không thể tự kềm, liền trải tóc dưới đất và nói lời này: “Nếu đức Phật không thọ ký cho tôi, thì ngay chỗ này tôi sẽ tự hủy hoại các căn”. Khi ấy đức Phật Đăng Quang biết ý nghĩ trong tâm Phạm chí, liền bảo:

— “Ông mau đứng lên. Đồi vị lai sau, sẽ được thành Phật hiệu Thích-ca Văn Như Lai, Chí Chơn Đăng Chánh Giác”.

Phạm chí nghe Phật thọ ký rồi, tâm rất vui mừng không thể tự kềm, lập tức ngay nơi ấy được biến hiện tam-muội, bay lên hư không cách mặt đất bảy nhẫn, chấp tay hướng về đức Phật Đăng Quang.

Này Ưu-ba-ly ! Thấy chó lấy làm lạ. Thấy Tỳ-kheo trường lão vào thời đức Phật Bảo Tạng,

đâu phải người nào lạ, chính là đức Phật Đấng Quang. Còn công chúa Mâu-ni lúc ấy, chính là Ta hiện nay. Lúc ấy đức Phật Bảo Tạng đặt danh hiệu Ta là Thích-ca Văn. Nay Ta do nhân duyên ấy, nên nói pháp Bát quan trai này, nên phát thệ nguyện, không thệ nguyện không kết quả. Vì sao ? Nếu lúc ấy, công chúa phát nguyện như thế, liền ngay nơi kiếp ấy thành tựu sở nguyện. Nếu Tỳ-kheo trưởng lão không phát thệ nguyện, rốt cuộc không thành Phật đạo. Phước của thệ nguyện không thể xưng kể, được đến chỗ cam lộ, chỗ diệt tận. Như thế, Ưu-ba-ly, nên học như thế.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại nước Ma-kiệt, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội, đi dần đến bờ sông.

Bấy giờ, Thế Tôn thấy giữa dòng nước có một khúc gỗ lớn trôi trên mặt nước. Ngài bèn ngồi lại dưới một cội cây bên bờ sông. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy có thấy khúc gỗ bị nước cuốn kia không ?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

— Thưa có thấy.

Phật bảo:

— Ví như khúc gỗ kia, không mắc kẹt bờ bên này hay bờ bên kia, cũng không chìm giữa dòng hay trôi tấp trên bờ, không bị người vớt lên, lại chẳng bị phi nhơn vớt lên, lại không bị nước cuốn xoáy, cũng không mục nát. Nó sẽ dần dần trôi đến biển cả. Vì sao ? Biển là nguồn cội của các sông.

Tỳ-kheo các Thầy cũng lại như thế. Nếu như các Thầy không mắc kẹt ở bờ bên này hay bờ bên kia, không chìm giữa dòng, lại không nằm trên bờ, không bị người hay phi nhơn nắm giữ, cũng không bị nước cuốn xoáy, cũng không mục nát, các Thầy sẽ dần dần đến Niết Bàn. Vì sao ? Niết-bàn có chánh kiến, chánh chí (tư duy), chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, là nguồn cội của Niết-bàn.

Bấy giờ, có người chăn bò tên Nan-đà đang chống gậy đứng xa nghe nói như thế, người ấy bèn đi dần dần đến chỗ Phật. Bấy giờ, người chăn bò bạch Phật:

— Nay con cũng không mắc kẹt bờ bên này hay bờ bên kia, không chìm giữa dòng hay tấp vào

bờ, không bị người nắm bắt, không bị phi nhơn nắm bắt, không bị nước cuốn xoáy, cũng không mục nát, dần dần sẽ đến Niết-bàn. Cúi xin Thế Tôn cho phép con ngay tại con đường này, được làm Sa-môn.

Phật bảo:

— Ông đem bò về cho chủ rồi, sau mới được làm Sa-môn.

Người chăn bò Nan-đà thưa:

— Lũ bò này nhớ con của chúng, tự sẽ trở về nhà, cúi xin Thế Tôn cho phép tại đây.

Phật bảo:

— Những con bò này tuy tự trở về nhà, cũng cần Ông đi theo để giao lại chủ.

Khi ấy, người chăn bò nghe lời dạy đem giao bò xong, trở lại chỗ Phật, bạch Phật:

— Nay con đã giao bò xong, cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Sa-môn.

Khi ấy, Thế Tôn liền cho làm Sa-môn, thọ giới cụ túc.

Có một Tỳ-kheo khác bạch Phật:

— Thế nào là bờ bên này ? Thế nào là bờ bên kia ? Thế nào là chìm giữa dòng ? Thế nào là kẹt

trên bờ ? Thế nào là không bị người nắm bắt ? Thế nào là không bị nước cuốn xoáy ? Thế nào là không mục nát ?

Phật dạy Tỳ-kheo:

— Bờ bên này là thân mình, bờ bên kia là thân diệt hoại. Chìm giữa dòng là dục ái. Tấp trên bờ là ngũ dục. Bị người nắm bắt là: như có người hào tộc phát thệ nguyện rằng: “Nguyện đem công đức phước báu này để được làm vua, hay làm đại thần”. Bị phi nhơn nắm bắt là: như có Tỳ-kheo thệ nguyện như vậy: “Sanh trong cõi Tứ thiên vương mà hành Phạm hạnh. Nay ta đem công đức này để sanh cõi Trời”. Đây gọi là bị phi nhơn nắm bắt. Bị nước cuốn xoáy là những điều tà nghi. Mục nát là tà kiến, tà chí (tu duy), tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Đó là mục nát vậy.

Lúc ấy Tỳ-kheo Nan-đà ở chỗ vắng thanh tịnh, tự tu chuyên cần mà theo đó người dòng dõi, cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh vô thượng, sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ thân trở lại. Tỳ-kheo Nan-đà liền tại chỗ ngôi thành A-la-hán.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà nghe Phật dạy xong, vui vẻ vãng lâm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Ma-kiệt, vườn trúc Ca-lan-đa cùng với đại chúng năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, Đê-bà-đạt-đa, do có thân tức, được thái tử A-xà-thế mỗi ngày đem năm trăm nôi cơm cúng dường. Chúng Tỳ-kheo nghe chuyện Đê-bà-đạt-đa do có thân tức mà được vua A-xà-thế cúng dường, cùng nhau đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Khi ấy, nhiều Tỳ-kheo bạch Phật:

— Đê-bà-đạt-đa có oai thân rất lớn, nay được vua A-xà-thế cúng dường, mỗi ngày đem cho năm trăm nôi cơm.

Bấy giờ, đức Phật nghe lời ấy rồi, bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy chớ khởi ý niệm ấy về sự tham lợi dưỡng của Tỳ-kheo Đê-bà-đạt-đa. Kẻ ngu kia do lợi dưỡng này, sẽ tự diệt mất. Vì sao ? Ở đây, Tỳ-kheo Đê-bà-đạt-đa sở dĩ xuất gia, không đạt kết quả của sở nguyện. Tỳ-kheo nên biết ! Ví như có người ra khỏi làng xóm, tay cầm búa bèn đến chỗ cây to, trước đó ý mong chặt được cây to. Kịp khi đến nơi, chỉ lấy cành lá trở về nhà.

Nay Tỳ-kheo này cũng vậy, tham trước lợi dưỡng. Do lợi dưỡng này, đối với người khác thì tự khen mình, chê bai việc làm của các Tỳ-kheo khác, ắt không đạt kết quả sở nguyện. Thấy ấy do lợi dưỡng này nên không cần tìm cách khởi tâm dưng mãnh. Như người kia muốn tìm lõi cây không được, bị người trí ruồng bỏ.

Nếu như có Tỳ-kheo được lợi dưỡng rồi, không tự khoe khoang, cũng không chê bai người khác. Hoặc có khi lại đối với người khác tự xưng ta là người trì giới, kia là kẻ phạm giới, Tỳ-kheo ấy không đạt kết quả của sở nguyện. Như người bô gốc đem cành lá về nhà, người trí thấy rồi, nói “Người này tuy đem cành cây về nhà, song không biết gốc”. Trong đây Tỳ-kheo cũng như vậy. Do được lợi dưỡng, vâng giữ giới luật, và tu Phạm hạnh, ưa tu chánh định. Tỳ-kheo ấy do chánh định này, tâm đối với người khác tự khoe: “Nay ta được định, người khác không định”. Pháp đáng làm của Tỳ-kheo ấy cũng không được kết quả.

Cũng như có người tìm lõi cây, đến bên cây to, xem xét thân cây, bỏ các nhánh lá, chỉ lấy gốc đem về. Người trí thấy rồi liền nói thế này: “Người này được riêng phần gốc”. Nay Tỳ-kheo này cũng lại như thế, hưng khởi lợi dưỡng, vâng giữ giới luật,

cũng không tự khoe khoang, lại chẳng chê bai người khác, tu hành chánh định, cũng lại như thế mà dần dần tu trí tuệ. Trong pháp này, trí tuệ là bậc nhất. Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa ở trong pháp này đã chẳng được trí tuệ, lại cũng không đủ giới luật.

Có một Tỳ-kheo bạch Phật:

— Thầy Đề-bà-đạt-đa ấy vì sao không hiểu pháp giới luật ? Thầy ấy có thân đức, thành tựu các hạnh, có trí tuệ này, vì sao không hiểu pháp giới luật ? Có trí tuệ ắt có chánh định, có chánh định ắt có giới luật.

Phật dạy:

— Pháp giới luật là chuyện thường của thế tục. Thành tựu chánh định cũng là chuyện thường thế tục. Thân tức phi hành cũng là chuyện thường thế tục. Thành tựu trí tuệ, đó mới là nghĩa đệ nhất.

Khi ấy, Thế Tôn bèn nói kệ:

*Do Thiên được thân tức,
Không rốt ráo tối thượng,
Không được mé vô vi,
Lại rơi trong ngũ dục.
Trí tuệ là tối thượng,
Không lo, không nghĩ ngại,*

Rốt ráo được đặng kiến.

Đoạn dứt chốn sanh tử.

Tỳ-kheo nên biết ! Do phương tiện này mà biết Đề-bà-đạt-đa không hiểu pháp giới luật, cũng không hiểu hạnh trí tuệ, chánh định. Tỳ-kheo các Thầy chó giống Đề-bà-đạt-đa tham trước lợi dưỡng. Người tham lợi dưỡng là rơi vào chỗ ác, không đến đường lành. Nếu tham trước lợi dưỡng thì sẽ tập theo tà kiến, là chánh kiến, tập tà tư duy là chánh tư duy. Tập tà ngữ là chánh ngữ, tập tà nghiệp là chánh nghiệp, tập tà mạng là chánh mạng, tập tà phương tiện là chánh phương tiện, tập tà niệm là chánh niệm, tập tà định là chánh định.

Thế nên Tỳ-kheo ! Chớ khởi tâm lợi dưỡng, chế phục khiến dùng khởi. Đã khởi tâm lợi dưỡng, nên tìm phương tiện diệt trừ. Như thế, này các Tỳ-kheo nên học điều này !

Khi Phật nói pháp vi diệu này có sáu mươi Tỳ-kheo xả bỏ pháp phục, tập hạnh cư sĩ; lại có sáu mươi Tỳ-kheo khác được lậu tận ý giải, sạch hết các trần cấu, được pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta sẽ nói thí dụ thuyền bè. Các Thầy khéo suy nghĩ, ghi nhớ trong tâm.

Các Tỳ-kheo thưa:

— Xin vâng ! Bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy.

Phật bảo:

— Thế nào gọi là thí dụ thuyền bè ? Nếu các Thầy đi đường bị giặc bắt giữ, nên nhiếp tâm ý, đừng khởi niệm ác. Nên khởi tâm hộ niệm trùm khắp mọi nơi, vô lượng vô hạnh không thể tính kể. Giữ gìn tâm như đất, cũng như đất này, nhận vật sạch, cũng nhận vật dơ, phần tiểu dơ uế xấu xa thấy đều nhận hết. Song đất chẳng khởi tâm tăng giảm, không nói rằng: “Đây là xấu, đây là tốt”. Nay việc làm của các Thầy nên cũng như thế. Giả sử bị giặc bắt giữ giam cầm, chó sanh ác niệm, khởi tâm tăng giảm, như đất, nước, lửa, gió, xấu cũng nhận, tốt cũng nhận, đều không có tâm tăng giảm.

Khỏi tâm từ, bi, hỷ, hộ (xả) đối với tất cả chúng sanh. Vì sao ? Pháp thiện còn phải bỏ, huống gì pháp ác mà tập quen. Như có người gặp chỗ tai nạn sợ sệt, muốn qua khỏi chỗ tai nạn đến chỗ an ổn; tùy ý chạy tìm nơi an ổn. Người ấy thấy con sông lớn rất sâu rộng, cũng không có thuyền hay cầu để có thể sang bờ bên kia. Song chỗ đứng bên này rất đáng sợ, bờ bên kia không có. Bấy giờ người kia suy nghĩ tính kế: “Sông này rất sâu lại rộng, nay ta có thể thu thập cây cối, cỏ lá kết lại làm bè qua sông, nhờ bè này để chèo từ bờ này sang bờ kia”. Bấy giờ, người ấy liền thu góp cành cây, cỏ lá kết bè mà chèo từ bờ này sang bờ kia. Người ấy đã sang bờ kia liền khởi nghĩ: “Cái bè này rất nhiều lợi ích cho ta, do bè này được qua chỗ ách nạn, từ chỗ sợ hãi đến chỗ không nạn. Nay ta không bỏ bè này, đi đâu cũng mang theo”.

Thế nào, các Tỳ-kheo ! Người kia đến nơi rồi có thể vác chiếc bè theo chẳng ? Hay không nên vác theo ?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Bạch Thế Tôn không nên. Nguyên vọng của người ấy đã được kết quả, còn dùng bè vác theo làm gì !

Phật bảo Tỳ-kheo:

— Pháp thiện còn phải bỏ, huống gì phi pháp.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch Phật:

— Thế nào là pháp thiện còn phải bỏ, huống gì phi pháp ? Chúng con há không do pháp mà học đạo ư ?

Phật bảo:

— Y nơi kiêu mạn diệt kiêu mạn, mạn mạn, tăng thượng mạn, tự mạn, tà kiến mạn, mạn trung mạn, tăng thượng mạn. Dùng không mạn diệt mạn mạn, vô mạn; dùng chánh mạn diệt tà mạn, tăng thượng mạn, diệt sạch bốn mạn.

Xưa kia, khi Ta chưa thành Phật đạo, ngồi dưới cội cây bèn nghĩ như vậy: “Trong cõi dục giới, ai là người hào quý nhất Ta sẽ hàng phục. Trong cõi dục giới này, chư Thiên và loài Người thầy đều hàng phục”. Lúc ấy, Ta lại nghĩ thế này: “Nghe nói có tỳ ma Ba-tuần, nay Ta sẽ chiến đấu với Ma ấy, do hàng phục ma Ba-tuần, tất cả chư Thiên hào quý kiêu mạn đều sẽ bị hàng phục”.

Khi ấy, Ta ngồi nơi tòa mỉm cười, khiến cho cảnh giới ma Ba-tuần thầy đều chấn động. Trong hư không nghe có tiếng nói kệ:

*Bỏ pháp vua chơn tịnh,
Xuất gia học cam lồ,
Nếu người phát nguyện rộng,
Không ba đường ác này.
Nay ta họp bình chúng,
Đến thăm Sa-môn kia,
Nếu không theo ý ta,
Năm chân ném ra biển.*

*

* *

XXXXIII. PHẨM THIÊN TỬ MÃ HUYẾT (2)

Khi ấy, tỳ ma Ba-tuần sân giận bùng bùng, liền bảo đại tướng Sư Tử rằng:

— “Mau tập hợp bốn bộ chúng, đi đánh dẹp Sa-môn. Và phải quan sát ông ấy có thể lực gì mà dám chiến đấu với ta ?”

Khi ấy, Ta lại suy nghĩ: “Giao chiến với người thường còn không thể im lặng hướng gì với người hào quý của cõi dục. Cũng nên tranh đua với y ít nhiều”.

Này Tỳ-kheo ! Lúc ấy Ta mặc giáp nhân từ, tay cầm cung chánh định, tên trí tuệ, đợi binh chúng kia. Khi đó tỳ ma, đại tướng và binh chúng có đến mười tám ức, mặt mày mỗi mỗi khác nhau, vượn, khỉ, sư tử đến chỗ Ta. Binh chúng La-sát

hoặc một thân có ngàn đầu; hoặc mấy mươi thân chung một đầu; hoặc hai vai ba cổ, ngay tim có miệng; hoặc một tay, hoặc hai tay, hoặc bốn tay; hoặc hai tay vác đầu, miệng ngậm thầy răn; hoặc trên đầu bốc lửa, miệng phun lửa; hoặc hai tay banh miệng muốn ngoạm đằng trước; hoặc phanh bụng đi tới, tay cầm dao kiếm, mang vác mâu giáo; hoặc cầm chày cối; hoặc vác túi gánh đá, vách cây lớn; hoặc hai chân ở trên, đầu ở dưới; hoặc cối voi, sư tử, hổ lang, độc trùng; hoặc đi bộ đến, hoặc bay trên không.

Khi ấy, tề ma đem bao nhiêu binh chúng ấy vây quanh cội đạo thọ. Ma Ba-tuần đứng bên trái Ta, nói với Ta:

— “Sa-môn đứng lên mau”.

Tỳ-kheo ! Khi ấy, Ta im lặng không trả lời. Như thế đến ba phen, Ma bèn nói với Ta:

— “Sa-môn sợ ta chăng ?”

Ta bảo:

— “Nay Ta nhiếp tâm không chút kinh sợ”.

Ma Ba-tuần nói:

— “Sa-môn ! Có thấy bốn bộ binh chúng của ta chăng ? Còn Ông một thân, không có khí giới

gậy gộc, binh đao, đầu trục, thân trục, chỉ mặc ba y, lại nói: “Ta không sợ”.

Bấy giờ, Ta hướng về Ba-tuần, nói kệ:

*Giáp nhân, cung chánh định,
Tay cầm tên trí tuệ,
Phước nghiệp là binh chúng,
Nay sẽ hoai quân người.*

Ma Ba-tuần lại nói với Ta:

— “Ta có nhiều việc ích lợi cho Sa-môn, nếu không nghe lời ta, bấy giờ sẽ đốt Ông ra tro, tiêu diệt thân hình. Lại, Sa-môn dung mạo đoan chánh, tuổi trẻ tươi đẹp, phát xuất từ dòng Sát-lợi, Chuyển luân vương. Mau rời khỏi chỗ này, tập theo ngũ dục. Ta sẽ đem đến cho Ông, để Ông làm Chuyển luân Thánh vương”.

Ta trả lời Ba-tuần:

— “Những lời Người nói, đều là vô thường biến đổi không dừng lâu, cũng phải xả ly, chẳng phải điều Ta ưa thích”.

Ma Ba-tuần lại nói với Ta:

— “Sa-môn ! Hôm nay muốn điều gì ? Chỉ nguyện việc gì ?”

Ta đáp:

— “Điều Ta nguyện là nơi không lo sợ, an ổn tịch tịnh trong thành Niết-bàn, dẫn dắt các chúng sanh trôi nổi trong sanh tử, chìm đắm khổ não được đến con đường chánh.

— “Nếu như Sa-môn không mau mau đứng lên khỏi tòa, ta sẽ nắm chân Ông ném xuống biển”.

Ta đáp Ba-tuần rằng:

— “Ta tự quan sát trong cõi Trời, Người, dù cho Ma hay Thiên ma, Nhơn, Phi nhơn và cả bốn binh chúng của Người, không thể khiến Ta động một mảy lông.

Ma bảo:

— “Sa-môn ! Ngày nay muốn chiến đấu với ta chăng ?”

Ta đáp:

— “Muốn cùng giao chiến”.

Ma hỏi:

— “Ông ghét điều gì ?”

Ta đáp:

— “Những điều kiêu mạn, như tăng thượng mạn, tự mạn, tà mạn, mạn trung mạn”.

Ma nói với Ta:

— “Ông dùng nghĩa gì để diệt các mạn đó ?”

Ta đáp:

— “Ba-tuần nên biết ! Có nhân Từ tam-muội, Bi tam-muội, Hỷ tam-muội, Hộ tam-muội, Không tam-muội, Vô nguyện tam-muội, Vô tướng tam-muội. Do Từ tam-muội được Bi tam-muội, do Bi tam-muội được Hỷ tam-muội, do Hỷ tam-muội được Hộ (Xả) tam-muội, do Không tam-muội được Vô nguyện tam-muội, do Vô nguyện tam-muội được Vô tướng tam-muội. Do sức của tam-muội này chiến đấu với nguoi. Hành tận ắt khổ tận, khổ tận ắt kết tận, kết tận ắt đến Niết-bàn”.

Ma nói:

— “Sa-môn ! Có thể dùng pháp diệt pháp chẳng ?”

Ta đáp:

— “Có thể dùng pháp diệt pháp”.

Ma hỏi Ta:

— “Thế nào là dùng pháp diệt pháp ?”

Khi ấy, Ta bảo:

— “Dùng chánh kiến diệt tà kiến, dùng tà kiến diệt chánh kiến. Chánh tư duy diệt tà tư duy, tà tư duy diệt chánh tư duy. Chánh ngữ diệt tà

ngũ, tà ngũ diệt chánh ngũ. Chánh nghiệp diệt tà nghiệp, tà nghiệp diệt chánh nghiệp. Chánh mạn diệt tà mạn, tà mạn diệt chánh mạn. Chánh phương tiện diệt tà phương tiện, tà phương tiện diệt chánh phương tiện. Chánh niệm diệt tà niệm, tà niệm diệt chánh niệm. Chánh định diệt tà định, tà định diệt chánh định”.

Ma nói:

— “Sa-môn ! Hôm nay tuy có những lời như vậy. Ở chỗ này khó khắc phục. Ông mau đứng dậy, đừng để ta nắm chân ném ra biển”.

Ta lại bảo Ba-tuần:

— “Ngươi tạo phước chỉ một phen, nay được làm Ma vương cõi dục. Xưa kia Ta tạo công đức không thể tính kể. Lời của Ngươi hôm nay mới thật khó làm”.

Ba-tuần đáp:

— “Phước đã làm chỉ Ông chứng biết. Ông tự xưng đã tạo vô số phước, ai có thể chứng tri cho Ông ?”

— Tỳ-kheo ! Lúc ấy Ta đuổi tay mặt, chỉ xuống đất, bảo với Ba-tuần: “Công đức Ta đã tạo, địa thần chứng biết”.

Ta đang nói lời này, địa thần từ đất vọt lên, chấp tay bạch:

— Bạch Thế Tôn ! Con đang chứng biết.

Địa thần nói xong, Ba-tuần lo buồn khổ não, liền lui không hiện.

Tỳ-kheo ! Do phương tiện này nên biết, pháp còn phải diệt huống là phi pháp. Đã từ lâu, Ta và các Thầy nói kinh Nhất Giác Dụ, không ghi lại văn tự, huống giải thích ý nghĩa. Vì sao ? Pháp này sâu xa huyền diệu, các bậc Thanh văn, Bích-chi Phật tu pháp này được công đức lớn, được cam lồ, đến chỗ vô vi.

Thế nào tên là Dụ Nương Thuyên ? Nghĩa là y nơi mạn diệt mạn, mạn đã diệt tận, lại không còn những niệm tưởng nào loạn. Cũng như da con chồn được thuộc kỹ, lấy tay cuộn lại, không nghe tiếng sột soạt, không có chỗ cứng cộm. Đây cũng như thế. Như Tỳ-kheo chấm dứt kiêu mạn, không có tăng giảm. Cho nên nay Ta bảo các Thầy rằng: “Giả sử bị giặc giam cầm, chó khởi tâm ác, nên đem lòng từ ban khắp các nơi, cũng như da kia rất mềm mại, bèn được chỗ vô vi lâu dài”.

Như thế, Tỳ-kheo ! Nên khởi niệm như thế.

Ngay khi thuyết pháp này, có ba ngàn Thiên

từ ngay tại chỗ ngôi các trần cấu sạch hết, được pháp nhãn tịnh. Còn sáu mươi Tỳ-kheo khác lại bỏ pháp phục, tập hạnh cư sĩ. Sáu mươi Tỳ-kheo khác, lậu tận ý giải, được pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Ma-kiệt, bên bờ sông Hằng cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Cũng như người chăn bò nước Ma-kiệt ngu si, kém trí tuệ, muốn đưa bò từ bờ sông Hằng bên này sang bờ bên kia. Người ấy không xem xét bờ bên này, bờ bên kia, chỗ cạn chỗ sâu, liền đuổi bò xuống nước. Trước tiên người ấy đưa sang những con bò ốm yếu, bò con còn nhỏ, chúng ở giữa dòng nước, rất là gầy yếu, không thể qua tới bờ kia. Kế đó, người ấy đưa sang những con bò trung bình, không mập không ốm, cũng không qua được bờ, ở giữa dòng nước chịu khổ não. Kế đến, người ấy đưa những con bò rất mạnh, cũng ở giữa dòng nước bị khốn ách.

Nay, các Tỳ-kheo trong chúng của Ta cũng lại

như thế. Tâm ý ám độn không có trí tuệ sáng suốt, không phân biệt được con đường sanh tử, không phân biệt được cầu, thuyên của ma; ý muốn qua dòng sanh tử mà không tập tu theo pháp cấm giới thì liền bị ma Ba-tuần chiếm phần tiện lợi; theo con đường tà tìm cầu Niết-bàn, mong được diệt độ, trọn không đạt kết quả; tự tạo tội nghiệp, lại làm người khác chìm trong tội.

Cũng như người chăn bò nước Ma-kiệt thông tuệ, nhiều trí ý muốn đưa bò từ bờ này sang bờ kia. Trước hết, người ấy xem xét chỗ cạn sâu, đưa những con bò rất mạnh sang bờ kia trước; kế đến đưa những con bò trung bình không mập không ốm, cũng được sang đến bờ kia; kế đến đưa những con bò rất yếu cũng được sang không khác những con trước. Bò con đi theo sau, mà đến bờ an ổn.

Này Tỳ-kheo, Như Lai cũng lại như thế, khéo quán sát đời này đời sau, quán sát biển sanh tử, còn đường của Ma. Tự đem Bát chánh đạo để vượt qua nạn sanh tử, lại dùng đạo này để độ người chưa được độ.

Cũng như con bò dẫn đầu, một con đi đúng đường, những con kia thấy đều theo. Đệ tử của Ta cũng lại như vậy, dứt sạch hữu lậu thành vô lậu,

tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, trong pháp hiện tại tự thân chứng ngộ, mà tự du hóa, vượt qua cảnh giới Ma đến chỗ vô vi.

Cũng như những con bò có sức mạnh lội qua sông Hằng sang bờ bên kia. Hàng Thanh văn của Ta cũng lại như thế, đoạn dứt năm hạ phần kết sử thành A-na-hàm, ngay đời này nhập Niết-bàn không trở lại cõi này, vượt qua cảnh giới Ma đến chỗ vô vi.

Như những con bò trung bình không mập, không ốm qua được sông Hằng không gặp khó khăn. Đệ tử của Ta cũng lại như thế, đoạn dứt ba kết sử, dâm, nộ, si mông nhẹ thành Tu-đà-hàm, trở lại cõi này một lần, dứt sạch mé khổ, dứt cảnh giới Ma đến chỗ vô vi.

Như những con bò yếu đưa các bò con qua được sông Hằng. Đệ tử của Ta cũng lại như thế, đoạn dứt kết sử thành Tu-đà-hoàn đến chỗ được độ, vượt qua cảnh giới Ma, vượt qua nạn sanh tử.

Như bò con theo mẹ được qua sông. Đệ tử của Ta cũng lại như vậy giữ lòng tin, vâng theo Chánh pháp, cắt đứt sự trôi buộc của Ma, đến chỗ vô vi.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

Chỗ được của Ma vương,

*Không tội mé sanh tử,
Nay Như Lai cứu cánh,
Thế gian hiện tuệ sáng.
Chỗ giác liễu của Phật,
Phạm chí không hiểu rõ,
Còn kẹt bên sanh tử,
Gồm độ người chưa độ.
Nay năm hạnh người này,
Ngoài ra không thể tính,
Muốn vượt nạn sanh tử,
Tận sức oai thần Phật.*

Cho nên, này Tỳ-kheo, nên chuyên nhất tâm kia, không có hạnh phóng dật, cũng nên tìm phương tiện thành tựu Tám đạo phẩm Hiền Thánh. Nương đạo Hiền Thánh rồi liền có thể tự vượt qua biển sanh tử. Vì sao ? Cũng như người ngu chần bò kia là hàng ngoại đạo Phạm Chí, tự chìm trong dòng sanh tử, lại làm người khác chìm đắm trong tội.

Nước sông Hằng tức là biển sanh tử. Người trí tuệ chần bò là Như Lai, do Tám đạo phẩm vượt qua nạn sanh tử. Cho nên các Tỳ-kheo nên tìm cách thành tựu bát Thánh đạo. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại thành La-duyet, trong vườn xoài của Kỳ-bà-già, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử câu hội, đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, lục thông thanh triệt, chỉ trừ một mình Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ, vua A-xà-thế nhằm ngày rằm tháng bảy, vào lúc thọ tuế, nửa đêm trăng sáng xuất hiện, vua bảo phu nhon Nguyệt Quang:

— Nay là ngày rằm, trăng tròn rất trong sáng, nên làm gì ?

Phu nhon thưa:

— Nay ngày rằm là ngày thuyết giới, nên tổ chức ca hát đàn nhạc, tự vui với ngũ dục.

Vua nghe lời này rồi, không hài lòng. Vua lại hỏi Thái tử Ưu-đà-da:

— Đêm nay rất sáng, nên làm gì ?

Thái tử Ưu-đà-da tâu:

— Đêm nay thật trong sáng, nên tập hợp bốn bộ binh chúng, các nước ngoại bang nào không hàng phục, nên kéo sang chinh phạt.

Khi ấy, vua A-xà-thế nghe lời này cũng không vừa ý, lại hỏi thái tử Vô Úy:

— Như đêm nay rất trong sáng, nên làm gì ?

Thái tử Vô Úy thưa:

— Nay có Phạm chí Bát-lan Ca-diếp biết rành các toán số, gồm thông thiên văn địa lý, mọi người đều tôn trọng kính ngưỡng, có thể đến đây hỏi về chỗ nghi này. Phạm chí ấy sẽ vì phụ vương nói lý rất nhiệm mầu, trọn không trở ngại.

Khi vua nghe lời này, cũng không vừa ý. Lại hỏi đại thần Tu-ni-ma:

— Như đêm nay rất trong sáng, cần phải làm gì ?

Tu-ni-ma tâu vua:

— Như đêm nay rất trong sáng, có thầy A-di-chuyên cũng ở gần đây, thầy hiểu biết rộng. Cúi xin Đại vương đến hỏi điều nghi.

Vua nghe lời này cũng không vừa ý, lại hỏi Bà-la-môn Bà-sa:

— Như đêm nay rất trong sáng, nên làm gì ?

Bà-la-môn thưa:

— Như nay đêm rằm rất sáng, có thầy Cù-da-lâu ở gần đây, cúi xin Đại vương đến hỏi điều này.

Vua nghe lời này cũng không hợp ý, bèn hỏi Phạm chí Ma-đặc:

— Như đêm nay rất trong sáng, nên làm gì ?

Phạm chí thưa:

— Đại vương nên biết, thầy Bì-hưu-ca-diên ở gần đây, cúi xin Đại vương đến hỏi ý thầy.

Vua nghe lời này cũng không hợp ý, lại hỏi Đại tướng Sách-ma:

— Như đêm nay rất trong sáng, nên làm gì ?

Sách-ma tâu:

— Thầy Tiên-tất Lu-trì ở gần đây, biết rành các toán thuật, có thể đến đó hỏi ý kiến.

Vua nghe lời này cũng không hợp ý, lại hỏi đại thần Tối Thắng:

— Như nay, đêm rằm rất trong sáng, nên làm gì ?

Tối Thắng thưa:

— Nay có thầy Ni-kiên Tử đọc nhiều các kinh sách, bậc tối thượng trong các bậc thầy, cúi xin Đại vương đến hỏi nghĩa này.

Vua nghe lời này cũng không hợp ý, lại nghĩ

như vậy: “Những người này đều là ngu muội, không phân biệt chơn nguỵ, không có phương tiện”.

Bấy giờ, Vương tử Kỳ-bà-già đứng hầu bên trái nhà vua. Vua quay nhìn Kỳ-bà-già hỏi:

— Như đêm nay rất trong sáng, nên làm gì ?

Kỳ-bà-già bèn đến trước, quỳ tâu vua:

— Hôm nay đức Như Lai ở gần đây, đang ngụ trong vườn của thần, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử, cúi xin Đại vương đến hỏi nghĩa này. Bởi vì đức Như Lai là bậc sáng suốt, không có gì không thông suốt, biết việc trong ba đời, thấy đều thấu rõ, tự Ngài sẽ nói việc này với Đại vương, những điều nghi ngờ của Đại vương sẽ sáng tỏ, tự nhận ra.

Khi ấy, vua A-xà-thế nghe lời Kỳ-bà-già nói xong, vui mừng hơn hờ thiện tâm phát sanh, liền khen Kỳ-bà-già rằng:

— Lành thay, lành thay ! Vương tử nói lời ấy rất đáng ưa. Vì sao ? Nay thân tâm ta rất nóng bức, vì vô cớ giết phụ vương. Lâu nay ta thường suy nghĩ: “Có ai hiểu được tâm ý ta ?”. Nay những điều khanh vừa nói, chính là trúng ý ta. Rất lạ, rất kỳ ! Nghe đến tên Như Lai, ta đột nhiên đại ngộ.

Khi đó, vua hướng về Kỳ-bà-già nói kệ:

*Đêm nay rất trong sáng,
Tâm ý không được ngộ.,
Các Ông mỗi người nói,
Nên đến hỏi nghĩa ai .
Bát-lan, A-di-chuyên,
Đệ tử Ni-kiến Phạm,
Không nương những thầy ấy,
Không thể tế độ ta.
Đêm nay rất trong sáng,
Trăng tròn không tỳ vết,
Nay hỏi Kỳ-bà-già,
Nên đến hỏi nghĩa ai ?*

Khi ấy, Kỳ-bà-già lại dùng kệ đáp nhà vua:

*Nghe âm thanh nhu nhuyến,
Được thoát cả Ma-kiệt,
Xin đúng thời đến Phật,
Chỗ vĩnh viễn không sợ.*

Vua lại dùng kệ nói:

*Việc làm xưa của ta,
Với Phật không lợi ích,
Hại Phật tử của Ngài,
Tên là Tân-bà-sa.
Nay rất là hổ thẹn,
Không dám gặp Thế tôn,*

*Vì sao nay Ông bảo,
Khiến ta đến gặp Ngài.*

Kỳ-bà-già lại dùng kệ đáp nhà vua:

*Chư Phật không bị thử,
Các kết đã trừ hết,
Tâm bình đẳng không hai,
Đấy là nghĩa Phật pháp.
Nếu dùng hương chiên-đàn,
Để thoa tay bên mặt,
Cầm dao chặt tai trái,
Tâm không khởi tăng giảm.
Như thương con La-vân,
Một hơi thở không hai,
Tâm ấy đối Đế-bà,
Oán, thân không có khác.
Cúi xin Đại vương đi,
Đến gặp đức Như Lai,
Sẽ dứt mối nghi ngờ,
Không có gì trở ngại.*

Khi ấy, vua A-xà-thế bảo vương tử Kỳ-bà-già:

— Ông mau trang nghiêm năm trăm voi đực,
năm trăm voi cái, đốt năm trăm cây đèn.

Kỳ-bà-già thưa:

— Thừa vâng, Đại vương.

Vương tử Kỳ-bà-già lập tức trang nghiêm một ngàn con voi và đốt năm trăm cây đèn, đến tâu với vua:

— Xa giá đã xong, Đại vương biết đúng thời.

Bấy giờ, vua A-xà-thế đem các quần thần đến vườn xoài, giữa đường, nhà vua bồng ôm lòng kinh sợ, lông áo đều dựng đứng, vua quay nhìn Kỳ-bà-già, và nói:

— Nay ta không bị Ông gạt chăng ? Ông không đưa ta đến chỗ oan gia chứ ?

Kỳ-bà-già tâu:

— Thật không có chuyện ấy. Cúi xin Đại vương đi tới chút nữa, Như Lai cách đây không xa.

Nhà vua ý cũng còn kinh sợ, lại bảo Kỳ-bà-già:

— Chẳng lẽ ta bị người gạt ? Đã nghe nói Như Lai có đem theo một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử, mà nay không nghe tiếng động gì ?

Kỳ-bà-già thưa:

— Đệ tử của Phật thường nhập định, không có loạn tướng, Đại vương hãy đi thêm chút nữa.

Khi ấy, vua A-xà-thế liền xuống xe, đi bộ vào

cửa, đến trước giảng đường đứng im lặng quan sát Thánh chúng, rồi quay lại hỏi Kỳ-bà-già:

— Đức Như Lai hiện giờ ở chỗ nào ?

Bấy giờ tất cả Thánh chúng đều nhập Hòa quang tam-muội, chiếu sáng cả giảng đường không chỗ nào không khắp. Kỳ-bà-già, đưa tay mặt chỉ về đức Phật, nói:

— Đây là Như lai ngồi tại chính giữa, như mặt trời vệt mây.

Vua A-xà-thế bảo Kỳ-bà-già:

— Thật kỳ lạ ! Thật đặc biệt ! Nay Thánh chúng này tâm định như thế, lại do nhân duyên gì có ánh sáng này ?

Kỳ-bà-già tâu:

— Do sức tam-muội nên phóng ánh sáng.

Vua lại bảo:

— Như nay ta quan sát Thánh chúng rất là yên lặng, mong cho thái tử Ưu-đà-da của ta cũng được yên lặng vô vi như thế.

Vua A-xà-thế chấp tay, tự xưng nói:

— Cúi xin Thế Tôn, cho con được gặp.

Đức Phật bảo:

— Đại vương, hãy đến đây.

Vua nghe tiếng của Như Lai, lòng rất vui mừng. Đức Phật thấy nhà vua bèn gọi vương hiệu. Khi đó, vua A-xà-thế liền đến chỗ Phật, năm vóc gieo sát đất, đưa hai tay chạm chân Phật và tự nói:

— Cúi xin Thế Tôn rủ lòng từ mẫn nhận sự hối quá của con. Phụ vương vô tội mà đem giết hại. Cúi xin nhận lòng ăn năn, sau không tái phạm, tự sửa đổi lỗi trước, sửa tâm về sau.

Đức Phật bảo:

— Nay chính phải thời, đúng lúc cải hối, đừng để mất cơ hội. Người đời có lỗi tự mình sửa đổi, đó gọi là thượng nhơn. Ở trong pháp Ta rất là quảng đại, đúng thời sám hối.

Khi ấy, nhà vua lễ chân Phật xong, lui ngôi một bên. Vua bạch Phật:

— Con có một việc muốn hỏi, Thế Tôn cho phép mới dám hỏi.

Phật bảo:

— Có nghi nan, hợp thời cứ hỏi.

Vua bạch Phật:

— Đời này tạo phước, được thọ báo hiện đời chăng ?

Phật bảo nhà vua:

— Từ xưa đến nay, Đại vương từng đem điều này hỏi người nào chẳng ?

Vua bạch Phật:

— Xưa con từng đem điều này hỏi những người khác. Con cũng từng hỏi thầy Bất-lan Ca-diếp: “Thế nào, thưa Thầy Bất-la Ca-diếp, đời này làm phước được thọ báo hiện đời chẳng?”. Bất-lan Ca-diếp đáp rằng: “Không phước, không bố thí, không có quả báo thiện ác đời này đời sau. Đời không có những người thành tựu quả A-la-hán”. Đang khi con hỏi về sự thọ nhận quả báo, thầy ấy trả lời không. Ví như có người hỏi dưa, đem mận đáp, nay thầy Ca-diếp này cũng như vậy. Khi ấy, con suy nghĩ: “Thầy Phạm chí này không giải được nghĩa của bậc hào tộc dòng vua chúa hỏi. Người này tìm cách dẫn giải chuyện khác để trả lời”. Thưa Thế Tôn, con muốn chặt đầu thầy ấy, liền không chấp nhận lời nói ấy mà bỏ đi

Khi ấy, con lại đến chỗ Phạm chí A-di-chuyên mà hỏi nghĩa này. A-di-chuyên đáp: “Nếu ở bờ sông bên trái giết hại chúng sanh, tạo tội vô lượng, cũng không có tội, cũng không có quả báo ác”. Thế Tôn ! Lúc ấy con lại nghĩ: “Ta hỏi về nghĩa thọ báo hiện

đòi, người này đem chuyện sát hại trả lời ta, cũng như có người hỏi lê dùng nghĩa mặn đắng”. Con liền bỏ đi.

Con lại đến chỗ Phạm chí Cù-da-lâu hỏi nghĩa này. Ông ấy đáp: “Ở bờ sông bên mặt làm các công đức không thể tính kể, trong đó cũng không có quả báo lành”. Bấy giờ, con lại nghĩ: “Nay điều ta hỏi, rốt cuộc không trả lời về lý ấy”. Con lại bỏ đi.

Con lại đến chỗ Phạm chí Bỉ-hưu Ca-diên hỏi về nghĩa này. Ông ấy đáp: “Chỉ có một người ra đời, một người sanh tử, một người qua lại chịu khổ vui ấy”. Khi ấy, con lại nghĩ: “Nay ta hỏi về quả báo hiện đời, mà đem chuyện sanh tử đến đáp”. Con lại bỏ đi.

Con đến chỗ Phạm chí Tiên-tỳ Lư-trì hỏi nghĩa này. Ông ấy đáp: “Đời quá khứ đã diệt không tái sanh lại. Tương lai chưa đến cũng lại không có, hiện tại chẳng dùng trụ, dùng trụ tức biến đổi”. Khi ấy, con lại nghĩ: “Nay ta hỏi về quả báo hiện đời, mà đem chuyện ba đời để đáp, đây không phải chánh lý”. Con liền bỏ đi.

Con đến chỗ Phạm chí Ni-kiên Tử hỏi nghĩa này: “Thế nào, Ni-kiên Tử, đời này làm phước có được quả báo hiện đời chăng?”. Ông ấy đáp:

3 “Không nhân duyên chúng sanh trói buộc, cũng không nhân, cũng không duyên chúng sanh dính mắc trói buộc, không nhân không duyên chúng sanh thanh tịnh”. Khi ấy con lại nghĩ: “Những Phạm chí này là ngu si, không phân biệt chơn ngụy, như người mù không mắt, không trả lời được nghĩa ta đã hỏi, như đùa cợt với dòng dõi vua Chuyển luân”. Con liền bỏ đi.

Thế Tôn ! Nay con xin hỏi về nghĩa ấy: Đòi này tạo phước, hiện đời thọ báo chăng ? Cúi xin Thế Tôn giảng rộng nghĩa này.

Bấy giờ, đức Phật bảo:

— Đại vương ! Nay Ta hỏi nghĩa Đại vương, tùy theo chỗ ưa thích mà trả lời. Đại vương có đem sách vở, rượu ngon, nhà cửa và quan chức để ban thưởng cho kẻ tôi tớ hầu cận chăng ?

Vua bạch Phật:

— Thừa có.

Phật bảo:

— Nếu như người tôi tớ ấy làm việc nhọc nhằn qua thời gian lâu, lại có ban thưởng cho họ chăng ?

Vua bạch Phật:

— Tùy theo công lao, ban cấp cho đồ vật dùng, không để có sự oán trách.

Phật bảo nhà vua:

— Do phương tiện này mà biết rằng đời này làm phước được thọ báo hiện tại. Thế nào Đại vương, người đó ở địa vị cao, lại chu đáo với dân, lễ độ, có ban thưởng chăng ?

Vua thưa:

— Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Cho ăn chung món ngon với con, không để cho oán hận.

Phật bảo nhà vua:

— Do phương tiện này nên biết xưa kia xuất thân rất thấp, dần dần có nhiều công lao, đồng hưởng thú vui với vua; do điều này nên hiện đời làm phước, được thọ báo hiện đời.

Phật bảo nhà vua:

— Người có công lao ấy, trải qua nhiều năm đến tâu với vua rằng: “Hạ thần đã lập công lao, bệ hạ biết rõ”. Người ấy muốn xin Đại vương được toại nguyện, Đại vương có cho phép chăng ?

Vua bạch Phật:

— Tùy theo sở nguyện của người ấy, không trái.

Phật bảo:

— Người có công lao ấy muốn được từ tạ Đại vương, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, tu hạnh thanh tịnh, vua có cho phép không ?

Vua bạch Phật:

— Thưa vâng, cho phép.

Phật bảo vua:

— Giả sử nhà vua thấy người ấy cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo ở bên cạnh Ta, nhà vua sẽ làm gì ?

Vua bạch Phật:

— Con sẽ giúp đỡ, cúng dường, tùy thời lễ bái.

Phật bảo:

— Do phương tiện này nên biết, hiện đời làm phước được thọ hiện báo. Giả sử người có công lao ấy trì giới trọn vẹn, không trái phạm, nhà vua sẽ làm gì ?

Vua bạch Phật:

— Suốt đời cung cấp y phục, mền nệm, thức ăn uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, không để thiếu thốn.

Phật bảo nhà vua:

— Do phương tiện này nên biết thân hiện đời

làm phước được thọ báo hiện tại. Giả sử người ấy đã làm Sa-môn, dứt hết hữu lậu, thành tựu vô lậu tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, tự thân chứng đạo và tự du hóa, sanh tử đã tận, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau, biết một cách như thật. Vua sẽ làm gì ?

Vua bạch Phật:

— Con sẽ suốt đời phụng sự cúng dường y phục, mền nệm, thức ăn uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, không để thiếu.

Phật bảo:

— Do phương tiện này nên biết đời này làm phước được thọ hiện báo. Giả sử người ấy hết tuổi thọ, nơi cảnh giới Vô dư Niết-bàn mà diệt độ. Vua sẽ làm gì ?

Vua bạch Phật:

— Sẽ xây tháp lớn ở ngã tư đường, dùng hương hoa cúng dường, treo tràng phan bảo cái, phụng sự kính lễ. Vì sao ? Người ấy là thân Trời không phải thân Người.

Phật bảo nhà vua:

— Do phương tiện này nên biết đời này làm phước được thọ hiện báo.

Vua bạch Phật:

— Nay con do những thí dụ ấy được hiểu rõ. Hôm nay Thế Tôn nói lại nghĩa ấy. Từ nay về sau con xin tin thọ nghĩa ấy. Cúi xin Thế Tôn nhận con làm đệ tử, tự quy y Phật, Pháp, Tỳ-kheo Tăng. Nay con lại sám hối đã như kẻ ngu si, phụ vương không có lỗi mà đem sát hại. Nay đem thân mạng tự quy. Cúi xin Thế Tôn trừ tội lỗi ấy, diển nói diệu pháp, được an ổn lâu dài. Như con tự biết đã làm tội báo, không có căn lành.

Phật bảo nhà vua:

— Trên đời có hai hạng người không tội, khi mệnh chung được sanh lên trời như trong khoảng đuổi cánh tay. Thế nào là hai ? Một là người không tạo gốc tội mà tu thiện; hai là người tạo tội mà cải hối việc đã làm. Đó là hai hạng người khi chết sanh lên trời không trở ngại.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

*Người làm hạnh rất ác,
Hối lỗi chuyển sang nhẹ,
Luôn hối không lười nghĩ,
Gốc tội đã nhổ sạch.*

Cho nên, này Đại vương, nên dùng pháp trị

dân, chớ dùng phi pháp. Phàm người dùng pháp trị hóa, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trời, cõi lành. Người ấy đã mạng chung mà danh tiếng đồn khắp mọi nơi, lan cả bốn phương. Người đời sau cùng truyền tụng rằng: “Xưa kia có vị vua dùng Chánh pháp trị hóa, không có cong vạy”. Mọi người đều truyền tụng xưng tán nơi vị vua ấy sanh ra. Nhà vua sẽ tăng tuổi thọ, không chết yếu. Cho nên, này Đại vương, nên phát tâm hoan hỷ hướng về ba ngôi báu Phật, Pháp, Thánh chúng. Như thế, Đại vương, nên học điều này !

Bấy giờ, vua A-xà-thế liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, cáo từ lui ra. Vua đi không xa, Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Nay vua A-xà-thế, nếu không giết phụ vương, sẽ được chúng sơ quả của bậc Sa-môn, đứng vào hàng bốn đôi tám bậc. Cũng được Tám đạo phẩm Hiền Thánh, trừ bỏ tám ái, vượt qua tám nạn. Tuy vậy, ngày nay cũng được hạnh phúc lớn, được lòng tin vô căn. Thế nên, Tỳ-kheo, người làm tội, nên tìm phương tiện thành tựu lòng tin vô căn. Trong hàng đệ tử Ưu-bà-tắc của Ta, người được lòng tin vô căn là A-xà-thế vậy.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ở đời có tám việc, chúng sanh xoay chuyển theo đó. Thế nào là tám ? Một là lợi, hai là suy, ba là hủy, bốn là dự, năm là xung, sáu là cơ, bảy là khổ, tám là lạc.

Như thế, này Tỳ-kheo, tám việc này tùy theo đời xoay chuyển. Này các Tỳ-kheo, nên tìm phương tiện trừ tám việc này. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Như Lai xuất hiện ở thế gian, lại nơi thế giới này thành Phật đạo, song không đắm trước nơi tám việc của thế gian, mà còn điều phục nó. Cũng như hoa sen phát sanh từ bùn, rất là tươi đẹp thanh khiết không dính nước đục, là vật được chư

Thiên yêu kính, thấy rồi tâm vui thích; Như Lai cũng lại như thế, do bào thai sanh ra, trong ấy trường dưỡng được thành thân Phật. Cũng như ngọc lưu ly, trên bảo tịnh thủy, không bị bụi trần làm nhiễm; Như Lai cũng lại như thế, cũng sanh nơi thế gian không bị tám việc của thế gian làm nhiễm trước.

Cho nên, các Tỳ-kheo nên siêng năng tinh tấn tu hành tám pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có tám hạng người lưu chuyển trong sanh tử mà không trụ sanh tử. Thế nào là tám ? Hạng người hướng về Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn, hướng Tu-đà-hàm, đắc Tu-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc A-la-hán.

Các Tỳ-kheo ! Đó là tám hạng người lưu chuyển trong sanh tử mà không trụ sanh tử.

Cho nên, các Tỳ-kheo nên tìm phương tiện vượt qua nạn sanh tử, chớ trụ trong sanh tử. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Mã huyết, trai, Nan-đà,
Đề-bà-đạt, thuyền bè,
Chăn bò, tín vô căn,
Thế pháp, thiện, tám người.*

*

* *

XXXXIV. PHẨM CHÍN NƠI CƯ TRÚ CỦA CHÚNG SANH

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có chín nơi cư trú của chúng sanh, là chỗ chúng sanh ở. Thế nào là chín ? Hoặc có chúng sanh, bao nhiêu thân bấy nhiêu tư tưởng. Đó là cõi Trời và cõi Người.

Hoặc có chúng sanh bao nhiêu thân một tư tưởng. Đó là cõi trời Phạm-ca-di, xuất hiện trước nhất.

Hoặc có chúng sanh một thân bao nhiêu tư tưởng. Đó là cõi trời Quang Âm.

Hoặc có chúng sanh một thân một tư tưởng. Đó là cõi trời Biến Tịnh.

Hoặc có chúng sanh vô lượng hư không. Đó là cõi trời Không xứ.

Hoặc có chúng sanh vô lượng thức. Đó là cõi trời Thức xứ.

Hoặc có chúng sanh không dùng xứ. Đó là cõi trời Bất dụng xứ.

Hoặc có chúng sanh có tướng, không tướng. Đó là cõi trời Hữu tướng vô tướng.

Các nơi sanh ra có chín tên. Các Tỳ-kheo, đó là chín chỗ cư trú của chúng sanh, các loại chúng sanh đã ở, đang ở, sẽ ở. Cho nên Tỳ-kheo ! Nên tìm phương tiện xa lìa chín nơi này. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta sẽ nói về chín đức của ngụyện bố thí,

các Thầy khéo suy nghĩ đó, nay Ta sẽ diễn bày nghĩa ấy.

Khi ấy các Tỳ-kheo vâng lãnh lời Phật dạy. Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Thế nào là chín đức của nguyện bố thí ? Tỳ-kheo nên biết, đàn-việt cúng thí thành tựu ba pháp, vật được thí cũng thành tựu ba pháp, người nhận vật thí cũng thành tựu ba pháp.

Thế nào là thí chủ đàn-việt thành tựu ba pháp ? Ở đây, thí chủ đàn-việt được thành tựu lòng tin, thành tựu thệ nguyện, cũng không sát sanh. Đó gọi là thí chủ đàn-việt thành tựu ba pháp.

Thế nào là vật được thí thành tựu ba pháp ? Ở đây, vật được thí thành tựu sắc, thành tựu hương, thành tựu vị. Đó là vật thí thành tựu ba pháp.

Thế nào là người nhận thí thành tựu ba pháp ? Ở đây, người nhận thí thành tựu giới, thành tựu trí tuệ, thành tựu chánh định. Đó là người nhận thí thành tựu ba pháp.

Như thế, bố thí thành tựu chín pháp này, được quả báo lớn, đến chỗ cam lồ, diệt tận. Phạm thí chủ muốn cầu được phước ấy thì nên tìm phương tiện thành tựu chín pháp. Như thế, các Tỳ-kheo nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có sự việc gọi là thành tựu chín pháp. Thế nào là chín ? Là sắc mắt cứng cõi, không hạ mình, tâm tham, bôn sên, tâm niệm không xả ly, chóng quên, lười suy nghĩ, che giấu việc dâm, không biết đền ơn. Đó là chín pháp. Này Tỳ-kheo ! Đó gọi là thành tựu chín pháp này.

Tỳ-kheo ác cũng thành tựu chín pháp. Thế nào là chín ? Ở đây, Tỳ-kheo ác sắc mắt cứng cõi, không hạ mình, tâm tham, bôn sên, chóng quên, lười suy nghĩ, che giấu việc dâm, không biết đền ơn, tâm niệm không xả ly. Đó là chín pháp.

Thế nào là Tỳ-kheo ác sắc mắt cứng cõi ? Ở đây, Tỳ-kheo ác tìm câu điều không nên tìm câu, trái với hạnh Sa-môn. Tỳ-kheo như thế gọi là sắc mắt cứng cõi.

Thế nào là Tỳ-kheo ác chịu nhục ? Ở đây, Tỳ-kheo ác ở nơi các Tỳ-kheo hiền thiện mà tự

khen mình, hủy báng người khác. Tỳ-kheo như thế gọi là chịu nhục.

Thế nào là Tỳ-kheo sanh tâm tham ? Ở đây, Tỳ-kheo ác, thấy tài vật của người khác đều sanh tâm tham. Đây gọi là tham.

Thế nào là Tỳ-kheo bòn sên ? Ở đây, Tỳ-kheo ác, được y bát không cho người dùng chung, thường tự cất giấu. Như thế gọi là bòn sên.

Thế nào là Tỳ-kheo hay quên ? Ở đây, Tỳ-kheo ác, phần lớn thường để rơi mất những lời diệu thiện, cũng chẳng suy nghĩ phương tiện tu, bàn luận chuyện quốc gia bình chiến. Như thế gọi là Tỳ-kheo ác thành tựu sự chóng quên này.

Thế nào là Tỳ-kheo ác lười suy nghĩ ? Ở đây, Tỳ-kheo ác đối với pháp cần suy nghĩ mà không suy nghĩ. Như thế gọi là Tỳ-kheo ác ít suy nghĩ.

Thế nào là Tỳ-kheo ác che giấu việc dâm ? Ở đây, Tỳ-kheo ác có việc dâm mà che giấu, không nói với người: “Nay tôi hành dâm chớ để người biết”. Như thế gọi là Tỳ-kheo ác che giấu việc dâm.

Thế nào là Tỳ-kheo ác không biết đến ơn ? Ở đây, Tỳ-kheo ác không có tâm cung kính, không hầu hạ thầy và các bậc đáng tôn trọng. Như thế gọi là Tỳ-kheo ác không biết đến ơn.

Nếu Tỳ-kheo ác thành tựu chín pháp này, ghi nhớ không bỏ, thì trọn không thành đạo quả. Cho nên, này các Tỳ-kheo, đối các pháp ác nhớ nên xả bỏ. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Chim khổng tước thành tựu chín pháp. Thế nào là chín ? Ở đây, chim khổng tước dáng dấp đoan chánh, tiếng kêu thanh tao, bước đi khoan thai, làm đúng thời, ăn uống vừa chừng, thường nhớ tri túc, niệm không phân tán, ít ngủ nghỉ, ít muốn, biết đền ơn. Này các Tỳ-kheo, đó là chim khổng tước thành tựu chín pháp này.

Tỳ-kheo hiền triết cũng thành tựu chín pháp. Thế nào là chín ? Ở đây, Tỳ-kheo hiền thiện dung mạo đoan chánh, tiếng nói thanh tao, bước đi khoan thai, làm đúng thời, ăn uống chừng mực, thường nghĩ biết đủ, niệm không phân tán, ít ngủ, cũng lại ít muốn, biết đền ơn.

Thế nào là Tỳ-kheo hiền thiện, dung mạo

đoan chánh ? Nghĩa là Tỳ-kheo ấy những oai nghi ra, vào, đi đứng, trợn không mất tư cách. Như thế là Tỳ-kheo hiển thiện, dung mạo đoan chánh.

Thế nào là Tỳ-kheo tiếng nói thanh tao ? Ở đây Tỳ-kheo phân biệt nghĩa lý, trợn không lầm loạn. Như thế là Tỳ-kheo tiếng nói thanh tao.

Thế nào là Tỳ-kheo bước đi khoan thai ? Ở đây, Tỳ-kheo biết thời hành động không mất thứ tự, lại biết có thể tụng biết tụng, có thể tập biết tập, có thể im lặng biết im lặng, có thể đứng dậy biết đứng dậy. Như thế là Tỳ-kheo biết thời tiết.

Thế nào là Tỳ-kheo làm đúng thời ? Ở đây, Tỳ-kheo cần đi liền đi, cần dừng liền dừng, tùy thời nghe pháp. Như thế là Tỳ-kheo làm đúng thời.

Thế nào là Tỳ-kheo ăn uống vừa chừng ? Ở đây, Tỳ-kheo được thức ăn dư, đem chia cho người cùng ăn, không tham tiếc. Như thế là Tỳ-kheo ăn uống vừa chừng.

Thế nào là Tỳ-kheo ít ngủ nghỉ ? Ở đây, Tỳ-kheo vào đầu hôm tập tỉnh thức, tu tập Ba mươi bảy đạo phẩm không để rơi mất. Thường dùng cách đi kinh hành, nằm tỉnh giác để tịnh ý mình, lại vào giữa đêm suy nghĩ về pháp sâu xa, đến cuối đêm thời nằm nghiêng hông bên mặt, hai chân duỗi

thẳng xếp lên nhau, tư duy suy tưởng về ánh sáng, rồi đứng dậy kinh hành để tịnh ý mình. Như thế là Tỳ-kheo ít ngủ nghỉ.

Thế nào là Tỳ-kheo ít muốn, biết đền ơn ? Ở đây, Tỳ-kheo hầu hạ phụng sự ba ngôi báu, kính vâng sư trưởng. Như thế là Tỳ-kheo ít muốn, biết đền ơn.

Như thế, Tỳ-kheo hiển thiện thành tựu chín pháp. Nay chín pháp này nên ghi nhớ vâng làm. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Người nữ thành tựu chín pháp ràng buộc người nam. Thế nào là chín ? Là ca, múa, đàn, hát, cười, khóc, thường tìm cách thích hợp, tự dùng nhan sắc hình dung, huyền thuật mê hoặc. Họ toan tính trong bao nhiêu việc ấy, chỉ thích ràng buộc người chặt chẽ; trăm lần ngàn lần không thể so sánh.

Nay Ta quán sát các việc như vậy, người nữ thích ràng buộc người nam chặt chẽ, không cho thoát khỏi là như thế. Theo đó, người nam bị ràng buộc trong lao ngục.

Cho nên, các Tỳ-kheo nên nhớ nghĩ trừ bỏ chín pháp này. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở trong vườn trúc Ưu-ca-la, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta sẽ nói diệu pháp cho các Thầy phân đầu, phân giữa, phân cuối đều lành, nghĩa lý sâu kín, thanh tịnh tu hành Phạm hạnh. Kinh này tên là “Cội gốc của Tất cả các Pháp”. Các Thầy nên khéo suy nghĩ ghi nhớ.

Các Tỳ-kheo thưa:

— Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Khi ấy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy. Phật bảo:

— Thế nào gọi là “Cội gốc của tất cả pháp ?”.

Ở đây, này các Tỳ-kheo, người phàm phu không gặp giáo lý Hiền Thánh, cũng không vâng giữ lời dạy của Như Lai, không gần gũi Thiện tri thức, không nghe lời dạy của Thiện tri thức.

Họ quán sát đất này, biết một cách như thật rằng: đây là đất, quán sát đất này như là đất thật; đây là nước; đây là lửa; đây là gió. Bốn thứ ấy hợp lại thành con người. Đây là sự vui thích của người ngu. Trời tự biết là Trời, thích ở cõi trời. Trời Phạm thiên tự biết là Phạm thiên. Trời Đại phạm tự biết là Đại phạm. Không thể ra khỏi trời Quang Âm lại tự biết do cõi trời Quang Âm đến. Trời Biến Tịnh tự biết là Biến Tịnh. Trời Quảng Quả tự biết là trời Quảng Quả không lầm lẫn. Trời A-tỳ-da-đà tự biết là trời A-tỳ-da-đà. Trời Không xứ tự biết là trời Không xứ. Trời Thức xứ tự biết là trời Thức xứ. Trời Bất dụng xứ tự biết là trời Bất dụng xứ. Trời Hữu tướng vô tướng xứ tự biết là trời Hữu tướng vô tướng xứ.

Thấy tự biết là thấy, nghe tự biết là nghe, muốn tự biết là muốn, trí tự biết là trí, một loại tự biết là một loại, bao nhiêu loại tự biết là bao nhiêu loại, thấy đều đầy đủ tự biết là thấy đều đầy đủ, Niết-bàn tự biết là Niết-bàn, tự vui thích trong đó. Vì sao ? Vì chẳng phải là lời nói của bậc Trí.

Nếu là đệ tử bậc Thánh thì đến gặp gỡ bậc Thánh, vâng thọ pháp của bậc Thánh, theo Thiện tri thức làm việc, thường gần gũi bậc Thiện tri thức; quan sát đất, thấy đều biết chỗ đến của nó rõ ràng, cũng không đắm trước nơi đất, không có tâm nhiễm ô; nước, lửa, gió cũng lại như thế. Trời, Người, Phạm vương, Quang Âm, Biến Tịnh, Quảng Quả, trời A-tỳ-da-đà, Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tướng vô tướng xứ đều thấy, nghe, nhớ biết; một loại, bao nhiêu loại, cho đến đối với Niết-bàn cũng chẳng đắm trước Niết-bàn, không khởi tướng Niết-bàn. Vì sao ? Đều do khéo phân biệt, khéo quán sát.

Nếu Tỳ-kheo ấy là bậc A-la-hán lậu tận, việc làm đã xong, đã bỏ gánh nặng, cùng tận cội nguồn sanh tử, giải thoát bình đẳng thì người ấy có thể phân biệt đất đai, quán sát không khởi tướng đắm trước về đất; Người, Trời, Phạm vương cho đến Hữu tướng vô tướng xứ, cũng lại như thế; cho đến đối với Niết-bàn không đắm trước Niết-bàn, không khởi tướng Niết-bàn. Vì sao ? Đều do trừ khử dâm, nộ, si mà được như thế.

Tỳ-kheo nên biết ! Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác khéo hay phân biệt về đất, cũng không đắm trước nơi đất. Vì sao ? Đều do diệt trừ lưới ái

mà được vậy. Nhân hữu nên có sanh, nhân sanh nên có già, chết, thây đều trừ hết. Cho nên Như Lai thành Vô Thượng Chánh Giác.

Khi Phật nói lời này, lúc ấy các Tỳ-kheo không nghe lời dạy này. Vì sao ? Vì do ma Ba-tuần làm bế tắc tâm ý.

Kinh này tên “Cội gốc của Tất cả Pháp”. Nay Ta nói đầy đủ như vậy. Điều cần tu hành của chư Phật, nay Ta đã làm đầy đủ. Các Thầy nên ghi nhớ, ở chỗ vắng, dưới cội cây, tâm ý đoan nghiêm tọa Thiền, tư duy nghĩa thâm diệu. Hôm nay không làm, sau hối hận vô ích. Đây là lời giáo giới của Ta.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đa cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, trong thành La-duyệt có một Tỳ-kheo đau nặng đến nguy kịch, nằm một chỗ, đại tiểu tiện, không thể tự ngồi dậy, cũng chẳng có Tỳ-kheo nào đến thăm hỏi chăm sóc. Ngày đêm Thầy xưng danh hiệu Phật: “Sao Thế Tôn chẳng thương xót ta ?”.

Khi ấy, Thế Tôn dùng Thiên nhĩ nghe Tỳ-

kheo ấy kêu than, hướng về Như Lai. Thế Tôn bèn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta với các Thầy đi thăm các phòng liêu, xem xét chỗ ở.

Các Tỳ-kheo thưa:

— Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Khi ấy, Thế Tôn bèn cùng các Tỳ-kheo vây quanh trước sau, đi thăm qua các liêu phòng. Tỳ-kheo bệnh xa thấy Thế Tôn đến, liền muốn ngồi dậy mà không cử động nổi. Thế Tôn đến bên chỗ Tỳ-kheo ấy, bảo rằng:

— Thôi, thôi ! Này Tỳ-kheo, đừng tự cử động. Ta tự có chỗ ngồi sẵn.

Khi ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương biết ý nghĩ của Như Lai, từ thế giới Dã-mã ẩn, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, đứng qua một bên.

Thích-đề-hoàn-nhân biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, từ cõi Phạm thiên ẩn, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui qua một bên.

Trời Tứ thiên vương biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, bèn đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui đứng một bên.

Khi ấy, Phật hỏi Tỳ-kheo bệnh:

— Hôm nay bệnh khổ của Thầy có thuyên giảm chăng ?

Tỳ-kheo thưa:

— Bệnh khổ của đệ tử tăng chứ không giảm, rất ít được nhờ cậy.

Phật hỏi các Tỳ-kheo:

— Người khám bệnh hiện ở đâu ? Người nào đến thăm bệnh ?

Tỳ-kheo bạch Phật:

— Nay mắc phải bệnh này, không có ai trông nom.

Phật bảo Tỳ-kheo:

— Trước kia, khi Thầy chưa bệnh, có đến thăm hỏi người bệnh chăng ?

Tỳ-kheo bạch Phật:

— Không đến hỏi han các người bệnh.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Thầy không có lợi lành ở trong Chánh pháp. Vì sao ? Vì không đến hỏi thăm bệnh. Nay Tỳ-kheo chớ lo sợ, Ta sẽ đích thân cung dưỡng cho Thầy, không để thiếu. Như hiện nay, Ta là người trong cõi Trời, cõi Người, riêng một mình không

bạn bè, mà cũng có thể thăm hỏi tất cả người bệnh. Người không ai giúp đỡ, Ta vì họ làm người giúp đỡ. Với người mù Ta làm mắt cho họ, cứu giúp các người bệnh.

Khi ấy, Thế Tôn tự đổ đồ bất tịnh, lại trải tọa cụ cho người bệnh. Tỳ-sa-môn Thiên vương và Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật:

— Chúng con tự sẽ săn sóc thầy Tỳ-kheo bệnh này, xin Thế Tôn chớ nhọc sức.

Phật bảo các Thiên tử:

— Các Ông hãy ngừng. Như Lai tự biết thời. Như Ta tự nhớ lại, thuở xưa khi chưa thành Phật, tu hạnh Bồ-tát, vì hai con chim bồ câu nên bỏ mạng sống, hưởng gì ngày nay đã thành Phật, lại bỏ Tỳ-kheo này ư ? Trọn không có việc ấy. Lại, trước đây Thích-đề-hoàn-nhân không thăm nom Tỳ-kheo bệnh này, Tỳ-sa-môn Thiên vương là vị chủ hộ thế gian cũng không đến thăm.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân và Tỳ-sa-môn Thiên vương đều im lặng không trả lời. Bấy giờ, Thế Tôn cầm chổi quét dọn đất dơ, rồi sắp đặt tọa cụ, lại giặt giũ ba y, đổ Tỳ-kheo bệnh bảo ngồi trong bốn nước sạch tắm rửa. Có các vị Trời ở trên lấy nước thơm rưới đó.

Khi ấy, Thế Tôn tắm rửa cho Tỳ-kheo kia xong, đỡ lại giường, tự tay cho ăn. Thế Tôn thấy Tỳ-kheo ấy ăn xong, đem bát rửa và bảo Tỳ-kheo ấy:

— Nay Thầy nên bỏ bệnh khổ của ba đời. Vì sao ? Tỳ-kheo nên biết, sanh có khổ ách trong thai, nhân sanh có già. Khi già, hình thể gầy yếu, khí lực kiệt. Nhân già có bệnh, khi bệnh nằm ngời rên rĩ, bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh đến một lúc. Nhân bệnh có chết, khi chết thì hình hài, thân thức phân tán đi theo đường lành dữ. Nếu người nhiều tội sẽ vào địa ngục núi đao, cây kiếm, xe lửa, lò than, ăn nuốt nước đông sôi. Hoặc người ấy làm súc sanh bị người sai khiến, ăn toàn rom cỏ chịu khổ vô lượng. Lại không thể tính kể trong vô số kiếp người ấy làm thân ngạ quỷ, thân cao mười do-tuần, cổ nhỏ như cây kim, lại có nước đông rót vào miệng. Trải qua vô số kiếp được làm thân người, người ấy bị đánh đập khảo tra không thể tính kể. Lại trong vô số kiếp được sanh lên trời, người ấy cũng trải qua ân ái hội hợp, lại gặp ân ái biệt ly, tham muốn không chán đủ. Được đạo Hiền Thánh bấy giờ người ấy mới lìa khổ.

Nay có chín hạng người được lìa khổ hoạn. Thế nào là chín ? Đó là người hướng A-la-hán, đặc

A-la-hán; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm; hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; và chúng tánh Người là chín.

Thế nên, này Tỳ-kheo ! Như Lai ra đời rất là khó gặp, thân người khó được, sanh trưởng vào trung tâm của nước cũng khó được, gặp bậc Thiện tri thức cũng lại như thế. Nghe nói pháp cũng không thể được. Các pháp cùng sanh với nhau, đúng thời mới có. Tỳ-kheo nên biết, ngày nay Như Lai hiện ở tại thế gian, được nghe Chánh pháp, các căn không thiếu, có thể kham nghe Chánh pháp kia. Hôm nay không siêng năng sau hối không kịp. Đây là lời dạy của Ta.

Bấy giờ, Tỳ-kheo bệnh ấy nghe Như Lai dạy xong, được thấy tôn nhan, liền ngay tại chỗ ngồi được Tam minh, lậu tận ý giải. Phật bảo Tỳ-kheo:

— Thầy đã rõ được cội nguồn của bệnh chăng ?

Tỳ-kheo bạch Phật:

— Con đã hiểu cội nguồn của bệnh, xa lìa sanh, lão, bệnh, tử này, đều là uy thần của Như Lai gia hộ, dùng Tứ đẳng tâm che chở tất cả, không lường, không ngăn mé, không thể xưng kể. Thân, miệng, ý thanh tịnh.

Khi ấy, Thế Tôn nói pháp đầy đủ rồi, liền từ tòa đứng dậy đi ra.

Bấy giờ Thế Tôn bảo A-nan:

— Thấy mau đánh kiền chùy, để các vị Tỳ-kheo có mặt trong thành La-duyet này cùng đến nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội.

A-nan vâng theo lời Phật, liền nhóm các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ Hội, và đến trước Phật bạch:

— Các Tỳ-kheo đã nhóm họp, cúi xin Thế Tôn biết đúng thời.

Bấy giờ Thế Tôn đi đến giảng đường, lên tòa ngồi. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy học đạo là vì sợ quốc vương, giặc cướp mà xuất gia chăng ? Tỳ-kheo, hay là vì lòng tin vững chắc, tu Phạm hạnh vô thượng, muốn được xa bỏ sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não, cũng muốn xa lìa Mười hai nhân duyên ?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Đúng vậy, thưa Thế Tôn.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy sở dĩ xuất gia đồng một Thầy, hòa hợp như nước sữa, mà không chăm nom lẫn nhau. Từ nay về sau nên lần lượt chăm sóc thăm nom nhau. Nếu Tỳ-kheo bệnh không có đệ tử,

trong chúng nên cử người lần lượt làm khán bệnh. Vì sao ? Ngoài việc này ra, không thấy có việc gì hơn phước của người chăm sóc bệnh. Người chăm sóc bệnh như chăm sóc Ta không khác.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

*Nếu có cúng dường Ta,
Và chư Phật quá khứ,
Phước đức cúng thí Ta,
Không khác chăm nom bệnh.*

Bấy giờ, Thế Tôn dạy lời ấy xong, bảo A-nan:

— Từ nay về sau, các Tỳ-kheo mỗi mỗi chăm nom bệnh lẫn nhau. Nếu có Tỳ-kheo biết mà không làm thì các Thầy nên căn cứ theo luật. Đây là lời giáo giới của Ta.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có chín hạng người đáng kính, đáng quý, cúng dường những vị ấy được phước. Thế nào là chín ? Đó là những vị hướng A-la-hán, đắc A-la-hán;

hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hướng Tu-đà-hàm, đắc Tu-đà-hàm; hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn, và hạnh chúng tánh Người là chín.

Này các Tỳ-kheo, đó là chín hạng người, cúng dường cho các vị ấy được phước trọn không mất.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đa cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Khi ấy, vương tử Mãn-hô đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Vương tử Mãn-hô bạch đức Phật:

— Con từng nghe Thấy Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc cùng bàn luận với Phạm chí Lư-ca-diên, nhưng Tỳ-kheo ấy không thể đối đáp. Con lại từng nghe trong hàng chúng đệ tử của Phật, người mà các căn ám độn, không có trí tuệ sáng, không ai hơn Tỳ-kheo này.

Trong hàng Ưu-bà-tắc tại gia của Thế Tôn, dòng họ Cô-đàm trong thành Ca-tỳ-la-vệ các căn ám độn, tình ý bé tắc.

Đức Phật bảo Vương tử:

— Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc có sức thần túc, được pháp hơn người, không tập theo cách đàm luận thế gian. Lại, Vương tử nên biết, Tỳ-kheo này rất có diệu nghĩa.

Khi ấy, vương tử Mãn-hô bạch Phật:

— Tuy Phật nói như thế, song trong ý con vẫn còn sanh niệm này: “Vì sao có đại thần lực mà không thể cùng luận nghị với ngoại đạo dị học kia ?” Nay con thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng, chỉ trừ một mình Châu-lợi-bàn-đặc.

Khi ấy, đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Vương tử thấy Thế Tôn đã nhận thỉnh rồi, bèn đứng dậy, cúi đầu lạy chân Phật, đi quanh về hướng tay mặt ba vòng rồi lui ra. Liên trong đêm ấy, vương tử sửa soạn các thức ăn uống ngon, trải tọa cụ tốt đẹp. Sáng sớm vương tử đến bạch Phật:

— Đã đến giờ, nay là đúng thời.

Bấy giờ, Thế Tôn đưa bát cho Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc giữ ở lại sau, Ngài dắt chúng Tỳ-kheo vây quanh trước sau đi vào thành La-duyệt, đến chỗ của vương tử, theo thứ lớp an tọa. Bấy giờ, vương tử bạch Phật:

— Cúi xin Thế Tôn trao bát cho con.

Hôm nay con muốn tự dâng thức ăn cho Thế Tôn.

Phật bảo vương tử:

— Bát ở tại chỗ của Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, không mang đến đây.

Vương tử bạch Phật:

— Xin Thế Tôn bảo một vị Tỳ-kheo về mang bát đến đây.

Phật bảo vương tử:

— Nay Ông hãy tự đi lấy bát Như Lai đến đây.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc hóa làm năm trăm cội cây, dưới mỗi cội cây đều có Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc ngồi. Vương tử nghe lời Phật dạy, đi về lấy bát, xa thấy dưới năm trăm cội cây đều có Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc ngồi Thiên, buộc niệm ở phía trước không tán loạn. Thấy rồi, vương tử liền nghĩ: “Người nào là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc?”. Vương tử Mãn-hô bèn trở lại chỗ Thế Tôn bạch rằng:

— Con đến vườn ấy, đều thấy toàn là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, không biết người nào là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc.

Phật bảo vương tử:

— Ông trở lại bên đó, đến ngay chỗ người ngồi chính giữa vườn khải móng tay nói rằng: “Đây thật là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, xin mời đứng lên”.

Vương tử Mãn-hô nghe lời Phật dạy, lại đi vào vườn, đến chỗ người ngồi giữa nói:

— Đây thật là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, xin mời đứng lên.

Vương tử nói lời ấy xong, năm trăm Tỳ-kheo hóa hiện kia tự nhiên biến mất, chỉ còn lại một Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc. Khi ấy, vương tử Mãn-hô cùng Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui qua một bên.

Vương tử Mãn-hô bạch Phật:

— Cúi xin Thế Tôn, nay con tự hối hận, trách mình không tin lời dạy của Như Lai. Vì Tỳ-kheo này có thần túc oai lực rất lớn.

Phật bảo Vương tử:

— Cho phép Ông sám hối, Như Lai nói ra không hai lời. Lại ở thế gian này có chín hạng người đối xử qua lại. Thế nào là chín ? Một là biết trước nhơn tình, hai là nghe rồi mới biết, ba là xem tướng rồi sau mới biết, bốn là quán sát nghĩa lý rồi

sau mới biết, năm là biết vị rồi sau mới biết, sáu là biết nghĩa vị rồi sau mới biết, bảy là không biết nghĩa không biết vị, tám là học hỏi nơi sức thần túc tư duy, chín là hiểu nghĩa rất ít. Nay Vương tử, đó là chín hạng người xuất hiện ở đời. Như thế, nay Vương tử, người xem tướng kia trong tám hạng người là bậc nhất, không lầm lỗi.

Nay Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc này học tập về thần túc, không học các pháp khác. Tỳ-kheo này thường dùng thần túc thuyết pháp cho người, còn Tỳ-kheo A-nan của Ta xem tướng liên biết, đoán biết nhơn tình, biết Như Lai cần điều này, không cần điều này, cũng biết Như Lai cần nói việc này, là việc này, thấy đều rõ ràng. Hiện nay không ai hơn Tỳ-kheo A-nan, đọc rộng các kinh nghĩa, thấy đều khắp hết.

Lại, Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc này có thể hóa hiện một thân hình làm bao nhiêu thân hình, lại trở về hiệp làm một mình. Tỳ-kheo ấy ngày sau sẽ ở trong hư không mà diệt độ. Ta lại không thấy người nào diệt độ có thể so sánh như Tỳ-kheo A-nan và Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc.

Khi ấy, Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo bậc nhất trong hàng Thanh văn của

Ta, có thể biến hóa thân hình ra lớn, ra nhỏ, không ai có thể so sánh với Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc.

Khi ấy vương tử Mãn-hô, tự tay mang thức ăn, nước uống cúng dường chúng Tăng; rửa bát xong, ngồi bên ghế nhỏ phía trước đức Phật, chấp tay bạch Phật:

— Cúi xin Thế Tôn, cho phép Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc thường đến nhà con, tùy theo chỗ cần dùng như y phục, mền nệm, các vật linh tinh của Sa-môn, đều đến nhà con lấy. Con sẽ cung cấp những vật cần thiết suốt đời.

Phật bảo vương tử:

— Nay Vương tử nên hướng về phía Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc sám hối, đích thân mời thỉnh. Vì sao ? Người không có trí muốn biết người trí, việc này khó làm. Còn người trí biết được người trí, có thể được.

Khi ấy, vương tử Mãn-hô liền hướng về Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, đánh lễ xưng tên họ, xin sám hối:

— Bạch Tỳ-kheo đại thân túc, con sanh tâm khinh mạn, từ nay về sau không dám tái phạm. Cúi xin nhận sự sám hối của con, không dám phạm lại.

Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

— Cho phép Ông hối lỗi, sau chớ phạm lại, cũng chớ phỉ báng Hiền Thánh. Vương tử nên biết, nếu có chúng sanh phỉ báng Thánh nhơn thì sẽ phải đọa ba đường ác, sanh trong địa ngục. Như thế, Vương tử nên học điều này.

Bấy giờ, Phật thuyết pháp rất vi diệu cho Vương tử Mãn-hô, khuyến khích cho phát sanh hoan hỷ, liền tại chỗ ngồi, nói lời chú nguyện này:

*Tế tự, lửa trên hết,
Sách kinh, tụng trên hết,
Cõi người, vua trên hết,
Các dòng, biển là trên,
Các sao, trăng trước nhất,
Ánh sáng, trời bậc nhất,
Trên dưới và bốn phương,
Những loài có hình tướng,
Trời và Người trong đời,
Phật là bậc tối tôn.
Người muốn cầu phước báu,
Cúng dường Phật ba đời.*

Bấy giờ, Phật nói kệ này rồi, liền rời tòa đứng dậy. Khi ấy, vương tử Mãn-hô nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Phật:

— Gợi là bậc Thiện tri thức, tức là người có Phạm hạnh phân nửa, sẽ hướng dẫn đường lành đến vô vi.

Phật bảo A-nan:

— Chớ nói lời như thế. Nói rằng: “Bậc Thiện tri thức là người Phạm hạnh phân nửa”. Vì sao ? Phạm là bậc Thiện tri thức, tức là người Phạm hạnh trọn vẹn mới dẫn dắt chỉ bảo cho người theo mình con đường lành. Ta cũng do Thiện tri thức mà được thành Vô Thượng Chánh Chơn Đăng Chánh Giác. Do thành đạo quả, nên độ thoát chúng sanh không thể tính kể, thầy đều khỏi được sanh, lão, bệnh, tử. Do phương tiện này, nên biết bậc Thiện tri thức là người Phạm hạnh trọn vẹn.

Lại nữa, A-nan, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn, kính vâng theo Thiện tri thức thì lòng tin được tăng nhiều, văn, thí, tuệ, đức, thầy đều đầy đủ. Thí như trăng càng tròn, ánh sáng càng tăng hơn ngày thường gấp bội. Đây cũng lại như vậy, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn gần gũi Thiện

tri thức, thì lòng tin, chỗ học hỏi, sự ghi nhớ, trí tuệ của người ấy thay đều tăng lên. Do phương tiện này nên biết bậc Thiện tri thức là người Phạm hạnh trọn vẹn.

Nếu ngày xưa Ta không kính vâng theo Thiện tri thức thì trọn sẽ không được Phật Đấng Quang thọ ký. Do đã kính vâng bậc Thiện tri thức, nên Ta được Phật Đấng Quang thọ ký. Do phương tiện này nên biết, bậc Thiện tri thức là người Phạm hạnh trọn vẹn.

Này A-nan, nếu thế gian không có bậc Thiện tri thức thì sẽ không có thứ tự tôn ti về phụ mẫu, sư trưởng, huynh đệ, tông thân, ắt sẽ giống như loài heo chó, tạo các duyên ác, gieo trồng tội duyên trong địa ngục. Có Thiện tri thức nên phân biệt có cha mẹ, sư trưởng, huynh đệ, tông thân.

Lúc ấy, Thế Tôn bèn nói kệ:

*Thiện tri thức chẳng ác,
Vì pháp, không vì ăn,
Đắt dẫn nơi đường lành,
Đích thân bậc Tôn nói.*

Cho nên, này A-nan, chớ lại nói lời: “Bậc Thiện tri thức là người Phạm hạnh phân nửa”.

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

11. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại thành La-duyet, trong núi Kỳ-xà-quật cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Lúc ấy, Thích-đê-hoàn-nhân từ cõi trời Ba mươi ba ẩn, bay đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên và bạch Phật:

— Loài Người và Trời có những tưởng niệm gì ? Ý mong muốn điều gì ?

Phật bảo:

— Thế gian trôi giạt, tánh ý không giống nhau, con đường của mỗi loài mỗi khác, tưởng niệm chẳng phải một. Thiên đế nên biết, khi xưa, trải qua vô số a-tăng-kỳ kiếp, Ta cũng sanh ý nghĩ này: “Loài Trời và chúng sanh ý niệm thú hưởng việc gì ? Cầu nguyện điều gì ?” Từ kiếp đó đến ngày nay, Ta không thấy có một người tâm cùng giống nhau. Thích-đê-hoàn-nhân nên biết, chúng sanh ở thế gian khởi tưởng điên đảo. Vô thường thì khởi tưởng là thường, vô lạc thì khởi tưởng là lạc, vô ngã thì khởi tưởng là hữu ngã, bất tịnh thì tưởng là

tịnh, đường chánh tướng là đường tà, điều ác tướng là điều phước, điều phước tướng là điều ác.

Do phương tiện này nên biết, các loài chúng sanh, căn tánh của chúng khó lường, tánh hạnh mỗi mỗi khác nhau. Nếu khiến chúng sanh hết thấy đồng một tư tưởng, không có nhiều tư tưởng, ắt không thể biết chín nơi cư trú của chúng sanh, cũng khó phân biệt chín nơi cư trú của chúng sanh. Nơi dừng trụ của thân thức cũng khó biết rõ, cũng lại không biết có tám đại địa ngục, đường dẫn đến súc sanh cũng khó biết, không phân biệt có địa ngục khổ, không biết sự hào quý của bốn dòng họ, không biết con đường dẫn đến A-tu-la, cũng không biết cõi trời Ba mươi ba, nếu như hết thấy đồng một tâm. Nên biết cõi trời Quang Âm là do chúng sanh có bao nhiêu loài, tưởng niệm cũng bấy nhiêu thứ.

Cho nên biết có chín nơi cư trú của chúng sanh, có chín nơi thân thức dừng trụ; biết có tám đại địa ngục, ba ác đạo, cho đến cõi trời Ba mươi ba cũng lại như thế. Do phương tiện này biết các loại chúng sanh, căn tánh của họ không đồng nhau, việc làm mỗi người cũng khác.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật:

— Lời nói của Như Lai rất là kỳ diệu. Căn

tánh của chúng sanh, hành động không giống nhau, tướng niệm mỗi khác. Do chúng sanh kia hành động không giống nhau, cho đến xanh, vàng, trắng, đen, dài, ngắn không đồng.

Bạch Thế Tôn, chư Thiên nhiều việc, con muốn trở về cõi Trời.

Phật bảo Thích-đề-hoàn-nhân:

— Nên biết đúng thời.

Thích-đề-hoàn-nhân liền từ tòa đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, lui ra.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Chín nơi, thí, không tước,
Hệ phước, cội gốc pháp,
Bệnh, cúng dường, Bàn-đặc,
Phạm hạnh, bao nhiêu tướng.*

*

* *

XXXXV. PHẨM MÃ VƯƠNG

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đa cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, trong thành có Bà-la-môn tên Ma-ê-đê-lợi, biết rành rẽ các kinh thuật ngoại đạo, thiên văn địa thuật thầy đều thông suốt, tất cả các pháp cư xử giao thiệp trên thế gian thầy đều rõ thấu. Con gái của Bà-la-môn ấy tên Ý Ái, rất thông minh, dung mạo đoan chánh, ít có trên đời.

Khi ấy, Bà-la-môn bèn khởi nghĩ rằng: “Kinh điển Bà-la-môn có nói, có hai hạng người ra đời rất khó gặp, thật chẳng thể gặp. Thế nào là hai hạng người ? Đó là bậc Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác và Chuyển luân Thánh vương. Nếu khi

Chuyển luân Thánh vương xuất hiện, bèn có thất bảo tự nhiên hưởng ứng. Nay ta có con gái quý, nhan sắc tuyệt diệu, bậc nhất trong các ngọc nữ. Như nay không có Chuyển luân Thánh vương, ta lại nghe có bậc vương tử Chân Tịnh tên là Tất-đạt, xuất gia học đạo, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Người ấy nếu ở nhà sẽ là bậc Chuyển luân Thánh vương, nếu xuất gia học đạo liền thành Phật đạo. Nay ta có thể đem con gái ta cho Sa-môn ấy”.

Khi ấy, Bà-la-môn bèn dẫn con gái đến trước chỗ Phật, thưa rằng:

— Cúi xin Sa-môn nhận ngọc nữ này.

Phật bảo Bà-la-môn:

— Thôi, thôi, Phạm chí ! Ta không cần người đắm trước dục vọng này.

Bà-la-môn ba phen bạch Phật:

— Sa-môn ! Hãy nhận ngọc nữ này, so sánh trên đời, nàng này không ai bằng.

Phật bảo:

— Phạm chí ! Ta đã hiểu ý Ông, nhưng Ta đã xuất gia, không tập theo dục lạc.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo trưởng lão đứng sau Như Lai, đang quạt hâu Phật, Tỳ-kheo ấy bạch Phật:

— Cúi xin Như Lai, nhận người nữ này, nếu Như Lai không cần thì hãy cho chúng con sai khiến.

Phật bảo Tỳ-kheo trưởng lão:

— Thấy thật ngu si mới ở trước Như Lai thổ lộ ý xấu này. Vì sao Thấy để tâm ý bị trói buộc nơi người nữ ấy ?

Phàm là người nữ thì có chín điều xấu. Thế nào là chín ? Một là người nữ hôi hám không sạch, hai là người nữ ác khẩu, ba là người nữ không biết đến ơn, bốn là người nữ tật đố, năm là người nữ bòn xén, sáu là người nữ ưa thích rong chơi, bảy là người nữ nhiều sân nhuế, tám là người nữ nhiều vọng ngữ, chín là người nữ lời nói khinh suất. Như thế, này Tỳ-kheo, người nữ có chín hạnh tệ ác như thế.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

*Thường ưa cười, khóc la,
Như thân mà chẳng thân,
Hãy tìm phương tiện khác,
Chớ nên khởi ý loạn.*

Khi ấy, Tỳ-kheo trưởng lão bạch Phật:

— Người nữ tuy có chín pháp tệ ác như thế. Nhưng hôm nay con quán sát cô gái này không có tỳ vết gì.

Phật bảo Tỳ-kheo:

— Nay Thầy thật là người ngu, không tin lời từ miệng của Như Lai ư ? Nay Ta sẽ nói:

Vê thuở quá khứ rất xa, trong thành Ba-la-nại có một nhà buôn tên Phổ Phú, dẫn năm trăm khách buôn vào biển tìm của báu. Song biển lớn ấy ắt có quỷ La-sát cư trú, thường ăn thịt dân chúng. Lúc ấy trong biển nổi gió, thổi tàu buôn kia trôi vào trong thành của quỷ La-sát. La-sát xa thấy khách buôn trôi đến vui mừng vô cùng, liền ẩn hình quỷ La-sát mà hiện hình người nữ, đoan chánh không ai bằng, nói với các khách buôn rằng:

— “Chư Hiền khéo đến đây. Trên bãi cát quý này đã xây cung điện trời cho quý khách, có trăm ngàn thứ trân bảo, nấu các món ăn ngon, lại có các cô gái đẹp chưa chồng. Các vị có thể cùng chúng tôi vui thích”.

Tỳ-kheo nên biết ! Trong số các nhà buôn ấy, những người ngu muội thấy cô gái ấy rồi, liền khởi tâm đắm trước. Khi đó, thương chủ Phổ Phú liền khởi nghĩ rằng: “Trong biển lớn nầy là chỗ ở của loài phi nhơn, làm sao các cô này ở được, đây chắc là La-sát, không nghi ngờ gì”. Thương chủ liền bảo các cô gái rằng:

— “Thôi, thôi, các Cô ! Chúng tôi không tham nữ sắc”.

Lúc ấy, vào những ngày mừng tám, mười bốn, rằm mỗi tháng, có ngựa chúa bay qua lại trên hư không kêu rằng:

— “Ai muốn qua khỏi ách nạn của biển lớn, ta có thể công qua”.

Tỳ-kheo nên biết ! Lúc ấy vị thương chủ kia leo lên cây cao, xa thấy ngựa chúa và nghe tiếng kêu, vui mừng hơn hờ không thể tự kềm, bèn đến chỗ ngựa chúa. Đến rồi nói với ngựa chúa rằng:

— “Chúng tôi là năm trăm khách buôn bị gió thổi giạt, nay rơi vào chỗ cực kỳ nguy hiểm này, muốn được qua biển, xin đưa giúp chúng tôi qua”.

Ngựa chúa bảo khách buôn rằng:

— “Các Ông đến hết đây, ta sẽ đưa sang bờ biển”.

Thương chủ Phổ Phú bèn bảo các khách buôn rằng:

— “Nay ngựa chúa ở gần đây. Mọi người nên đến đó, cùng qua khỏi nạn biển”.

Khi ấy, các khách buôn trả lời:

— “Thôi, thôi ! Thừa Thương chủ, chúng tôi ở lại chỗ này, tự vui thích với nhau. Vì ở Diêm-phù-

đề khổ nhọc, muốn tìm nơi khoái lạc. Ở đây có đủ các vật quý báu trân kỳ và các cô gái đẹp. Có thể ở lại chỗ này vui chơi với ngũ dục, rồi sau dần dần gom góp của cải, sẽ cùng qua biển”.

Thương chủ bảo các khách buôn:

— “Thôi, thôi, các Người ngu ! Ở đây không có người nữ, giữa biển lớn làm sao có chỗ người ở ?”

Các khách buôn đáp:

— “Hãy thôi, thưa Thương chủ ! Chúng tôi không thể bỏ đây mà đi”.

Khi ấy, thương chủ Phổ Phú bèn nói kệ:

*Chúng ta gặp nạn này,
Đừng tưởng có nam, nữ,
Đây là loài La-sát,
Sẽ ăn dần chúng ta.*

“Nếu như các Ông không cùng đi với tôi, mỗi người nên tự giữ gìn. Nếu thân, khẩu, ý tôi có phạm điều gì, thầy đều xin tha lỗi chớ để tâm”.

Lúc ấy, các khách buôn cùng nói kệ từ biệt:

*Thay chúng tôi thăm hỏi,
Bà con trong làng xóm,
Ở lại đây vui chơi,
Không đợi lúc trở về.*

Khi ấy, thương chủ lại dùng kệ đáp:

*Các Ông thật gặp nguy,
Lắm lạc không chịu về,
Như thế chẳng bao lâu,
Thầy bị quý ăn hết.*

Nói kệ ấy rồi, liền bỏ đi, thương chủ đến chỗ ngựa chúa, cúi đầu lễ dưới chân, liền cỡi ngựa mà đi. Khi ấy, những khách buôn xa thấy chủ của họ đã cỡi ngựa chúa, trong số đó có người kêu lên, hoặc có người rất sợ hãi. Chúa quý La-sát hướng về phía các La-sát, nói kệ rằng:

*Đã vào miệng sư tử,
Thoát ra rất là khó,
Hướng gì vào nước ta,
Muốn ra thật là khó.*

Chúa quý La-sát liền hóa thân hình người nữ, rất đoan chánh, lấy tay chỉ vào bụng, nói: “Nếu ta không ăn thịt các Người, trọn không là La-sát”. Khi ấy, ngựa chúa công thương chủ bay đến bờ biển, còn lại năm trăm khách buôn thầy đều chịu tai nạn.

Bấy giờ trong thành Ba-la-nại có vị vua tên Phạm-ma-đạt trị hóa nhân dân. Khi ấy, La-sát đuổi theo sau thương chủ kêu lên “tôi mất chồng”. Thương chủ trở về nhà, La-sát hóa hiện bóng theo

dứa con trai, đến trước chỗ vua Phạm-ma-đạt tâu nhà vua rằng:

— “Thế gian thật là tai quái, ắt sẽ diệt hoại”.

Nhà vua hỏi:

— “Thế gian có việc gì tai quái mà diệt hoại ?”

La-sát tâu vua:

— “Tôi bị chồng bỏ, nhưng tôi không có lỗi gì đối với chồng”.

Vua Phạm-ma-đạt thấy thiếu phụ này rất tuyệt đẹp, liền khởi ý đắm trước, bảo nàng rằng:

— “Chồng nàng là kẻ không có nhân nghĩa mới bỏ nàng”.

Khi ấy, vua Phạm-ma-đạt sai người gọi thương chủ đến hỏi:

— “Có thật Ông bỏ cô vợ đẹp này chẳng ?”

Thương chủ tâu:

— “Đó là La-sát, không phải là nữ nhon”.

La-sát nữ liền tâu vua:

— “Người này không có nghĩa vợ chồng. Nay đã bỏ tôi, còn mắng tôi là La-sát”.

Nhà vua hỏi:

— “Ông thật không dùng, ta sẽ thâu dùng nàng ấy”.

Thương chủ tàu vua:

— “Đây là La-sát, xin tùy thánh ý”.

Khi ấy, vua Phạm-ma-đạt liền đưa cô gái vào trong cung cấm, tùy thời tiếp nàng không để cho phiến oán.

Loài La-sát phi nhơn ấy bèn ăn thịt nhà vua, chỉ còn lại bộ xương, rồi bỏ đi.

Này Tỳ-kheo, đừng nghĩ ai khác ! Thương chủ lúc ấy chính là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. La-sát lúc ấy nay là cô gái này. Vua Phạm-ma-đạt thuở ấy, nay là Tỳ-kheo trưởng lão. Ngựa chúa lúc ấy, nay là thân Ta. Năm trăm khách buôn lúc ấy, nay là năm trăm Tỳ-kheo. Do phương tiện này nên biết, ái dục là ý tưởng bất tịnh, nay cố ý khởi tưởng đắm trước sao ?

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia liền đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

— Cúi xin nhận cho con sám hối lỗi nặng này. Từ nay về sau không dám tái phạm.

Khi ấy, Tỳ-kheo kia nghe lời Phật dạy xong, liền ở chỗ vắng, tự khắc phục mình tu tập những gì mà dòng dõi hào tộc, siêng tu Phạm hạnh, muốn

được tu Phạm hạnh Vô thượng. Tỳ-kheo kia bèn thành A-la-hán.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại Thích-sí, vườn cây Am-bà-lợi, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Mục-kiên-liên sau khi nhập hạ xong, dẫn năm trăm Tỳ-kheo đi du hóa nhân gian, dần dần đi đến làng Thích-sí. Bấy giờ, Tỳ-kheo mới đến và Tỳ-kheo tại chỗ cùng nhau nói năng, hỏi han, âm thanh to ồn. Thế Tôn nghe âm thanh to ồn của các Tỳ-kheo, bèn hỏi A-nan:

— Nay trong vườn này có tiếng gì to ồn đến thế ? Như là tiếng đập phá cây, đá ?

A-nan bạch Phật:

— Hôm nay có Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiên-liên dẫn năm trăm Tỳ-kheo đến đây. Các Tỳ-kheo mới đến và Tỳ-kheo tại chỗ cùng hỏi thăm nhau, nên có tiếng như thế.

Phật bảo A-nan:

— Thầy mau đuổi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, không cần ở đây.

A-nan vâng lời dạy, liền đến chỗ Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, thưa rằng:

— Thế Tôn có dạy, hãy mau rời khỏi đây, không nên ở lại.

Xá-lợi-phất đáp:

— Xin vâng lời dạy.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên ra khỏi vườn, dẫn năm trăm Tỳ-kheo theo đường mà đi.

Bấy giờ, các người họ Thích nghe tin Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên bị Phật đuổi, liền đến chỗ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, cúi đầu lễ dưới chân, bạch với Xá-lợi-phất:

— Chư Hiền ! Các Vị muốn đi đâu ?

Xá-lợi-phất đáp:

— Chúng tôi bị Thế Tôn đuổi, nay tìm chỗ ở.

Những người họ Thích bạch với Xá-lợi-phất:

— Chư Hiền chớ lo, chúng tôi sẽ đến Như Lai sám hối.

Khi ấy, các người họ Thích bèn đến chỗ Phật,

cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên và bạch Phật rằng:

— Cúi xin Thế Tôn tha lỗi cho các Tỳ-kheo từ xa đến. Cúi xin Thế Tôn để thời giờ chỉ dạy, trong số những Tỳ-kheo từ xa đến, có người mới học đạo, vừa vào cửa pháp, chưa được gần tôn nhan Như Lai, e có tâm thay đổi. Ví như mầm mạ không gặp mưa thấm ướt không thể thành tựu; nay các Tỳ-kheo này cũng lại như thế, chưa gần Như Lai mà đi, e rằng có tâm thay đổi.

Khi ấy, Phạm thiên vương biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, trong khoảng lực sĩ duỗi cánh tay, từ cõi Phạm thiên ẩn, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui đứng một bên. Phạm thiên vương bạch Phật:

— Cúi xin Thế Tôn tha lỗi cho các Tỳ-kheo từ xa đến, dùng thời giờ chỉ dạy. Trong đây, hoặc có Tỳ-kheo chưa rốt ráo, liền sanh tâm thay đổi, người ấy không thấy tôn nhan Như Lai, bèn đổi ý, trở về nghiệp cũ. Cũng như bò con mới sanh bị lạc mẹ, lo buồn không ăn; đây cũng như thế, nếu hàng Tỳ-kheo tân học không được thấy Như Lai, bèn sẽ xa lìa Chánh pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn nhận lời can thiệp của

những người họ Thích và thí dụ bò con của Phạm thiên vương. Khi ấy, Thế Tôn quay lại nhìn, Tôn giả A-nan bèn khởi ý nghĩ: “Nhu Lai đã nhận lời xin của dân chúng và chư Thiên”. A-nan đến chỗ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên bảo rằng:

— Như lai muốn gặp chúng Tăng. Trời và nhân dân đều trình bày điều này.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy nên chỉnh đốn y bát, cùng đến chỗ Thế Tôn. Nhu Lai đã nhận cho chúng ta sám hối.

Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên dẫn năm trăm Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên.

Lúc đó, Phật hỏi Xá-lợi-phất:

— Trước đây Ta đuổi các Tỳ-kheo, ý Thầy thế nào ?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

— Trước đây, Nhu Lai đuổi chúng Tăng, con bèn khởi nghĩ: “Nhu Lai chỉ ưa ở một mình chỗ vắng, không thích nơi ồn náo, nên đuổi chúng Tăng đi”.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

— Sau đó Thấy lại khởi niệm gì ? Thánh chúng khi ấy ai là giềng mối ?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn ! Lúc ấy con lại khởi ý nghĩ này: “Ta cũng nên ở chỗ vắng, đi riêng, không ở trong chỗ ồn náo”.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

— Chớ nói như vậy, cũng đừng khởi ý nghĩ như thế, rằng: “Ta nên ở chỗ vắng”. Như nay, giềng mối của Thánh chúng há chẳng phải nương vào hai Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên ư ?

Bấy giờ, đức Phật hỏi Mục-kiền-liên:

— Ta đuổi chúng Tăng, Thấy có ý niệm gì ?

Mục-kiền-liên bạch Phật:

— Như Lai đuổi chúng Tăng, con bèn khởi niệm này: “Như Lai muốn ở riêng chỗ vô vi, nên đuổi chúng Tăng vậy”.

Phật hỏi Mục-kiền-liên:

— Sau đó Thấy lại khởi niệm gì ?

Mục-kiền-liên bạch Phật:

— Nay Như Lai đuổi chúng Tăng, chúng ta nên tập hợp chúng lại, khiến đừng phân tán.

Phật bảo Mục-kiên-liên:

— Lành thay ! Mục-liên, như lời Thầy nói, giềng mối trong chúng chỉ có Ta và hai Thầy. Từ nay về sau, Mục-kiên-liên nên dạy dỗ các Tỳ-kheo hậu học, khiến hằng ở chỗ an ổn, dài lâu, đừng để thối tâm nửa chừng, rơi trong sanh tử.

Nếu có Tỳ-kheo thành tựu chín pháp, ở trong hiện pháp không được lớn mạnh. Thế nào là chín ? Cùng gần gũi thừa sự ác tri thức; không việc thường ưa đi dạo; thường bị tai họa. Ưa cất chứa tài vật, tham đắm y bát; thường nói nhiều lời dối gạt, trống rỗng; ý tán loạn không định; không có trí tuệ; không hiểu nghĩa thú; không tùy thời nghe chỉ dạy.

Thế nên, này Mục-liên ! Nếu Tỳ-kheo thành tựu chín pháp này, ở trong hiện pháp không được lớn mạnh, có sự thấm nhuần.

Nếu có Tỳ-kheo có thể thành tựu chín pháp thì sẽ được thành tựu xong việc. Thế nào là chín ? Cùng theo Thiện tri thức; tu hành Chánh pháp không đắm trước nghiệp tà; thường ở chỗ riêng vắng không thích nham gian; ít bệnh không hoạn nạn; không chứa nhiều tài vật báu, không tham trước y bát; siêng năng tinh tấn; không có tâm tán loạn; nghe nghĩa liền hiểu, không cần lập lại; tùy thời nghe pháp không chán đủ.

Thế nên, này Mục-liên ! Nếu có Tỳ-kheo thành tựu chín pháp này, ở trong hiện pháp được nhiều lợi ích. Cho nên, này Mục-liên, nên nhớ siêng năng dạy bảo các Tỳ-kheo, khiến đến chỗ vô vi lâu dài.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

*Thường nhớ tự giác ngộ,
Chớ đắm nơi phi pháp,
Sự tu nên chánh hạnh,
Được khỏi nạn sanh tử.
Làm việc này được vậy,
Làm như thế được phước.
Chúng sanh trôi lăn lâu,
Dứt được già, bệnh, chết.
Việc xong, lại không tập,
Trở lại tạo phi hạnh,
Người phóng dật như thế,
Thành tựu hạnh hữu lậu.
Nếu có tâm siêng năng,
Thường để tại đầu tâm,
Lần lượt cùng dạy bảo,
Bèn thành người vô lậu.*

Thế nên, Mục-kiên-liên ! Nên vì các Tỳ-kheo mà dạy điều này, nên nhớ nghĩ học điều này !

Khi ấy, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói pháp vi

diệu, khiến chư vị phát tâm hoan hỷ. Khi các Tỳ-kheo nghe pháp xong, trong chúng ấy có hơn sáu mươi Tỳ-kheo được lậu tận ý giải.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có Tỳ-kheo ở nơi làng xóm, mà pháp lành tiêu diệt, pháp ác tăng trưởng thì Tỳ-kheo ấy nên học thế này: “Nay ta ở trong làng này, mà pháp ác tăng trưởng, pháp lành dần dần tiêu diệt, ý niệm không chuyên nhất, không chấm dứt được hữu lậu, không đến chỗ vô vi an ổn. Ta được y phục, mền nệm, thức ăn uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men, cực khổ mới có”.

Tỳ-kheo ấy nên học thế này: “Nay ta ở trong làng này, pháp ác tăng trưởng mà pháp lành tiêu diệt. Ta cũng không vì y phục, ăn uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men mà làm Sa-môn. Điều mong muốn của ta nay không đạt kết quả”. Tỳ-kheo ấy nên rời làng đi.

Nếu lại có Tỳ-kheo ở nơi làng xóm, pháp lành

tăng trưởng, pháp ác tiêu diệt, y phục, thức ăn uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men, do siêng năng mà được thì Tỳ-kheo ấy nên học thế này: “Nay ta ở tại làng xóm này, pháp lành tăng trưởng, pháp ác tiêu diệt, đồ vật được cúng dường do siêng năng khổ nhọc mới có. Ta không vì y phục mà xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh. Điều mong muốn của ta khi học đạo thầy đều thành tựu, nên suốt đời vâng kính cúng dường”.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ này:

*Áo, mền và ăn uống,
Giường nằm và chỗ ở,
Không nên tưởng tham trước,
Cũng chớ trở lại đời.
Không vì y, áo, mền,
Mà xuất gia học đạo,
Sở dĩ học đạo ấy,
Đạt kết quả sở nguyện.
Tỳ-kheo thích hợp thời,
Suốt đời ở thôn kia,
Ở đó nhập Niết-bàn,
Chấm dứt gốc mạng căn.*

Ở đây, Tỳ-kheo kia nếu ở chỗ vắng trong nhân gian, làng xóm, pháp lành tăng trưởng, pháp ác tự

tiêu diệt thì Tỳ-kheo ấy nên suốt đời ở tại làng kia, không nên đi xa.

Khi ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

— Chẳng phải Như Lai thường nói thân tứ đại nhờ ăn uống mà được tồn tại, cũng nhờ pháp tâm niệm tương sở, các pháp lành nương vào tâm mà sanh. Lại, Tỳ-kheo ấy nương ở nơi làng xóm, tinh thân khổ nhọc mới được y phục, thức ăn. Người ấy làm thế nào để sanh pháp lành, ở nơi làng kia không đi xa ?

Phật bảo A-nan:

— Những vật dụng như y phục, mền nệm, thức ăn, giường nằm, tọa cụ, thuốc men, có ba loại. Nếu Tỳ-kheo chuyên nhớ nghĩ tứ sự cúng dường, điều mong ước không đạt kết quả, thì vật dụng đó là khổ. Nếu có tâm biết đủ, không khởi tưởng tham trước thì chư Thiên, loài Người hoan hỷ với vị ấy. Lại, Tỳ-kheo nên học như thế. Do đó, Ta nói nghĩa này.

Thế nên, này A-nan ! Tỳ-kheo nên nhớ nghĩ về ít muốn, biết đủ. Như thế, A-nan, nên học điều này !

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại vườn Bà-la.

Bấy giờ, Thế Tôn đến thời đắp y mang bát vào trong làng Bà-la khát thực. Lúc đó, tỳ ma Ba-tuần liền khởi ý nghĩ: “Nay Sa-môn này muốn vào làng khát thực, ta sẽ dùng cách bảo các người nam nữ dùng cúng dường thức ăn”.

Tỳ ma Ba-tuần bèn bảo khắp các dân chúng trong làng, khiến dùng bố thí thức ăn cho Sa-môn Cù-đàm. Bấy giờ, Thế Tôn đi vào làng khát thực, tất cả mọi người đều không nói chuyện với Ngài, cũng không ai đến thừa sự cúng dường. Rốt cuộc, Như Lai khát thực không được, bèn đi khỏi làng. Khi ấy, tỳ ma Ba-tuần đến chỗ của đức Thế Tôn, hỏi rằng:

— Sa-môn ! Khất thực chẳng được phải chăng ?

Thế Tôn bảo:

— Do Ma xúi sủ, khiến Ta không nhận được thức ăn, chẳng bao lâu Ngươi sẽ chịu quả báo ấy. Nay Ngươi hãy nghe Ta nói: Trong thời Hiền kiếp, có đức Phật hiệu là Câu-lưu-tôn Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở đời.

Lúc đó, đức Phật kia cũng ở tại làng này, cùng với bốn mươi vạn chúng. Bấy giờ, tỳ ma Ba-tuần bèn khởi ý nghĩ rằng: “Nay ta tìm cách đối phó với Sa-môn này, trọn không được kết quả”. Ma lại khởi nghĩ: “Nay ta sẽ bảo khắp hết dân chúng trong làng Bà-la, khiến họ đừng bố thí thức ăn cho Sa-môn”.

Khi ấy, Thánh chúng đắp y mang bát vào làng khát thực, rồi cuộc các Tỳ-kheo không được thức ăn, bèn ra khỏi làng trở về. Bấy giờ, đức Phật Câu-lưu-tôn dạy các Tỳ-kheo pháp vi diệu này:

— “Phàm quán thức ăn có chín loại, là bốn loại thức ăn của người thế gian, và năm loại thức ăn của người xuất thế.

Thế nào là bốn loại thức ăn của người thế gian ? Một là đoàn thực, hai là cánh lạc thực, ba là niệm thực, bốn là thức thực. Đó là thế gian có bốn loại thức ăn.

Thế nào là năm loại thức ăn tiêu biểu của xuất thế ? Một là thiên thực, hai là nguyệt thực, ba là niệm thực, bốn là bát giải thoát thực, năm là hỷ thực. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là năm loại thức ăn tiêu biểu của xuất thế gian. Nên cùng chuyên nghĩ, nhớ trừ bỏ bốn loại thức ăn thế gian, tìm cách

thành tựu năm loại thức ăn xuất thế. Như thế, Tỳ-kheo nên học điều này”.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy rồi, liền tự mình khắc phục, thành tựu xong năm loại thức ăn. Lúc ấy, Ba-tuần kia không phá được, bèn nghĩ rằng: “Nay ta không thắng được Sa-môn này, ta sẽ tìm cách qua các căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Ta sẽ ở trong làng bảo dân chúng cho các chúng của Sa-môn này cầu được lợi dưỡng, khiến cho được, sắm lợi dưỡng tăng lên bội phần, khiến các Tỳ-kheo kia tham đắm lợi dưỡng không lìa bỏ được, lại mong từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý được tiện lợi chăng ?”.

Khi ấy, hàng đệ tử Thanh văn của đức Phật đó, đến thời đắp y mang bát vào làng khát thực. Dân chúng trong làng Bà-la cung cấp cho các Tỳ-kheo y phục, mền nệm, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men, không để thiếu thốn. Họ đều đến trước năm y Tăng-già-lê, đem vật cường ép thí cho.

Khi ấy, đức Phật đó vì chúng Thanh văn nói pháp này: “Phàm lợi dưỡng là rơi vào đường ác, khiến cho không thể đến chỗ vô vi. Tỳ-kheo các Thầy chớ hướng về tâm niệm đắm trước, với lợi dưỡng nên nghĩ lìa bỏ. Nếu có Tỳ-kheo tham trước lợi dưỡng thì sẽ không thành tựu năm phần pháp thân, không đầy đủ giới đức.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, tâm lợi dưỡng chưa sanh nên khiến không sanh, tâm lợi dưỡng đã sanh nên mau trừ diệt. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Khi ấy, ma Ba-tuần liền ẩn hình mà đi.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nên thực hành tâm từ, lưu truyền rộng lớn tâm từ. Do thực hành tâm từ, tâm sân nhuế sẽ tự tiêu diệt. Vì sao ? Tỳ-kheo nên biết ! Xưa có một ác quỷ rất xấu xí hung bạo đến chỗ của Thích-đề-hoàn-nhân, leo lên tòa ngai. Khi ấy chư Thiên cõi trời Ba mươi ba rất là sân giận: “Tại sao ác quỷ này ngai trên tòa của Thiên chủ ta ?”. Khi ấy, chư Thiên vừa khởi tâm sân, ác quỷ kia liền đổi sắc mặt doan chánh thù thắng hơn thường.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân đang ngai tại giảng đường Phổ Tập, cùng vui chơi với ngọc nữ. Có vị trời đến chỗ Thích-đề-hoàn-nhân, thưa Đế Thích rằng:

— “Cù-dục nên biết ! Hiện nay có một ác quỷ ngồi trên tôn tòa, chư Thiên cõi trời Ba mươi ba rất giận dữ. Chư Thiên vừa khởi sân nộ, quỷ kia bèn biến đổi dung mạo đoan chánh đẹp hơn bình thường”.

Thích-đề-hoàn-nhân bèn khởi nghĩ rằng: “Quỷ này ắt là quỷ thân diệu”. Thích-đề-hoàn-nhân bèn đi đến chỗ quỷ ấy, cách nhau không xa, tự xưng tánh danh:

— “Tôi là Thích-đề-hoàn-nhân, chủ của chư Thiên”.

Lúc Thích-đề-hoàn-nhân tự xưng danh tánh, thì ác quỷ kia bèn biến thành hình thù xấu xí, sắc mặt khả ố. Ác quỷ ấy lập tức tiêu diệt.

Này các Tỳ-kheo ! Do phương tiện này nên biết, thực hành lòng từ không lìa bỏ, đức kia cũng như thế.

Lại nữa, Tỳ-kheo ! Xưa kia, khi Ta vừa bảy tuổi, thường tu lòng từ, trải qua bảy kiếp thành, bảy kiếp hoại, không qua lại chốn sanh tử. Lúc kiếp sắp hoại, Ta liền sanh lên trời Quang Âm. Khi kiếp sắp thành, Ta liền sanh lên cõi trời Vô Tướng, hoặc làm Phạm thiên thống lãnh chư Thiên, cai quản mười ngàn thế giới. Ta lại ba mươi bảy lần làm

Thích-đê-hoàn-nhân, lại có vô số lần làm Chuyển luân Thánh vương.

7

Này Tỳ-kheo ! Do phương tiện này nên biết, thực hành lòng từ thì đức kia như thế. Lại nữa, người thực hành lòng từ thì khi thân hoại mạng chung được sanh lên Phạm thiên, là ba đường ác, rồi bỏ tám nạn. Lại nữa, người thực hành lòng từ sanh trong quốc độ trung chánh. Lại nữa, người thực hành lòng từ dung mạo đoan chánh, các căn không thiếu, thân thể toàn vẹn. Lại nữa, người thực hành lòng từ đích thân được gặp Như Lai, thừa sự chư Phật, không ưa ở tại gia, muốn xuất gia học đạo, mặc ba pháp y, cạo bỏ râu tóc, tu theo pháp Sa-môn, tu Phạm hạnh vô thượng.

Tỳ-kheo nên biết ! Cũng như người nuốt kim cang, trọn không thể tiêu hóa, phải lọt ra. Người thực hành lòng từ cũng lại như thế. Nếu Như Lai ra đời, cần phải hành đạo, tu Phạm hạnh vô thượng, sanh tử đã hết, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ thân lại, biết một cách như thật.

Khi ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn ! Nếu khi Như Lai không xuất hiện ở đời, thiện nam tử kia không ưa ở tại gia, phải thú hướng về đâu ?

Phật bảo A-nan:

— Nếu khi Như Lai không xuất hiện, kẻ thiện nam tử ấy không ưa ở nhà thì tự cạo râu tóc, ở chỗ vắng, tự khắc phục mình để tu tập. Vị ấy ngay ở chỗ ấy chấm dứt các hữu lậu, thành tựu hạnh vô lậu.

Khi ấy, A-nan bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn ! Nếu người kia tự tu Phạm hạnh, hạnh Tam thừa thì người ấy thú hưởng nơi nào ?

Phật bảo A-nan:

— Như lời Thầy nói. Ta thường dạy hạnh Tam thừa, chư Phật ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều nói về pháp Tam thừa.

A-nan nên biết ! Hoặc có lúc các loài chúng sanh, dung mạo, thọ mạng dần dần giảm thiểu, hình thể xấu xa yếu ớt, không có oai thần; nhiều sân nộ, tật đố, nghi ngờ, gian ngụy, huyễn hoặc, việc làm không chơn chánh. Hoặc lại có người mạnh mẽ lạnh lợi, lẫn lộn đấu tranh, cùng nhau nghinh chiến; hoặc dùng tay cầm ngói, gạch, dao, gậy giết hại, làm tổn thương cho nhau. Lúc ấy các loài chúng sanh cầm cọng cỏ liền biến thành đao kiếm giết mạng sống. Trong đó, có những chúng sanh thực hành lòng từ, không sân nộ, thấy những sự

thay đổi quái dị này, đều sợ hãi, tất cả cùng chạy xa khỏi chỗ ác độc này. Họ vào trong rừng núi, tự nhiên cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, tu Phạm hạnh vô thượng, tự mình khắc phục tu hành, chấm dứt tâm hữu lậu, được giải thoát, bèn vào cảnh giới vô lậu. Mỗi người đều nói với nhau rằng: “Chúng ta đã thắng được oan gia”.

A-nan nên biết ! Người ấy gọi là tối thắng.

Khi ấy, Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

— Người ấy ở tại bộ nào ? Thanh văn bộ, Bích-chi bộ hay Phật bộ ?

Phật bảo A-nan:

— Người ấy là chính ở tại Bích-chi bộ. Vì sao ? Do người ấy làm các công đức, tạo các gốc lành, tu Tứ đế thanh tịnh, phân biệt các pháp. Phàm thực hành pháp lành tức là lòng từ vậy. Vì sao ? Lòng nhân trùm khắp, thực hành lòng từ, đức ấy rộng lớn. Xưa kia Ta mặc giáp nhân từ này, hàng phục quyến thuộc quân ma, ngồi dưới cội đạo thọ thành đạo vô thượng.

Do phương tiện này nên biết, lòng từ là tối thượng bậc nhất, từ là pháp tối thắng. A-nan nên biết, cho nên gọi người thực hành, lòng từ tối thắng, đức kia như thế, không thể tính kể, nên tìm

phương tiện tu hành lòng từ. Như thế, A-nan, nên học điều này !

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất, sáng sớm từ tịnh thất đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Khi ấy, Phật bảo Xá-lợi-phất:

— Hôm nay, các căn của Thầy thanh tịnh, về mặt khác người, nay Thầy dạo trong tam-muội nào ?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

— Thừa vâng, bạch Thế Tôn ! Con thường dạo trong Không tam-muội.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

— Lành thay, lành thay ! Xá-lợi-phất có thể dạo trong Không tam-muội. Vì sao ? Trong các tam-muội, Không tam-muội là bậc nhất. Tỳ-kheo dạo trong Không tam-muội, không chấp ngã, nhơn, chúng sinh, thọ mạng, cũng không thấy có gốc ngọn các hành. Đã không thấy thì cũng không tạo các

hành, đã không hành thì không nhận có thân. Đã không thọ thân thì chẳng thọ quả báo khổ vui.

Xá-lợi-phất nên biết ! Xưa kia Ta chưa thành Phật, ngồi dưới cội cây, liền khởi ý nghĩ nầy: “Các chúng sanh do không được pháp gì mà lưu chuyển sanh tử không giải thoát ?”. Khi ấy Ta lại khởi ý nghĩ nầy: “Vì chẳng có Không tam-muội nên lưu chuyển sanh tử, không được đến chỗ giải thoát rốt ráo. Có Không tam-muội này, nhưng chúng sanh chưa khắc phục được, khiến chúng sanh khởi tưởng đắm trước. Do khởi tưởng thế gian bền chịu phận sanh tử. Nếu được Không tam-muội này, cũng không sợ nguyện, liền được Vô nguyện tam-muội, đã được Vô nguyện tam-muội, không mong cầu chết đây sanh kia, hết thảy đều không tưởng niệm. Khi ấy, hành giả kia lại được Vô tướng tam-muội, có thể tự vui thích. Chúng sanh do không được ba tam-muội ấy nên lưu chuyển sanh tử”.

Ta quán sát các pháp xong, liền được Không tam-muội. Đã được Không tam-muội liền thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bấy giờ, đang khi Ta được Không tam-muội, suốt bảy ngày bảy đêm Ta ngồi quan sát dưới cội đạo thọ, không chớp mắt.

Xá-lợi-phất ! Do phương tiện này nên biết, đối

với các tam-muội, Không tam-muội là tam-muội đệ nhất. Vua trong các tam muội chính là Không tam-muội vậy. Xá-lợi-phất ! Nên tìm phương tiện thành tựu Không tam-muội. Như thế, Xá-lợi-phất, nên học điều này !

Bấy giờ, Xá-lợi-phất nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại thành La-duyet, vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, trong thành La-duyet có trưởng giả tên Thi-lợi-quật, giàu có nhiều vàng bạc trân bảo, xa cừ, mã nã, không thể tính kể. Ông lại không gần gũi Phật pháp, chỉ phụng sự ngoại đạo Ni-kiên Tử, vua quan đại thần thầy đều biết rõ.

Khi ấy, những người tại gia, xuất gia trong nhóm ngoại đạo Ni-kiên Tử bàn luận với nhau rằng: “Có ta, chấp có thân ta”. Họ nhóm họp với Lục sư ngoại đạo, bàn luận thế này: “Nay Sa-môn Cù-đàm việc gì cũng biết, có Nhất thiết trí. Song chúng ta không được lợi dưỡng, nay Sa-môn ấy được nhiều lợi dưỡng, chúng ta cần tìm cách khiến cho ông ấy không được lợi dưỡng. Chúng ta nên đến

nhà trưởng giả Thi-lợi-quật, bảo trưởng giả tìm phương kế”.

Lúc ấy, ngoại đạo Phạm chí Ni-kiên Tử cùng Lục sư, đi đến nhà trưởng giả Thi-lợi-quật, nói với trưởng giả rằng:

— Trưởng giả nên biết ! Chúng ta do Phạm thiên sanh, là con của Phạm thiên, có nhiều lợi ích. Nay trưởng giả nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, vì thương chúng tôi, nên thỉnh Sa-môn cùng chúng Tỳ-kheo về nhà cúng dường. Trưởng giả lại nên sai làm hầm lửa lớn trong nhà, lửa cháy hùng, tất cả thức ăn đều bỏ thuốc độc, mời họ đến ăn. Nếu Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí, biết rõ việc ba đời thì không nhận lời mời. Nếu Ông ấy không có Nhất thiết trí, sẽ nhận lời mời, đem đệ tử đi, thầy đều bị lửa thiêu đốt. Người, Trời được an lạc, không có tai họa.

Khi ấy, trưởng giả Thi-lợi-quật lặng yên theo lời Lục sư, liền ra khỏi thành đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, đem lòng tạp độc mà bạch Phật:

— Cúi xin Thế Tôn và chư Tỳ-kheo Tăng nhận lời thỉnh của con.

Bấy giờ, Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm trưởng giả, im lặng nhận lời.

Thi-lợi-quật thấy Như Lai đã im lặng nhận lời mời, liền đứng dậy cúi đầu lễ chân Phật lui ra. Giữa đường, ông bèn nghĩ: “Nay các thầy Lục sư của ta nói chắc thật rõ ràng, còn Sa-môn Cù-đàm không biết ý nghĩ trong tâm ta, chắc chắn sẽ bị lửa đốt cháy”.

Thi-lợi-quật trở về nhà, sai đào hầm lớn, đốt lửa to rồi sai chuẩn bị các thức ăn, thầy đều tắm thuốc độc, lại ở ngoài cửa đào hầm lớn, đốt lửa cháy to, trên hầm lửa sắp đặt chỗ ngồi, tắm thuốc độc vào thức ăn song, bèn đến bạch Phật, đúng thời.

Bấy giờ, Thế Tôn biết đến thời, đắp y mang bát, dắt chúng Tỳ-kheo vây quanh trước sau, đến nhà trưởng giả.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy không được đi trước Ta, cũng không được ngồi trước Ta, không được ăn trước Ta.

Khi ấy, nhân dân trong thành La-duyet nghe Thi-lợi-quật làm hầm lửa lớn và làm thức ăn độc, thỉnh Phật cùng chúng Tỳ-kheo. Bốn bộ chúng đều khóc lóc, cho rằng chẳng lẽ Như Lai và chúng Tăng bị hại ư ? Hoặc có người đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, bạch rằng:

— Cúi xin Thế Tôn đừng đi đến nhà trưởng giả ấy. Ông ấy làm hầm lửa lớn và làm thức ăn độc.

Phật bảo:

— Các Người chớ sợ, Như Lai không bị ai làm hại. Giả sử trong cõi Diêm-phù-đề lửa cháy đến Phạm thiên, còn không thể thiêu đốt Ta được, huống gì chút lửa nhỏ này muốn hại Như Lai, trọn không việc ấy. Này Ưu-bà-tắc ! Nên biết Ta không có tâm hại.

Bấy giờ, Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo vây quanh trước sau, vào thành La-duyet đến nhà trưởng giả. Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy chớ vào nhà trưởng giả trước, cũng đừng ăn trước, nên đợi Như Lai ăn rồi sau hãy ăn.

Thế Tôn vừa bước lên ngạch cửa, hầm lửa tự nhiên hóa thành ao nước trong mát, đầy các thứ hoa trong ấy, cũng nảy sanh hoa sen lớn như bánh xe, cộng hoa bằng bảy báu, cùng nảy sanh các loại hoa sen khác, ong chúa bay dạo trong ấy. Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm thiên vương và Tứ thiên vương, Càn-thát-bà, A-tu-la và các Dạ-xoa, Quỷ thân, thấy trong hầm lửa sanh hoa sen này, đều vui mừng khen ngợi, cùng khác lời đồng tiếng, nói rằng:

— Như Lai là bậc tối thắng đệ nhất.

Trong nhà trưởng giả có các ngoại đạo dị học tụ tập trong ấy. Hàng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thấy sức biến hóa của Như Lai, đều vui mừng hơn hờ không thể tự kềm. Ngoại đạo dị học thấy sức biến hóa của Như Lai rồi, rất buồn lo. Các tôn thân trên hư không rải các thứ danh hoa trên thân Như Lai. Bấy giờ, Thế Tôn đi trên không cách đất bốn tấc đến nhà trưởng giả, nơi Ngài vừa nhắc chân lên, liền nảy sanh hoa sen to như bánh xe. Đức Thế tôn quay sang bên phải, bảo các Tỳ-kheo:

— Tất cả các Thầy đều đi trên hoa sen này.

Các Thanh văn đều bước trên hoa sen đến nhà trưởng giả. Bấy giờ, Thế Tôn nói một thí dụ cổ tích:

— Từ quá khứ đến nay, Ta đã từng cúng dường hằng sa chư Phật, thừa sự lễ kính chưa từng trái ý, đem lời thệ nguyện chí thành này khiến các tòa ngôi đều vững chắc.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta cho phép các Tỳ-kheo, trước lấy tay vịn ghế, sau hãy ngồi, đây là lời dạy của Ta.

Thế Tôn và chư Tỳ-kheo Tăng đều đến ghế ngồi, dưới những ghế ấy đều nảy sanh hoa sen thơm ngát.

Khi ấy, Thi-lợi-quật thấy sự biến hóa của đức Phật như vậy, bèn khởi nghĩ: “Ta đã bị ngoại đạo dị học lừa gạt, làm mất con đường trong cõi người của ta, và vĩnh viễn mất con đường cõi trời”. Tâm ý ông tức giận như ăn nhầm thuốc độc: “Chắc ta sẽ bị rơi trong ba đường ác, Như Lai xuất thế thật là khó gặp”. Biết điều này rồi, ông liền khóc lóc, cúi đầu lễ chân Phật, bạch rằng:

— Cúi xin Như Lai cho con sám hối lỗi lầm, sửa điều đã qua, chỉnh điều sắp đến. Con tự biết có tội xúc phạm đến Như Lai. Cúi xin Thế Tôn nhận sự sám hối của con, không dám tái phạm.

Phật bảo:

— Nay Trường giả ! Cải hối, bỏ ý cũ mới có thể tự biết là xúc phạm Như Lai. Pháp của Thánh hiền rất rộng lớn, cho phép Ông cải hối, theo pháp mà bỏ. Nay Ta nhận lời Ông sám hối, sau chớ phạm lại.

Nói như vậy ba lần.

Bấy giờ, vua A-xà-thế nghe trường giả Thi-lợi-quật làm hăm lừa lớn và thức ăn độc muốn hại Như Lai. Nghe xong, vua nổi giận dùng dũa, bảo các quân thân:

— Phải giết hết những người tên Thi-lợi-quật trên toàn cõi nước.

Nhà vua lại nhớ đến công đức của Như Lai, buồn khóc rơi lệ, ném bỏ mũ thiên triều, bảo quần thần:

— Nay ta còn sống làm gì mà để Như Lai bị lửa đốt cháy, cùng với các Tỳ-kheo đều bị thiêu. Các Ông mau đến nhà trưởng giả xem Như Lai thế nào ?

Bấy giờ, Vương tử Kỳ-bà-già tâu vua A-xà-thế rằng:

— Đại vương ! Xin chớ lo buồn, cũng chớ khởi ý ác. Vì sao ? Như Lai không bị người khác làm hại. Hôm nay trưởng giả Thi-lợi-quật sẽ làm đệ tử đức Như Lai. Cúi xin Đại vương nên đến xem sự biến hóa.

Vua A-xà-thế nghe lời Kỳ-bà-già an ủi, bèn cỡi voi lớn Tuyết Sơn lập tức đến nhà trưởng giả Thi-lợi-quật, xuống voi liền vào nhà trưởng giả. Bấy giờ, những người tụ tập ngoài cửa có đến tám vạn bốn ngàn người. Khi vua A-xà-thế thấy bông sen lớn như bánh xe, vui mừng hơn hờ không thể tự kềm, nói rằng: “Như Lai thường thắng bọn ma”. Vua bảo Vương tử Kỳ-bà-già:

— Lành thay, Kỳ-bà-già ! Ta mới tin thật Như Lai có việc lạ như thế !

Khi ấy, vua A-xà-thế đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu

lễ chân Phật, lui ngôi một bên. Vua A-xà-thế thấy từ miệng Phật phát ra ánh sáng, cũng thấy sắc mặt Thế Tôn thù thắng phi thường, nhà vua vui mừng không thể tự kềm.

Bấy giờ, trưởng giả Thi-lợi-quật bạch Phật:

— Thức ăn của con sắp đặt đều có thuốc độc, cúi xin Thế Tôn chờ giây lát, con sẽ dọn thức ăn khác. Vì sao ? Con không muốn thân thể Như Lai bị tổn hại.

Phật bảo trưởng giả:

— Như Lai và đệ tử trọn không bị người hại. Này Trưởng giả ! Thức ăn đã sắp đặt xong nên tùy thời cúng dường.

Trưởng giả tự tay rót thức ăn.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Quy y Phật, Pháp, Tăng,
Độc hại không tổn đến,
Chư Phật không có độc,
Quy y Phật, đẹp độc.
Quy y Phật, Pháp, Tăng,
Độc hại không tổn đến,
Chư Phật không có độc,
Quy y Pháp, đẹp độc.*

*Quy y Phật, Pháp, Tăng,
Độc hại không tổn đến,
Chư Phật không có độc,
Quy y Tăng, dẹp độc.
Độc tham dục, sân nhuế,
Thế gian trọn không độc,
Quy y Phật, dẹp độc.
Độc dục, nộ, sân nhuế,
Ba độc thế gian này,
Như Lai, Pháp không độc,
Quy y Pháp, dẹp độc.
Độc dục, nộ, sân nhuế,
Thế gian có ba độc,
Như Lai, Tăng không độc,
Quy y Tăng, dẹp độc.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ ấy xong, liền dùng thức ăn tạp độc. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy chớ ăn trước, nên đợi Như Lai ăn xong, sau rồi hãy ăn.

Trưởng giả tự tay san sát các thức ăn uống cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng. Trưởng giả Thi-lợi-quật thấy Phật ăn xong, dọn rửa bát, rồi ngồi trên một ghế thấp trước đức Phật. Bấy giờ, Thế Tôn vì trưởng giả và tám muôn bốn ngàn dân

chúng nói pháp vi diệu. Đó là những pháp bố thí, trì giới, sanh thiên, dục tướng bất tịnh, dục là họa lớn, xuất yếu là vui. Như Lai quán sát tâm trưởng giả và tám vạn bốn ngàn chúng, thấy ai nấy tâm khai ý giải, không còn trần cấu. Những pháp chư Phật thường nói như Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Ngài cũng đem dạy hết cho tám vạn bốn ngàn chúng, phân biệt, giảng rộng hạnh kia. Bấy giờ, hội chúng ngay tại chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn tịnh, cũng như áo mới dễ nhuộm màu sắc.

Trưởng giả kia cũng thế, ngay tại chỗ ngồi đã thấy dấu đạo, đã thấy pháp, đặc pháp, phân biệt các pháp, vượt khỏi sự nghi ngờ, được điều không sợ hãi, không còn theo ngoại đạo, tự quy y Phật, Pháp Tăng, thọ năm giới. Trưởng giả Thi-lợi-quật tự biết mình được dấu đạo, bạch Phật rằng:

— Cúng thí thức ăn độc cho Như Lai lại được quả báo lớn, không như cúng vị cam lồ cho các ngoại đạo dị học lại bị tội. Vì sao ? Hôm nay con đem thức ăn độc mời Phật và Tỳ-kheo Tăng, ở trong hiện pháp được sự chứng nghiệm này. Con bị các ngoại đạo ấy làm mê lầm lâu dài, nên mới dấy khởi tâm niệm ác đối với Như Lai. Người nào vâng theo ngoại đạo dị học đều rơi vào biên tế.

Phật bảo trưởng giả:

— Như lời Ông nói không khác, đều là bị bọn họ dối gạt.

Bấy giờ, Thi-lợi-quật bạch Phật:

— Từ đây về sau, con không còn tin theo các ngoại đạo dị học ấy nữa. Con cũng không muốn cho bốn bộ chúng tại gia cúng dường bọn họ.

Phật bảo trưởng giả:

— Chớ nói như vậy. Vì sao ? Nay Ông thường cúng dường các ngoại đạo ấy. Bồ thí cho loài súc sanh, phước đức kia khó lường, huống gì cúng thí cho người. Nếu có ngoại đạo dị học hỏi rằng Thi-lợi-quật là đệ tử của ai, Ông sẽ đáp thế nào ?

Thi-lợi-quật liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chấp tay bạch Phật:

— Dừng mãnh mà giải thoát, nay được làm thân người, là tiên nhân thứ bảy, là đệ tử của đức Thích-ca Văn.

Thế Tôn bảo:

— Lành thay, Trưởng giả ! Có thể nói lời khen vi diệu này.

Bấy giờ, Thế Tôn lại vì trưởng giả nói thêm pháp thâm diệu. Ngài nói kệ:

8

Tế lễ, lửa là trên,
Thi thơ, tụng là trên,
Trong người, vua trên hết,
Các dòng, biển là nguồn.
Các sao, trăng sáng nhất,
Ánh sáng, mặt trời nhất,
Trên dưới và bốn phương,
Tất cả loài hữu hình,
Chư Thiên và thế gian,
Phật là tối đệ nhất,
Muốn tìm cầu phước đức,
Nên cúng dường Chánh Giác.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ xong liền đứng dậy.
Trưởng giả Thi-lợi-quật và những người đến dự hội,
nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

* *

XXXXVI. PHẨM KẾT CẨM

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có mười sự công đức, Như Lai vì các Tỳ-kheo nói cấm giới. Thế nào là mười ? Là thừa sự Thánh chúng; hòa hợp thuận thảo với nhau; an ổn Thánh chúng; hàng phục người ác; khiến các Tỳ-kheo biết tầm, quý, không bị náo loạn; người không tin khiến lập lòng tin; người đã tin khiến tăng thêm bội phần; ở trong hiện pháp được dứt sạch hữu lậu, cũng khiến cho các lậu đời sau thấy đều trừ sạch; khiến Chánh pháp trụ đời lâu dài; thường suy nghĩ phải có cách gì để Chánh pháp tồn tại lâu dài.

Này các Tỳ-kheo ! Đó là mười pháp công đức,

Như Lai vì các Tỳ-kheo nói cấm giới. Cho nên, Tỳ-kheo ! Nên tìm phương tiện thành tựu cấm giới đừng để cho mất. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Chỗ ở của chư Hiền Thánh có mười việc, chư Thánh ba đời đều ở trong ấy. Thế nào là mười ? Ở đây, Tỳ-kheo đã trừ bỏ năm việc; thành tựu sáu pháp; thường giữ một việc; ủng hộ bốn chúng; quan sát chỗ yếu kém; thân cận bình đẳng; chánh hướng vô lậu; nương tựa thân hành; tâm khéo giải thoát; trí tuệ giải thoát.

Thế nào là Tỳ-kheo đã trừ năm việc ? Ở đây, Tỳ-kheo đã đoạn dứt năm kiết sử. Như thế là đã trừ năm việc.

Thế nào là Tỳ-kheo thường hộ một việc ? Ở đây, Tỳ-kheo thường hộ trì tâm niệm hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi đến cửa Niết-bàn. Như thế là Tỳ-kheo thường hộ một việc.

Thế nào là Tỳ-kheo hộ trì bốn chúng ? Ở đây, Tỳ-kheo thành tựu Tứ thân túc. Như thế là Tỳ-kheo hộ trì bốn chúng.

Thế nào là Tỳ-kheo quan sát chỗ yếu kém ? Ở đây, Tỳ-kheo các hành sanh tử đã chấm dứt. Đó gọi là Tỳ-kheo quan sát chỗ yếu kém.

Thế nào là Tỳ-kheo thân cận bình đẳng ? Ở đây, Tỳ-kheo đã chấm dứt ba kết. Đó gọi là Tỳ-kheo thân cận bình đẳng.

Thế nào là Tỳ-kheo chánh hướng vô lậu ? Ở đây, Tỳ-kheo trừ bỏ kiêu mạn. Như thế là Tỳ-kheo chánh hướng vô lậu.

Thế nào là Tỳ-kheo nương tựa vào thân hành ? Ở đây, Tỳ-kheo đã trừ vô minh. Như thế là Tỳ-kheo nương tựa thân hành.

Thế nào là Tỳ-kheo tâm khéo giải thoát ? Ở đây, Tỳ-kheo đã trừ sạch ái. Như thế là Tỳ-kheo tâm khéo giải thoát.

Thế nào là Tỳ-kheo trí tuệ giải thoát ? Ở đây, Tỳ-kheo quán Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế, biết một cách như thật. Đó là Tỳ-kheo trí tuệ giải thoát.

Này các Tỳ-kheo ! Đó là chỗ ở đủ mười sự của Hiền Thánh. Ngày trước, các bậc Hiền Thánh cũng ở trong ấy, đã ở, đang ở.

Cho nên, Tỳ-kheo ! Nên nhớ nghĩ trừ bỏ năm việc, thành tựu sáu pháp, giữ gìn một pháp, hộ trì bốn chúng, quan sát chỗ yếu kém, thân cận bình đẳng, chánh hướng về vô lậu, nương tựa thân hành, tâm được giải thoát, trí tuệ giải thoát. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Như Lai thành tựu mười lực, tự biết không đắm trước. Ở trong đại chúng rống tiếng sư tử; chuyển vận bánh xe Chánh pháp vô thượng để độ chúng sanh; nghĩa là đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc tận, đây là sắc xuất yếu; quán sát thọ, tưởng, hành, thức, cũng như vậy; nhân cái này có thì cái kia có, cái này sanh thì kia sanh; vô minh duyên lành, lành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên tử, tử duyên ưu bi khổ não không thể tính kể.

Nhân có thân ngũ ấm này có pháp tập này, đây diệt thì kia diệt, đây không thì kia không. Vô minh hết thì hành hết, hành hết thức hết, thức hết danh sắc hết, danh sắc hết lục nhập hết, lục nhập hết xúc hết, xúc hết thọ hết, thọ hết ái hết, ái hết thủ hết, thủ hết hữu hết, hữu hết sanh hết, sanh hết tử hết, tử hết thì ưu bi khổ não thấy đều trừ sạch.

Tỳ-kheo nên biết ! Pháp của Ta rất rộng lớn không bờ mé, không đáy, dứt các hồ nghi, an ổn ở nơi Chánh pháp. Thiện nam, tín nữ cần siêng năng dụng tâm không để kém khuyết, dù thân thể hoại, trọn không bỏ hạnh tinh tấn, buộc ý vững chắc không quên, tu hành pháp khổ không đổi tâm, ưa ở chỗ vắng, yên lặng tư duy, không bỏ hạnh đầu đà, như hiện nay Như Lai khéo tu Phạm hạnh.

Cho nên, này các Tỳ-kheo ! Nếu khi tự quán sát, suy nghĩ về pháp vi diệu thì cần phải quán sát hai nghĩa, không có hạnh phóng dật, khiến thành tự quả thật đến chỗ cam lồ, diệt tận. Nếu nhận người khác cúng dường như y phục, mền, nệm, thức ăn uống, giường nằm, ngựa cưỡi, thuốc men, cũng không phụ công khó của tín thí, cũng khiến cha mẹ được quả báo, phụng sự chư Phật lễ kính cúng dường. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Như Lai thành tựu mười lực, được bốn vô sở úy. Ở trong chúng rống tiếng sư tử.

Thế nào là mười lực ? Biết như thật về thị xứ; biết như thật về phi xứ; biết như thật nhân duyên nơi chốn thọ báo của chúng sanh; biết như thật bao nhiêu cõi, bao nhiêu loại tri, bao nhiêu loại nhập; biết như thật có bao nhiêu loại giải thoát, vô lượng giải thoát; biết như thật các chúng sanh có trí tuệ nhiều ít; biết như thật ý niệm trong tâm của các chúng sanh: tâm có dục biết tâm có dục, tâm không dục biết tâm không dục, tâm có sân nhuế biết tâm có sân nhuế, tâm không sân nhuế biết tâm không sân nhuế, tâm có ngu si biết tâm có ngu si, tâm không ngu si biết tâm không ngu si, tâm có ái biết tâm có ái, tâm không ái biết tâm không ái, tâm có thọ biết tâm có thọ, tâm không thọ biết tâm không thọ, tâm loạn biết tâm loạn, tâm không loạn biết tâm không loạn, tâm tán biết tâm tán, tâm không tán biết tâm không tán, tâm hẹp biết tâm hẹp, tâm không hẹp biết tâm không hẹp, tâm rộng lớn biết

tâm rộng lớn, tâm không rộng lớn biết tâm không rộng lớn, tâm vô lượng biết tâm vô lượng, tâm hữu lượng biết tâm hữu lượng, tâm định biết tâm định, tâm không định biết tâm không định, tâm giải thoát biết tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết tâm không giải thoát; biết như thật tất cả con đường của tâm hướng đến, hoặc một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, năm mươi đời, một trăm đời, ngàn đời, ức trăm ngàn đời, vô lượng đời, kiếp thành, kiếp hoại, trong vô số kiếp thành, kiếp hoại, xưa kia ta sanh nơi đó, tên đó, họ đó, ăn những thức ăn như thế, chịu các khổ vui thọ mạng dài ngắn, chết đây sanh kia, chết kia sanh đây, tự nhớ các việc trong vô số đời đã qua như thế; biết như thật các đường sanh tử của chúng sanh, dùng Thiên nhãn quán sát các loài chúng sanh, sắc lành sắc dữ, đường lành đường dữ, tùy theo việc làm các loài thấy đều biết rõ, hoặc có chúng sanh thân miệng ý làm ác, phỉ báng Hiền Thánh, tạo nghiệp tà kiến, khi chết sanh vào địa ngục, hoặc có chúng sanh thân miệng ý làm lành, không phỉ báng Hiền Thánh, thường hành chánh kiến, khi chết sanh lên cõi Trời, đó gọi là Thiên nhãn thanh tịnh quán sát các hành động dẫn chúng sanh đi các nẻo; biết như thật sự chấm dứt hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải

thoát, trí tuệ giải thoát, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ lại thân sau.

Đó gọi là Như Lai có Mười lục, không đắm trước, được Bốn vô sở úy, ở trong chúng rống tiếng sư tử, chuyển bánh xe Phạm.

Thế nào gọi là Như Lai được Bốn vô sở úy ? Muốn nói Như Lai thành Đăng Chánh Giác, nếu có chúng sanh muốn nói biết việc này, ắt không được. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn muốn đến chê bai Phật không thành Đăng Chánh Giác, ắt không được. Do chê bai không được, nên Ta an ổn.

Lại nữa, nay Ta nói đã hết các hữu lậu. Giả sử có Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, hoặc Ma trời muốn đến nói Ta chưa dứt hữu lậu, ắt không được. Do không được như thế, nên Ta an ổn. Lại nữa, pháp Ta nói ra là pháp Hiền Thánh được xuất yếu, chấm dứt mé khổ như thật. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma trời muốn đến nói Ta chưa hết mé khổ, ắt không được. Vì không được như thế, nên Ta an ổn.

Lại nữa, Ta nói về nội pháp rơi trong đường ác. Giả sử có Sa-môn, Bà-la-môn đến, muốn nói không phải, ắt không được.

Này, Tỳ-kheo, đó là Như Lai có Bốn vô sở úy.

Giả sử hàng ngoại đạo dị học nói rằng: “Sa-môn Cù-đàm kia có những thế lực gì ? Có vô úy gì, mà tự xưng là bậc Vô trước, Tối tôn ?”. Các Thầy nên đem Mười lực này mà trả lời họ.

Giả sử có ngoại đạo dị học lại nói như vậy: “Chúng ta cũng thành tựu Mười lực”. Tỳ-kheo các Thầy nên hỏi họ rằng: “Các Ông có Mười lực gì ?”. Khi ấy hàng ngoại đạo dị học chắc chắn không thể trả lời, họ bèn tăng thêm lòng giận tức. Vì sao ? Ta chưa từng thấy Sa-môn, Bà-la-môn nào tự xưng rằng được Bốn vô sở úy, trừ đức Như Lai.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm phương tiện thành tựu Mười lực, Bốn thứ vô úy !

Như thế, Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có Mười niệm, nên phân biệt rộng, tu hành Mười niệm ấy, sẽ dứt sạch dục ái, sắc ái, vô sắc ái, kiêu mạn, vô minh. Thế nào là mười ? Là niệm

Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm Chỉ, Quán, niệm An-ban, niệm Thân, niệm Tử.

Này các Tỳ-kheo, có chúng sanh tu hành Mười niệm này, dứt sạch được dục ái, sắc ái, vô sắc ái, tất cả vô minh kiêu mạn, thấy đều trừ sạch. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Gần gũi bậc vua chúa vương gia có mười việc phi pháp. Thế nào là mười ? Khi nước ấy khởi tâm mưu hại muốn giết vua, do âm mưu ấy nên nhà vua mạng chung. Dân chúng nước ấy bèn khởi nghĩ rằng: “Các Sa-môn đạo sĩ này thường lui tới, đây ắt là do Sa-môn gây nên”. Đây là điều phi pháp thứ nhất của nạn gần gũi quốc vương.

Lại nữa, khi quan đại thần phản nghịch bị vua bắt và làm hại; khi ấy, nhân dân bèn khởi nghĩ rằng: “Sa-môn đạo sĩ này thường lui tới, đây chắc

là Sa-môn làm ra”. Đây là điều phi pháp thứ hai của nạn gân gủi quốc vương.

Lại nữa, khi tài bảo trong nước bị mất, người giữ kho liền khởi ý nghĩ nầy: “Các báu vật này ta thường giữ gìn, không ai khác vào đây, chắc là Sa-môn lấy đi”. Đây là điều phi pháp thứ ba của nạn gân gủi quốc vương.

Lại nữa, khi con gái nhà vua đang lúc tuổi trẻ, chưa chồng mà mang thai; khi ấy, nhân dân bèn nghĩ rằng: “Trong đây không ai lui tới, chắc là do Sa-môn gây ra”. Đây là điều phi pháp thứ tư của nạn gân gủi quốc vương.

Lại nữa, khi vua bị bệnh nặng, trúng thuốc độc của người khác; khi ấy, nhân dân bèn nghĩ rằng: “Trong đây không có ai khác, chắc là do Sa-môn gây nên”. Đây là điều phi pháp thứ năm của nạn gân gủi quốc vương.

Lại nữa, vua chúa, đại thần cùng tranh đấu nhau, giết hại nhau; khi ấy, nhân dân bèn nghĩ rằng: “Các đại thần này vốn hòa hợp nhau, nay lại chống trái nhau, điều này không do ai khác gây nên, chắc là do Sa-môn đạo sĩ”. Đây là điều phi pháp thứ sáu của nạn gân gủi quốc vương.

Lại nữa, hai quốc gia cùng đánh nhau tranh

phân thắng; khi ấy nhân dân bèn khởi nghĩ: “Sa-môn đạo sĩ này thường lui tới trong đó, ắt là Sa-môn ấy gây chuyện”. Đây là điều phi pháp thứ bảy, của nạn gần gũi quốc vương.

Lại nữa, quốc vương vốn ưa thích bố thí tài vật cho dân chúng, sau lại bòn sên không chịu ban phát; khi ấy, nhân dân đều khởi nghĩ rằng: “Vua của chúng ta vốn thích bố thí, nay lại bòn sên tham lam không có tâm bố thí, đây ắt là Sa-môn gây nên”. Đây là điều phi pháp thứ tám, của nạn gần gũi quốc vương.

Lại nữa, vua thường dùng Chánh pháp để thu tài vật của dân chúng, sau lại phi pháp lấy tài bảo của dân; khi ấy, nhân dân đều khởi nghĩ rằng: “Vua của chúng ta vốn dùng Chánh pháp để lấy tài vật nhân dân, nay lại dùng phi pháp để lấy tài vật. Đây chắc do Sa-môn gây nên”. Đây là điều phi pháp thứ chín, của nạn gần gũi quốc vương.

Lại nữa, nhân dân khắp nước bị bệnh bởi do duyên đời trước; khi ấy, nhân dân đều khởi nghĩ rằng: “Lúc trước chúng ta không có bệnh, nay mọi người đều bị bệnh, người chết đầy đường, chắc là do chú thuật của Sa-môn gây nên”. Đây là điều phi pháp thứ mười, của nạn gần gũi quốc vương.

Này Tỳ-kheo ! Đó là mười điều phi pháp, tai

nạn của sự gấn gũi quốc vương. Cho nên các Tỳ-kheo chớ sanh tâm gấn gũi vua chúa. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu nhà vua thành tựu mười pháp thì không tồn tại lâu, trong nước sinh nhiều đạo tặc. Thế nào là mười ? Khi nhà vua tham lam keo kiệt, chỉ do chút việc nhỏ, bèn sân giận, không xem xét nghĩa lý. Đây là pháp đầu tiên, khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua tham đắm tài vật, không chịu kém. Đây là pháp thứ hai, khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua không nghe lời can gián, là người bạo ngược không có lòng từ. Đây là pháp thứ ba, khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua bắt người oan uổng, trói buộc giam cầm trong ngục không có ngày ra. Đây là pháp thứ tư, khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua dùng điều phi pháp trị nước, không theo hạnh chánh. Đây là pháp thứ năm, khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua tham đắm sắc đẹp người khác, xa lánh vợ mình. Đây là pháp thứ sáu, khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua ưa uống rượu, không màng đến việc triều đình. Đây là pháp thứ bảy, khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua ưa ca múa vui chơi, không tham dự triều chính. Đây là pháp thứ tám, khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua thường đau ốm, không có ngày khỏe mạnh. Đây là pháp thứ chín, khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua không tin đại thần trung hiếu, người phụ tá hiểm hoi, không có bấy tôi mạnh. Đây là pháp thứ mười, khiến không tồn tại lâu.

Nay chúng Tỳ-kheo cũng vậy, nếu thành tựu mười pháp sau, sẽ không làm tăng trưởng cội công đức lành, sau khi chết rơi vào địa ngục. Thế nào là mười pháp ? Ở đây, Tỳ-kheo không giữ giới cấm, cũng không có tâm cung kính đối với giới. Đây là pháp thứ nhất khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo không kính vâng Phật, không tin lời chân thật. Đây là pháp thứ hai, khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo không thừa sự pháp, sơ sót về giới luật. Đây là pháp thứ ba, khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo không thừa sự Thánh chúng, thường có ý tự ty, không tin lời dạy của chúng. Đây là pháp thứ tư, khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo tham đắm lợi dưỡng, tâm không buông bỏ. Đây là pháp thứ năm, khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo không học hỏi nhiều, không siêng tụng đọc, luyện tập. Đây là pháp thứ sáu, khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo không vâng lời thiện tri thức, thường nghe theo ác tri thức. Đây là pháp thứ bảy, khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo ưa bày chuyện không nhớ tọa Thiên. Đây là pháp thứ tám, khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo thích toán số, trái đạo hợp thế tục, không tu tập Chánh pháp. Đây là pháp thứ chín, khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo không ưa tu Phạm hạnh, tham đắm bất tịnh. Đây là pháp thứ mười, khiến không được bền lâu.

Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu mười pháp này, chắc chắn rơi trong ba đường ác, không sanh chỗ lành.

Nếu nhà vua thành tựu mười pháp sau, bền được ở ngôi báu lâu dài. Thế nào là mười ? Ở đây, nhà vua không tham đắm tài vật, không khởi sân hận, lại không vì chuyện nhỏ mà khởi tâm oán hại. Đây là pháp thứ nhất, khiến được bền lâu.

Lại nữa, nhà vua nghe lời quần thần can ngăn, không trái ngược lời các quan. Đây là pháp thứ hai, khiến được bền lâu.

Lại nữa, nhà vua thường thích bố thí, nhân dân đông ca ngợi. Đây là pháp thứ ba, khiến được bền lâu.

Lại nữa, nhà vua đúng pháp thu tài vật, không phi pháp. Đây là pháp thứ tư, khiến được bền lâu.

Lại nữa, nhà vua không đam mê sắc đẹp người khác, thường bảo hộ vợ mình. Đây là pháp thứ năm, khiến được bền lâu.

Lại nữa, nhà vua không uống rượu, tâm không mê loạn. Đây là pháp thứ sáu, khiến được bền lâu.

Lại nữa, nhà vua không thích vui chơi hay hàng phục quân địch. Đây là pháp thứ bảy, khiến được bền lâu

Lại nữa, nhà vua trị dân đúng pháp, trọn không cong vạy. Đây là pháp thứ tám, khiến được bền lâu.

Lại nữa, nhà vua hòa hợp với quần thần không chống đối. Đây là pháp thứ chín, khiến được bền lâu.

Lại nữa, nhà vua không bệnh hoạn, khí lực cường thịnh. Đây là pháp thứ mười, khiến được bền lâu.

Nếu nhà vua thành tựu mười pháp này, ngôi báu được lâu dài không lo ngại.

Chúng Tỳ-kheo cũng lại như thế, nếu thành tựu mười pháp này, trong khoảng duỗi cánh tay, liền được sanh lên trời. Thế nào là mười ? Tỳ-kheo vâng giữ giới cấm, giới đức đầy đủ, không phạm Chánh pháp. Đây là pháp thứ nhất, được sanh cõi lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo đối với Như Lai có lòng cung kính. Đây là pháp thứ hai, được sanh cõi lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo thuận theo giáo pháp, không phạm một lỗi. Đây là pháp thứ ba, được sanh cõi lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo phụng sự Thánh chúng, không có tâm lười biếng. Đây là pháp thứ tư, được sanh cõi trời.

Lại nữa, Tỳ-kheo thiếu dục tri túc, không đắm trước lợi dưỡng. Đây là pháp thứ năm, được sanh cõi trời.

Lại nữa, Tỳ-kheo không tự làm theo ý mình, thường tùy theo giới pháp. Đây là pháp thứ sáu, được sanh cõi lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo không đam mê công việc, thường ưa tọa Thiền. Đây là pháp thứ bảy, được sanh cõi trời.

Lại nữa, Tỳ-kheo ưa ở chỗ vắng, không ở trong nhân gian. Đây là pháp thứ tám, được sanh cõi lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo không thuận theo ác tri thức, thường nghe theo thiện tri thức, Đây là pháp thứ chín, được sanh cõi lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo thường tu Phạm hạnh, xa lìa pháp ác, nghe nhiều, học nghĩa lý không mất thứ lớp. Đây là pháp thứ mười, được sanh cõi lành.

Như thế, Tỳ-kheo thành tựu mười pháp được sanh cõi lành, cõi trời, nhanh như trong khoảng đuổi cánh tay. Nay Tỳ-kheo, các hạnh phi pháp rơi vào địa ngục nên nhớ xa lìa, mười hạnh Chánh pháp nên cùng vâng theo tu tập. Như thế, nay các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đa, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ, phần đông Tỳ-kheo đến thời, đắp y, mang bát vào thành La-duyệt khát thực. Khi ấy, các Tỳ-kheo khởi nghĩ: “Chúng ta vào thành khát thực, thời giờ còn sớm, chúng ta có thể đến chỗ ngoại đạo dị học để cùng họ luận nghị”. Lúc đó, các Tỳ-kheo đi đến chỗ ngoại đạo dị học. Ngoại đạo dị học xa thấy các Sa-môn đến, mỗi người tự bảo nhau:

— Chúng ta nên im lặng đừng nói lớn tiếng. Nay có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đến đây, pháp của Sa-môn thường khen ngợi người yên lặng. Họ muốn biết chánh pháp của chúng ta có loạn, không loạn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ ngoại đạo dị học, cùng chào hỏi và ngồi một bên. Ngoại đạo hỏi các Tỳ-kheo:

— Sa-môn Cù-đàm vì hàng đệ tử các Ông nói pháp vì diệu này: “Các Tỳ-kheo có hiểu suốt tất cả các pháp mà tự vui thích chăng ?” Chúng tôi cũng nói pháp vì diệu này cho hàng đệ tử để tự vui thích. Điều của chúng tôi nói có khác gì các Ông ? Có sai biệt gì ? Nói pháp giáo giới một loại không khác.

Khi ấy, các Tỳ-kheo nghe ngoại đạo dị học nói, không khen hay, cũng không nói dở, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cáo từ mà đi. Các Tỳ-kheo tự nói với nhau: “Chúng ta nên đem nghĩa này về bạch lại Thế Tôn. Nếu Như Lai có chỉ dạy, chúng ta sẽ ghi nhớ vâng theo”.

Bấy giờ, chúng Tỳ-kheo vào thành La-duyệt khát thực, rồi trở về phòng cất y bát, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Các Tỳ-kheo đem đầu đuôi câu chuyện thưa hết với Phật.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Các ngoại đạo dị học ấy hỏi nghĩa này rồi, các Thầy nên đem lời này đáp, là luận về một pháp, nghĩa một quán, diễn nói một pháp, cho đến luận về mười pháp, nghĩa mười pháp, diễn nói mười

pháp. Nói lời này là có những nghĩa gì ? Nếu các Thầy đem lời này đến hỏi, người ấy chắc không thể đáp. Ngoại đạo dị học kia bèn tăng thêm nghi lẫm. Vì sao ? Vì chẳng phải cảnh giới của họ.

Cho nên, này các Tỳ-kheo ! Ta không thấy có Trời, Người, Ma, Thiên ma, Đế Thích, Phạm thiên vương có thể đáp lại lời này. Trừ Như Lai và đệ tử Như Lai từng theo Ta nghe dạy.

Luận về một pháp, nghĩa một pháp, diễn nói một pháp, tuy Ta nói nghĩa này, do có gì mà nói thế ? Tất cả chúng sanh do ăn uống mới sống, không ăn thì chết. Tỳ-kheo ấy bình đẳng chán ghét tai họa, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt nghĩa kia, bình đẳng chấm dứt mê khổ, đồng một nghĩa không hai. Đó là luận về một pháp, nghĩa một pháp, diễn nói một pháp.

Luận về hai pháp, nghĩa hai pháp, diễn nói hai pháp, Ta tuy nói nghĩa này, do có gì mà nói nghĩa này ? Nghĩa là danh và sắc. Thế nào gọi là danh ? Nghĩa là thọ, tưởng, niệm (hành), tư duy (thức), đó là danh. Thế nào là sắc ? Tứ đại và tứ đại tạo sắc, đó gọi là sắc, do duyên nầy nên gọi là sắc. Luận về hai pháp, nghĩa hai pháp, diễn nói hai pháp, do nhân duyên nầy nên Ta nói thế. Tỳ-kheo bình đẳng

chán ghét tai họa, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt nghĩa ấy, bình đẳng chấm dứt mé khổ.

Luận về ba pháp, nghĩa ba pháp, diễn nói ba pháp. Do có gì mà nói nghĩa này ? Nghĩa là ba thọ. Thế nào là ba ? Là thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui. Thế nào gọi là thọ vui ? Nghĩa là tâm tưởng vui không phân tán, đó gọi là thọ vui. Thế nào là thọ khổ ? Nghĩa là tâm tán loạn không nhất định, suy nghĩ bao nhiêu tướng, đây gọi là thọ khổ. Thế nào là thọ không khổ không vui ? Nghĩa là tâm không có tướng khổ, không tướng vui, cũng chẳng tướng nhất định, lại chẳng tán loạn, cũng không tư duy về pháp và phi pháp, thường tự lặng lẽ tâm không phạm, cho nên gọi là không khổ không vui. Đó là ba thọ. Tỳ-kheo bình đẳng chán ghét tai họa, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt nghĩa này, bình đẳng chấm dứt mé khổ. Đó là luận ba pháp, nghĩa ba pháp, diễn nói ba pháp, điều Ta nói chính là đây vậy.

Luận về bốn pháp, nghĩa bốn pháp, diễn nói bốn pháp, do những có gì mà nói nghĩa này ? Nghĩa là Tứ đế. Thế nào là Tứ ? Là Khổ, Tập, Diệt, Đạo thánh đế.

Thế nào là Khổ đế ? Là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ưu bi não khổ, oán ghét gặp khổ, ân ái chia lìa khổ, mong cầu không được khổ.

Thế nào gọi là Tập đế ? Là gốc ái tương ưng với dục. Đó là Tập đế.

Thế nào gọi là Khổ tận đế (Diệt đế) ? Nghĩa là ái kia vĩnh viễn chấm dứt không sanh lại. Đó là Khổ tận đế.

Thế nào gọi là Khổ yếu đế (Đạo đế) ? Nghĩa là Tám đạo phẩm Hiền Thánh: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó là Tám đạo phẩm.

Tỳ-kheo bình đẳng chán ghét tai họa, bình đẳng giải thoát, bình đẳng phân biệt nghĩa ấy, bình đẳng quán sát, bình đẳng chấm dứt mé khổ. Đó gọi là luận về bốn pháp, nghĩa bốn pháp, diễn nói bốn pháp. Điều Ta nói chính là đây vậy.

Luận về năm pháp, nghĩa năm pháp, diễn nói năm pháp. Nay Ta nói, do những gì mà nói như vậy ? Là Năm căn. Thế nào là năm ? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

Thế nào gọi là tín căn ? Nghĩa là đệ tử Hiền Thánh tin vào đạo pháp của Như Lai, Như Lai là

bậc Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở đời. Đó là tín căn.

Thế nào gọi là tấn căn ? Là thân và tâm siêng năng không lười mỏi diệt pháp bất thiện, khiến pháp lành tăng trưởng, tâm thường gìn giữ. Đó là tấn căn.

Thế nào gọi là niệm căn ? Niệm căn là không quên những điều đã tụng, thường ghi nhớ trong tâm, gìn giữ không mất, pháp hữu vi vô lậu trọng không quên mất. Đó là niệm căn.

Thế nào gọi là định căn ? Định căn là tâm không tán loạn, không có bao nhiêu tướng, thường chuyên ròng một ý. Đó là định căn.

Thế nào gọi là tuệ căn ? Là biết Khổ, biết Tập, biết Tận, biết Đạo. Đó là tuệ căn.

Đây là Năm căn, Tỳ-kheo ở trong đây bình đẳng giải thoát, bình đẳng phân biệt nghĩa ấy, bình đẳng chấm dứt mé khổ. Luận về năm pháp, nghĩa năm pháp, diễn nói năm pháp, điều Ta nói chính là đây vậy.

Luận về sáu pháp, nghĩa sáu pháp, diễn nói sáu pháp. Do có gì Ta nói như thế ? Là sáu pháp

trọng. Thế nào là sáu ? Ở đây, Tỳ-kheo thân thường hành từ, hoặc ở thất vắng, hoặc thường nhất tâm, thường cùng hòa hợp bậc đáng tôn quý; đó là pháp trọng thứ nhất. Lại nữa, miệng hành từ, đáng kính đáng quý; đó là pháp trọng thứ hai. Lại nữa, ý hành từ không khởi tật đố ghen ghét, đáng kính đáng quý; đó là pháp trọng thứ ba. Lại nữa, nếu được lợi dưỡng trong bát có dư, đều dùng tâm bình đẳng chia cho những người đồng Phạm hạnh; đó là pháp trọng thứ tư. Lại nữa vâng giữ giới cấm không để rơi mất, là điều quý trọng của Hiền Thánh; đó là pháp trọng thứ năm. Lại nữa, pháp chánh kiến Hiền Thánh được xuất yếu, được chấm dứt mé khổ, ý không tán loạn, cùng với những người đồng Phạm hạnh đồng tu hạnh này; đó là pháp trọng thứ sáu. Tỳ-kheo bình đẳng chán ghét họa hoạn, bình đẳng giải thoát, bình đẳng phân biệt nghĩa này, bình đẳng chấm dứt mé khổ. Luận về sáu pháp, nghĩa sáu pháp, diễn nói sáu pháp, điều Ta nói chính là đây.

Luận về bảy pháp, nghĩa bảy pháp, diễn nói bảy pháp. Do những gì mà nói như thế ? Đó là chỗ dừng nghỉ của thân thức. Thế nào là bảy ? Hoặc có chúng sanh bao nhiêu tướng bao nhiêu thân, đó là Trời và Người. Hoặc có chúng sanh bao

nhiều thân một tướng, đó là Trời Phạm Ca-di xuất hiện tối sơ. Hoặc có chúng sanh một tướng một thân, đó là Trời Quang Âm. Hoặc có chúng sanh một thân bao nhiêu tướng, đó là Trời Biến Tịnh. Hoặc có chúng sanh vô lượng Không xứ, đó là Trời Không xứ. Hoặc có chúng sanh vô lượng Thức xứ, đó là Trời Thức xứ. Hoặc có chúng sanh vô lượng Vô sở hữu xứ, đó là Trời Bất dụng xứ. Hoặc có chúng sanh vô lượng Hữu tướng vô tướng xứ, đó là Trời Hữu tướng vô tướng. Này Tỳ-kheo ! Đó là bảy nơi thần thức dừng nghỉ. Ở đây, Tỳ-kheo bình đẳng giải thoát cho đến bình đẳng chấm dứt mé khổ. Luận về bảy pháp, nghĩa bảy pháp, diễn nói bảy pháp, điều Ta nói chính là đây vậy.

Luận về tám pháp, nghĩa tám pháp, diễn nói tám pháp, do có gì mà nói như thế ? Nghĩa là tám việc ở thế gian, theo thế gian xoay chuyển. Thế nào là tám ? Đó là lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc, là tám việc của thế gian, theo thế gian xoay chuyển. Ở đây, Tỳ-kheo bình đẳng giải thoát cho đến bình đẳng chấm dứt mé khổ. Luận về tám pháp, nghĩa tám pháp, diễn nói tám pháp, điều Ta nói chính là đây vậy.

Luận về chín pháp, nghĩa chín pháp, diễn nói chín pháp, do có gì mà nói như thế ? Là chín nơi

cư trú của chúng sanh. Thế nào là chín ? Nếu có chúng sanh có bao nhiêu thân, bao nhiêu tướng, đó là Trời và Người. Hoặc có chúng sanh bao nhiêu thân một tướng, là Trời Phạm Ca-di tối sơ xuất hiện. Hoặc có chúng sanh một tướng một thân, đó là Trời Quang Âm. Hoặc có chúng sanh một thân bao nhiêu tướng, đó là Trời Biến Tịnh. Hoặc có chúng sanh Không xứ vô lượng, đó là Trời Không xứ. Hoặc có chúng sanh Thức xứ vô lượng, đó là Trời Thức xứ. Hoặc có chúng sanh Vô sở hữu xứ vô lượng, đó là Trời Bất dụng xứ. Hoặc có chúng sanh Hữu tướng vô tướng xứ vô lượng, đó là Trời Hữu tướng vô tướng. Chúng sanh cõi vô tướng và các loại chúng sanh là chín nơi thân thức dừng nghỉ. Ở đây, Tỳ-kheo bình đẳng giải thoát cho đến chấm dứt mé khổ. Luận về chín pháp, nghĩa chín pháp, diễn nói chín pháp, điều Ta nói chính là đây vậy.

Luận về mười pháp, nghĩa mười pháp, diễn bày mười pháp. Do có gì mà nói như thế ? Đó là mười niệm. Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm Hưu tức (chỉ quán), niệm An-ban (sổ tức), niệm Thân, niệm Tử. Đó là mười niệm. Ở đây, Tỳ-kheo bình đẳng giải thoát cho đến chấm dứt mé khổ. Đó là luận về mười pháp, nghĩa mười pháp, diễn nói mười pháp, điều Ta nói chính là đây vậy.

Tỳ-kheo ! Như thế là từ một pháp đến mười pháp. Tỳ-kheo nên biết, nếu ngoại đạo dị học nghe lời này còn không thể nhìn mặt, huống là đáp lại. Nếu Tỳ-kheo hiểu nghĩa này thì trong hiện pháp vị ấy là người tôn quý bậc nhất.

Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo suy nghĩ về nghĩa này cho đến mười năm thì chắc chắn vị ấy chứng được quả thứ hai, hoặc A-la-hán, hoặc A-na-hàm. Nay Tỳ-kheo, không cần mười năm, hoặc chỉ trong một năm tư duy nghĩa này thì chắc chắn thành tựu quả thứ hai, trọn không thối thất giữa chừng. Tỳ-kheo không cần một năm, hàng bốn chúng chỉ trong mười tháng cho đến một tháng, suy nghĩ nghĩa này, chắc chắn thành tựu quả thứ hai, cũng không thối chuyển giữa chừng. Không cần một tháng, hàng bốn chúng chỉ trong bảy ngày suy nghĩ nghĩa này, chắc chắn thành tựu quả thứ hai, trọn không nghi ngờ.

Bấy giờ, A-nan đứng sau Phật, cầm quạt hầu Phật, bạch rằng:

— Thưa Thế Tôn, Pháp này rất sâu xa, nếu nơi nào có pháp này, nên biết là gặp được Như Lai. Thưa Thế tôn, Pháp này tên là gì và làm thế nào để phụng hành ?

Phật bảo A-nan:

— Kinh này tên là “Ý nghĩa của Mười Pháp”.
Nên ghi nhớ vâng làm.

Bấy giờ, A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có người tu hành mười tướng, liền dứt sạch hữu lậu, được thân thông, chứng quả dần đến Niết-bàn. Thế nào là mười ? Nghĩa là tướng xương trắng, tướng bầm xanh, tướng sinh trướng, tướng ăn không tiêu, tướng máu, tướng bị ăn nuốt, tướng hữu thường vô thường, tướng tham thực, tướng sự chết, tướng tất cả điều không vui của thế gian. Đó gọi là Tỳ-kheo tu mười tướng này, được dứt sạch hữu lậu, đến cảnh giới Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo ! Trong mười tướng ấy, tướng về tất cả điều không vui của thế gian là bậc nhất hơn hết. Vì sao ? Nếu có người tu về tướng những điều không vui của thế gian và người giữ lòng tin vâng theo Phật pháp thì hai người này chắc chắn vượt thứ lớp mà chứng quả.

Thế nên, các Tỳ-kheo ! Nếu khi ngồi dưới cội cây, nơi chỗ vắng, chỗ trống, nên suy nghĩ về mười tướng này.

Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Tỳ-kheo đó bạch Phật:

— Hôm nay, Như Lai vì các Tỳ-kheo dạy pháp mười tướng. Ai có thể tu tập mười tướng ấy thì sẽ dứt sạch các hữu lậu, thành tựu hạnh vô lậu. Nhưng bạch Thế Tôn ! Như con không thể kham tu hành mười tướng ấy. Vì sao ? Vì con có nhiều tâm dục, thân ý lấy lòng không thể dừng nghỉ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo đó rằng :

— Nay Thầy nên bỏ tướng tịnh mà suy nghĩ về tướng bất tịnh, bỏ tướng hữu thường mà suy nghĩ về tướng vô thường, bỏ tướng hữu ngã mà suy nghĩ về tướng vô ngã, bỏ tướng những điều vui

thích mà suy nghĩ về tướng các điều không vui. Vì sao ? Nếu Tỳ-kheo suy nghĩ về tướng tịnh thì tâm dục lòng lấy, nếu suy nghĩ về tướng bất tịnh thì không còn tâm dục. Tỳ-kheo nên biết ! Dục là bất tịnh như đồng phân kia, dục như con vẹt lẩm điệu, dục hay phản bội như rắn độc, dục như huyền hóa, như mặt trời tan tuyết. Nên suy nghĩ lìa bỏ dục như tránh xa gò mả, dục trở lại tự hại như rắn chứa nọc độc; họa của dục không chán như uống nước muối; dục khó đầy như biển nuốt dòng sông; dục có nhiều sự đáng sợ như làng quỷ La-sát; dục như oan gia thường phải xa lìa; dục như ít vị ngọt dính trên lưỡi dao; dục không thể yêu mến như xương trắng bên đường; dục hiện đáng bề ngoài như hoa mọc từ chuồng heo; dục không chân thật như bình đựng đồ nhơ nhớp, bên ngoài thấy lạ; dục không chắc chắn như đồng bọt.

Tỳ-kheo ! Nay Thầy nên nghĩ xa lìa tướng tham dục mà suy nghĩ về tướng bất tịnh. Tỳ-kheo ! Nay Thầy hãy nhớ rằng, xưa kia Phật Ca-diếp đã vâng theo và thực hành mười tướng, nay nên suy nghĩ thêm về mười tướng ấy thì tâm hữu lậu liền giải thoát.

Bấy giờ, Tỳ-kheo đó buồn khóc rơi lệ không thôi, liền đánh lễ chân Phật, bạch Phật rằng:

— Thừa vâng, bạch Thế Tôn ! Con ngu si mê muội đã lâu, Như Lai đích thân nói mười tướng, con mới có thể xa lìa. Nay tự sám hối sau không dám phạm. Cúi xin Như Lai nhận sự cải hối của con, xin tha thứ cho.

20

Phật bảo Tỳ-kheo:

— Cho phép Thầy sửa đổi lỗi lầm, chớ phạm trở lại. Như Lai đã dạy Thầy mười tướng mà Thầy không chịu phụng trì.

Khi ấy, Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, liền đến chỗ vắng, tự chế phục mình, suy nghĩ rằng vốn là con nhà hào tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, tu Phạm hạnh vô thượng, là muốn đạt kết quả sở nguyện; sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ lại thân sau, biết như thật. Tỳ-kheo đó liền thành A-la-hán.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*Kết cấm, Thánh hiền cư,
Hai lực và mười niệm,
Thân vua, không sợ hãi,
Mười luận, tướng, quán tướng.*

*
* *

XXXXVII. PHẨM THIỆN ÁC

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu chúng sanh thực hành mười pháp liên được sanh lên trời, lại thực hành mười pháp liên sanh trong đường ác, lại tu hành mười pháp liên được vào cảnh giới Niết-bàn.

Thế nào là thực hành mười pháp sanh trong đường ác ? Ở đây, có người sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, nói thêu dệt, nói lời ác, nói hai lưỡi đâm thọc gây rối đôi bên, tật đố, sân hận, tà kiến. Đó là mười pháp, chúng sanh thực hành mười pháp này, sẽọa trong đường ác.

Thế nào là thực hành mười pháp được sanh

lên trời ? Khi người không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không nói thêu dệt, không nói lời ác, không nói hai lưỡi đâm thọc gây rối đời bên, không tật đố, không sân hận, không khởi tà kiến. Đó là mười pháp, chúng sinh thực hành mười pháp này liền được sanh lên trời.

Thế nào là thực hành mười pháp được vào Niết-bàn ? Đó là mười niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng, niệm Thiên, niệm Giới, niệm Thí, niệm Hữu tức, niệm An-ban, niệm Thân, niệm Tử. Đó là mười pháp, chúng sinh thực hành mười pháp liền được vào Niết-bàn.

Các Tỳ-kheo nên biết ! Nên rời bỏ những việc sanh lên trời và rơi trong đường ác, nên khéo vâng giữ tu tập theo mười pháp vào Niết-bàn. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Do gốc mười điều ác, ngoại vật còn suy giảm hưởng gì nội pháp. Thế nào là mười ? Là sát

sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, nói thêu dệt, nói lời ác, nói hai lưỡi dâm thọc gây rối đời bên, tật đố, sân hận, tà kiến.

Do quả báo của sát sanh nên thọ mạng của chúng sanh rất ngắn. Do quả báo trộm cắp nên chúng sanh sanh ra liền bị nghèo đói. Do quả báo của dâm dục nên gia đình chúng sanh không trinh bạch. Do quả báo nói thêu dệt, nên đất đai không bằng phẳng. Do quả báo của nói hai lưỡi dâm thọc nên đất đai sanh gai góc. Do quả báo nói lời ác nên có nhiều ngôn ngữ. Do quả báo tật đố nên lúa thóc không dồi dào. Do quả báo của sân hận nên có nhiều vật uế ác. Do quả báo của tà kiến nên tự nhiên sanh trong tám địa ngục lớn.

Do quả báo của mười điều ác này nên khiến vật bên ngoài bị suy giảm, hưởng chỉ vật bên trong. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên nhớ nghĩ xả bỏ xa lìa mười pháp ác, tu hành mười pháp lành. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Vua Ba-tu-nặc bạch Phật:

— Chẳng biết Thế Tôn có nói lời này không, rằng: “Bố thí cho Ta được phước nhiều, bố thí cho người khác được phước ít. Hãy bố thí đệ tử Ta, đừng bố thí người khác”?. Nếu có người nói những lời như vậy, há chẳng phải đã hủy báng pháp của Như Lai ư ?

Đức Phật bảo nhà vua:

— Ta không nói lời như thế, rằng chỉ nên bố thí cho Ta, đừng bố thí cho người khác. Đại vương nên biết, Ta thường nói thế này: “Nếu trong bát của Tỳ-kheo còn dư thức ăn, đem để vào nước cho các loài trùng nhỏ, cũng còn có phước, huống gì bố thí cho người mà không được phước sao ?”.

Nhưng này Đại vương, Ta có nói thế này: Bố thí cho người trì giới, phước ấy càng tăng nhiều, hơn bố thí cho người phạm giới.

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc bạch Phật:

— Thưa vâng, bạch Thế Tôn ! Bố thí cho người trì giới, phước báu tăng nhiều hơn hẳn bố thí cho người phạm giới.

Nhà vua lại bạch Phật:

— Phạm chí Ni-kiến Tử đến nói với con rằng: “Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật có thể xoay chuyển người đời”. Bạch Thế Tôn, lời này là đúng hay không đúng chăng ?

Phật bảo nhà vua:

— Đúng thế, Đại vương ! Như lời đã nói, Ta có pháp huyền thuật có thể làm thay đổi người thế gian.

Nhà vua bạch Phật:

— Thế nào gọi là pháp huyền thuật xoay chuyển ?

Phật bảo:

— Người sát sanh, tội ấy khó tính lượng, người không sát sanh thọ phước vô lượng. Người trộm cắp chịu tội vô lượng, người không trộm cắp được phước vô lượng. Người dâm dục chịu tội vô lượng, người không dâm dục được phước vô lượng. Người tà kiến chịu tội vô lượng, người chánh kiến được phước vô lượng. Ta giải thích về huyền pháp chính là như thế.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

— Nếu Người, Ma, Thiên ma hoặc loài có hình

sắc, hiểu sâu huyền thuật này, ắt sẽ được hạnh phúc lớn. Từ nay về sau, con không cho phép các ngoại đạo dị học vào trong nước con. Con cho phép hàng bốn chúng thường ở tại cung điện của con, con sẽ thường cúng dường các vị tùy theo chỗ cần dùng.

Đức Phật bảo:

— Đại vương ! Chớ nói như thế. Vì sao ? Bồ thí cho các loài súc sanh cũng được phước báo, bồ thí cho người phạm giới cũng được phước báo, bồ thí cho người trì giới thì phước báo khó lường, bồ thí cho hàng tiên như ngoại đạo được phước một ức lần, bồ thí cho các vị Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật và Phật, phước ấy không thể đo lường.

Thế nên, Đại vương, nên phát khởi ý niệm cúng dường đệ tử Thanh văn của chư Phật thời quá khứ, vị lai. Như thế, Đại vương, hãy học điều này !

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

— Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, phần đông các Tỳ-kheo, sau khi thọ trai xong đều tụ tập tại giảng đường Phổ Hội, cùng

nhau bàn luận về nghĩa này: Bàn luận về chuyện y phục, trang sức, ăn uống; bàn luận về những chuyện chiến tranh, giặc cướp của nước lân bang; bàn luận về rượu chè, dâm dục, ngũ dục; bàn luận về ca vũ, kỹ nhạc. Những chuyện vô ích như thế nhiều không thể tính kể.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng Thiên nhĩ nghe các Tỳ-kheo bàn luận những chuyện ấy, liền đi đến giảng đường Phổ Hội, hỏi các Tỳ-kheo:

— Các Thầy nhóm họp ở đây bàn luận chuyện gì ?

Khi ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật:

— Chúng con nhóm họp ở đây cùng bàn luận những việc vô ích như thế.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Thôi, thôi ! Các Tỳ-kheo, chớ bàn luận việc ấy. Vì sao ? Những điều luận bàn ấy không có ý nghĩa và cũng không dẫn đến pháp lành. Không do những điều luận bàn này mà được tu Phạm hạnh; không đến được chỗ tịch diệt, Niết-bàn; không được đạo Sa-môn bình đẳng. Đó là những điều luận bàn của thế tục, không phải luận của đường chánh. Các Thầy đã lìa thế tục, xuất gia học đạo, không nên suy nghĩ về những luận bại hoại.

Nếu các Thầy muốn bàn luận, nên bàn luận về mười việc công đức. Thế nào là mười ? Là siêng năng tinh tấn; ít muốn biết đủ; có tâm dũng mãnh; đa văn, có thể thuyết pháp cho người; không sợ sệt kinh khủng; đầy đủ giới luật; thành tựu chánh định; thành tựu trí tuệ; thành tựu giải thoát; thành tựu giải thoát tri kiến. Nếu các Thầy muốn bàn luận thì nên bàn luận về mười điều này.

Vì sao ? Vì chúng thãm nhuần tất cả, ích lợi nhiều, được tu Phạm hạnh, được đến chỗ tịch diệt, Niết-bàn. Hôm nay các Thầy là con nhà hào tộc, đã xuất gia học đạo, nên suy nghĩ về mười điều này. Luận này là luận của Chánh pháp, xa lìa đường ác. Như thế, nay các Tỷ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ, các Tỷ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đa số các Tỷ-kheo nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội, đều bàn luận thế này: “Nay ở thành Xá-vệ, lúa bắp quý hiếm và đất đỏ, đi khát thực khó. Đức Thế Tôn lại nói nhờ ăn uống mà thân người được tồn tại; thân tứ đại nương vào

pháp sở niệm của tâm, pháp là gốc của đường lành. Ngày nay, chúng ta nên cứu người thứ lớp khát thực, khiến người ấy được hình sắc đẹp, được nhận sự cực diệu, được y phục, thức ăn uống, sàng tọa, ngọa cụ, thuốc men, cũng há chẳng là điều tốt ư ?”

Bấy giờ, Thế Tôn dùng Thiên nhĩ thanh tịnh xa nghe các Tỳ-kheo bàn luận điều này, Ngài liền đi đến giảng đường Phổ Hội, vào ngôi tòa chính giữa, hỏi các Tỳ-kheo:

— Các Thầy nhóm họp ở đây bàn luận điều gì ?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Chúng con bàn luận về việc rằng nay ở thành Xá-vệ, khát thực khó được, muốn cứu người thứ lớp khát thực, để tùy thời được hình sắc đẹp, y phục tốt, mềm nệm, thức ăn uống, sàng tọa, thuốc men trị bệnh. Điều bàn luận của chúng con chính là điều này.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu Tỳ-kheo đi xin để được cúng dường bốn thứ cần dùng như y phục, thức ăn, sàng tọa, thuốc men trị bệnh, lại dùng những thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp thượng đẳng sao ?

Ta thường dạy các Thầy, khát thực có hai việc, nên gần gũi và không nên gần gũi. Nếu như được y phục, thức ăn uống, sàng tọa, thuốc men trị bệnh mà tăng thêm pháp ác, không có pháp lành, thì không nên gần gũi. Nếu khát cầu được y phục, thức ăn uống, sàng tọa, thuốc men trị bệnh mà tăng trưởng pháp lành, không tăng trưởng pháp ác, thì việc này nên gần gũi.

Tỳ-kheo các Thầy ở trong pháp này muốn bàn luận điều gì, mà điều luận bàn ấy, không phải là luận Chánh pháp, thì nên bỏ pháp ấy, chớ suy nghĩ vì không do điều này đạt đến Niết-bàn, an trú, diệt tận.

Nếu muốn bàn luận, nên bàn luận mười điều này. Thế nào là mười ? Là siêng năng, ít muốn biết đủ, có tâm dũng mãnh, đa văn hay vì người thuyết pháp, không sợ sệt kinh khủng, đầy đủ giới luật, thành tựu chánh định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến. Nếu các Thầy muốn bàn luận, nên bàn luận về mười điều này. Vì có sao ? Vì những điều này thấm nhuần tất cả, lợi ích nhiều, được tu Phạm hạnh, đến cảnh giới Niết-bàn, vô vi, diệt tận.

Luận này là nghĩa của Sa-môn, nên suy nghĩ ghi nhớ, chớ rời tâm. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đa số các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội, bàn luận khác nhau thế này:

— Nay ở thành Xá-vệ khát thực khó được, chẳng phải chỗ an ổn của Tỳ-kheo. Chúng ta nên cử người thứ lớp khát thực, Tỳ-kheo khát thực này sẽ được y phục, mền, nệm, thức ăn uống, sàng tọa, thuốc men trị bệnh không bị thiếu.

Bấy giờ, trong chúng có một Tỳ-kheo nói với mọi người rằng:

— Chúng ta không thể ở tại đây khát thực, nên cùng nhau đi sang nước Ma-kiệt-đà khát thực. Nước ấy lúa thóc nhiều và rẻ, thức ăn uống đầy đủ.

Lại có Tỳ-kheo nói:

— Chúng ta không nên sang nước đó khát thực. Vì sao ? Vua A-xà-thế cai trị nước ấy, làm nhiều việc phi pháp, lại giết hại phụ vương, kết bạn với Đề-bà-đạt-đa. Do nhân duyên này, nên không thể sang đó khát thực.

Lại có Tỳ-kheo nói :

— Nay tại nước Câu-lưu-xa, dân chúng đông đúc, giàu có nhiều tài bảo, nên đến nước đó khát thực.

Lại có Tỳ-kheo nói:

— Chúng ta không nên khát thực ở nước ấy. Vì sao ? Vua Ác Sanh cai trị nước ấy rất hung ác, không nhân từ, dân chúng hung bạo ưa gây gổ, đánh nhau. Do nhân duyên này không nên khát thực tại nước ấy.

Lại có Tỳ-kheo nói:

— Chúng ta nên đến thành Câu-diêm Ba-la-nại, là nơi cai trị của vua Ưu Điền. Nhà vua một lòng tin Phật pháp, không dối ý. Chúng ta nên đến nước đó khát thực, sở nguyện đều đầy đủ.

Bấy giờ, Thế tôn dùng Thiên nhĩ nghe các Tỳ-kheo bàn luận những điều như thế, liền chinh đốn y phục, đến chỗ các Tỳ-kheo, ngồi tòa chính giữa, hỏi các Tỳ-kheo rằng:

— Các Thầy nhóm họp ở đây bàn luận việc gì ? Nói những việc gì ?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

— Chúng con nhóm họp tại đây, bàn luận điều

này: “Nay trong thành Xá-vệ, lúa thóc quý hiếm và đất, khát thực khó được, nên cùng đi sang nước Ma-kiệt-đà khát thực, vì nước ấy giàu có phong phú, việc khát thực dễ dàng”.

Trong đây, lại có Tỳ-kheo nói: “Chúng ta không nên sang nước ấy khát thực. Vì sao ? Vì vua A-xà-thế cai trị nước ấy hành động phi pháp, giết cha, kết bạn với Đê-bà-đạt-đa. Do nhân duyên này, không nên sang đó khát thực”.

Trong đây, lại có Tỳ-kheo nói: “Nay tại nước Câu-lưu-sa, dân chúng đông đúc giàu có nhiều tài bảo, nên sang đó khát thực”. Lại có Tỳ-kheo nói rằng: “Chúng ta không nên khát thực ở nước ấy. Vì sao ? Vì Vua Ác Sanh cai trị nước ấy là người hung bạo không nhân từ, ưa tranh tụng. Do nhân duyên này không thể sang đó khát thực”.

Lại có Tỳ-kheo nói: “Chúng ta nên ở tại thành Câu diêm Ba-la-nại, xứ của vua Ưu Diên cai trị. Vua ấy dốc lòng tin Phật pháp, ý không thay đổi, nên khát thực ở nước đó thì sở nguyện đầy đủ”.

Chúng con bàn luận ở đây, chính là điều này.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy chớ khen chê việc cai trị của vua chúa, cũng chớ luận bàn sự hơn kém của vua chúa.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

*Phàm người làm lành, dữ,
Hành động có căn nguyên,
Mỗi mỗi chịu quả báo,
Trọn không hủy, không mất.
Phàm người làm lành, dữ,
Hành động có căn nguyên,
Làm lành được báo lành,
Ác chịu quả báo ác.*

Cho nên, các Tỳ-kheo ! Chớ khởi ý bàn luận quốc sự, bởi không do bàn luận điều này mà được đến Niết-bàn diệt tận, cũng không phải là pháp chơn chánh của hạnh Sa-môn. Nếu bàn luận việc ấy chẳng phải là chánh nghiệp.

Các Thầy nên học bàn luận về mười việc ? Thế nào là mười ? Là tinh tấn siêng năng, ít muốn biết đủ, có tâm dũng mãnh, đa văn hay vì người thuyết pháp, không sợ sệt không kinh khủng, đầy đủ giới luật, thành tựu chánh định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến. Nếu các Thầy muốn bàn luận nên bàn luận về mười điều này. Vì sao ? Vì chúng thẩm nhuần tất cả, được tu Phạm hạnh, đạt đến Niết-bàn diệt tận. Các Thầy đã xuất gia học đạo, xa lìa thế tục,

nên siêng năng ghi nhớ mười điều này, chớ rời tâm. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đa số các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội, cùng bàn luận điều này:

— Nay vua Ba-tu-nặc hành động phi pháp, phạm giáo luật Thánh, đoán biết Tỳ-kheo-ni đắc quả A-la-hán mà giữ trong cung mười hai năm, rồi cùng tư thông. Nhà vua lại không thừa sự Phật, Pháp, Tỳ-kheo Tăng, không có tâm kính tín đối với A-la-hán, ắt là không có tâm tin Phật, Pháp, Thánh chúng. Chúng ta nên xa lìa, đừng ở lại nước này. Vì sao ? Khi nhà vua hành động phi pháp thì các quan đại thần cũng hành động phi pháp. Đại thần đã hành động phi pháp thì kẻ tay chân tả hữu cũng hành động phi pháp. Kẻ nha lại hành động phi pháp thì thường dân cũng hành động phi pháp. Nay chúng ta nên đi nước khác khát thực, đừng ở lại nước này; lại có thể xem xét cách trị nước, phong tục nước ấy, thấy phong tục rồi sẽ thấy chỗ khác nhau.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng Thiên nhĩ thông nghe các Tỳ-kheo bàn luận điều này, liền đi đến chỗ các Tỳ-kheo, ngồi vào tòa chính giữa. Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

— Các Thầy nhóm họp ở đây bàn luận điều gì ?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

— Chúng con ở đây bàn luận việc vua Ba-tư-nặc hành động phi pháp, phạm giáo luật Thánh, đoán biết Tỳ-kheo ni đắc quả A-la-hán mà giữ trong cung mười hai năm, rồi dùng sắc tiếp đãi. Lại nữa, các bậc đắc đạo hành nghiệp vượt qua ba cõi nhưng nhà vua cũng không thừa sự Phật, Pháp và Chúng Tăng, không có tâm kính tín đối với bậc A-la-hán, đã không có tâm này ắt là không kính tín Tam Bảo. Chúng ta nên đi xa không nên ở đây. Vì sao ? Khi vua hành động phi pháp thì quan đại thần, kẻ tả hữu và nhân dân cũng làm ác. Lại chúng con muốn quan sát phong hóa ở thế gian.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy:

— Các Thầy không nên luận bàn việc quốc gia. Nên tự khắc phục mình, bên trong suy nghĩ tỉnh giác, biết phân biệt lượng xét. Nói bàn những điều này thì không hợp lý đạo, cũng không khiến người được tu Phạm hạnh, đến chỗ diệt tận, Niết-

bàn vô vi. Nên tự tu phần mình, làm cho pháp thanh hành, tự quy bậc tối tôn.

Nếu Tỳ-kheo hay tự mình tu tập làm lớn mạnh niềm pháp lạc, hạng người đó là do chính Ta sanh ra. Thế nào gọi là Tỳ-kheo có thể tự làm lớn mạnh niềm pháp lạc, không hư vọng, tự quy bậc Tối tôn ? Ở đây, Tỳ-kheo bên trong tự quán sát thân mình, thân ý dùng trụ, tự nhiếp phục tâm mình, trừ bỏ loạn tưởng, không lo buồn. Lại bên ngoài Tỳ-kheo tự quán thân, thân ý dùng trụ, tự nhiếp phục tâm mình, trừ bỏ loạn tưởng, không lo buồn. Tỳ-kheo lại quán sát thân trong và ngoài, thân ý dùng trụ. Tỳ-kheo bên trong quán thọ, bên ngoài quán thọ, trong và ngoài quán thọ; bên trong quán tâm, bên ngoài quán tâm, trong và ngoài quán tâm; bên trong quán pháp, bên ngoài quán pháp, trong và ngoài quán pháp; ý dùng trụ, tự nhiếp phục tâm mình, trừ bỏ loạn tưởng, không lo buồn.

Tỳ-kheo như thế gọi là có thể tự làm lớn mạnh hạnh tu của mình, tăng trưởng pháp lạc, tự quy bậc Tối tôn. Các Tỳ-kheo hiện tại và tương lai có thể tự làm lớn mạnh không mất bốn hạnh, chính là do Ta sanh ra.

Thế nên, này các Tỳ-kheo ! Nếu muốn bàn

luận, nên bàn luận về mười việc. Thế nào là mười ? Là tinh tấn siêng năng, ít muốn và biết đủ, có tâm dũng mãnh, đa văn hay vì người thuyết pháp, không sợ sệt khủng bố, đầy đủ giới luật, thành tựu chánh định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến. Các Thầy muốn bàn luận thì nên bàn luận về mười việc này. Vì sao ? Vì mười việc này thấm nhuần tất cả, có nhiều lợi ích, được tu Phạm hạnh, đến Niết-bàn vô vi, chỗ diệt tận. Những điều luận bàn này là nghĩa của Sa-môn. Nên suy nghĩ ghi nhớ, đừng rời tâm. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ trong thành Xá-vệ, có một trưởng giả, dựng thiên thất cho La-vân. Bấy giờ, Tôn giả La-vân thường ngày nghỉ ngơi trong thất ấy, nhưng hôm nay Tôn giả đi du hóa nhơn gian. Khi ấy, trưởng giả khởi nghĩ: “Ta nên đến thăm Tôn giả La-vân”. Trưởng giả đến, thấy trong thất vắng vẻ, không có người, thấy rồi hỏi các Tỳ-kheo:

— Tôn giả La-vân hiện nay ở đâu ?

Các Tỳ-kheo bảo:

— Tôn giả đi du hóa nhơn gian.

Trưởng giả thưa:

— Cúi xin chư Hiền cử người đến ở thất của tôi. Thế Tôn cũng dạy: “Tạo lập vườn cây, bắt cầu, đóng thuyền, cất nhà xí sạch sẽ gần đường để cho mọi người sử dụng thì được phước báo lâu dài, được thành tựu giới pháp, khi chết sanh cõi Trời”. Do đó, tôi có tạo thất cho Tôn giả La-vân. Nay Tôn giả không thích thất của tôi, cúi xin chư Hiền cử người đến ở đó.

Các Tỳ-kheo trả lời:

— Chúng tôi sẽ làm như lời Trưởng giả thỉnh cầu.

Bây giờ, các Tỳ-kheo liền cử một Tỳ-kheo đến ở trong thất.

Khi ấy, Tôn giả La-vân khởi nghĩ: “Ta xa cách Thế Tôn khá lâu, hiện nay có thể đến thăm hỏi Ngài”. Tôn giả La-vân bèn đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Trong giây lát, Tôn giả rời tòa đứng dậy trở về thất và thấy có Tỳ-kheo khác ở. Thấy thế, Tôn giả hỏi Tỳ-kheo ấy:

— Ai đưa thất tôi cho Thầy ?

Tỳ-kheo ấy đáp:

— Chúng Tăng sai tôi, bảo ở thất này.

Khi ấy, Tôn giả La-vân trở lại chỗ đức Thế Tôn, đem câu chuyện thưa với Phật:

— Chẳng biết Thế Tôn có dạy chúng Tăng cư người ở tại thất của con, nghỉ ngơi trong ấy chăng ?

Đức Phật bảo La-vân:

— Thầy đến nhà trưởng giả mà hỏi trưởng giả rằng: “Hành động của tôi, có lỗi về thân, miệng, ý chăng ? Và tôi có ba điều lỗi của thân, bốn điều lỗi của miệng, và ba điều lỗi của ý chăng ? Trưởng giả trước đã cúng thất cho tôi, sau lại đem cho Thánh chúng ?”

Khi ấy, Tôn giả La-vân vâng lời Phật dạy, đến nhà trưởng giả, hỏi rằng:

— Tôi có ba điều lỗi của thân, bốn điều lỗi của miệng và ba điều lỗi của ý chăng ?

Trưởng giả đáp:

— Tôi không thấy Tôn giả về thân, miệng, ý có lỗi.

La-vân bảo trưởng giả:

— Vì sao Ông lấy lại phòng nhà của tôi đem cho chúng Tăng ?

Trưởng giả đáp:

— Tôi thấy nhà trống nên đem cúng chúng Tăng. Lúc đó tôi lại khởi nghĩ: “Tôn giả La-vân chắc không thích ở trong thất của ta”, nên tôi đem cúng.

Tôn giả La-vân nghe trưởng giả nói xong, liền trở lại chỗ đức Thế Tôn, thuật lại đầy đủ câu chuyện. Khi ấy, Thế Tôn liền bảo Tôn giả A-nan mau đánh kiền chùy, các Tỳ-kheo có mặt tại tịnh xá Kỳ Hoàn hãy đều đến nhóm tại giảng đường Phổ Hội. A-nan vâng lời Phật dạy, triệu tập các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ Hội.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hôm nay Ta sẽ nói về sự bố thí thanh tịnh, các Thầy nên khéo suy nghĩ, ghi nhớ.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn dạy:

— Thế nào gọi là bố thí thanh tịnh. Ở đây, Tỳ-kheo ! Nếu có người đem vật bố thí, sau lại lấy lui và đem cho người khác. Đây gọi là bố thí không chơn chánh, bố thí không bình đẳng. Nếu có người chiếm

đoạt vật của người, đem bố thí cho Thánh chúng, hoặc có người chiếm đoạt vật của Thánh chúng, đem bố thí cho người. Đây chẳng phải là bố thí bình đẳng, cũng không phải là bố thí thanh tịnh.

Chuyển luân Thánh vương ở nơi cảnh giới của mình còn được tự tại, Tỳ-kheo đối với y bát của chính mình cũng được tự tại. Nếu lại có người chưa được chính miệng người hứa cho mà lấy vật của người đem cho người khác thì đây chẳng phải là bố thí bình đẳng.

Nay Ta bảo các Tỳ-kheo, nếu thí chủ cho mà người nhận chưa thấy đưa thì đây chẳng phải là bố thí bình đẳng.

Nếu Tỳ-kheo ấy mệnh chung thì nên đưa phòng xá của người ấy ra giữa chúng để làm pháp yết ma. Một người xướng rằng: “Tỳ-kheo pháp danh mệnh chung, nay đem phòng xá này để chúng Tăng phân chia”. Muốn cử người nào ở phòng ấy, tùy theo lời chúng dạy: “Chư Hiền ! Nay sai Tỳ-kheo pháp danh ở phòng ấy, mọi người cùng chấp nhận. Ai không đồng ý thì nói ra”. Nên nói như thế ba lần. Nếu trong chúng có một người không đồng ý mà đem cho thì không phải là bố thí bình đẳng, ắt là vật không thanh tịnh. Nay nên

dem phòng trả lại cho Tỳ-kheo La-vân thanh tịnh thọ nhận.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy,

Một thời Phật ở tại thành La-duyet, vườn trúc Ca-lan-đa cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Quân-đầu ở tại chỗ vắng, khởi lên ý nghĩ như vậy: “Làm sao biết được các kiến chấp về trước, về sau, và khoảng giữa ?”

Lúc ấy, Đại Quân-đầu đến thời đắp y mang bát, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Tôn giả bạch Phật:

— Nay có các kiến chấp này thích hợp trước và sau, làm sao diệt được chúng và khiến cho những kiến chấp khác không khởi lên ?

Thế Tôn bảo:

— Nay Quân-đầu ! Chỗ phát sanh và chỗ tiêu diệt những kiến chấp ấy đều là vô thường, khổ, không. Quân-đầu ! Biết như thế rồi nên khởi nghĩ thế này: Có sáu mươi hai kiến chấp, nên an trụ trong mười điều lành để trừ bỏ các kiến chấp ấy.

Thế nào là mười ? Nay Quân-dầu ! Người kia ưa sát sanh, ta không sát sanh. Người kia ưa trộm cắp, ta không trộm cắp. Người kia phạm vào hạnh thanh tịnh, ta hành hạnh thanh tịnh. Người kia nói dối, ta không nói dối. Người kia nói thêu dệt, ta không nói thêu dệt. Người kia nói lời ác, ta không nói lời ác. Người kia nói hai lưỡi đâm thọc gây rối hai bên, ta không nói hai lưỡi đâm thọc gây rối hai bên. Người kia tật đố, ta không tật đố. Người kia sân nhuế, ta không sân nhuế. Người kia tà kiến, ta hành chánh kiến.

Quân-dầu nên biết, như từ đường ác được gặp đường chánh, như từ tà kiến được đến chánh kiến, bỏ tà về chánh. Như có người tự mình chìm đắm mà muốn cứu người, trọn không có lý. Mình chưa diệt độ mà muốn khiến người khác diệt độ, việc ấy không được. Như có người tự mình không chìm đắm mới có thể cứu người, lý ấy có thể được. Nay cũng lại như thế, tự mình được Niết-bàn, khiến cho người khác diệt độ, lý ấy có thể được.

Cho nên, nay Quân-dầu ! Nên nghĩ nhớ là sát sanh, không sát sanh được diệt độ; là trộm cắp, không trộm cắp được diệt độ; là dâm dục, không dâm dục được diệt độ; là nói dối, không nói dối được diệt độ; là thêu dệt, không thêu dệt được diệt

độ; nói lời ác, không nói lời ác được diệt độ; là nói hai lưỡi đâm thọc gây đấu tranh đôi bên, không nói hai lưỡi đâm thọc gây đấu tranh đôi bên được diệt độ; là tật đố, không tật đố được diệt độ; là sân nhuế, không sân nhuế được diệt độ; là tà kiến, được chánh kiến diệt độ.

Quân-dầu nên biết ! người thường sanh khởi ý niệm này: “Là hữu ngã chăng ? Là vô ngã chăng ? Là hữu ngã vô ngã chăng ? Cõi đời là thường ư ? Cõi đời là vô thường ư ? Cõi đời có giới hạn ư ? Cõi đời không giới hạn ư ? Mạng là thân ư ? Mạng khác, thân khác ư ? Như Lai có chết ư ? Như Lai không chết ư ? Là có chết ư ? Là không chết ư ? Ai tạo thế gian này ?”, lại sanh các tà kiến như: “Phạm thiên tạo thế giới này ? Hay là địa chủ dựng lập thế giới này ? Phạm thiên tạo chúng sanh này ? Hay là địa chủ tạo thế gian này ? Chúng sanh vốn không nay có, đã có rồi lại diệt mất ?”

Hạng người phạm phu không nghe không thấy, bèn sanh khởi ý niệm này.

Bấy giờ, Thế Tôn mới nói kệ:

*Tự nhiên có Phạm thiên,
Đấy là lời Phạm chí,
Kiến chấp không chơn chánh,*

Như chỗ thấy của họ.
Chúa ta sanh hoa sen,
Phạm thiên hiện trong ấy,
Địa chủ sanh Phạm thiên,
Tự sanh, không liên hệ.
Địa chủ dòng Sát-lợi,
Cha mẹ của Phạm chí,
Thế nào dòng Sát-lợi,
Phạm Chí cùng sanh nhau.
Tìm ra chỗ sanh ấy,
Lời nói của chư Thiên,
Đây là lời khen ngợi,
Trở lại tự ràng buộc.
Phạm thiên sanh nhân dân,
Địa chủ tạo thế gian,
Hoặc nói nơi khác tạo,
Lời này ai xem xét ?
Bị sân, dục, mê hoặc,
Ba việc chung nhóm họp,
Tâm không được tự tại,
Tự xưng ta tối thắng.
Thiên thần tạo thế gian,
Và chẳng Phạm thiên sanh,
Giả sử Phạm thiên tạo,
Đây chẳng hư vọng ư ?

*Tìm dấu vết rất nhiều,
Xét kỹ lời nói vọng,
Hành tung mỗi mỗi khác,
Hành động ấy không thật.*

Quân-dầu nên biết ! Các loài chúng sanh có sự thấy không đồng nhau, ý nghĩ mỗi mỗi khác nhau. Những kiến chấp này đều là vô thường, chấp lấy những kiến chấp này cũng là pháp vô thường biến dị.

Nếu người khác sát sanh, ta nên lìa sát sanh. Nếu người khác trộm cắp, ta nên lìa trộm cắp, không tập theo hạnh ấy, giữ gìn tâm ý chuyên nhất không để lâm loạn. Suy nghĩ xét nét chỗ dấy khởi của tà kiến, cho đến mười điều ác thấy nên trừ bỏ không tập theo hạnh ấy. Nếu người sân nhuế, ta học pháp nhẫn nhục. Người ôm lòng tật đố ta nên xả ly. Người kiêu mạn, ta cũng nhớ xả ly. Nếu người tự khen mình chê người, ta cũng không tự khen mình chê người. Người không biết thiếu dục, ta nên học thiếu dục. Người phạm giới, ta cần giữ giới. Người làm biếng, ta nên siêng năng. Người không tu chánh định, ta tu chánh định, nên học như thế. Người ngu si ta thực hành trí tuệ. Ai có thể quán sát phân biệt pháp như thế thì tà kiến tiêu diệt, các kiến chấp khác không sanh.

Khi ấy, Tôn giả Quân-đầu nghe Phật dạy xong, ở chỗ vắng suy nghĩ quán xét điều khiến cho con nhà hào tộc xuất gia học đạo, mặc ba pháp y, tu Phạm hạnh vô thượng, sanh tử đã hết, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ thân sau, biết một cách như thật. Khi ấy, Tôn giả Quân-đầu liền chứng quả A-la-hán.

Bấy giờ, Quân-đầu nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Chúng sanh trong địa ngục thọ quả báo tội cùng một kiếp, hoặc có khi giữa chừng mạng chung; chịu quả báo súc sanh tội cùng một kiếp, trong khoảng ấy có khi nửa chừng mạng chung; chịu quả báo ngạ quỷ tội cùng một kiếp, trong khoảng đó có khi yếu mạng nửa chừng.

Tỳ-kheo nên biết ! Người ở châu Uất-đơn-việt tuổi thọ một ngàn năm, không chết yếu nửa chừng. Vì sao ? Người cõi đó không bị ràng buộc, giả sử mệnh chung ở cõi này liền sanh cõi lành, lên trời, không bị đọa lạc. Người ở châu Phất-vu-đê tuổi thọ

năm trăm năm, cũng có chết nửa chừng. Người ở châu Cù-da-ni thọ hai trăm năm chục năm, cũng có chết nửa chừng. Người ở châu Diêm-phù-đề tuổi thọ tốt cùng một trăm năm, cũng có nhiều người chết nửa chừng. Giả sử người thọ mạng tốt cùng đến một trăm năm thì mỗi thập niên là biểu hiện cho một thời kỳ, hành động và tánh tình trong mỗi thời kỳ ấy khác nhau. Trong mười năm đầu, còn thơ ấu không hiểu biết. Trong mười năm thứ hai, có ít nhiều tri thức nhưng chưa thông suốt. Trong mười năm thứ ba, lòng ái dục mạnh mẽ, tham đắm sắc. Trong mười năm thứ tư, nhiều kỹ thuật, việc làm không đúng. Trong mười năm thứ năm, hiểu nghĩa rõ ràng, việc học không quên. Trong mười năm thứ sáu, tham tiếc tài sản, ý không quyết định. Trong mười năm thứ bảy, lười biếng ưa ngủ, thể tánh chậm chạp. Trong mười năm thứ tám không còn tâm ý mạnh mẽ, cũng không trang điểm sửa soạn. Trong mười năm thứ chín nhiều bệnh mệt mỏi, mặt nhăn. Trong mười năm thứ mười, các căn mờ kém, gân cốt lỏng lẻo, quên nhiều, lẫn lộn.

Tỳ-kheo nên biết ! Giả sử người sống đến trăm tuổi, sẽ trải qua những hoạn nạn như vậy. Giả sử người thọ mạng trăm năm, sẽ trải qua ba trăm mùa đông, hạ, thu, so với thọ mạng kia không đủ

nói. Nếu người thọ trăm tuổi, sẽ ăn ba vạn sáu ngàn bữa ăn, trong khoảng đó hoặc có khi không ăn, như giận không ăn, không được cho không ăn, bệnh không ăn. Tính kể lúc ăn và không ăn và khi bú sữa mẹ, nói tóm lại thì có ba vạn sáu ngàn lần ăn. Nay Tỳ-kheo ! Nếu người sống trăm tuổi thì trạng thái ăn uống của người ấy theo giới hạn của số năm là như thế.

Tỳ-kheo nên biết ! Nhân dân ở cõi Diêm-phù-đề, hoặc có khi thọ mạng rất dài, đồng như thọ mạng vô lượng. Về đời quá khứ lâu xa, không thể tính kể, có nhà vua tên Liễu Chúng Bệnh, thọ mạng rất dài, dung mạo đoan chánh, được vui vô lượng. Thời đó không có những tai họa về bệnh, già, chết. Bấy giờ có hai vợ chồng sanh một đứa con, đứa bé chết, lúc đó cha mẹ nó bỗng dậy khiến ngồi và đưa thức ăn cho, nhưng đứa bé không ăn không uống cũng không ngồi lên. Vì sao thế ? Vì nó đã chết. Khi ấy cha mẹ nó liền nghĩ: “Hôm nay con ta vì sao giận hờn không chịu ăn uống, cũng chẳng nói năng ?”. Vì sao ? Vì nhân dân lúc ấy không hề nghe đến tiếng chết nên như vậy.

Bấy giờ, cha mẹ đứa bé bèn nghĩ: “Con ta đã qua bảy ngày không ăn uống, cũng không biết lý do gì mà không nói năng. Nay chúng ta có thể đem

việc này tâu lên nhà vua Liễu Chúng Bệnh mới biết được". Họ bèn đến chỗ nhà vua, đem hết mọi chuyện tâu cho vua biết. Nhà vua nghĩ: "Ngày nay đã nghe đến tiếng chết". Vua bảo họ:

— "Các Người có thể đem đứa bé đến chỗ ta".

Bấy giờ, họ bồng đứa bé đến chỗ nhà vua, vua thấy rồi nói với họ:

— "Đứa bé này đã chết".

Cha mẹ nó tâu nhà vua:

— "Thế nào gọi là chết?"

Vua bảo:

— "Đứa bé này không đi đứng, nói năng, đối đáp, ăn uống, vui chơi. Thân thể cứng đờ không cử động, gọi là chết".

Hai vợ chồng nọ tâu vua:

— "Tình trạng này trải qua bao lâu?"

Vua bảo:

— "Không bao lâu, thân thể nó sẽ thối rữa, sinh trương, mùi hôi cùng khắp không chịu nổi".

Cha mẹ đứa bé không tin lời nhà vua, lại bồng thây đứa bé về nhà, không bao lâu thân thể nó thối rữa, rất hôi hám. Lúc đó, họ mới tin lời nhà vua đã

nói rằng “Đứa bé này không lâu, thân thể sẽ thối rữa, sinh trương tan rã hết”. Họ lại ôm thi thể sinh trương của đứa bé đến chỗ nhà vua và tâu rằng:

— “Tâu Đại vương, quả thật như vậy, nay đem đứa bé này cống hiến cho Đại vương”.

12 Họ không khóc than. Vì sao ? Vì không nghe tiếng “chết” bao giờ.

Bấy giờ, nhà vua lột da đứa bé để làm trống lớn, rồi sai xây lầu bảy tầng, đem trống ấy đặt trên lầu, và ra lệnh cho một người:

— “Người nên biết, ta sai người giữ gìn trống này, một trăm năm đánh một lần, đừng để sai thời.”

Người ấy vâng lời vua dạy, trăm năm đánh trống một lần. Khi nhân dân trong nước nghe tiếng trống này, lấy làm lạ chưa từng có, bảo nhau:

— “Âm thanh gì thế ? Đó là tiếng gì ? Phải tìm ra manh mối”.

Nhà vua bảo:

— “Đây là tiếng của da người chết”.

Mọi người nghe rồi, đều suy nghĩ: “Thật là quá, mới nghe âm thanh như thế này”.

Này Tỳ-kheo ! Nhà vua thuở ấy đâu phải người nào lạ. Chớ nghĩ thế ấy. Vì sao ? Nhà vua

thuở đó chính là thân Ta vậy. Do đây mà biết, ngày xưa thọ mạng của cõi Diêm-phù-đề rất dài, còn ngày nay thọ mạng của người Diêm-phù-đề rất ngắn. Sự giảm sút khó giới hạn. Vì sao ? Vì họ sát hại quá nhiều, cho đến mạng sống ngắn ngủi tợ hoa rụng. Do nhân duyên này nên xảy ra các sự biến đổi quái lạ.

Tỳ-kheo nên biết ! Năm mươi năm ở cõi Diêm-phù-đề bằng một ngày một đêm ở cõi trời Tứ thiên vương. Tính số ngày đêm ấy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Thọ mạng của cõi trời Tứ thiên vương là năm trăm năm, hoặc có khi chết nửa chừng, tính theo tuổi thọ của loài Người là mười tám ức năm.

Ở địa ngục Hoàn Hoạt một ngày một đêm, tính theo số ngày đêm ấy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Tuổi thọ cao nhất của địa ngục Hoàn Hoạt là một ngàn năm, cũng có khi chết nửa chừng, tính theo tuổi thọ loài Người là ba mươi sáu ức năm.

Một trăm năm ở cõi Người bằng một ngày một đêm ở cõi trời Ba mươi ba. Tính theo số ngày, tháng, năm của cõi ấy, Trời Ba mươi ba thọ một ngàn tuổi, trong khoảng đó có khi chết nửa chừng, tính theo cõi Người là thọ ba mươi sáu ức năm.

Một ngày một đêm ở địa ngục A-tỳ tính theo số ngày tháng cỏi ấy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, tính theo số ngày đêm ấy, tuổi thọ nơi đó là hai mươi vạn năm, còn tính theo tuổi thọ nhân gian là một trăm vạn năm.

Như thế, Tỳ-kheo ! Tính tuổi thọ như thế chuyển tăng gấp bội, trừ cỏi trời Vô tướng, cỏi trời Vô tướng thọ tám vạn bốn ngàn kiếp, trừ cỏi trời Tịnh Cư không trở lại cỏi đời này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, chớ buông lung, ngay đời này được dứt sạch hữu lậu. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

* *

XXXXVIII. PHẨM THẬP BẤT THIỆN

1. Tôi nghe như vậy,

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có chúng sanh làm việc sát sanh, sát sanh cùng khắp, gieo trồng tội báo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì nếu sanh trong loài Người chúng sanh ấy thọ mạng sẽ rất ngắn. Vì sao ? Vì đã hại mạng người khác.

Nếu có chúng sanh trộm cắp tài vật của người khác, gieo trồng tội báo trong ba đường ác thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người thường, sẽ bị nghèo khổ, thiếu thốn, ăn không no, áo không kín thân, đều do tội trộm cắp. Cưỡng đoạt tài vật tức là làm đoạn dứt mạng sống người khác.

Nếu có chúng sanh thích dâm dục, gieo trồng tội báo trong ba đường ác, thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người, sẽ gặp gia đình không trinh lương, lén lút làm việc dâm dục.

Nếu có chúng sanh nói dối, gieo trồng tội báo địa ngục, thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người, sẽ bị người khinh chê, nói ra không ai tin, bị người coi rẻ. Vì sao ? Đều do đời trước nói dối mà ra.

Nếu có chúng sanh nói hai lưỡi, gieo trồng tội báo trong ba đường ác thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người, tâm thường không định, thường lo buồn. Vì sao ? Vì người ấy đã tung ra lời hư dối với đôi bên.

Nếu có chúng sanh nói lời thô ác, gieo trồng tội báo trong ba đường ác thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người, sẽ có dáng vẻ xấu xí, thường ưa chửi mắng. Vì sao ? Vì người ấy nói lời không chuyên chánh nên bị như thế.

Nếu có chúng sanh gây đấu loạn đôi bên, gieo trồng tội báo trong ba đường ác thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người, sẽ có nhiều oán thù, người thân bị ly tán. Vì sao ? Đều do đời trước gây đấu loạn mà ra.

Nếu có chúng sanh tật đố, gieo trồng tội báo trong ba đường ác thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người, sẽ bị thiếu y phục. Vì sao ? Vì người ấy ưa tật đố.

Nếu có chúng sanh khởi lòng hại người, gieo trồng tội báo ba đường ác thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người, thường sẽ gặp nhiều hư vọng, không hiểu lý chơn thật, tâm rối loạn không định. Vì sao ? Đều do đời trước sân giận, không có lòng nhân.

Nếu có chúng sanh hành tà kiến, gieo trồng tội báo ba đường ác thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người sẽ phải ở chỗ man rợ, không sanh chốn thù đô, không gặp được Tam bảo, không nghe nghĩa lý đạo pháp; hoặc là bị câm, điếc, mù, ngọng, thân hình không đoan chánh, không biết rõ nẻo thú hướng của pháp lành, pháp dữ. Vì sao ? Do đời trước không có lòng tin, cũng không tin Sa-môn, Bà-la-môn, cha mẹ, anh em.

Các Tỳ-kheo nên biết ! Do quả báo của mười điều ác này, nên gặp những điều ương lụy như thế. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên lìa mười điều ác, tu hành chánh kiến. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn vào ngày rằm thuyết giới, cùng các Tỳ-kheo vây quanh trước sau, đến giảng đường Phổ Hội. Bấy giờ, Thế Tôn lặng yên quan sát trong thánh chúng, rồi im lặng không nói.

Khi ấy A-nan bạch Phật:

— Hôm nay, đại chúng thầy đều vân tập tại giảng đường, cúi xin Thế Tôn nên thuyết giới cấm cho chúng Tỳ-kheo.

Thế Tôn lại im lặng không nói. Khi ấy, A-nan phút chốc lại bạch Phật:

— Nay chính đúng thời, nên thuyết giới cấm, đầu đêm gần hết.

Thế Tôn cũng im lặng không nói. Giây lát sau, A-nan lại bạch Phật:

— Giữa đêm gần hết, chúng Tăng mệt mỏi. Cúi xin Thế Tôn đúng thời thuyết giới.

Thế Tôn cũng im lặng không nói. Giây lát sau, A-nan, lại bạch Phật:

— Cuối đêm gần hết, cúi xin Thế Tôn đứng thời thuyết giới.

Phật bảo A-nan:

— Trong chúng có người không thanh tịnh, nên Ta không thuyết giới. Nay cho phép Thượng tọa thuyết giới cấm, nếu Thượng tọa không kham thuyết giới, cho phép người trì luật thuyết giới cấm, nếu không có người trì luật, thì ai có thể tụng giới thông suốt, gọi đến khiến thuyết giới. Từ nay về sau, Như Lai không thuyết giới, vì trong chúng có người không thanh tịnh, nếu Như Lai thuyết giới trong đây, đâu người ấy bị vỡ làm bảy phần, như trái thù la không khác.

Khi ấy, A-nan buồn khóc, nói lên rằng:

— Hôm nay Thánh chúng côi cút. Chánh pháp Như Lai xa lìa mau chóng thế sao ! Người không thanh tịnh mau ra khỏi nơi đây !

Khi ấy, Đại Mục-kiền-liên bèn khởi nghĩ: “Trong chúng này, có những người nào hủy pháp khiến Như Lai không thuyết giới cho trong chúng ?”. Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên nhập định, quán khắp lỗi lầm trong tâm chúng. Tôn giả thấy hai Tỳ-kheo Mã Sư và Mãn Túc ở trong chúng, Tôn giả bèn rời chỗ ngồi đến chỗ hai Tỳ-kheo ấy, rồi nói:

— Các Thầy mau rời khỏi chỗ này. Đức Như Lai cơ hiềm các Thầy nên không thuyết giới cấm.

Bấy giờ, hai Tỳ-kheo im lặng không trả lời. Tôn giả Mục-kiền-liên nói ba lần:

— Các Thầy mau rời khỏi, không nên ở tại đây.

Hai Tỳ-kheo ấy im lặng không đáp. Lúc đó Mục-kiền-liên bèn nắm tay hai Thầy ấy lôi ra khỏi cửa, đóng cửa lại rồi mới đến bạch Phật:

— Tỳ-kheo không thanh tịnh đã đưa ra ngoài, cúi xin Thế Tôn đúng thời thuyết giới.

Phật bảo Mục-kiền-liên:

— Thôi, thôi ! Này Mục-kiền-liên ! Như Lai không nói giới cho các Tỳ-kheo nữa. Như Lai không nói hai lời. Tôn giả nên trở về chỗ ngồi.

Tôn giả Mục-kiền-liên lại bạch Phật:

— Nay trong chúng này đã sanh lỗi lầm, con không kham làm phép Duy-na, cúi xin Thế Tôn sai người khác.

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng chấp nhận. Tôn giả Mục-kiền-liên cúi đầu lễ chân Phật, trở về chỗ ngồi của mình.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

— Khi đức Phật Tỳ-bà-thi xuất hiện ở đời, Thánh chúng nhiều ít ? Trải qua bao lâu mới sanh lỗi lầm ? Cho đến thời Phật Ca-diếp, đệ tử nhiều ít ? Vì sao thuyết giới.

Phật dạy A-nan:

— Chín mươi một kiếp đã qua, có đức Phật ra đời, hiệu là Tỳ-bà-thi Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian. Bảy giờ Thánh chúng có ba hội. Hội thứ nhất có một trăm mười sáu vạn tám ngàn Thánh chúng, hội thứ hai có mười sáu vạn Thánh chúng, hội thứ ba có mười vạn Thánh chúng, đều là bậc A-la-hán. Đức Phật Tỳ-bà-thi thọ tám vạn bốn ngàn tuổi. Trong một trăm năm đầu Thánh chúng thanh tịnh, đức Phật Tỳ-bà-thi thường dùng một bài kệ làm giới cấm:

Nhấn nhục là bậc nhất,

Phật nói vô vi hơn,

Không do cạo râu tóc,

Làm Sa-môn, hại người.

Bảy giờ, đức Phật Tỳ-bà-thi dùng một bài kệ này, trong một trăm năm làm cấm giới. Về sau, trong chúng sanh lỗi lầm, đức Phật bèn lập ra giới cấm.

Lại, trong ba mươi một kiếp qua, có đức Phật

hiệu là Thi-khí Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Thời bấy giờ, có ba hội Thánh chúng. Hội thứ nhất có mười sáu vạn chúng, hội thứ hai có mười bốn vạn chúng, hội thứ ba có mười vạn Thánh chúng. Thời đức Phật Thi-khí, trong tám mươi năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, đức Phật cũng nói một bài kệ:

*Nếu mắt thấy tà vạy,
Người trí giữ không đắm,
Xả bỏ các điều ác,
Là trí tuệ ở đời.*

Bấy giờ, đức Phật Thi-khí trong tám mươi năm chỉ có một bài kệ này. Về sau, trong chúng có lỗi lầm, Phật bèn lập cấm giới. Đức Phật Thi-khí thọ bảy vạn tuổi.

Trong kiếp ấy cũng có Phật xuất hiện ở thế gian, hiệu là Tỳ-xá-la-bà, cũng có ba hội Thánh chúng. Hội thứ nhất có mười vạn Thánh chúng, đều là bậc A-la-hán, hội thứ hai có tám vạn A-la-hán, hội thứ ba có bảy vạn A-la-hán, các lậu đã hết. Thời Phật Tỳ-xá-la-bà, trong bảy mươi năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, đức Phật dùng một bài kệ rưới làm giới cấm:

*Không hại cũng không quấy,
Vâng giữ theo đại giới,*

*Ăn uống biết vừa đủ,
Giường, tòa cũng như vậy.
Chuyên tâm và chí thành,
Là lời chư Phật dạy.*

Trong bảy mươi năm, đức Phật ấy dùng kệ này làm giới cấm; về sau trong chúng có lỗi, mới lập giới cấm. Đức Phật Tỳ-xá-la-bà thọ bảy vạn tuổi.

Trong Hiền kiếp ấy, có Phật xuất hiện hiệu là Câu-lưu-tôn xuất hiện ở thế gian. Thời ấy có hai hội Thánh chúng. Hội thứ nhất có bảy vạn Thánh chúng đều là A-la-hán, hội thứ hai có sáu vạn A-la-hán. Thời đức Phật Câu-lưu-tôn, sáu mươi năm đầu, trong chúng thanh tịnh không có lỗi. Bấy giờ, đức Phật kia dùng hai bài kệ làm giới cấm:

*Ví như ong hút hoa,
Sắc hoa rất sạch, thơm,
Lấy vị ngọt cho người,
Đạo sĩ vào làng xóm.
Không chê bai việc người,
Cũng không nhìn, phải quý,
Chỉ tự quán thân, hạnh,
Xem kỹ chánh, không chánh.*

Đức Phật Câu-lưu-tôn trong sáu mươi năm đầu

nói hai bài kệ này để làm giới cấm. Từ đây về sau có người phạm giới, mới lập giới cấm. Đức Phật Câu-lưu-tôn thọ sáu vạn tuổi.

Trong Hiền kiếp ấy, có đức Phật xuất hiện, hiệu là Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác. Thời ấy có hai hội Thánh chúng. Hội thứ nhất có sáu mươi vạn Thánh chúng, đều là bậc A-la-hán, hội thứ hai có bốn mươi vạn Thánh chúng, đều là A-la-hán. Thời đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, trong bốn mươi năm đầu trong chúng không tỳ vết, đức Phật chỉ dùng một bài kệ làm giới cấm:

*Giữ chí chớ khinh lờn,
Nên học đạo vắng lặng,
Bậc Hiền không lo buồn,
Nên giữ tâm tịch diệt.*

Trong bốn mươi năm đầu, đức Phật ấy nói một bài kệ này làm cấm giới, về sau trong chúng có người tỳ vết, mới lập giới cấm. Đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni thọ bốn vạn tuổi.

Thời Hiền kiếp ấy, có Phật hiệu Ca-diếp xuất hiện. Đức Phật cũng có hai hội Thánh chúng. Hội thứ nhất có bốn mươi vạn chúng, hội thứ hai có ba mươi vạn chúng, đều là bậc A-la-hán. Trong hai

mười năm đầu, trong chúng không có người phạm giới, đức Phật thường dùng một bài kệ làm giới cấm:

*Chớ làm tất cả ác,
Nên vâng làm điều lành,
Giữ tâm ý thanh tịnh,
Là lời chư Phật dạy.*

Trong hai mươi năm đầu, đức Phật ấy nói một bài kệ này để làm giới cấm, về sau có người phạm giới mới lập giới cấm. Phật Ca-diếp thọ hai vạn tuổi.

Nay Ta, Như Lai xuất hiện ở đời, có một hội Thánh chúng là một ngàn hai trăm năm mươi người. Trong mười hai năm đầu không có người phạm giới, Ta dùng một bài kệ làm giới cấm:

*Giữ miệng, ý thanh tịnh,
Thân hành cũng thanh tịnh,
Thanh tịnh ba hạnh này,
Tu hành đạo tiên nhơn.*

Trong mười hai năm đầu, Ta nói một bài kệ này làm giới cấm, sau có người phạm luật, dần dần có hai trăm năm mươi giới. Từ nay về sau chúng Tăng nhóm họp, nên phải bạch đúng theo luật: “Chư Hiền cùng nghe, nay là ngày mười lăm thuyết

giới, nay tăng bằng lòng cho chúng Tăng hòa hợp thuyết giới”.

Thưa như thế xong, nếu có Tỳ-kheo nói gì thì không nên thuyết giới; nếu tất cả cùng im lặng, không ai nói gì thì mới thuyết giới. Cho đến sau khi nói bài tựa giới kinh rồi, nên hỏi rằng: “Thưa chư Hiền, ai không thanh tịnh ?”

Hỏi như thế ba lần: “Ai không thanh tịnh”. Người thanh tịnh thì im lặng giữ gìn.

Bởi vì tuổi thọ của người ngày nay rất ngắn, tuổi thọ cao nhất không quá trăm năm. Thế nên, A-nan ! Nên khéo thọ trì điều Ta dạy.

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

— Các đức Phật ở thời quá khứ lâu xa, tuổi thọ dài lâu, ít người phạm giới, không có tỳ vết. Còn ngày nay, người thọ mạng đã ngắn ít, không quá trăm năm. Sau khi các Phật đời quá khứ diệt độ, pháp tồn tại ở đời bao lâu ?

Phật bảo A-nan:

— Sau khi các đức Phật quá khứ diệt độ, pháp không trụ lâu ở đời.

A-nan bạch Phật:

— Nếu như sau khi Như Lai diệt độ, Chánh pháp trụ đời bao lâu ?

Phật bảo A-nan:

— Sau khi Ta diệt độ, Chánh pháp sẽ trụ đời lâu dài. Sau khi Phật Ca-diếp diệt độ, Chánh pháp để lại trụ bảy ngày. Nay A-nan ! Nay Thầy nghĩ rằng đệ tử của Như Lai ít, chớ nghĩ như thế. Hàng đệ tử của Ta ở phương Đông nhiều vô số ức ngàn, đệ tử ở phương Nam vô số ức ngàn. Cho nên, A-nan, hãy nghĩ như vậy: “Phật Thích-ca của ta thọ mạng rất dài lâu”. Vì sao ? Nhục thân tuy diệt độ nhưng pháp thân tồn tại. Đây là nghĩa ấy, nên ghi nhớ điều này.

Bấy giờ, A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy,

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan trích áo bày vai phải, quỳ gối phải chầm đất, bạch Phật:

— Trí nhiệm mầu của đức Như Lai, không việc gì không biết. Trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai Ngài thầy đều biết rõ; chư Phật đời quá khứ

tên họ, danh hiệu, đệ tử Bồ-tát theo tùy tùng bao nhiêu, thầy đều biết hết, trong một kiếp, trăm kiếp hay vô số kiếp thầy đều quán sát biết hết, Ngài cũng biết tên họ của vua chúa, đại thần, nhân dân, thầy đều có thể phân biệt; như hiện tại nay có bao nhiêu cõi nước cũng biết rõ ràng. Về đời tương lai xa, khi Phật Di-lặc Chí Chơn Đẳng Chánh Giác xuất hiện, con muốn nghe sự biến hóa của đức Phật ấy, số đệ tử tùy tùng, cảnh giới Phật phân thịnh, trải qua bao nhiêu năm ?

Phật bảo A-nan:

— Thầy hãy về chỗ ngồi, lắng nghe Ta nói. Khi Phật Di-lặc ra đời, cõi nước giàu có, bao nhiêu đệ tử. Thầy hãy khéo suy nghĩ, ghi nhớ trong tâm.

Khi ấy, A-nan vâng lời Phật dạy, liền trở về chỗ ngồi.

Bấy giờ, Phật bảo A-nan:

— Về đời tương lai rất xa, ở cõi này sẽ có một đô thị tên Kê Đầu, chiều Đông Tây rộng mười hai do-tuần, chiều Nam Bắc rộng bảy do-tuần, đất đai phong phú, nhân dân đông đúc đầy đường. Bấy giờ, trong thành ấy có một Long vương tên Thủy Quang, đêm rưới mưa thơm, ngày thì quang đảnh. Khi ấy, trong thành Kê Đầu cũng có một quý La-sát

tên Diệp Hoa, hành động đúng pháp, không trái chánh giáo, chờ mọi người ngủ xong, mới dọn dẹp các vật như cầu, lại dùng nước thơm rưới trên đất, rất là thơm sạch.

A-nan nên biết ! Bấy giờ cõi Diêm-phù-đề, trong khoảng Đông Tây Nam Bắc mười vạn do-tuần, các thứ núi sông, vách đá đều tự tiêu diệt, nước bốn biển lớn đều đổ về một phía. Đất đai cõi Diêm-phù-đề rất bằng phẳng ngay ngắn như gương sáng. Các thứ ngũ cốc trong cõi nhiều và rẻ, nhân dân đông đúc, nhiều trâu bò, làng xóm kề cận nhau, tiếng gà gáy nối tiếp. Thời ấy, những loại cây trái dở đều khô chết, loại dở xấu cũng tự tiêu diệt, chỉ còn những cây trái ngon ngọt đẹp đẽ, mùi hương đặc biệt đều nảy sanh ở đất ấy. Thời tiết khí hậu điều hòa, bốn mùa thuận tiết, thân người không có trăm lẻ tám tai họa như tham dục, sân nhuế, ngu si, lười biếng... Lòng người giống nhau, đều đồng một ý, gặp nhau vui vẻ nói lời lành, ngôn ngữ một thứ không sai biệt, như người ở cõi Uất-đơn-việt. Người cõi Diêm-phù-đề bấy giờ lớn nhỏ đều đồng một âm thanh, không có nhiều sai biệt.

Thời ấy, người nam nữ, vừa muốn đại tiểu tiện, đất liền tự nhiên nứt ra, xong rồi đất lại khép vào. Bấy giờ, cõi Diêm-phù-đề tự nhiên sanh ra lúa,

không vô trấu, rất thơm ngon, ăn vào không bệnh khổ. Còn những thứ vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách rải rắc trên mặt đất, không ai cất giữ. Lúc đó, người cầm các thứ trân bảo ấy bảo nhau rằng: “Người thuở trước vì những của báu này mà giết hại nhau, bị giam cầm lao ngục, khổ sở nhiều thứ. Bây giờ nó chỉ như ngói gạch, không ai lấy”.

Bấy giờ, pháp vương xuất hiện tên Nhượng-khu, dùng Chánh pháp trị dân, có đủ bảy báu. Bảy báu là: xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, ngọc nữ báu, điện binh báu, đại thần thủ tạng báu. Đó là bảy báu. Nhà vua thống lãnh Diêm-phù-đề, không dùng đao gậy mà người tự nhiên hàng phục. A-nan ! Lúc ấy có bốn kho châu báu lớn, kho báu thứ nhất tên Càn-đà-việt-quốc-thi-la-sát, có nhiều vật trân báu lạ thường không thể tính kể. Kho lớn thứ hai tên Di-thê-la-quốc-ban-trừu cũng có nhiều trân bảo. Kho thứ ba tên Tu-lại-thác-đại-quốc, cũng nhiều trân bảo. Kho báu thứ tư tên Ba-la-nại-nhượng-khu có nhiều trân bảo không thể tính kể. Bốn kho báu lớn này tự nhiên xuất hiện, khi ấy các người giữ kho đều đến tâu vua:

— Cúi xin Đại vương đem các vật trong kho báu bố thí cho người nghèo cùng.

Khi ấy, vua Nhượng-khư được các kho báu này, cũng không quan tâm đến, ý không tưởng tài vật. Bấy giờ, côi Diêm-phù-đê trên cây tự nhiên sanh y phục, mềm mại nhu nhuyến, người đến lấy mặc, như người côi Uất-đơn-việt hiện nay, trên cây tự nhiên có y phục.

Nhà vua có một đại thần tên Tu-phạm-ma, là bạn từ thuở bé của nhà vua, nhà vua rất thương kính. Dung mạo của đại thần đoan chánh, không cao không thấp, không mập không ốm, không trắng không đen, không già không trẻ. Đại thần Tu-phạm-na có phu nhân tên Phạm-ma-việt, đặc biệt hơn hẳn các ngọc nữ, như cung phi trời Đế Thích, miệng phát ra mùi thơm hoa ưu-bát, thân có mùi thơm chiên-đàn, hoàn toàn không có tám mươi bốn trạng thái của người nữ, cũng không bệnh, ý không tán loạn. Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc ở cung trời Đâu-suất quan sát cha mẹ không trẻ không già, liền giảng thần hạ sanh từ hông bên phải, như Ta hiện nay sanh từ hông bên phải, Bồ-tát Di-lặc cũng thế. Chư thiên côi trời Đâu-suất đều xướng rằng: “Bồ-tát Di-lặc đã hạ sanh”. Khi đó, đại thần Tu-phạm-ma bèn đặt tên con là Di-lặc. Công tử có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân hình, thân màu hoàng kim.

Thời bấy giờ nhân dân thọ mạng dài lâu, không bệnh, đều thọ tám vạn bốn ngàn tuổi. Con gái đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. Bồ-tát Di-lặc ở nhà không bao lâu, bèn xuất gia học đạo, lúc đó cách thành Kê Đầu không xa, có một cội đạo thọ tên Long Hoa, cao một do-tuần, rộng năm trăm bộ. Bồ-tát Di-lặc ngồi dưới cội cây ấy thành đạo quả Vô thượng. Vào nửa đêm ấy, Di-lặc xuất gia, ngay đêm đó thành đạo Vô thượng. Khi ấy, ba ngàn đại thiên cõi nước rung động sáu cách, Địa thần mỗi mỗi báo nhau rằng: “Nay Bồ-tát Di-lặc đã thành Phật”, truyền đến cung trời Tứ thiên vương nghe: “Di-lặc đã thành Phật đạo”, truyền dần đến trời Ba mươi ba, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại, tiếng vang lần lượt đến Phạm thiên: “Di lặc đã thành Phật”.

Bấy giờ, Ma vương tên Đại Tướng dùng pháp trị hóa nghe danh Như Lai, âm thanh giáo hóa, vui mừng phấn khởi không thể tự dừng, bấy ngày bấy đêm không ngủ nghỉ. Khi ấy, Ma vương đem vô số chư Thiên cõi dục, đến chỗ Phật Di-lặc cung kính lễ bái. Đức Phật Di-lặc vì chư Thiên dần dần nói pháp vi diệu, những luận như, luận bố thí, luận trì giới, luận sanh Thiên, dục tướng bất tịnh, xuất yếu là nhiệm mầu.

Phật Di-lặc thấy mọi người đã phát tâm hoan hỷ, Ngài liền đem những pháp mà chư Phật thường nói như: Khổ, Tập, Diệt, Đạo vì hàng Trời, Người rộng phân biệt nghĩa ấy. Bảy giờ có tám vạn bốn ngàn Thiên tử, ngay chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Ma vương Đại Tướng bảo mọi người trong cõi nước ấy rằng:

— Các Người mau xuất gia. Vì sao ? Nay đức Phật Di-lặc đã qua bờ kia, cũng sẽ đưa các Người sang bờ kia.

Bảy giờ trong thành Kê Đầu có trưởng giả tên Thiện Tài, nghe giáo lệnh của Ma vương, và nghe âm thanh Phật, bèn đem tám vạn bốn ngàn người đến chỗ Phật Di-lặc, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Phật Di-lặc dần dần vì nói pháp vi diệu. Đó là luận về bố thí, luận trì giới, luận sanh thiên, dụng tướng bất tịnh, xuất yếu là nhiệm mầu. Bảy giờ, Phật Di-lặc thấy mọi người đã khai mở tâm ý, bèn đem các pháp chư Phật thường nói như: Khổ, Tập, Diệt, Đạo vì mọi người giảng rộng nghĩa ấy. Tám vạn bốn ngàn người ngay chỗ ngồi sạch hết trần cấu được pháp nhãn tịnh. Khi ấy, Thiện Tài cùng tám vạn bốn ngàn người liền đến trước bạch Phật, cầu xin xuất gia, khéo tu Phạm hạnh, đều thành A-la-hán. Bảy giờ, hội thứ nhất của Phật Di-lặc có tám vạn bốn ngàn A-la-hán.

Khi ấy, vua Nuỵng-khư nghe Bồ-tát Di-lặc đã thành Phật, bèn đến chỗ Phật muốn được nghe pháp. Thờ Phật Di-lặc vì vua nói pháp, phân đầu lành, phân giữa lành, phân sau đều lành, nghĩa lý sâu xa. Lại thời khác, vua lập thái tử, tặng châu báu cho người thợ cạo, lại đem tạp bảo cho các Phạm chí, dẫn tám vạn bốn nghìn người đến chỗ Phật, xin làm Sa-môn, đều thành đạo quả, chứng A-la-hán.

Khi ấy, trưởng giả Tu-phạm-ma nghe Di-lặc đã thành Phật, đem tám vạn bốn nghìn chúng Phạm chí, đến chỗ Phật xin làm Sa-môn, đều đắc quả A-la-hán, chỉ trừ một mình Tu-phạm-ma, đoạn ba kết sử, chấm dứt mé khổ. Khi ấy, Phật mẫu Phạm-ma-việt, lại đem tám vạn bốn ngàn thể nữ đến chỗ Phật, xin làm Sa-môn. Khi ấy, các người nữ đều đắc quả A-la-hán, chỉ một mình Phạm-ma-việt, đoạn ba kiết sử thành Tu-đà-hoàn. Bấy giờ, các phu nhân dòng Sát-lợi, nghe Phật Di-lặc xuất hiện thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, vài ngàn vạn chúng đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, mỗi mỗi phát tâm cầu làm Sa-môn, xuất gia học đạo, hoặc có người vượt thứ lớp mà chứng đạo, hoặc có người không chứng. A-nan ! Bấy giờ những người không vượt thứ lớp chứng đạo đều là người vâng theo pháp, chán ghét tất cả tướng không vui ở thế gian, khi ấy Phật Di-lặc sẽ nói giáo lý Tam thừa.

Như nay, trong hàng đệ tử Ta, Đại Ca-diếp thực hành mười hai hạnh đầu đà, ở nơi chư Phật quá khứ khéo tu Phạm hạnh, và sẽ thường phụ tá Phật Di-lặc giáo hóa nhân dân.

Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp cách chỗ Phật không xa, ngồi kiết-già chánh thân, chánh ý buộc niệm ở trước. Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

— Nay Ta tuổi đã già suy, hơn tám mươi. Song Như Lai có bốn đệ tử Thanh văn lớn có khả năng du hóa, trí tuệ vô tận, đầy đủ các đức. Những ai là bốn ? Đó là Tỳ-kheo Đại Ca-diếp, Tỳ-kheo Quân-đô-bát-hán, Tỳ-kheo Tân-đầu-lu, Tỳ-kheo La-vân. Bốn Thanh văn lớn các Thầy ! Không nên nhập Niết-bàn, đợi pháp Ta mất hẳn, sau mới vào Niết-bàn. Đại Ca-diếp cũng không nên vào Niết-bàn, nên đợi đến Di-lặc ra đời. Vì sao ? Đệ tử do Phật Di-lặc hóa độ đều là đệ tử của Phật Thích-ca Văn, do Ta hóa độ để lại, được sạch hữu lậu. Tại nước Ma-kiệt, thôn Tỳ-đề, Đại Ca-diếp sẽ trụ trong núi xứ ấy đến lúc Phật Di-lặc đem vô số ngàn chúng vây quanh trước sau đến trong núi này. Nương ân đức Phật, các Quý thân vì Phật mở cửa, khiến thấy được Ca-diếp tọa Thiền trong động.

Khi ấy, Phật Di-lặc đưa tay mặt chỉ vào Ca-diếp, bảo với mọi người:

— “Đây là đệ tử của Phật Thích-ca từ quá khứ lâu xa, tên là Ca-diếp. Hiện tại, tu hạnh đầu đà đệ nhất”.

Mọi người thấy rồi khen “chưa từng có”, vô số trăm ngàn chúng sanh chấm dứt các trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Hoặc lại có chúng sanh đã thấy thân Ca-diếp rồi. Đây gọi là hội ban đầu, chín mươi sáu ức người đều đắc quả A-la-hán, những người ấy đều là đệ tử của Ta. Vì sao ? Vì thầy đều do nhận lãnh sự giáo hóa của Ta mà nên. Cũng do nhân duyên bốn món cúng dường, bố thí, nhân ái, lợi người, lợi đồng nhau.

A-nan ! Bấy giờ Phật Di-lặc sẽ đáp y Tăng-già-lê của Ca-diếp, khi đó thân thể của Ca-diếp nghiêm nhiên tan rã, Di-lặc lại đem các thứ hương hoa cúng dường Ca-diếp. Vì sao ? Vì chư Phật Thế Tôn đều có tâm cung kính đối với Chánh pháp, Di-lặc cũng do Chánh pháp hóa mà Ta nhận được, được thành đạo Vô Thượng Chánh Chơn.

A-nan nên biết ! Hội thứ hai của Phật Di-lặc có chín mươi bốn ức người, đều là bậc A-la-hán, cũng là đệ tử của Ta để lại, cúng dường bốn thứ cần dùng mà được như thế.

Hội thứ ba của Di-lặc có chín mươi hai ức

người, đều là bậc A-la-hán, cũng là đệ tử thọ pháp Ta để lại. Bảy giờ danh xưng của Tỳ-kheo đều gọi là đệ tử Từ Thị, như Ta ngày nay, hàng Thanh văn đều xưng là đệ tử Thích-ca.

Bảy giờ, Phật Di-lặc vì các đệ tử thuyết pháp: “Tỳ-kheo các Thầy nên suy nghĩ về tướng vô thường, tướng vui có khổ, tướng chấp ngã và vô ngã, tướng thật có, rỗng không, tướng sắc biến đổi, tướng bầm xanh, tướng sinh trướng, tướng ăn không tiêu, tướng ứ máu, tướng tất cả điều không vui của thế gian. Vì sao ? Tỳ-kheo nên biết, mười tướng này đều là do Phật Thích-ca Văn từ quá khứ đã nói cho các Thầy, khiến dứt sạch hữu lậu tâm được giải thoát. Hoặc trong chúng này có đệ tử của Phật Thích-ca thời quá khứ từng tu Phạm hạnh, mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca vâng giữ pháp ấy, mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca cúng dường Tam Bảo mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca tu căn lành trong khoảng khảy móng tay mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca tu Tứ vô lượng tâm, mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca thọ giữ năm giới, tam tỳ quy y mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca tạo dựng tháp miếu, chùa viện mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca sửa sang chùa cũ mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật

Thích-ca thọ giới bát quan trai mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca dùng hương hoa cúng dường mà đến đây; hoặc ở nơi Phật kia, nghe Phật pháp buồn khóc rơi lệ mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca một lòng nghe pháp mà đến chỗ Ta; hoặc suốt đời khéo tu Phạm hạnh mà đến chỗ Ta; hoặc đã viết kinh, đọc tụng mà đến chỗ Ta. Hoặc đã thừa sự cúng dường mà đến chỗ Ta”.

Khi ấy, Phật Di-lặc bèn nói kệ này:

*Tăng trưởng giới, văn, đức,
Thiền và nghiệp tư duy,
Khéo tu về Phạm hạnh,
Mà đến chỗ của Ta.
Siêng, thí tâm hoan hỷ,
Tu hành, cội nguồn tâm,
Ý không tưởng nhiều việc,
Đều đến chỗ của Ta.
Hoặc phát tâm bình đẳng,
Thừa sự nơi chư Phật,
Cúng thức ăn Thánh chúng,
Đều đến chỗ của Ta.
Hoặc tụng giới, khế kinh,
Khéo tập, nói cho người,
Mạnh mẽ nơi gốc pháp,
Nay đến chỗ của Ta.*

*Dòng Thích khéo giáo hóa,
Cúng dường các Xá-lợi,
Thừa sự pháp cúng dường,
Nay đến chỗ của Ta.
Nếu có biên chép kinh,
Tuyên đọc trên án thư,
Có người cúng dường kinh,
Đều đến chỗ của Ta.
Lụa, vải và các thứ,
Cúng dường nơi chùa tháp,
Tự xưng: Nam-mô Phật,
Đều đến chỗ của Ta.
Cúng dường Phật hiện tại,
Và chư Phật quá khứ,
Thiên định rất chơn chánh,
Cũng không có tăng giảm.
Cho nên nơi Phật pháp,
Thừa sự nơi Thánh chúng,
Một lòng thờ Tam Bảo,
Đều đến chỗ vô vi.*

A-nan, nên biết ! Di-lặc Như Lai nói kệ này trong chúng kia. Bảy giờ trong chúng, hàng Trời, Người suy nghĩ mười tướng này, mười một vạn vạn người sạch hết các trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Thời đức Phật Di-lặc, trong một ngàn năm, chúng

Tăng không có lỗi. Bấy giờ Phật ấy thường dùng một bài kệ làm giới cấm:

*Miệng, ý không làm ác,
Thân cũng chẳng phạm ác,
Nên trừ ba hạnh này,
Chóng thoát vực sanh tử.*

Sau một ngàn năm, có người phạm giới Phật ấy bèn lập giới cấm. Phật Di-lặc sẽ thọ tám vạn bốn ngàn tuổi, sau khi Phật nhập Niết-bàn, Pháp để lại tồn tại tám vạn bốn nghìn năm. Vì sao ? Vì chúng sanh thời bấy giờ đều là lợi căn.

Có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn được gặp Phật Di-lặc và ba hội chúng Thanh-văn, cùng thành Kê Đầu, vua Nhượng-khư, và bốn kho châu báu lớn, muốn ăn lúa thóc tự nhiên và mặc y phục tự nhiên, sau khi chết sanh cõi trời thì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nên gắng sức tinh tấn, dùng sanh giải đãi, cũng nên cúng dường thừa sự các pháp sư, cúng dường các thứ danh hoa, hương thơm dùng để thiếu thốn. Như thế, A-nan, nên học điều này !

Bấy giờ, A-nan và đại chúng nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*
* *

XXXXVIII. PHẨM THẬP BÁT THIỆN (2)

4. Tôi nghe như vậy,

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, phân đông các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội, mỗi người khởi luận nghị thế này: “Nay Như Lai rất kỳ lạ, rất đặc biệt đối với các đức Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, cũng lại biết tên họ, chủng tộc kia, trì giới, tùy tùng, thầy đều biết rõ, tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, thọ mạng dài ngắn, thầy đều biết. Thế nào chư Hiền ? Đó là Như Lai phân biệt pháp xứ rất thanh tịnh, mà biết tên họ, chỗ phát xuất của chư Phật kia chẳng ? Hay là chư Thiên đến chỗ Phật mách bảo ?”

Bấy giờ, Thế Tôn dùng Thiên nhĩ nghe thấu

điều bàn luận của đa số các Tỳ-kheo, bèn đến chỗ các Tỳ-kheo, ngồi vào tòa chính giữa. Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy nhóm ở đây bàn luận việc gì ?
Muốn nói pháp gì ?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

— Chúng con nhóm ở đây bàn về yếu chỉ Chánh pháp. Mọi người dấy khởi luận nghị này: “Nhu Lai rất kỳ lạ, rất đặc biệt, mới có thể biết tên họ, danh hiệu của các đức Phật Thế Tôn quá khứ, trí tuệ nhiều ít thầy đều biết rõ. Rất lạ thay ! Thế nào, chư Hiền, là Nhu Lai phân biệt pháp giới rất thanh tịnh, biết tên họ nơi phát xuất của chư Phật kia chăng ? Hay là chư Thiên đến chỗ Phật mách bảo chăng ?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy muốn nghe sức trí thân của chư Phật quá khứ chăng ? Muốn biết tên họ, danh hiệu, thọ mạng dài ngắn chăng ?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Nay chính đúng thời, cúi xin Thế Tôn diễn bày nghĩa ấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy khéo nghĩ nhớ, Ta sẽ vì các Thầy nói rộng nghĩa này.

Bấy giờ đại chúng Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, Phật bảo:

— Tỳ-kheo nên biết ! Quá khứ chín mươi một kiếp về trước, có Phật xuất thế, hiệu Tỳ-bà-thi Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác. Lại nữa, ba mươi một kiếp về trước có Phật xuất thế hiệu Thi-khí Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác. Lại, trong kiếp ba mươi một ấy có Phật hiệu là Tỳ-xá-la-bà Như Lai xuất thế. Trong Hiền kiếp này có Phật xuất thế hiệu Câu-lâu-tôn Như Lai. Lại trong Hiền kiếp ấy có Phật xuất thế hiệu Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác. Lại trong Hiền kiếp có Phật xuất thế hiệu Ca-diếp. Lại trong Hiền kiếp, Ta xuất thế là Thích-ca Văn Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ, Phật bèn nói kệ:

*Trong chín mươi một kiếp,
Có Phật Tỳ-bà-thi,
Trong kiếp ba mươi một,
Phật Thi-khí xuất hiện.
Cũng trong Hiền kiếp ấy,
Phật Tỳ-xá xuất hiện,*

*Ngày nay trong Hiền kiếp,
Bốn Phật lại xuất thế.
Câu-tôn, Na, Ca-diếp
Như trời chiếu thế gian,
Muốn biết tên họ ấy,
Danh hiệu kia như thế.*

Phật Tỳ-bà-thi phát xuất từ dòng Sát-lợi. Phật Thi-khí cũng phát xuất từ dòng Sát-lợi. Phật Tỳ-xá-la-bà cũng phát xuất từ dòng Sát-lợi. Phật Câu-lưu-tôn phát xuất từ dòng Bà-la-môn. Phật Câu-na-hàm-mâu-ni phát xuất từ dòng Bà-la-môn, Phật Ca-diếp phát xuất từ dòng Bà-la-môn. Như nay Ta phát xuất từ dòng Sát-lợi.

Phật bèn nói kệ:

*Các Phật trước, xuất hiện,
Đều từ dòng Sát-lợi,
Câu-tôn đến Ca-diếp,
Xuất từ Bà-la-môn.
Trên hết không ai sánh,
Nay Ta, thấy Trời Người,
Các căn đều vắng lặng,
Xuất từ dòng Sát-lợi.*

Phật Tỳ-bà-thi họ Cù-đàm, Phật Thi-khí cũng họ Cù-đàm, Phật Tỳ-xá-la-bà cũng họ Cù-đàm. Phật

Ca-diếp họ Ca-diếp. Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm-mâu-ni cũng từ họ Ca-diếp như trên không khác. Nay Ta, họ Cù-đàm.

Thế Tôn bèn nói kệ:

*Ba đức Phật ban đầu,
Đều từ họ Cù-đàm,
Ba Phật sau, Ca-diếp,
Đều từ họ Ca-diếp.
Nhu Ta ở hiện tại,
Trời, Người đều kính vâng,
Các căn rất vững lạng,
Xuất từ họ Cù-đàm.*

Tỳ-kheo nên biết ! Phật Tỳ-bà-thi họ Câu-lân-nhã. Phật Thi-khí cũng từ Câu-lân-nhã. Phật Tỳ-xá-la-bà cũng từ Câu-lân-nhã. Phật Câu-lưu-tôn từ Bà-la-đọa. Phật Câu-na-hàm-mâu-ni cũng từ Bà-la-đọa. Phật Ca-diếp cũng từ Bà-la-đọa. Như Ta ngày nay, Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác phát xuất từ Câu-lân-nhã.

Thế Tôn bèn nói kệ:

*Ba đức Phật ban đầu,
Xuất từ Câu-lân-nhã,
Ba Phật sau, Ca-diếp,
Xuất từ Bà-la-đọa.*

*Như Ta ở hiện tại
Trời, Người đều kính vâng,
Các căn rất vắng lặng
Xuất từ Câu-lân-nhã.*

Phật Tỳ-bà-thi ngồi dưới cội cây hoa Ba-la-lợi thành Phật đạo. Phật Thi-khí ngồi dưới cội cây Phân-đà-lợi thành Phật đạo. Phật Tỳ-xá-la-bà ngồi dưới cội cây Ba-la thành Phật đạo. Phật Câu-lưu-tôn ngồi dưới cội cây Thi-lợi-sa thành Phật đạo. Phật Câu-na-hàm-mâu-ni ngồi dưới cội cây Ưu-đâu-bạt-la thành Phật đạo. Phật Ca-diếp ngồi dưới cội cây Ni-câu-lưu thành Phật đạo. Như Ta ngày nay ngồi dưới cội cây Cát tường thành Phật đạo.

Thế Tôn bèn nói kệ:

*Phật ban đầu thành đạo,
Dưới cây Ba-la-lợi,
Thi-khí, Phân-đà-lợi,
Tỳ-xá, cây Ba-la,
Câu-tôn, cây Thi-lợi,
Câu-na, cây Bạt-la,
Ca-diếp, cây Câu-lưu,
Ta thành đạo, Cát tường.
Bấy Phật, trời trong trời,
Chiếu sáng nơi thế gian,*

*Nhân duyên ngồi dưới cây,
Đều thành đạo quả Phật.*

Phật Tỳ-bà-thi có mười sáu vạn tám nghìn đệ tử. Phật Thi-khí có mười sáu vạn đệ tử. Phật Tỳ-xá-la-bà có mười vạn đệ tử. Phật Câu-lưu-tôn có tám vạn đệ tử. Phật Câu-na-hàm-mâu-ni có bảy vạn đệ tử. Phật Ca-diếp có sáu vạn đệ tử. Như Ta ngày nay có một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử đều là bậc A-la-hán, các lậu vĩnh viễn chấm dứt, không còn các trói buộc.

Thế Tôn bèn nói kệ:

*Trăm ngàn sáu vạn tám,
Đệ tử Tỳ-bà-thi,
Trăm ngàn và sáu vạn,
Đệ tử Phật Thi-khí,
Trăm ngàn chúng Tỳ-kheo,
Đệ tử Tỳ-xá-bà,
Câu-tôn, tám vạn chúng,
Câu-na-hàm, bảy vạn,
Ca-diếp, sáu vạn chúng,
Đều là A-la-hán.
Nay Ta là Thích-ca,
Nghìn hai trăm năm mươi,
Đều là hạnh Chơn nhơn,
Giáo hóa ở hiện tại,*

*Pháp để lại, đệ tử,
Số ấy không thể tính.*

Phật Tỳ-bà-thi có thị giả tên Đại Đạo Sư, Phật Thi-khí có thị giả tên Thiện Giác. Phật Tỳ-xá-la-bà có thị giả tên Thắng Chúng. Phật Câu-lưu-tôn có thị giả tên Cát Tường. Phật Câu-na-hàm-mâu-ni có thị giả tên Tỳ-la-tiên. Phật Ca-diếp có thị giả tên Đạo Sư. Thị giả hiện nay của Ta tên A-nan.

Thế Tôn bèn nói kệ:

*Đại Đạo và Thiện Giác,
Thắng Chúng và Cát Tường,
Tỳ-la-tiên, Đạo Sư,
A-nan, hàng thứ bảy,
Người này cúng dường Thánh,
Không cầu nệ thời giờ,
Độc tụng và thọ trì,
Không mất nghĩa lý kia.*

Phật Tỳ-bà-thi thọ tám vạn bốn nghìn tuổi. Phật Thi-khí thọ bảy vạn tuổi. Phật Tỳ-xá-la-bà thọ sáu vạn tuổi. Phật Câu-lưu-tôn thọ năm vạn tuổi. Phật Câu-na-hàm-mâu-ni thọ bốn vạn tuổi. Phật Ca-diếp thọ hai vạn tuổi. Như Ta ngày nay tuổi thọ giảm xuống rất nhiều, thọ mạng nhiều nhất không quá trăm tuổi.

Thế Tôn bèn nói kệ:

*Phật đầu, tám vạn tư,
Phật kế, bảy vạn tuổi,
Tỳ-xá-bà, sáu vạn,
Câu-lưu-thọ năm vạn,
Hai vạn cộng hai vạn,
Tuổi thọ Câu-na-hàm,
Ca-diếp thọ hai vạn
Chỉ Ta thọ trăm năm.*

Như thế, này các Tỳ-kheo ! Như Lai quán sát biết tên họ, danh hiệu của chư Phật, thấy đều rành rẽ, dòng họ, xuất xứ đều thấu triệt, tri giới, trí tuệ, thiên định, giải thoát, thấy đều biết rõ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

— Như Lai cũng nói: Hằng sa chư Phật đã diệt độ ở quá khứ, Như Lai cũng biết. Hằng sa chư Phật tương lai sẽ xuất hiện, Như Lai cũng biết. Vì sao Phật không dự ký việc làm của bao nhiêu Phật, mà nay chỉ nói về sự việc của bảy đức Phật ?

Phật bảo A-nan:

— Đều có gốc ngọn nhân duyên nên Ta nói sự việc của bảy đức Phật. Hằng sa chư Phật thời quá khứ cũng chỉ nói về sự việc của bảy đức Phật. Tương lai, khi Phật Di-lặc xuất hiện, cũng sẽ chỉ dự

ký về sự việc của bảy đức Phật. Nếu khi Phật Sư Tử Ứng ra đời, cũng sẽ chỉ nói về sự việc của bảy đức Phật. Nếu khi Phật Thừa Nhu Thuận ra đời, cũng sẽ chỉ nói về sự việc của bảy đức Phật. Nếu khi Phật Quang Diệm ra đời, cũng sẽ chỉ nói về sự việc của bảy đức Phật. Nếu khi Phật Vô Cấu xuất hiện, cũng sẽ chỉ nói về sự việc của Phật Ca-diếp. Nếu khi Phật Bảo Quang ra đời, cũng sẽ nói về sự việc của Phật Thích-ca Văn.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

*Sư Tử, Thừa Nhu, Quang,
Vô Cấu và Bảo Quang,
Thứ lớp sau Di-lặc,
Đều sẽ thành Phật đạo.
Di-lặc ghi Thi-khí
Sư Tử ghi Tỳ-xá
Nhu Thuận ghi Câu-tôn
Quang Diệm ghi Mâu-ni
Vô Cấu ghi Ca-diếp,
Đều nói duyên đời trước,
Bảo Quang thành Phật sau,
Cũng sẽ ghi hiệu Ta.
Chư Phật đời quá khứ,
Và chư Phật tương lai,
Đều dự ghi bảy Phật,*

Gốc ngọn việc xa xưa.

Do nhân duyên này, nên Như Lai ghi danh hiệu bầy đức Phật.

A-nan bạch Phật:

— Kinh này tên gì ? Nên phụng trì thế nào ?

Phật bảo A-nan:

— Kinh này tên “Ghi danh hiệu Phật”, nên ghi nhớ vâng làm.

Bấy giờ, A-nan và các Tỷ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy,

Một thời Phật ở tại nước La-duyet, vườn trúc Ca-lan-đà.

Bấy giờ, trưởng giả Sur Tũ đã đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cúi đầu lễ chân Tôn giả, lui ngồi một bên. Trưởng giả Sur Tũ bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

— Cúi xin Tôn giả nhận lời thỉnh của con.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng nhận lời. Trưởng giả thấy Tôn giả im lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ chân Tôn giả rồi lui. Trưởng giả lại đến chỗ các vị Mục-kiền-liên, Ly-việt, Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ca-chiên-diên, Mãn-tử Tử, Ưu-

ba-ly, Tu-bồ-đề, La-vân và Sa-di Quân-đầu... thỉnh các thượng thủ như thế, gồm năm trăm người.

Trưởng già Su Tử liên trở về, sắm sửa đủ các thức ăn uống rất ngon, trải tòa ngồi đẹp, rồi đến thưa rằng:

— Đến giờ, các vị A-la-hán chân nhân đã không từ chối. Nay thức ăn đã dọn, cúi xin quang lâm đến nhà.

Bấy giờ các đại Thanh văn đều đắp ba y, mang bát, vào thành đến nhà trưởng già. Trưởng già thấy chư tôn đều ngồi vào chỗ đã định, bèn tự tay mình rót các thức ăn uống. Thấy Thánh chúng ăn xong, đem nước sạch rửa tay, cúng dường mỗi vị một tấm lụa trắng, trước từng người, nhận lời chú nguyện.

Tôn giả Xá-lợi-phất vì trưởng già nói pháp vi diệu, rồi rời tòa đi ra, trở về tịnh thất. Bấy giờ, Tôn giả La-vân đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Phật hỏi:

— Hôm nay Thầy từ nơi nào đến ?

La-vân thưa:

— Hôm nay có trưởng già Su Tử thỉnh.

Phật hỏi:

— Thế nào, La-vân ! Thức ăn ngon hay không ngon, là tế hay là thô ?

La-vân thưa:

— Thức ăn rất ngon và nhiều. Tấm lụa trắng này là do trưởng giả ấy cúng.

Phật bảo La-vân:

— Chúng Tăng có bao nhiêu người ? Ai là Thượng tọa ?

La-vân bạch Phật:

— Tôn giả Xá-lợi-phất là Thượng thủ, và chư đệ tử Thân đức năm trăm người.

Phật bảo La Vân:

— Thế nào, La vân ! Trưởng giả ấy được phước nhiều chăng ?

La Vân bạch Phật:

— Thưa vâng, bạch Thế Tôn ! Trưởng giả ấy được phước báu không thể tính kể. Cúng một A-la-hán, phước ấy khó hạn lượng, huống gì là bậc thần diệu lớn, Người, Trời đều cung kính. Nay năm trăm người đều là Chân nhân, phước ấy làm sao có thể lường.

Phật bảo La-vân:

— Nay công đức cúng dường năm trăm La-hán, nếu thứ lớp thỉnh một Sa-môn trong chúng, thỉnh rồi cúng dường thì so sánh phước cúng dường người do chúng cử, và phước cúng cho năm trăm La-hán, phước trên hơn gấp trăm ngàn lần, ỨC VẠN LẦN, không thể dùng thí dụ so sánh. Vì sao ? Người do chúng cử, phước khó hạn lượng, đến chỗ cam lồ, diệt tận. La-vân nên biết ! Như có người tự thệ rằng: “Tôi sẽ uống nước của các sông ngòi”. Người ấy có kham chăng ?

La-vân bạch Phật:

— Thưa không, bạch Thế Tôn ! Vì sao ? Đất Diêm-phù này rất rộng lớn, cõi này có bốn con sông lớn. Một là sông Hằng, hai là sông Tân-đâu, ba là sông Tư-đà, bốn là sông Bác-xoa, mỗi con sông có năm trăm sông nhỏ, song người ấy không thể uống hết nước, chỉ nhọc sức mà việc không thành.

Phật bảo:

— Người ấy lại nói thế này: “Ta tự có phương tiện nhân duyên, có thể uống hết nước”. Thế nào là nhân duyên uống hết nước ? Người ấy nghĩ thế này: “Ta sẽ uống nước biển. Vì sao ? Tất cả các dòng sông đều đổ vào biển”. Thế nào, La-vân ! Người ấy có thể uống hết nước chăng ?

La-vân bạch Phật:

— Phương tiện như thế, có thể uống hết nước khiến cạn. Vì sao ? Tất cả các dòng đều đổ vào biển. Do nhân duyên này, người ấy uống hết nước.

Phật bảo La-vân:

— Đúng thế, La-vân ! Tất cả sự cúng dường riêng như dòng sông, hoặc được phước hoặc không được phước. Chúng Tăng như biển lớn. Vì sao ? Vì nước sông, suối đều chảy về biển và mất tên riêng của nó, chỉ có tên biển lớn. La-vân ! Đây cũng như thế. Nay mười hạng người này đều xuất phát từ trong chúng, không có chúng không thành. Thế nào là mười ? Đó là Hướng Tu-đà-hoàn, Đắc Tu-đà-hoàn; Hướng Tư-đà-hàm, Đắc Tư-đà-hàm; Hướng A-na-hàm, Đắc A-na-hàm; Hướng A-la-hán, Đắc A-la-hán, Bích-chi Phật và Phật. Đó là mười bậc đều do trong chúng, không tự đứng riêng rẽ.

La-vân ! Do phương tiện này nên biết, người do chúng cử, phước ấy không thể hạn lượng. Cho nên, La-vân ! Thiện nam tử, thiện nữ nham muốn cầu phước vô lượng, nên cúng dường Thánh chúng. La-vân nên biết ! Cũng như có người đem bơ bỏ vào nước, bơ không tan, không lan rộng. Nếu đem dầu chế vào nước, dầu lan đầy trên mặt. Cho nên, này

La-vân ! Nên nghĩ cúng dường Thánh chúng Tỳ-kheo Tăng. Như thế, La-vân, nên học điều này !

Bấy giờ trưởng giả Su Tử nghe Phật khen ngợi, nói về phước cúng dường chúng, không khen nói phước khác. Vào dịp khác, trưởng giả đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Trưởng giả Su Tử bạch Phật:

— Vừa nghe Như Lai khen ngợi phước bố thí cho chúng, không khen ngợi phước thỉnh riêng người. Từ nay về sau, con sẽ thường cúng dường Thánh chúng.

Phật bảo:

— Ta không nói thế này: “Nên cúng dường Thánh chúng, đừng cúng dường người khác”. Nay bố thí cho súc sanh còn được phước, hưởng gì người khác. Ta chỉ nói phước có nhiều, ít. Vì sao ? Thánh chúng của Như Lai đáng kính, đáng quý, là phước điền trên hết của thế gian. Nay trong chúng này có hàng hướng về bốn quả, đắc bốn quả và Thanh văn thừa, Bích-chi Phật thừa, Phật thừa. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn muốn được đạo quả Tam thừa, nên từ trong chúng tìm cầu. Vì sao ? Đạo quả Tam thừa đều phát xuất từ chúng Tăng. Trưởng giả ! Ta quan sát nghĩa lý nhân duyên này nên nói lời

này. Ta cũng không dạy người nên bố thí cho Thánh chúng mà không nên bố thí cho người khác.

Trưởng giả bạch Phật:

— Đúng thế, như lời Phật dạy. Từ nay về sau, nếu làm phước nghiệp, con sẽ cúng dường hết Thánh chúng, không chọn người để bố thí.

Bấy giờ Thế Tôn vì trưởng giả nói pháp vi diệu, khiến sanh tâm vui mừng. Trưởng giả nghe pháp xong liền đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, lui ra.

Trưởng giả Su Tử có ý muốn bố thí, tạo phước nghiệp. Bấy giờ chư Thiên đến nói:

— Đây là người Hướng Tu-đà-hoàn, đây là người Đắc Tu-đà-hoàn. Bố thí người này phước nhiều, bố thí người này được phước ít.

Chư Thiên liền nói kệ:

*Như Lai khen chọn thí,
Cho các Đại đức này,
Cúng đây, được phước nhiều,
Như ruộng tốt mọc lúa.*

Trưởng giả Su Tử im lặng không trả lời.

Chư Thiên lại nói với trưởng giả:

— Đây là người trì giới, đây là người phạm

giới, đây là người Hướng Tu-đà-hoàn, đây là người Đắc Tu-đà-hoàn. Đây là người Hướng Tu-đà-hàm, đây là người Đắc Tu-đà-hàm. Đây là người Hướng A-na-hàm, Đây là người đắc A-na-hàm. Đây là người Hướng A-la-hán, đây là người Đắc A-la-hán. Đây là Thanh văn thừa, đây là Bích-chi Phật thừa, đây là Phật thừa. Cho đây được phước ít, cho đây được phước nhiều.

Trưởng giả Sur Tử im lặng không đáp. Vì sao ? Vì ông chỉ nhớ lời dạy bảo của Phật, không lựa chọn mà bố thí.

Lại vào thời gian khác, trưởng giả đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, thưa rằng:

— Con tự nhớ, khi con thỉnh Thánh chúng thọ trai, có chư Thiên đến nói với con rằng: “Đây là người trì giới, đây là người phạm giới. Người này Hướng Tu-đà-hoàn, người này Đắc Tu-đà-hoàn, cho đến hàng Tam thừa, thấy đều phân biệt. Chư Thiên lại nói kệ này:

*Như Lai khen chọn thí,
Cho các Đại đức này,
Cúng đây được phước nhiều,
Như ruộng tốt mọc lúa.*

Khi ấy, con lại nghĩ thế này: “Lời dạy của Như Lai không nên trái, ta há lại sanh tâm chọn lựa để bố thí ư?”. Trọn không có tâm phải quấy và ý niệm cao thấp. Khi ấy con lại nghĩ rằng: “Ta sẽ bố thí cho hết thầy tất cả chúng sanh. Nếu người trì giới thì được phước vô cùng, nếu người phạm giới thì tự chịu tai họa”. Chỉ thương chúng sanh nếu không được ăn, thì không được cứu giúp mạng sống.

Phật bảo trưởng giả:

— Lành thay ! Lành thay ! Thệ nguyện rộng lớn, Bồ-tát khi bố thí thì tâm thường bình đẳng. Trưởng giả nên biết, vào ngày Bồ-tát bố thí, chư Thiên đến bảo rằng: “Nhà hào quý nên biết, đây là người trì giới, đây là người phạm giới. Bố thí người này được phước nhiều, bố thí người này được phước ít”. Bấy giờ Bồ-tát trọn không sanh tâm này: “Nên bố thí người này, không nên bố thí người này”. Tâm Bồ-tát thuần thực không có thị phi, cũng chẳng nói đây là trì giới, đây là phạm giới. Cho nên, Trưởng giả nên nghĩ bố thí bình đẳng, được phước vô lượng lâu dài.

Khi ấy, trưởng giả Su-từ nhớ lời Như Lai dạy, thành kính nhìn Thế Tôn, ý không lay động, liền tại chỗ ngồi được pháp nhãn tịnh. Trưởng giả Su-từ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, lui

đi ra. Trưởng già đi chưa bao lâu, Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Trưởng già Su-tử này do nhờ bố thí bình đẳng, lại chiêm ngưỡng Như Lai từ đầu đến chân, liền tại chỗ ngồi được pháp nhãn tịnh.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Trong số đệ tử Ưu-bà-tắc của Ta, người bố thí bình đẳng nhất là trưởng già Su-tử.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất ở tại núi Kỳ-xà-quật, nơi chỗ vắng, vá y cũ. Khi ấy có mười ngàn chư Thiên cõi Phạm-ca-di từ nơi ấy ẩn, đến chỗ Xá-lợi-phất, cúi đầu lễ chân Tôn giả, đi quanh hầu Tôn giả, lại dùng kệ này khen ngợi:

*Quy mạng bậc Thượng nhơn,
Quy mạng bậc Tôn quý,
Nay chúng tôi chẳng biết
Y cứ những Thiên nào.*

Khi ấy, mười ngàn chư Thiên cõi Phạm-ca-di nói kệ xong, Xá-lợi-phất im lặng chấp nhận. Chư Thiên thấy Xá-lợi-phất im lặng chấp nhận rồi, liền làm lễ dưới chân rồi đi. Chư Thiên đi chưa xa, Xá-lợi-phất liền nhập Kim cang tam-muội.

Khi ấy, có hai con quỷ, một tên Già-la, một tên Ưu-ba-già-la, do Tỳ-sa-môn Thiên vương sai đi đến chỗ Thiên vương Tỳ-lưu-lặc (Thiên vương Tăng Trưởng), muốn bàn luận việc Trời, Người. Lúc đó, hai quỷ ấy bay qua hư không, xa thấy Xá-lợi-phất ngồi kiết-già, buộc niệm ô trước, tâm ý vắng lặng định tĩnh. Quỷ Già-la bảo quỷ kia rằng:

— Nay ta có thể dùng chưởng đánh ngay đầu Sa-môn kia.

Quỷ Ưu-ba-già-la nói:

— Ngươi chớ khởi ý niệm đánh vào đầu Sa-môn. Vì sao ? Sa-môn ấy rất có thần đức, có oai lực lớn. Tôn danh vị ấy là Xá-lợi-phất, trong hàng đệ tử Thế Tôn không ai thông minh, tài cao hơn người này, là bậc trí tuệ đệ nhất trong hàng đệ tử Phật. Ngươi làm việc ấy chịu khổ vô lượng lâu dài.

Quỷ Già-la cứ hai ba lần bảo:

— Ta có thể đánh vào đầu Sa-môn ấy.

Quý Ưu-ba-già-la lại bảo:

— Nay Ngươi không nghe theo lời ta, Ngươi cứ ở đây, ta sẽ bỏ Ngươi đi.

Ác quý ấy hỏi:

— Ngươi sợ Sa-môn ấy sao ?

Quý Ưu-ba-già-la bảo:

— Thật ta sợ. Nếu Ngươi lấy tay đánh vào đầu Sa-môn này, đất sẽ nứt đôi. Rồi sẽ có gió bão, mưa dữ, đất đai rung động, chư Thiên kinh động. Đất đã rung động, Tứ Thiên vương cũng sẽ kinh sợ. Tứ Thiên vương đã biết, chúng ta không yên đầu.

Khi ấy, ác quý cứ nói:

— Nay ta có thể làm nhục Sa-môn này.

Thiện quý nghe rồi liền bỏ đi. Ác quý kia liền lấy tay đánh vào đầu Xá-lợi-phất. Ngay khi ấy, trời đất chấn động mạnh, bốn phía cuồng phong, mưa dữ tức thời thổi đến, đất liền nứt làm hai. Toàn thân ác quý đều rơi vào địa ngục.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất từ chánh định dậy, chỉnh đốn y phục, xuống núi Kỳ-xà-quật, đi đến vườn trúc, đến chỗ đức Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngôi một bên.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

— Nay thân thể Thấy, không bệnh tật chẳng ?

Xá-lợi-phất thưa:

— Thân con không bệnh, chỉ có đầu hơi đau.

Phật bảo:

— Quý Già-la lấy tay đánh vào đầu Thấy. Nếu quý ấy dùng tay đấm núi Tu-di, núi Tu-di liền bể đôi. Vì sao ? Vì quý ấy có sức mạnh. Nay quý ấy chịu tội báo, toàn thân rơi vào địa ngục A-tỳ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Thật kỳ lạ ! Thật đặc biệt ! Sức của Kim cang tam-muội đến như thế ! Do sức của tam-muội này mà không bị tổn hại. Giả sử núi Tu-di đánh vào đầu trọn không thể làm động đến mây lông. Vì sao như thế ? Tỳ-kheo nghe đây:

Trong Hiền kiếp này có đức Phật hiệu Câu-lưu-tôn, Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác. Đức Phật ấy có hai đại Thanh văn, một tên Đẳng Thọ, một tên Đại Trí. Tỳ-kheo Đẳng Thọ có sức thần túc bậc nhất, Tỳ-kheo Đại Trí có trí tuệ bậc nhất. Như ngày nay, đệ tử Ta Xá-lợi-phất trí tuệ bậc nhất, Mục-kiền-liên thần túc bậc nhất.

Bấy giờ, hai Tỳ-kheo Đẳng Thọ và Đại Trí đều được Kim cang tam-muội. Vào một lúc nọ, Tỳ-kheo

Đặng Thọ ở chỗ vắng nhập Kim cang tam-muội. Khi ấy có các người chăn bò, chăn dê, người đốn củi, cắt cỏ, thấy Tỳ-kheo này tọa Thiền họ bảo nhau rằng:

— “Hôm nay Sa-môn này đã chết”.

Các người chăn bò và đốn củi, bèn gom các cỏ khô, cây khô, chất lên mình thấy Tỳ-kheo, châm lửa đốt rồi bỏ đi. Khi Tỳ-kheo Đặng Thọ từ chánh định xuất, chỉnh đốn y phục, rời chỗ ngồi mà đi. Tỳ-kheo cũng vào ngày đó, đắp y mang bát vào làng khát thực. Các người đốn củi thấy thấy Tỳ-kheo khát thực trong làng, đều bảo nhau:

— “Thấy Tỳ-kheo ngày hôm qua đã chết, chúng ta lấy lửa hỏa thiêu, ngày nay sống lại, nay nên đặt tên là Hoàn Hoạt (sống lại)”.

Nếu có Tỳ-kheo được Kim cang tam-muội, lửa không đốt được, dao không chặt được, vào nước không chìm, không bị người khác làm tổn thương. Như thế, này Tỳ-kheo ! Kim cang tam-muội oai đức như thế. Nay Xá-lợi-phất được tam-muội này. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thường dạo chơi hai chỗ, Không tam-muội và Kim cang tam-muội.

Cho nên, Tỳ-kheo nên tìm phương tiện thực hành Kim cang tam-muội. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta sẽ dạy các Thầy như Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Tỳ-kheo ấy có trí tuệ, có sức trí lớn, trí phân biệt rộng, trí vô biên, trí nhanh nhẹn, trí biết khắp, trí bén nhạy, trí thâm sâu, trí đoạn dứt; ít muốn biết đủ, vắng lặng dững mãi, ý niệm không tán loạn, thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu tuệ, thành tựu giải thoát và giải thoát tri kiến; nhu hòa không tranh cãi, bỏ việc ác rốt ráo, nhấn các lời nói, khen ngợi việc lành, thường nhớ nghĩ xa lìa, thương xót các người ngu, làm Chánh pháp hưng thịnh, vì người nói pháp không biết chán.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Mười nghìn chư Thiên nhơn,
Đều là trời Tịnh Thân,
Tự quy Xá-lợi-phất,
Nơi đánh núi Linh Thứu.
Quy mạng bậc Thượng nhơn,
Quy mạng bậc Tôn quý,
Nay chúng tôi không biết,
Y cứ những Thiên nào ?
Như thế, Hoa đệ tử,
Trang nghiêm cõi cây Phật,
Như vườn cây cối trời,
Vui thích không thể sánh.*

Đệ tử Như Hoa tức là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Vì sao ? Người này ắt hay trang nghiêm cội cây Phật, cội đạo thọ tức là Như Lai vậy, Như Lai hay che trùm tất cả chúng sanh.

Cho nên, Tỳ-kheo nên nghĩ nhớ siêng năng, gắng dũng mãnh tinh tấn như Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*
* *

XXXXIX. PHẨM CHĂN TRÂU (1)

(Phân thứ tư tụng riêng)

1. Tôi nghe như vậy,

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu người chăn trâu thành tựu mười một pháp, thì bấy trâu không thể tăng trưởng, cũng không thể giữ được trâu của mình. Thế nào là mười một ? Nếu người chăn trâu không phân biệt được hình sắc trâu; không biết tướng mạo trâu; trâu cần cọ xát, tắm rửa mà không biết cọ xát tắm rửa; không biết chăm sóc vết thương trâu; không biết tùy thời un khói; không biết chỗ ruộng tốt cỏ non cho trâu ăn; không biết chỗ an ổn; cũng không biết chỗ lừa trâu qua sông; không biết thời thích hợp;

khi vắt sữa không chừa lại mà vắt lấy hết; có những con trâu lớn sử dụng được, không biết tùy thời giữ gìn. Này các ! Đó gọi là người chăn trâu thành tựu mười một pháp, rốt cuộc không thể nuôi lớn đàn trâu, không biết giữ gìn thân chúng.

Nay trong chúng Tỳ-kheo cũng lại như thế, trọn không thể tăng trưởng lợi ích. Thế nào là mười một ? Ở đây, Tỳ-kheo không phân biệt sắc kia; không hiểu tướng của nó; cần chăm sóc kỳ cọ mà không biết chăm sóc kỳ cọ; không chăm sóc vết thương; không biết tùy thời un khói; không biết chỗ ruộng tốt cỏ non; không biết bến qua sông; cũng không biết chỗ an ổn; không biết ăn đúng thời; không biết lưu lại những gì còn thừa; không biết kính trọng các Tỳ-kheo trưởng lão.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết về sắc ? Ở đây, Tỳ-kheo có sắc tứ đại và tứ đại sở tạo, thấy đều không biết. Như thế, Tỳ-kheo không phân biệt về sắc.

Thế nào là Tỳ-kheo không phân biệt về tướng ? Ở đây, Tỳ-kheo không biết hành động ngu, cũng không biết hành động trí, không biết như thật. Như thế, Tỳ-kheo không phân biệt tướng.

Thế nào là Tỳ-kheo đáng chăm sóc kỳ cọ mà

không chăm sóc kỳ cọ ? Ở đây, Tỳ-kheo mắt thấy sắc liền khởi tướng sắc, có các niệm loạn động, lại không giữ gìn nhãn căn. Do không khéo nhiếp niệm nên gây ra các ương lụy, không giữ gìn nhãn căn. Như thế, nếu Tỳ-kheo tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm trơn mịn, ý biết pháp khởi các loạn tướng, cũng không giữ gìn ý căn, không sửa đổi hành động của mình. Như thế, Tỳ-kheo nên chăm sóc kỳ cọ mà không chăm sóc kỳ cọ.

Thế nào là Tỳ-kheo không trị lành vết thương ? Ở đây, Tỳ-kheo khởi dục tướng mà không lìa bỏ, cũng không trừ ý niệm ấy. Nếu khởi tướng sân hận, tướng sát hại, khởi lên các tướng ác, tướng không lành thì trọn không rời bỏ. Như thế, Tỳ-kheo không trị lành vết thương.

Thế là Tỳ-kheo không tùy thời xông khói ? Ở đây, Tỳ-kheo đối với pháp đã tụng đọc, không tùy thời dạy lại cho người. Như thế, Tỳ-kheo không tùy thời xông khói.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết ruộng tốt cỏ non ? Ở đây, Tỳ-kheo không biết Tứ ý chỉ (Tứ niệm xứ), không biết như thật. Như thế, Tỳ-kheo không biết chỗ ruộng tốt cỏ non.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết bến qua sông ?

Ở đây, Tỳ-kheo không phân biệt được Tám đạo phẩm Hiền Thánh. Như thế, Tỳ-kheo không biết bến qua sông.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết chỗ đáng yêu thích ? Ở đây, Tỳ-kheo đối với mười hai bộ: Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ ký, Kệ, Nhân duyên, Bốn sự, Phương đẳng, Thí dụ, Bốn sanh, Tụ thuyết, Luận nghị, Vị tăng hữu. Như thế, Tỳ-kheo không biết chỗ đáng yêu thích.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết thời thích hợp ? Ở đây, Tỳ-kheo đi đến nhà khinh tiện, nhà vui chơi. Như thế, Tỳ-kheo không biết thời thích hợp.

Thế nào là Tỳ-kheo không lưu lại vật thừa ? Ở đây, Tỳ-kheo có các Phạm chí hay Ưu-bà-tắc tín tâm đến thỉnh thọ trai, song các Tỳ-kheo đâm trước vào ăn uống, không biết ngừng đủ. Như thế, Tỳ-kheo không lưu lại vật thừa.

Thế nào là Tỳ-kheo không kính trọng bậc trưởng lão, những Tỳ-kheo cao đức ? Ở đây, Tỳ-kheo không phát tâm cung kính đối với các bậc đức độ. Như thế, Tỳ-kheo có nhiều sai phạm. Đó gọi là Tỳ-kheo không cung kính trưởng lão.

Nếu có Tỳ-kheo thành tựu mười một pháp này, trọn không thể ở trong pháp được nhiều lợi ích.

Nếu người chăn trâu thành tựu mười một pháp, hay giữ gìn đàn trâu của mình thì trọn không mất thời, có các lợi ích. Thế nào là mười một ? Ở đây, người chăn trâu biết sắc trâu, phân biệt tướng trâu, cần tắm rửa kỳ cọ thì tắm rửa kỳ cọ, chăm sóc các vết ghẻ lở, tùy thời xông khói, biết chỗ ruộng tốt cỏ ngon, biết bến qua sông cần yếu, thương trâu của mình, phân biệt thời thích hợp với trâu, cũng biết tánh tình trâu, nếu khi vắt sữa trâu thì biết chứa lại, cũng biết tùy thời chăm sóc giữ gìn những con trâu có thể sử dụng. Như thế, người chăn trâu biết giữ gìn trâu. Như thế, này Tỳ-kheo ! Nếu người chăn trâu thành tựu mười một pháp không mất thời tiết, trọn không bị bại hoại.

Như thế, Tỳ-kheo nếu thành tựu mười một pháp, nơi hiện pháp này được nhiều lợi ích. Thế nào là mười một pháp ? Ở đây, Tỳ-kheo biết sắc, biết tướng, biết cọ rửa, biết chăm sóc vết thương, biết xông khói, biết chỗ ruộng tốt cỏ ngon, biết chỗ đáng yêu thích, biết chọn đường đi, biết chỗ qua sông, biết ăn vừa đủ, biết kính trọng Tỳ-kheo trưởng lão và tùy thời lễ bái.

Thế nào là Tỳ-kheo biết sắc ? Ở đây Tỳ-kheo biết sắc tứ đại, cũng biết tứ đại tạo sắc. Đó gọi là Tỳ-kheo biết sắc.

Thế nào là Tỳ-kheo biết tướng ? Ở đây Tỳ-kheo biết tướng ngu, biết tướng trí, biết như thật. Như thế, Tỳ-kheo biết tướng.

Thế nào là Tỳ-kheo biết cọ rửa ? Ở đây, nếu Tỳ-kheo khởi tướng dục liền biết xa lìa, cũng không tha thiết, vĩnh viễn không dục tướng. Nếu tướng sân, tướng hại, và các tướng ác bất thiện khởi lên thì đều biết xa lìa, cũng không tha thiết, vĩnh viễn không tướng sân. Như thế, Tỳ-kheo biết cọ rửa.

Thế nào là Tỳ-kheo biết chăm sóc vết thương ? Ở đây, Tỳ-kheo nếu mắt thấy sắc không khởi tướng sắc thì cũng không nhiễm trước, mà làm trong sạch nhân căn, trừ bỏ lo buồn và pháp ác bất thiện, tâm không tham vui trong ấy, giữ gìn nhân căn. Như thế, Tỳ-kheo nếu tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp thì không khởi thức tướng, cũng không nhiễm trước, mà thanh tịnh ý căn. Như thế, Tỳ-kheo biết chăm sóc vết thương.

Thế nào là Tỳ-kheo biết xông khói ? Ở đây, Tỳ-kheo từ pháp được nghe, vì người giảng nói rộng. Như thế là Tỳ-kheo biết xông khói.

Thế nào là Tỳ-kheo biết chỗ ruộng tốt, cò non ? Ở đây, Tỳ-kheo đối với Tám đạo phẩm Hiền

Thánh như thật mà biết. Đó là Tỳ-kheo biết chỗ ruộng tốt cò non.

Thế nào là Tỳ-kheo biết chỗ đáng yêu ? Ở đây, nếu Tỳ-kheo nghe Như Lai nói pháp báu thì tâm liền vui thích. Như thế, Tỳ-kheo biết chỗ đáng yêu.

Thế nào là Tỳ-kheo biết chọn đường đi ? Ở đây, Tỳ-kheo đối với mười hai bộ kinh, chọn mà hành trì. Đó là Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ ký, Kê, Nhân duyên, Bốn sự, Phương đẳng, Thí dụ, Bốn sanh, Tụ thuyết, Luận nghị, Vị tăng hữu. Như thế là Tỳ-kheo biết chọn đường đi.

Thế nào là Tỳ-kheo biết chỗ qua sông ? Ở đây, Tỳ-kheo biết Tứ ý chỉ (Tứ niệm xứ), đó gọi là Tỳ-kheo biết chỗ qua sông.

Thế nào là Tỳ-kheo biết ăn vừa đủ ? Ở đây, Tỳ-kheo được Phạm chí, Ưu-bà-tắc tín tâm đến thỉnh thọ trai, không tham ăn uống, có thể tự biết đủ. Như thế Tỳ-kheo biết vừa đủ.

Thế nào là Tỳ-kheo tùy thời kính vâng Tỳ-kheo trưởng lão ? Ở đây, Tỳ-kheo thường dùng thân miệng ý làm lành đối với các Tỳ-kheo trưởng lão. Như thế, Tỳ-kheo tùy thời cung kính Tỳ-kheo trưởng lão.

Như thế, nếu thành tựu mười một pháp, ở trong hiện pháp được nhiều lợi ích.

Thế Tôn bèn nói kệ:

*Chăn trâu không lười biếng,
Người ấy được phước báo,
Sáu con trong sáu năm,
Dân dần thành sáu chục.
Tỳ-kheo thành tựu giới,
Với Thiên, được tự tại,
Nếu sáu căn vắng lặng,
Sáu năm thành lục thông.*

Như thế, Tỳ-kheo ! Nếu có người lìa pháp ác này, thành tựu mười một pháp này thì ở trong hiện pháp được nhiều lợi ích. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy.

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Phật bảo các Ty-kheo:

— Nếu Tỳ-kheo thành tựu mười một pháp, ắt có thể có sự lớn mạnh. Thế nào là mười một ? Ở đây, Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu chánh định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu

giải thoát tri kiến, các căn vắng lặng, ăn uống biết vừa đủ, thường tu hành cộng pháp, biết phương tiện, phân biệt nghĩa thú, không đắm trước lợi dưỡng. Như thế, Tỳ-kheo thành tựu mười một pháp này, có thể lớn mạnh. Vì sao ? Tất cả các hạnh chính có mười một pháp.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

— Vì sao nói có mười một pháp, không hơn ?

Phật bảo:

— Thế nào là mười một ? Đó là ở chỗ vắng, đi khát thực, ngồi một chỗ, ngày ăn một bữa, ăn chánh ngộ, không lựa chọn nhà ăn, giữ ba y, ngồi dưới cội cây, ngồi chỗ vắng, chỗ trống, mặc y cũ vá, ngồi nơi gò mả. Như thế, Tỳ-kheo, có người thành tựu mười một pháp này, liền có chỗ đạt đến.

Nay Ta lại bảo Thầy, nếu có người trong mười một năm, học pháp này thì người ấy hiện đời thành A-na-hàm, chuyển thân liền thành A-la-hán. Các Tỳ-kheo, thôi không cần mười một năm, hoặc chín, tám, bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai, chỉ một năm học pháp này, liền chứng quả thứ hai, hoặc A-na-hàm, hoặc A-la-hán. Hoặc không cần mười hai tháng, chỉ trong một tháng tu hành pháp này, Tỳ-kheo ấy chắc chắn thành hai quả, hoặc A-na-hàm, hoặc A-la-hán.

Vì sao như vậy ? Mười hai nhân duyên đều phát xuất từ mười một pháp này. Đó là sanh, lão, bệnh, tử, lo buồn khổ não... Nay Ta dạy các Tỳ-kheo nên giống như Tỳ-kheo Ca-diếp. Nếu như có người thực hành pháp khiêm tốn khổ hạnh thì khó có gì sánh kịp hạnh này. Vì sao ? Tỳ-kheo Ca-diếp thành tựu mười một pháp này. Nên biết chư Phật đời quá khứ thành Đẳng Chánh Giác cũng thành tựu mười một pháp khổ hạnh này. Nay Tỳ-kheo Ca-diếp vì thương xót tất cả chúng sanh. Nếu cúng dường các Thanh văn đời quá khứ thân sau sẽ được phước báu. Nếu cúng dường Ca-diếp, thân hiện đời được phước báu. Nếu như Ta không thành Đẳng Chánh Giác, sau sẽ do Ca-diếp thành Đẳng Chánh Giác. Do nhân duyên này nên Tỳ-kheo Ca-diếp hơn các Thanh văn đời quá khứ. Ai có thể làm như Ca-diếp, đây ắt là hạnh trên hết.

Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy,

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn vì vô số chúng sanh vây

quanh trước sau, mà nói pháp. Lúc ấy Tôn giả Xá-lợi-phất dắt nhiều chúng Tỳ-kheo đi kinh hành. Các Tỳ-kheo Đại Mục-kiên-liên, Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ly-bà-đa, Ca-chiên-diên, Mãn-tử-tử, Ưu-ba-ly, Tu-bồ-đề, La-vân, A-nan v.v... mỗi người đều dắt một số Tỳ-kheo tự vui cùng nhau. Đề-bà-đạt-đa cũng dắt nhiều chúng Tỳ-kheo tự đi kinh hành.

Thế Tôn thấy các đệ tử thân túc mỗi người đều dẫn chúng của mình đi kinh hành. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Người đời, về thân căn và tánh tình mỗi mỗi tự thích hợp với nhau. Người hiền cùng làm bạn với người hiền, người ác cùng làm bạn với người ác. Cũng như sữa tương ưng với sữa, bơ tương ưng với bơ, phần uế cùng tương ưng với phần uế. Đây cũng như vậy, căn tánh, hành động, pháp tắc của chúng sanh mỗi tự tương ưng. Người hiền tương ưng với người hiền, người ác tương ưng với người ác. Các Thầy có thấy Tỳ-kheo Xá-lợi-phất dắt các Tỳ-kheo đi kinh hành kia chăng ?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

— Thừa vâng, thấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Những người ấy đều là hàng có trí tuệ.

Phật lại hỏi các Tỳ-kheo:

— Các Thầy có thấy Tỳ-kheo Mục-kiên-liên dắt các Tỳ-kheo đi kinh hành chăng ?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

— Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

— Những Tỳ-kheo ấy đều là hàng có thân túc.

Phật lại hỏi:

— Các Thầy thấy Tỳ-kheo Ca-diếp dắt các Tỳ-kheo đi kinh hành chăng ?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

— Các Thượng sĩ ấy đều là những người thật hành mười một pháp đầu đà.

Phật lại hỏi:

— Các Thầy thấy Tỳ-kheo A-na-luật chăng ?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

— Những Hiền sĩ ấy đều là hàng Thiên nhân đệ nhất.

Phật lại hỏi:

— Có thấy Tỳ-kheo Ly-việt chẳng ?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

— Những người ấy đều là hàng nhập định.

Phật lại hỏi:

— Các Thầy có thấy Tỳ-kheo Ca-chiên-diên chẳng ?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

— Những Thượng sĩ ấy đều là người phân biệt nghĩa lý.

Phật lại hỏi:

— Các Thầy có thấy Tỳ-kheo Mãn-từ-tử chẳng ?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

— Những Hiền sĩ ấy đều là người thuyết pháp.

Phật lại hỏi:

— Các Thầy có thấy Ưu-ba-ly dẫn các Tỳ-kheo đi kinh hành chẳng ?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

— Những người ấy đều là người giữ gìn giới cấm.

Phật lại hỏi:

Các Thầy thấy Tỳ-kheo Tu-bô-đê chẳng ?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

— Những Thượng nhơn ấy đều là bậc Giải không đệ nhất.

Phật lại hỏi:

— Các Thầy có thấy Tỳ-kheo La-vân chẳng ?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

— Những Hiền sĩ ấy đều là người đầy đủ giới.

Phật lại hỏi:

— Các Thầy có thấy Tỳ-kheo A-nan chẳng ?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Thưa vâng, thấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Những Hiền sĩ ấy đều là người đa văn đệ nhất, nghe rồi không quên.

Phật lại hỏi:

— Các Thầy có thấy Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa dắt các người đi kinh hành chẳng ?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

— Những người ấy lấy việc ác làm đầu, không có gốc lành.

Thế Tôn bèn nói kệ:

*Chớ cùng Ác tri thức,
Cùng người ngu làm việc,
Nên cùng Thiện tri thức,
Giao thiệp với người trí.
Nếu người vốn không ác,
Gần gũi với người ác,
Sau đt thành nhân ác,
Tiếng ác đồn khắp nơi.*

Bấy giờ, hơn ba mươi đệ tử của Đề-bà-đạt-đa nghe Thế Tôn nói bài kệ ấy rồi, bèn bỏ Đề-bà-đạt-đa đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, xin sửa đổi tội nặng.

Các vị ấy lại bạch Thế Tôn:

— Chúng con ngu si mê lầm, không biết chon ngụy, bỏ Thiện tri thức mà gần Ác tri thức. Cúi xin Thế Tôn tha thứ, về sau không dám phạm.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Cho phép các Thầy sám hối lỗi lầm, sửa điều đã làm, chỉnh đốn điều sắp làm, đừng phạm lại.

Bấy giờ, đệ tử của Đề-bà-đạt-đa, vâng lời Thế Tôn dạy, ở chỗ vắng suy nghĩ nghĩa lý vi diệu, tự khắc phục hành động của mình. Vốn là hàng quý tộc, cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo, vì muốn tu Phạm hạnh vô thượng, các Tỳ-kheo đều đặc quã A-la-hán.

Tỳ-kheo nên biết ! Cội nguồn của chúng sanh đều tự theo loại với nhau. Người ác đi theo người ác, người hiền đi theo người hiền. Cội nguồn của chúng sanh thời quá khứ và tương lai cũng lại như thế, cùng theo loại với nhau. Cũng như tịnh tương ưng với tịnh, bất tịnh tương ưng với bất tịnh. Cho nên, Tỳ-kheo nên học tương ưng với tịnh, xả bỏ bất tịnh. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại thành Câu-lưu-sa Pháp Hành, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, Tôn giả Tượng Xá-lợi-phất xả bỏ pháp y, tập theo hạnh cư sĩ. Khi ấy, Tôn giả A-nan đắp y mang bát vào thành khát thực, đi dần dần đến nhà Tượng Xá-lợi-phất. Tượng Xá-lợi-phất đang kê vai hai thiếu nữ. A-nan thấy như vậy, bèn khởi ý lo buồn không vui. Tượng Xá-lợi-phất thấy A-nan rồi, rất hổ thẹn, bèn ngồi riêng một mình.

Bấy giờ, A-nan khát thực xong, ra khỏi thành, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên.

A-nan bạch Phật:

— Vừa rồi con vào thành khát thực, đi dần dần đến nhà Tượng Xá-lợi-phất, thấy đang kê vai hai cô vợ. Con thấy vậy rất lo buồn.

Phật hỏi:

— Thấy thấy rồi khởi ý niệm gì ?

A-nan bạch Phật:

— Con nhớ Tượng Xá-lợi-phất là người tinh tấn đa văn, tánh hạnh nhu hòa, vì các người Phạm hạnh nói pháp không chán. Vì sao hôm nay lại xả bỏ pháp phục, tập hạnh cư sĩ ? Con thấy rồi rất lo buồn. Bởi vì Tượng Xá-lợi-phất, có sức oai thần lớn, oai đức vô lượng. Tự nghĩ xưa con từng thấy vị ấy

bàn luận với Thích-đề-hoàn-nhân, tại sao ngày nay lại tập theo dục lạc làm ác ?

Phật bảo:

— Như thế, A-nan ! Như lời Thầy nói. Chỉ vì vị ấy không phải là A-la-hán. Phàm là A-la-hán mới không bỏ pháp phục, tập hạnh cư sĩ. Nhưng này A-nan, chớ lo buồn ! Sau bảy ngày, Tượng Xá-lợi-phất sẽ đến đây, chấm dứt hữu lậu thành vô lậu. Chỉ vì Tượng Xá-lợi-phất do nghiệp cũ lôi kéo nên như thế. Hạnh nghiệp đời này đầy đủ sẽ dứt hữu lậu.

Bấy giờ, Tượng Xá-lợi-phất sau bảy ngày đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, giây lát đứng dậy bạch Phật:

— Cúi xin Thế Tôn cho phép con lần cuối tu hạnh Sa-môn.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Tượng Xá-lợi-phất liền được làm Sa-môn ngay tại chỗ ngồi đắc A-la-hán.

Tượng Xá-lợi-phất đắp y mang bát vào thành khất thực, lúc ấy có một Phạm chí sanh ý niệm rằng: “Các Sa-môn dòng Thích này, chỗ nào cũng có, hiện diện khắp nơi, lại dứt tuyệt cả việc thi hành chú thuật của chúng ta. Nay ta sẽ nói với người trong thành vết xấu của Sa-môn này”. Bấy giờ, Phạm chí ấy nói với mọi người trong thành rằng:

— Các Người có thấy Tượng Xá-lợi-phất chẳng ? Ngày trước tự xưng là A-la-hán, nửa chừng bỏ pháp phục tập hạnh thế gian, vui chơi trong ngũ dục. Nay lại làm Sa-môn, đi khát thực từng nhà ra về trong sạch, thấy phụ nữ khởi lên dục tính, trở về tinh xá nhớ nghĩ nữ sắc không quên. Như con lừa mệt mỏi không khám chỗ đỗ, nằm mẹp không nhúc nhích; đệ tử dòng Thích này cũng như vậy, ngoài hiện vẻ khát thực mà thấy người nữ thì suy nghĩ toan tính.

Tượng Xá-lợi-phất nghe Phạm chí ấy gieo rắc tiếng tăm ác, bèn khởi nghĩ: “Người này rất ngu si, sanh tâm tật đố, thấy người khác được lợi dưỡng sanh lòng bòn sẻn, ganh ghét. Nếu mình được lợi dưỡng thì bèn vui mừng, đến nhà cư sĩ phỉ báng. Nay ta phải chế ngự không cho làm ác, không khiến cho người này chịu tội vô lượng”.

Tượng Xá-lợi-phất bay lên hư không, bảo Phạm chí rằng:

*Không mắt, không cách khéo,
Khởi tâm chê Phạm hạnh,
Tự làm việc vô ích,
Chịu khổ địa ngục lâu.*

Tượng Xá-lợi-phất nói kệ ấy rồi, bèn trở về

chỗ của mình. Khi ấy, dân chúng trong thành nghe Phạm chí phỉ báng, lại nghe Tượng Xá-lợi-phất nói kệ, đều khởi nghĩ rằng: “Nếu đúng như lời Phạm chí, sau lại hiện thân tức khó bì, chúng ta lại thấy Sa-môn ấy xả bỏ pháp phục, tập hạnh cư sĩ”. Khi ấy, phần đông dân chúng, mỗi mỗi đến chỗ Tượng Xá-lợi-phất, cúi đầu lễ dưới chân, lui ngôi một bên. Mọi người hỏi Tượng Xá-lợi-phất rằng:

— Có vị A-la-hán nào xả bỏ pháp phục, tập hạnh thế gian chăng ?

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

— Không có A-la-hán xả bỏ pháp phục, tập hạnh cư sĩ.

Mọi người bạch Tượng Xá-lợi-phất:

— A-la-hán có vì duyên cũ mà phạm giới chăng ?

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

— Đã đắc quả A-la-hán, trọn không phạm giới.

Dân chúng lại hỏi:

— Người ở địa vị học đạo có vì duyên cũ mà phạm giới chăng ?

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

— Có, nếu người còn ở vị học đạo, do duyên xưa nên phạm giới.

Mọi người lại hỏi:

— Tôn giả trước đây đã là A-la-hán, lại bỏ pháp phục, tập theo hạnh thế gian, vui chơi trong ngũ dục, nay lại xuất gia học đạo. Trước vốn có thân túc, nay vì sao như thế.

Tượng Xá-lợi-phất bèn nói kệ:

*Được Thiên định thế gian,
Rốt ráo không giải thoát,
Chưa được vết diệt tận,
Lại tập theo ngũ dục.
Không củi, lửa không cháy,
Không gốc, cành không sanh,
Gái đá không mang thai,
La-hán không bị rơi.*

Bấy giờ dân chúng lại hỏi Tượng Xá-lợi-phất:

— Tôn giả trước đây không phải A-la-hán chăng ?

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

— Trước đây tôi không phải là A-la-hán. Các cư sĩ nên biết, ngũ thông và lục thông mỗi thứ sai khác nhau. Nay tôi sẽ nói về mười một thông ấy.

Phàm hạng tiên nhơn được ngũ thông đã dứt sạch dục ái, nếu sanh về cõi trên lại rơi xuống dục giới. Hàng A-la-hán lục thông đệ tử của Phật, được lậu tận thông tức ngay nơi cảnh giới Niết-bàn Vô dư, mà vào Niết-bàn.

Dân chúng lại thưa rằng:

— Chúng tôi quán sát lời nói của Tôn giả, thời ở thế gian không có A-la-hán xả bỏ pháp phục, tập theo hạnh cư sĩ.

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

— Như thế, như lời các ông nói, không có A-la-hán nào xả bỏ pháp phục, tập hạnh cư sĩ. Có mười một pháp, A-la-hán không tập theo.

Thế nào là mười một ? A-la-hán lậu tận trọn không xả bỏ pháp phục, tập theo hạnh cư sĩ; A-la-hán lậu tận trọn không tập hạnh bất tịnh; A-la-hán lậu tận trọn không sát sanh; A-la-hán lậu tận trọn không trộm cắp; A-la-hán lậu tận không lưu lại vật thừa; A-la-hán lậu tận trọn không nói dối; A-la-hán lậu tận trọn không khiến đôi bên gây gổ. A-la-hán lậu tận trọn không nói lời ác; A-la-hán lậu tận trọn không còn hồ nghi; A-la-hán lậu tận trọn không sợ sệt; A-la-hán lậu tận trọn không theo học thầy khác, lại cũng không thọ bào thai. Đó gọi là các

Hiền sĩ A-la-hán lậu tận trọn không làm theo mười một hạnh.

Bấy giờ, dân chúng bạch với Tượng Xá-lợi-phất:

— Chúng con nghe Tôn giả nói, thấy hàng ngoại đạo dị học như bình rỗng không có gì. Nay thấy nội pháp như bình đựng mật ngọt. Chánh pháp Như Lai cũng lại như thế. Nay Phạm chí ấy chịu tội vô lượng.

Tượng Xá-lợi-phất bay lên hư không, ngồi kiết-già nói kệ:

*Không hiểu việc đây, kia,
Tập theo thuật ngoại đạo,
Gây đấu tranh đôi bên,
Người trí không làm thế.*

Dân chúng thành Câu-lưu-sa thưa Tượng Xá-lợi-phất rằng:

— Lời nói của Tôn giả hơn nhiều, thật khó sánh kịp, cũng như người mù được sáng mắt, người điếc được nghe. Nay lời nói của Tôn giả cũng thế, dùng vô số phương tiện nói giáo pháp. Ngày nay chúng con tự quy y Phật, Pháp, Tỳ-kheo Tăng. Cúi xin Tôn giả nhận chúng con làm Ưu-bà-tắc, trọn đời giữ năm giới, không sát sanh...

Bấy giờ, Tôn giả Tượng Xá-lợi-phất vì dân chúng nói pháp vi diệu, khiến họ phát tâm hoan hỷ, họ đều từ chỗ ngồi đứng dậy, làm lễ mà lui.

Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Phạm chí phi báng Tượng Xá-lợi-phất song không đến đâu, còn không dám nhìn Tượng Xá-lợi-phất, hướng gì cùng bàn luận, liền đến chỗ Phật, đem tất cả nhân duyên ấy thưa với Phật.

Phật bảo A-nan rằng:

— Phàm luận về A-la-hán bình đẳng, nên nói chính là Tượng Xá-lợi-phất. Vì sao ? Nay Tượng Xá-lợi-phất đã thành A-la-hán. Xưa kia nghe đồn về danh tiếng A-la-hán, nay mới đạt được. Hàng thế tục được ngũ thông, không phải là hạnh chơn thật, sau ắt bị mất. Hàng lục thông là hạnh chơn thật. Vì sao ? Tượng Xá-lợi-phất trước có ngũ thông, sau được lục thông. Thầy cũng nên học như Tượng Xá-lợi-phất. Đây là nghĩa ấy nên ghi nhớ vâng làm.

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta sẽ nói về pháp nhân duyên, nên khéo suy nghĩ ghi nhớ, tu tập hạnh ấy.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

— Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, Thế Tôn bảo:

— Thế nào là pháp nhân duyên ?

Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử, ưu bi khổ não không thể tính kể. Như thế thành thân năm ấm này.

Thế nào gọi là vô minh ? Nghĩa là không biết Khổ, không biết Tập, không biết Diệt, không biết Đạo. Đây là vô minh.

Thế nào gọi là hành ? Hành có ba loại, thế nào là ba ? Là thân hành, khẩu hành, ý hành. Đó là hành.

Thế nào gọi là thức ? Đó là sáu thức thân. Thế nào là sáu ? Là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Đó là thức.

Thế nào gọi là danh ? Là thọ, tướng, hành, thức. Đó là danh.

Thế nào gọi là sắc ? Là thân tứ đại và sắc thân do tứ đại tạo nên. Đó là sắc. Sắc khác danh khác, nên gọi là danh sắc.

Thế nào gọi là lục nhập ? Là nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập. Đó là lục nhập.

Thế nào gọi là xúc ? Là sáu xúc thân. Thế nào là sáu ? Là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Đó là xúc.

Thế nào gọi là thọ ? Là ba thọ. Thế nào là ba ? Là thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui. Đó gọi là thọ.

Thế nào gọi là ái ? Là ba ái: dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

Thế nào gọi là thủ ? Là bốn thủ. Thế nào là bốn ? Là dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ. Đó gọi là thủ.

Thế nào gọi là hữu ? Là ba hữu. Thế nào là ba ? Là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Đó gọi là hữu.

Thế nào gọi là sanh ? Là khi đầy đủ ngày

tháng, ra khỏi bụng mẹ, nhận sự hiện hữu, được thân năm ấm, thọ lãnh các nhập. Đó gọi là sanh.

Thế nào gọi là lão ? Là chúng sanh kia, nơi thân phần này răng rụng, tóc bạc, khí lực yếu mòn, các căn rã rời, thọ mạng ngày càng suy, không còn tình thức như xưa. Đó gọi là lão.

Thế nào gọi là tử ? Là khi chúng sanh kia, lần lượt thân thể không còn ấm, vô thường biến đổi, các căn phân tán, bỏ thân năm ấm, mạng sống chấm dứt. Đó gọi là tử.

Tỳ-kheo nên biết ! Như thế gọi là lão, bệnh, tử. Đây gọi là nhân duyên. Ta đã phân biệt rộng nghĩa ấy. Điều cần làm của các đức Phật Như Lai, khởi lòng thương xót lớn, nay Ta đã làm xong. Các Thầy nên ghi nhớ, khi ngồi dưới gốc cây, nơi đất trống, hoặc ở gò má, nên suy nghĩ tọa Thiền, chớ sợ hãi. Ngày nay không siêng năng, sau ân hận vô ích.

Bấy giờ A-nan bạch Phật:

— Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói pháp nhân duyên sâu xa. Nhưng con thấy không có nghĩa sâu xa gì cả.

Đức Phật bảo:

— Thôi, thôi, A-nan ! Chớ khởi ý nghĩ ấy. Vì

sao ? Pháp Mười hai nhân duyên rất sâu xa, không phải là chỗ hiểu của người thường.

Xưa, khi Ta chưa giác ngộ pháp nhân duyên này, bị trôi lăn trong sanh tử không có ngày ra khỏi. Lại, này A-nan ! Không phải ngày nay Thấy mới nói pháp nhân duyên không sâu xa, từ trước đến nay đã nói không sâu xa. Vì sao ?

Thời quá khứ, có vị vua A-tu-la tên Tu-diệm, khởi ý nghĩ này: “Muốn nắm mặt trời, mặt trăng ra khỏi biển lớn”. Bèn hóa thân to lớn, nước biển chỉ tới ngang lưng. Bấy giờ, vua A-tu-la ấy có con trai tên Câu-na-la, tự nói với cha rằng:

— “Nay con muốn tắm trong biển”.

Tu-diệm bảo:

— “Con đừng thích tắm trong biển. Vì sao ? Nước biển rất sâu và rộng, con không thể tắm trong đó”.

Câu-na-la tự nói:

— “Con thấy nước biển chỉ đến ngang lưng cha, vì sao lại nói là sâu rộng ?”

Khi đó, vua A-tu-la nắm lấy con dìm vào trong biển lớn, con trai A-tu-la chân không chấm đáy bể, rất là sợ hãi.

Vua Tu-diệm bảo con rằng:

— “Ta đã nói trước với con rằng biển rất sâu, con nói không khổ, chỉ có ta mới có thể tắm trong biển lớn, không phải con có thể tắm được”.

A-tu-la Tu-diệm lúc ấy há phải người nào lạ ? Chớ nghĩ như thế, Vì sao ? Tu-diệm tức là thân Ta, con trai của A-tu-la lúc ấy chính là thân Thấy. Khi ấy nước biển rất sâu, Thấy nói không khổ. Nay Ta nói pháp Mười hai nhân duyên rất sâu xa, Thấy lại nói không sâu xa.

Chúng sanh không hiểu pháp Mười hai nhân duyên, lưu chuyển trong sanh tử không có ngày ra khỏi, thân đều mê lầm không biết khổ hạnh. Từ đời này đến đời sau, từ đời sau đến đời này, vĩnh viễn ở trong năm thứ phiền não, muốn ra rất khó. Ta ban đầu mới thành đạo, suy nghĩ về Mười hai nhân duyên, hàng phục ma quân, quyến thuộc của ma. Do trừ vô minh mà được tuệ minh, vĩnh viễn trừ diệt các tối tăm, không còn trần cấu. A-nan ! Khi Ta ba phen chuyển, mười hai lần nói pháp nhân duyên này, liền được thành đạo. Do phương tiện này nên biết, pháp Mười hai nhân duyên rất sâu xa, không phải người thường có thể tuyên nói.

Như thế, này A-nan, nên ghi nhớ phụng trì

pháp Mười hai nhân duyên sâu xa này, nên học điều này !

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, trong thành La-duyệt có một Phạm chí tên Thí-la, biết đủ các kỹ thuật, tất cả các kinh điển của ngoại đạo dị học, thiên văn địa lý, thầy đều quán triệt. Phạm chí là thầy dạy học cho năm trăm đồng tử Phạm chí.

Trong thành ấy lại có một Phạm chí dị học tên Sí-ninh, hiểu biết rộng, là người được vua Tần-bà-sa-la kính mến, thường tùy thời cung cấp cho đồ cần dùng.

Khi ấy, danh tiếng Như Lai lan rộng khắp nơi. Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, độ người vô lượng, xuất hiện ở đời. Khi đó, Phạm chí Sí-ninh khởi ý nghĩ rằng: “Danh hiệu Như Lai rất khó được nghe đến, nay ta muốn đến

gân gủi, lễ bái, thăm hỏi Ngài”. Phạm chí Sí-ninh liền đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên.

Phạm chí bạch Phật:

— Sa-môn Cù-đàm thuộc chủng tộc nào ?

Phật đáp:

— Ta thuộc chủng tộc Sát-lợi.

Phạm chí hỏi:

— Các Bà-la-môn có luận thuyết này: Chủng tộc của ta rất tôn quý, không ai hơn, hoặc nói là dòng họ trắng, hoặc nói dòng họ đen. Bà-la-môn tự xưng rằng: ta từ Phạm thiên sanh ra. Nay Sa-môn Cù-đàm có những luận thuyết gì ?

Phật bảo:

— Phạm chí nên biết, nếu có cưới xin, giá thú mới tìm dòng hào quý. Còn trong Chánh pháp của Ta, không có vấn đề danh tánh cao thấp, phải quấy.

Phạm chí lại hỏi:

— Cù-đàm ! Thế nào là nơi sanh thanh tịnh, sau mới được pháp thanh tịnh ?

Phật bảo Phạm chí:

— Ông dùng vấn đề nơi sanh thanh tịnh, pháp thanh tịnh để làm gì ?

Phạm chí lại nói:

— Các Bà-la-môn đều bàn luận thế này: Dòng họ ta rất tôn quý không ai hơn, hoặc nói là dòng trắng, hoặc nói dòng đen. Bà-la-môn tự xưng là do Phạm thiên sanh ra.

Phật bảo Phạm chí:

— Nếu có cô gái dòng Sát-lợi về làm vợ gia đình Bà-la-môn, giả sử sanh con trai sẽ theo họ gì ?

Phạm chí đáp:

— Nó sẽ thuộc về dòng Bà-la-môn. Vì sao ? Do người cha mới có đứa bé ấy.

Phật bảo:

— Nếu cô gái dòng Bà-la-môn kết hôn với dòng Sát-lợi, sanh con trai, sẽ theo họ ai ?

Phạm chí đáp:

— Đứa bé sẽ thuộc về dòng Sát-lợi. Vì sao ? Do người cha mới có đứa con ấy.

Phật bảo Phạm chí:

— Ông nên suy nghĩ kỹ, sau hãy đáp lời Ta. Hôm nay lời của Ông trước sau không hợp nhau.

Thế nào, này Phạm chí, giả sử có lừa cái theo ngựa, sau sanh con, sẽ gọi là ngựa, là lừa ?

Phạm chí đáp:

— Loại đó nên gọi là lừa ngựa. Vì sao ? Do di thể của lừa nên có con vật ấy.

Phật bảo Phạm chí:

— Ông nên suy nghĩ kỹ, sau hãy trả lời Ta. Nay lời của Ông, trước sau không tương ưng. Trước Ông nói con gái dòng Sát-lợi kết hôn dòng Bà-la-môn, nếu sanh con bèn mang dòng Bà-la-môn. Nay lừa cái theo ngựa sanh con, mà gọi là lừa ngựa, không phải trái với lời nói trước sao ? Lại, này Phạm chí ! Nếu ngựa theo lừa, sanh con sẽ gọi là gì ?

Phạm chí đáp:

— Nên gọi là ngựa lừa.

Phật bảo:

— Thế nào, Phạm chí, ngựa lừa và lừa ngựa há có khác gì ? Nếu có người nói “châu báu một học”, và người nói “một học châu báu”, hai nghĩa ấy có khác nhau chăng ?

Phạm chí đáp:

— Đó là một nghĩa. Vì sao ? Một học châu báu và châu báu một học, ý nghĩa không khác.

Phật bảo Phạm chí:

— Tại sao ngựa lừa và lừa ngựa lại không phải một nghĩa ?

Phạm chí đáp:

— Nay Sa-môn Cù-đàm tuy nói như thế, song Bà-la-môn tự khen rằng: “Dòng họ ta rất tôn quý không ai hơn”.

Phật bảo Phạm chí:

— Trước Ông khen ngợi người mẹ, sau lại khen ngợi người cha. Nếu cha cũng dòng Bà-la-môn, mẹ cũng dòng Bà-la-môn, sau sanh hai người con. Một người giỏi nhiều kỹ thuật, không việc gì không biết, người thứ hai lại không biết gì cả. Khi đó cha mẹ thương mến người nào ? Thương mến người con có trí tuệ, hay thương mến người con không biết gì ?

Phạm chí đáp:

— Cha mẹ ấy nên thương mến người thông minh cao đức, không nên thương mến người không có trí. Vì sao vậy ? Nay người con việc gì cũng biết, việc gì cũng giỏi, nên thương người đó, không nên thương người con vô trí.

Phật bảo Phạm chí:

— Nếu hai người con ấy, người thông minh lại khởi tâm làm mười việc ác như sát sanh, trộm cắp, tà dâm v.v..., người con không thông minh kia lại giữ gìn thân, miệng, ý, trong mười việc thiện đều giữ đủ, thì cha mẹ người ấy nên thương mến ai ?

Phạm chí đáp:

— Cha mẹ người ấy nên thương đứa con làm theo mười việc thiện. Người làm việc bất thiện, thương mến làm gì ?

Phật bảo Phạm chí:

— Trước đây Ông khen ngợi người đa văn, sau lại khen ngợi về giới đức. Thế nào, Phạm chí, nếu lại có hai người con, một người có cha chuyên chánh, mẹ không chuyên chánh, một người thì cha không chuyên chánh, mẹ chuyên chánh; người con có mẹ chuyên chánh, cha không chuyên chánh ấy, hiểu biết nhiều, hiểu rộng các kinh thuật; người thứ hai cha chuyên chánh, mẹ không chuyên chánh, không học rộng chỉ giữ mười điều lành; vậy nên kính trọng người có cha mẹ nào ? Kính trọng người có mẹ thanh tịnh, cha không thanh tịnh ? Hay kính trọng người có cha thanh tịnh, mẹ không thanh tịnh.

Phạm chí đáp:

— Nên kính trọng người con có mẹ thanh tịnh. Vì sao ? Vì người ấy biết các kinh sách, giỏi rộng về kỹ thuật. Còn người thứ hai, cha thanh tịnh, mẹ không thanh tịnh, tuy giữ giới mà không trí tuệ, không đi đến đâu. Vì có đa văn ắt có giữ giới.

Phật bảo Phạm chí:

— Trước Ông khen ngợi cha thanh tịnh, không khen ngợi mẹ thanh tịnh. Nay lại khen ngợi mẹ thanh tịnh, không khen ngợi cha thanh tịnh. Trước Ông khen ngợi đức đa văn, sau khen giữ giới. Ông lại khen về giới, sau mới nói đến đa văn.

Thế nào Phạm chí ! Nếu hai người con dòng Phạm chí ấy, người thứ nhất đa văn bác học lại thêm giữ thập thiện; người thứ hai không trí tuệ và làm mười điều ác; vậy nên kính trọng người có cha mẹ thế nào ?

Phạm chí đáp:

— Nên kính trọng người có cha thanh tịnh, mẹ không thanh tịnh. Vì sao ? Vì người ấy đọc nhiều kinh sách, hiểu biết các kỹ thuật, do cha thanh tịnh mà sanh con như thế, thêm giữ mười điều lành không trái phạm, đầy đủ tất cả giới đức vậy.

Phật bảo:

— Ông vốn nói về dòng họ, sau lại nói về sự đa văn, không nói đến dòng họ. Sau Ông nói về giữ giới không nói về đa văn, rồi lại nói về đa văn không nói về giới. Nay ông khen ngợi về cha mẹ, về văn và giới, há không trái với lời nói trước ư ?

Phạm chí bạch Phật:

— Sa-môn Cù-đàm tuy nói lời như thế, nhưng dòng Bà-la-môn tự xưng rằng: “Dòng họ của ta rất tôn quý không ai hơn”.

Phật bảo:

— Những nơi cần kết hôn, ắt bàn luận về dòng họ. Song trong pháp Ta không có nghĩa này. Ông có nghe nói về những người ở biên giới, các nơi xa và biên địa khác không ?

Phạm chí đáp:

— Vâng, tôi có nghe những người như thế.

Phật bảo:

— Nhân dân ở các nơi ấy có hai hạng. Thế nào là hai ? Một là người, hai là tôi tớ. Hai hạng này cũng không nhất định.

Lại hỏi:

— Như thế nào là không nhất định ?

Phật bảo:

— Hoặc khi làm người, sau lại làm tôi tớ. Hoặc làm tôi tớ, sau lại làm người. Song loài chúng sanh, thay đổi đồng một loại, không có nhiều hạng.

Lại thế này, Phạm chí ! Khi trời đất bị hủy hoại, thế gian đều trống rỗng, lúc ấy núi sông, đất đá, cỏ cây đều bị thiêu hủy hết thảy, người cũng chết.

Khi trời đất sắp thành lập, chưa có phân chia ngày giờ năm tháng. Bảy giờ, chư Thiên ở cõi trời Quang Âm đến chỗ này. Lúc đó, chư Thiên trời Quang Âm phước đức tiêu hết, không còn ánh sáng, dần dần nhìn nhau, khởi lên dục tưởng. Dục ý nhiều bèn thành người nữ, dục ý ít thành người nam, họ dần dần giao hợp bèn có bào thai. Do nhân duyên ấy nên có người ban đầu, chuyển sanh bốn dòng họ khắp trong thiên hạ. Do việc ấy nên biết, mọi người đều phát xuất từ dòng Sát-lợi.

Bảy giờ, Phạm chí bạch Phật:

— Hãy thôi, thưa Cù-đàm ! Như người gù được thẳng lưng, người mù được sáng mắt, người đui tối được thấy ánh sáng; Sa-môn Cù-đàm cũng lại như vậy, dùng vô số phương tiện vì tôi thuyết pháp. Nay tôi tự quy y với Sa-môn Cù-đàm, xin vì tôi nói pháp, cho phép được làm Ưu-bà-tắc.

Phạm chí lại bạch Phật:

— Cúi xin Như Lai, nhận lời thỉnh của con, cùng chúng Tỳ-kheo đến nhà con.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Phạm chí thấy Phật im lặng nhận lời thỉnh, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ra. Phạm chí về nhà, sắm sửa các thức ăn uống đầy đủ, trải các sàng tòa, rưới nước thơm trên đất và tự nói rằng: “Đức Như Lai sẽ ngồi chỗ này”.

Bấy giờ Phạm chí Thí-la dẫn năm trăm đồng tử đến nhà Phạm chí Sí-ninh, xa thấy nhà ấy trải nệm ghế tốt, thấy rồi bèn hỏi Phạm chí Sí-ninh:

— Hôm nay Ông định làm lễ cưới gả cho con, hay mời vua Tần-bà-sa-la đến nhà ?

Phạm chí Sí-ninh đáp:

— Tôi không mời vua Tần-bà-sa-la cũng không có việc cưới gả. Hôm nay tôi muốn làm phước nghiệp lớn.

Phạm chí Thí-la hỏi:

— Xin được nghe ý ấy. Định làm phước nghiệp gì ?

Bấy giờ, Phạm chí Sí-ninh trích bày vai phải, quỳ gối chấp tay bạch Thế Tôn, tự xưng tên họ.

Phạm chí Sí-ninh bảo Phạm chí Thí-la rằng:

— Thí-la nên biết, có người dòng họ Thích xuất gia học đạo, thành bậc Đăng Chánh Giác Chí Chơn Vô Thượng. Nay tôi thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng, cho nên sửa soạn đầy đủ chỗ ngồi như vậy.

Phạm chí Thí-la nói:

— Ông nói về Phật đấy ư ?

— Nay tôi nói về Phật.

Thí-la lại nói:

— Thật lạ kỳ ! Thật đặc biệt ! Hôm nay tôi mới nghe đến âm thanh Phật. Như Lai hiện giờ ở đâu ? Tôi muốn được gặp.

Sí-ninh đáp:

— Hiện ở ngoài thành La-duyet, trong vườn trúc, cùng với năm trăm đệ tử. Nếu Ông muốn gặp, nên biết đúng thời.

Lúc ấy, Phạm chí Thí-la bèn dẫn năm trăm đồng tử đi đến chỗ Phật, đến rồi nói lời chào hỏi lui ngôi một bên. Phạm chí Thí-la bèn khởi nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm rất đoan chánh, thân tướng sắc vàng. Trong kinh điển của chúng ta cũng có ghi rằng: Như Lai ra đời thật rất khó gặp, như hoa Ưu-đàm-bát đúng thời mới xuất hiện. Nếu thành tựu ba

mười hai tướng, và tám mươi vẻ đẹp, sẽ có hai trường hợp: Nếu ở nhà sẽ là bậc Chuyển luân Thánh vương, đầy đủ bảy thứ báu. Nếu xuất gia sẽ thành đạo Vô thượng, là bậc cứu giúp ba cõi". Nay ta muốn nhìn thấy ba mươi hai tướng của Phật.

Bấy giờ, Phạm chí chỉ thấy được ba mươi tướng, còn hai tướng nữa không thấy, liền sanh nghi ngờ, do dự, vì không thấy được tướng lưỡi rộng dài và tướng mã âm tàng của Phật.

Phạm chí bèn dùng kệ hỏi:

*Tôi nghe có ba hai,
Tướng tốt bậc Đại nhân,
Nay không thấy hai tướng,
Rốt cuộc ở chỗ nào ?
Mã âm tàng trong sạch,
Tướng ấy khó thí dụ.
Có tướng lưỡi rộng dài,
Trùm khắp tai, mặt chẳng ?
Xin hiện tướng lưỡi dài,
Khiến tôi không nghi ngờ.
Lại khiến tôi được thấy,
Trọn không kết lưỡi nghi.*

*
* *

XXXXIX. PHẨM CHẶN TRÂU (2)

Bấy giờ, Thế Tôn bèn đưa lưới liếm lỗ tai bên mặt và bên trái rồi thả vào. Và Ngài liền nhập chánh định, khiến Phạm chí ấy thấy được tướng mã âm tàng. Khi Phạm chí thấy Phật đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp thì vui mừng phấn khởi không thể tự kiềm. Phạm chí Thí-la bạch Phật:

— Nay tôi là Bà-la-môn, Sa-môn dòng Sát-lợi, song Sa-môn hay Bà-la-môn đều một đạo, cầu một giải thoát. Sa-môn chấp nhận chúng ta đồng một đạo chăng ?

Phật bảo Phạm chí:

— Ông có kiến chấp này.

Phạm chí thưa:

— Tôi có kiến chấp ấy.

Phật bảo Phạm chí:

— Ông nên khởi ý hướng về một giải thoát.
Đó là chánh kiến.

Phạm chí bạch Phật:

— Chánh kiến tức là một giải thoát, lại có giải thoát chăng ?

Thế Tôn bảo:

— Phạm chí ! Có giải thoát được Niết-bàn. Việc ấy có tám. Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Nay Phạm chí, đó là Tám đạo phẩm đưa đến Niết-bàn.

Phạm chí bạch Phật:

— Có chúng sanh nào biết được Tám đạo phẩm này chăng ?

Phật bảo:

— Chẳng phải một, trăm, nghìn. Phạm chí nên biết ! Có vô số trăm nghìn chúng sanh được biết Tám đạo phẩm này.

Phạm chí bạch Phật:

— Lại có chúng sanh nào không hiểu được Tám đạo phẩm này chăng ?

Phật bảo:

— Chúng sanh không hiểu điều này chẳng phải một người.

Phạm chí bạch Phật:

— Có chúng sanh nào không được pháp này chẳng ?

Phật bảo:

— Có chúng sanh không được đạo này gồm mười một hạng người như thế này. Thế nào là mười một ? Đó là những người gian nguỵ, ác ngữ, khó can gián, không biết ơn, tánh ưa ganh ghét, giết hại cha mẹ, giết A-la-hán, đoạn dứt căn lành, việc lành trở lại làm ác, chấp ngã, khởi ý ác đối với Như Lai. Phạm chí ! Đó là mười một hạng người không thể đạt được Tám đạo phẩm này.

Khi đức Phật đang nói Tám đạo phẩm, Phạm chí ấy dứt sạch các trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ Phạm chí Thí-la bảo năm trăm đệ tử:

— Các Ông đều học được điều tốt, mỗi người tự tụng tập. Ta muốn ở chỗ Phật tu Phạm hạnh.

Các đệ tử thưa:

— Chúng con cũng muốn xuất gia học đạo.

Bấy giờ, Phạm chí và năm trăm đệ tử, mỗi mỗi quỳ xuống bạch Phật:

— Cúi xin Thế Tôn cho chúng con xuất gia học đạo.

Phật bảo các Phạm chí:

— Thiện lai Tỳ-kheo ! Ở nơi Như Lai khéo tu Phạm hạnh thì dần dần sẽ chấm dứt gốc khổ.

Khi Phật nói lời ấy, năm trăm Phạm chí liền thành Sa-môn. Thế Tôn dần dần vì năm trăm người giảng dạy về luận vi diệu. Đó là luận bố thí, trì giới, sanh thiên, dục tướng bất tịnh, xuất yếu là an vui. Như các pháp mà chư Phật Thế Tôn thường dạy Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Thế Tôn cũng vì các Thầy ấy giảng nói rộng. Khi ấy, năm trăm Sa-môn vĩnh viễn dứt sạch các lậu hoặc, được pháp hơn người.

Bấy giờ, Phạm chí Sí-ninh lại bạch:

— Đến thời, xin Thế Tôn quang lâm.

Phật bảo Thí-la và năm trăm Tỳ-kheo:

— Các Ông hãy đắp y mang bát.

Một nghìn vị Tỳ-kheo vây quanh, đi vào thành đến nhà Phạm chí, lên tòa ngồi.

Phạm chí Sí-ninh thấy năm trăm Bà-la-môn đều làm Sa-môn liền bảo rằng:

— Lành thay các Vị ! Điều cần yếu hướng về đạo không gì hơn việc này.

Tỳ-kheo Thí-la vì Sí-ninh nói kệ:

*Ngoài đây không có pháp
Hay hơn điều cần này,
So sánh như thế ấy,
Điều lành không gì hơn.*

Phạm chí Sí-ninh bạch Phật:

— Cúi xin Thế Tôn đợi giây lát, chính lúc này lại dọn thêm thức ăn.

Phật bảo:

— Các thức ăn đã xong, đúng giờ cứ đem đến, đừng sợ không đủ.

Phạm chí Sí-ninh vui mừng vô lượng, đích thân tự san sốt thức ăn cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng. Khi Thế Tôn thọ trai xong, Ông dọn rửa bát, đem bao nhiêu thứ hoa rải lên Phật và Tỳ-kheo Tăng, và đến trước bạch Phật:

— Xin thưa Thế Tôn ! Hết thầy người lớn nhỏ, nam nữ trong nhà con đều xin làm Ưu-bà-tắc.

Bấy giờ, phu nhân của Phạm chí đang có thai, bèn bạch Phật:

— Con đang mang thai, không biết là nam hay nữ, cũng xin tự quy y, xin Như Lai nhận cho làm Ưu-bà-di.

Phật vì đại chúng nói pháp vi diệu, liên ngôi trên tòa, nói kệ này:

*Lành thay phước báo này,
Sở nguyện đã được quả,
Đến chốn an lạc,
Trọn không lo nguy tai.
Chết được sanh lên trời,
Nếu các loài ma trời,
Cũng không thể khiến cho
Người làm phước bị tội.
Họ cũng tìm phương tiện,
Được trí tuệ Hiền Thánh,
Sẽ dứt sạch gốc khổ,
Xa bỏ hẳn tám nạn.*

Thế Tôn nói kệ ấy rồi, rời tòa mà đi.

Bấy giờ, Phạm chí Sí-ninh nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta thường ngồi ăn một bữa, thân thể nhẹ nhàng, khí lực mạnh mẽ. Tỳ-kheo các Thầy cũng nên ăn một bữa, thân thể nhẹ nhàng khí lực mạnh mẽ, để tu Phạm hạnh.

Bấy giờ, Bạt-đê-bà-la bạch Phật:

— Con không thể ăn một bữa. Vì sao ? Vì khí lực yếu kém.

Phật bảo:

— Cho phép Thầy đến nhà đàn-việt, ăn một phần, đem về một phần.

Bạt-đê-bà-la bạch Phật:

— Con cũng không thể làm pháp này.

Phật bảo:

— Cho phép Thầy bỏ ngọc trai, ăn trong ngày.

Bạt-đê-bà-la thưa:

— Con cũng không thể làm theo pháp này.

Thế Tôn im lặng không nói nữa.

Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di vào buổi chiều mặt trời lặn, đắp y mang bát vào thành khát thực. Khi đó, trời rất tối, Ca-lưu-đà-di dần dần đi đến nhà một trưởng giả. Phu nhân của trưởng giả ấy đang mang thai,

nghe Sa-môn khát thực ngoài cửa, liền tự đem cơm ra cho. Song Thấy Ca-lưu-đà-di sắc mặt rất đen, lại khi ấy trời sắp mưa, sấm chớp giăng đầy; phu nhân của trưởng giả ra cửa, thấy Sa-môn mặt đen thui, bèn kinh hoàng kêu là quỷ, và tự hô hoán lên:

— Chao ôi ! Ta gặp quỷ.

Liền khi đó dọa thai mà chết. Khi ấy, Ca-lưu-đà-di trở về tỉnh xá, lo buồn không vui, ngồi tư duy hối hận không kịp.

Khi ấy, trong thành Xá-vệ có tiếng ác này: “Sa-môn Thích tử trù rửa làm dọa thai con của người”. Nam nữ trong thành đều bảo nhau rằng: “Hiện nay Sa-môn hành động không tiết độ, ăn chẳng đúng thời, như hàng cư sĩ tại gia chẳng khác”. Bấy giờ, phân đông các Tỳ-kheo đều nghe dân chúng bàn luận điều này: “Sa-môn dòng Thích không biết tiết độ, đi đứng không kiêng dè”. Trong đó, các Tỳ-kheo giữ giới, những người đầy đủ giới luật cũng tự oán trách: “Thật chẳng phải là oai nghi của chúng ta, ăn không chừng mực, đi không đúng thời, thật là điều quấy của chúng ta”. Các vị ấy dẫn nhau đến chỗ đức Phật, cúi đầu lễ chân Phật, đem hết mọi chuyện bạch Phật.

Phật bảo một Tỳ-kheo:

— Thầy đi kêu Ca-lưu-đà-di đến đây.

Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, liền đi kêu Ca-lưu-đà-di. Ca-lưu-đà-di nghe Phật gọi, liền đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên.

Thế Tôn hỏi:

— Phải ngày hôm qua, vào buổi chiều Thầy vào thành khát thực, đến nhà trưởng giả khiến vợ trưởng giả dọa thai chẳng ?

Ca-lưu-đà-di bạch Phật:

— Thưa vâng, Thế Tôn.

Phật bảo:

— Vì sao Thầy không phân biệt thời tiết, lại vào lúc trời sắp mưa vào thành khát thực ? Đó không phải là oai nghi của Thầy. Thầy đã là hàng quý tộc, xuất gia học đạo mà còn tham trước ăn uống.

Ca-lưu-đà-di bèn đứng dậy, bạch Phật:

— Từ nay về sau không dám phạm lại. Cúi xin Thế Tôn nhận cho con sám hối.

Phật bảo Tôn giả A-nan mau đánh kiến chùy, nhóm các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ Hội. A-nan vâng lời Phật dạy, liền nhóm các Tỳ-kheo tại giảng đường, rồi đến trước Phật, bạch rằng:

— Các Tỳ-kheo đã nhóm, xin Thế Tôn biết đúng thời.

Thế Tôn liền đến giảng đường ngồi vào tòa chính giữa, bảo các Tỳ-kheo.

— Các đức Phật ở đời quá khứ lâu xa đều ăn một bữa. Các hàng Thanh văn cũng ăn một bữa. Các đức Phật tương lai và chúng đệ tử cũng sẽ chỉ ăn một bữa. Vì sao thế ? Đó là pháp yếu để hành đạo, nên ăn một bữa. Nếu có thể ăn một bữa, thân thể nhẹ nhàng, tâm được khai mở. Tâm đã mở bèn được các căn lành. Đã được căn lành liền được chánh định. Đã được chánh định thì biết đúng như thật. Thế nào gọi là biết đúng như thật ? Nghĩa là Khổ đế, biết như thật là Khổ đế; Khổ tập đế, biết như thật là Khổ tập đế; Khổ tận đế biết như thật là Khổ tận đế; Khổ xuất yếu đế (Đạo đế) biết như thật là Khổ xuất yếu đế.

Các Thầy là dòng hào quý, đã xuất gia học đạo, bỏ tám nghiệp ở thế gian mà không biết thời tiết thì khác gì người tham dục kia ? Phạm chí có pháp riêng của Phạm chí, ngoại đạo có pháp riêng của ngoại đạo.

Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

— Chư Phật ở quá khứ và tương lai đều ăn

một bữa. Cúi xin Thế Tôn nên vì các Tỳ-kheo hạn chế thời gian ăn uống.

Thế Tôn bảo:

— Như Lai cũng biết như thế, nhưng chưa có người phạm trước mắt. Có phạm tội mới chế giới cấm.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta chỉ ăn một bữa, các Thầy cũng nên ăn một bữa. Nay các Thầy ăn vào giờ ngo, không được quá thời.

Các Thầy cũng phải học pháp khát thực. Thế nào là Tỳ-kheo học pháp khát thực ? Khi Tỳ-kheo chỉ vì mạng sống thì xin được thức ăn cũng không vui, không được cũng không lo. Nếu khi được thức ăn, tư duy quán tưởng mà ăn, không có tâm tham đắm, chỉ muốn thân này được sống, trừ được bệnh cũ lại không tạo mới, khiến cho khí lực đầy đủ. Như thế, nay các Tỳ-kheo, gọi là khát thực.

Tỳ-kheo các Thầy nên ngồi ăn một bữa. Thế nào là Tỳ-kheo ngồi ăn một bữa ? Nếu đứng lên thì phạm, ăn rồi không nên ăn nữa. Như thế gọi là Tỳ-kheo ngồi ăn một bữa.

Tỳ-kheo các Thầy cũng nên được thức ăn mà

ăn. Thế nào là Tỳ-kheo được thức ăn mà ăn ? Khi Tỳ-kheo, đã được thức ăn rồi, lại có trai chủ cúng thêm lần nữa, do thức ăn nầy là được lại, không nên ăn. Như thế, Tỳ-kheo, được thức ăn chỉ một lần.

Tỳ-kheo các Thầy cũng nên mặc ba y, ngồi dưới cội cây, ngồi chỗ vắng, nên khổ hạnh ngồi nơi đất trống, nên mặc y cũ vá, nên ở chỗ gò mả, nên mặc áo cũ xấu. Vì sao thế ? Vì khen ngợi người thiếu dục.

Nay Ta dạy các Thầy nên như Tỳ-kheo Ca-diếp. Vì sao thế ? Tỳ-kheo Ca-diếp tự hành mười một pháp đầu đà, cũng dạy người làm theo pháp yếu này.

Nay Ta dạy các Thầy nên như Tỳ-kheo Diện Vương. Vì sao ? Tỳ-kheo Diện Vương mặc y cũ xấu không mặc y đẹp.

Tỳ-kheo ! Đây là lời dạy của Ta, nên ghi nhớ tu tập. Như thế, nầy các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, Tỳ-kheo Bạt-đề-bà-la suốt ba tháng không đến chỗ Thế Tôn. A-nan vừa hết ba tháng an cư, đến chỗ Tỳ-kheo Bạt-đề-bà-la nói rằng:

— Nay chúng Tăng đều may vá y áo, như thế,

Thế Tôn sẽ đi du hóa nhân gian. Bây giờ Thầy không đến, sau hối hận vô ích.

Khi ấy, A-nan dẫn Bạt-đê-bà-la đến chỗ đức Thế Tôn. Bạt-đê-bà-la lễ Phật và bạch Phật:

— Cúi xin Thế Tôn cho con sám hối, từ nay về sau không dám phạm lại. Như Lai chế cấm giới mà con không thọ trì. Cúi xin rũ lòng tha thứ.

Thưa như thế ba lần. Phật bảo:

— Cho phép Thầy hối lỗi, sau chớ phạm lại. Vì sao ? Ta tự suy nghĩ trong vô số kiếp sanh tử, hoặc có khi làm thân lừa, la, lạc đà, voi, ngựa, heo, dê, ăn cỏ để nuôi thân; hoặc ở trong địa ngục nuốt hoàn sắt nóng; hoặc làm ngựa quý thường ăn máu mủ; hoặc làm thân người ăn ngũ cốc; hoặc làm thân trời ăn những vị cam lồ tự nhiên; trong vô số kiếp thân mạng cùng tranh không biết chán.

Ưu-ba-ly ! Như lửa cháy củi không đủ, như biển lớn nuốt các dòng không đủ; nay người phạm cũng như vậy, tham ăn không biết chán đủ.

Thế Tôn bèn nói kệ này:

*Sanh tử không đoạn dứt,
Đều do từ tham dục,
Oán ghét nuôi ác ý,
Người ngu tập theo đó.*

Thế nên, này Bạt-đê-bà-la, nên ghi nhớ ít muốn, biết đủ, chớ khởi tưởng tham, dấy các niệm tán loạn. Như thế, Ưu-ba-ly, nên học điều này.

Bấy giờ Đê-bà-đạt-la nghe Phật giáo giới, đã ở chỗ vắng tự khắc trách mình. “Vốn dòng hào tộc, xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh vô thượng, sanh tử đã hết, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ thân sau, như thật mà biết”. Bạt-đê-bà-la liền thành A-la-hán.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Trong hàng đệ tử Ta, người ăn uống nhiều đệ nhất trong số Thanh văn là Tỳ-kheo Cát Hộ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở thôn Ương Nghệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Dân chúng đều gọi các Thầy là Sa-môn, giả sử có ai hỏi các Thầy có phải Sa-môn chăng thì các Thầy cũng đáp là Sa-môn. Nay Ta bảo các Thầy về hạnh Sa-môn, hạnh Bà-la-môn. Các Thầy nên ghi nhớ tu tập, sau ắt thành quả như thật không khác.

Vì sao thế ? Có hai hạng Sa-môn: tập hạnh Sa-môn, thế nguyện Sa-môn.

Thế nào gọi là tập hạnh Sa-môn ? Là Tỳ-kheo tới lui, đi đứng, nhìn ngó, dung mạo, đắp y mang bát, thầy đều đúng như pháp, không đắm trước vào tham dục, sân nhuế, ngu si, chỉ trì giới tinh tấn không phạm phi pháp, học tập các giới. Đó là tập hạnh Sa-môn.

Thế nào gọi là thế nguyện Sa-môn ? Ở đây, hoặc có Tỳ-kheo oai nghi giới luật, đi đứng ra vào, dung mạo, nhìn ngó, cử động thầy đều như pháp, chấm dứt hữu lậu thành tựu vô lậu, ở trong hiện pháp tự thân chứng đắc và đi du hóa, sanh tử đã tận, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ thân sau, mà biết như thật. Đó là thế nguyện Sa-môn.

Tỳ-kheo, đó là hai hạng Sa-môn.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

— Thế nào gọi là pháp hạnh Sa-môn, pháp hạnh Bà-la-môn ?

Phật bảo A-nan:

— Ở đây, Tỳ-kheo ăn uống biết vừa đủ, ngày đêm đi kinh hành, tu tập các đạo phẩm không để

mất thời tiết. Thế nào gọi là Tỳ-kheo các căn vắng lặng ? Ở đây, Tỳ-kheo mắt thấy sắc không khởi tưởng đắm trước, không dấy các loạn niệm, trong ấy mà nhãn căn được thanh tịnh, trừ các niệm ác, không nghĩ nhớ pháp bất thiện, hoặc khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết cảm giác, ý biết pháp không khởi tưởng đắm trước, không dấy các loạn niệm, nơi ý căn được thanh tịnh. Như thế gọi là Tỳ-kheo sáu căn được thanh tịnh.

Thế nào là Tỳ-kheo ăn uống biết vừa đủ ? Ở đây, Tỳ-kheo ăn uống vừa đủ lượng, không cầu mập, trắng, chỉ muốn thân này sống mà thôi, trừ bệnh cũ, bệnh mới không sanh, được tu Phạm hạnh. Cũng như người nam nữ, thân sanh ghẻ, tùy thời dùng thuốc thoa xức điều trị, vì muốn vết thương lành. Nay Tỳ-kheo cũng lại như thế, lượng vừa sức mà ăn. Sở dĩ dùng dầu bôi vào xe vì muốn đi xa, Tỳ-kheo ăn vừa đủ lượng là muốn duy trì mạng sống. Như thế gọi là Tỳ-kheo ăn uống biết vừa đủ.

Thế nào là Tỳ-kheo thường biết tỉnh thức ? Ở đây, Tỳ-kheo vào đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm biết tỉnh thức, tư duy Ba mươi bảy đạo phẩm; ngày thời

kinh hành trừ bỏ niệm ác, các tướng kiết sử, lại vào đầu đêm, cuối đêm kinh hành trừ bỏ kiết sử, các tướng bất thiện, vào giữa đêm nằm nghiêng hông bên mặt, hai chân duỗi xếp lên nhau, chỉ tưởng về ánh sáng, rồi vào cuối đêm kinh hành tới lui, trừ bỏ niệm bất thiện. Như thế là Tỳ-kheo biết thời tĩnh thức.

Như thế, này A-nan ! Đây là hạnh căn yếu của Sa-môn.

9

Thế nào gọi là hạnh căn yếu của Bà-la-môn ? Ở đây, Tỳ-kheo Khổ đế biết như thật là Khổ đế; Khổ tập, Khổ tận, Khổ xuất yếu, như thật biết như thế. Sau do mờ được tâm dục lậu, tâm hữu lậu, tâm vô minh lậu nầy mà được giải thoát. Đã được giải thoát liền được giải thoát tri kiến, sanh tử đã tận, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ thân lại, mà biết như thật. Đây là hạnh căn yếu của Bà-la-môn. A-nan nên biết ! Đây là ý nghĩa của hạnh căn yếu.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

*Sa-môn tên tâm dứt,
Các ác vĩnh viễn tận,
Phạm chí tên thanh tịnh,
Trừ bỏ các loạn tướng.*

Thế nên A-nan ! Nên ghi nhớ tu hành pháp hạnh của Sa-môn, pháp hạnh của Bà-la-môn. Chúng sanh nào làm các pháp này, sau mới xưng là Sa-môn.

Lại vì có gì gọi là Sa-môn ? Vì các kết vỉnh viễn chấm dứt nên gọi là Sa-môn. Lại vì có gì gọi là Bà-la-môn ? Trừ sạch các ngu hoặc nên gọi là Phạm chí, cũng gọi là Sát-lợi. Lại vì có gì gọi là Sát-lợi ? Do đoạn trừ dâm, nộ, si nên gọi là Sát-lợi; cũng gọi là tầm gọi. Thế nào gọi là tầm gọi ? Do tẩy sạch hai mươi một kết nên gọi là tầm gọi; cũng gọi là giác. Vì có gì gọi là giác ? Do biết rõ pháp ngu, pháp tuệ nên gọi là giác; cũng gọi là bỉ ngạn. Vì có gì gọi là bỉ ngạn ? Do từ bờ này đến bờ kia nên gọi là bỉ ngạn.

Này A-nan ! Hãy hành trì pháp này, sau mới gọi là Sa-môn, Bà-la-môn. Đây là nghĩa như thế, nên ghi nhớ vâng làm.

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại thành Thích-si Ca-tỳ-la-việt vườn Ni-câu-lưu, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, vương tử Đề-bà-đạt-đa đến chỗ Phật,

cúi đầu lễ chân Phật, lui ngôi một bên. Đê-bà-đạt-đa bạch Phật:

— Cúi xin Thế Tôn cho con được làm Sa-môn.

Phật bảo Đê-bà-đạt-đa:

— Ông nên ở tại gia làm việc bố thí, làm Sa-môn thật chẳng dễ.

Khi ấy, Đê-bà-đạt-đa lại ba phen bạch Phật:

— Cúi xin Thế Tôn cho phép con theo Ngài.

Phật lại bảo:

— Ông nên ở nhà, không nên xuất gia tu hạnh Sa-môn.

Đê-bà-đạt-đa khởi nghĩ rằng: “Sa-môn này có lòng tật đố, nay ta có thể tự cạo tóc, tu Phạm hạnh, đầu cần Sa-môn ấy làm gì ?” Đê-bà-đạt-đa liền lui về, tự cạo bỏ râu tóc, mặc ca sa, tự xưng: “Ta là hàng Thích tử”.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo tên Tu-la-đa, hành hạnh đầu đà, khát thực, mặc y vá, thông suốt ngũ thông. Đê-bà-đạt-đa liền đến chỗ Tỳ-kheo ấy, cúi đầu lễ dưới chân, bạch rằng:

— Cúi xin Tôn giả nói giáo pháp cho tôi, khiến cho được an ổn lâu dài.

dạy không sai sót. Đề-bà-đạt-đa liền học với lý lẽ khéo ấy rằng:

— Cúi xin Tôn giả dạy cho tôi về pháp thân túc, tôi có thể tu hành theo pháp ấy.

Bấy giờ, Tỳ-kheo lại dạy pháp thân túc cho ông:

— Nay Ông nên học về tâm ý khinh trọng, đã biết tâm ý khinh trọng, lại nên phân biệt về tứ đại địa, thủy, hỏa, phong khinh trọng. Đã biết được tứ đại khinh trọng, lại nên tu hành về chánh định tự tại. Đã thực hành chánh định tự tại, lại nên tu chánh định dững mãi. Đã thực hành chánh định dững mãi, lại nên tu về chánh định tâm ý. Đã thực hành chánh định tâm ý, lại nên hành chánh định tự giới. Đã tu hành chánh định tự giới, như thế không bao lâu sẽ thành tựu thân túc.

Đề-bà-đạt-đa vâng lời Tỳ-kheo ấy dạy, tự biết về tâm ý khinh trọng, lại biết về tứ đại khinh trọng, tu hết các chánh định không sai sót; không bao lâu liền thành tựu được thân túc. Như thế, Đề-bà-đạt-đa có vô số phương tiện biến hóa vô

lượng. Bấy giờ danh tiếng Đê-bà-đạt-đa lưu truyền lan xa bốn phương.

Khi ấy, Đê-bà-đạt-đa dùng sức thần túc bay lên cõi trời Ba mươi ba, hái các thứ hoa như hoa sen ưu-bát-la, hoa câu-mâu-đầu, đem về dâng thái tử A-xà-thế, và bảo:

— Hoa này từ cõi trời Ba mươi ba, Thích-đề-hoàn-nhân đem đến tặng Thái tử.

Thái tử thấy Đê-bà-đạt-đa có thần túc như thế, liền tùy thời cúng dường, cung cấp vật cần dùng. Thái tử lại khởi nghĩ: “Đê-bà-đạt-đa có thần túc khó ai sánh bằng”. Khi ấy, Đê-bà-đạt-đa lại tự ẩn thân, biến thành đứa bé ngồi trên đầu gối thái tử. Các thể nữ đều khởi nghĩ: “Đây là người gì ? Là Quý ư ? Là Trời ư ?”. Bàn tán chưa xong, Đê-bà lại hóa thân trở lại như cũ. Khi đó, thái tử và các cung nhân đều khen rằng: “Đây là Đê-bà-đạt-đa”, liền cung cấp vật cần dùng, lại truyền tụng lời này: “Đê-bà-đạt-đa danh đức không thể nói hết được”.

Bấy giờ, nhiều Tỳ-kheo nghe điều này, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ Phật, bạch:

— Đê-bà-đạt-đa có thần túc rất lớn, thường nhận được y phục, thức ăn uống, giường nệm, thuốc men.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy chớ khởi ý niệm này, tham đắm lợi dưỡng của Đề-bà-đạt-đa; lại cũng đừng khen ngợi sức thần túc của ông ấy. Ông ấy do thần túc này rơi trong ba đường ác. Lợi dưỡng của Đề-bà-đạt-đa, và thần túc của ông ấy sẽ chấm dứt. Vì sao thế ? Đề-bà sẽ tự tạo nghiệp thân, khẩu, ý.

Khi đó, Đề-bà-đạt-đa lại khởi nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm có thần túc, ta cũng có thần túc; Sa-môn Cù-đàm có tri thức, ta cũng có tri thức; Sa-môn Cù-đàm dòng họ cao quý, ta cũng dòng họ cao quý. Nếu Sa-môn Cù-đàm hiện một thần túc, ta sẽ hiện hai; Sa-môn Cù-đàm hiện hai, ta sẽ hiện bốn; kia hiện tám, ta hiện mười sáu; kia hiện mười sáu ta hiện ba mươi hai; tùy theo sức hóa hiện của Sa-môn ấy, ta sẽ tăng gấp đôi”.

Bấy giờ, nhiều Tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đa nói như vậy, hơn năm trăm Tỳ-kheo đến chỗ Đề-bà-đạt-đa, và năm trăm Tỳ-kheo nhận sự cúng dường của thái tử A-xà-thế.

Khi ấy, hai Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên nói với nhau rằng: “Chúng ta cùng đi đến chỗ Đề-bà-đạt-đa, nghe ông ấy nói pháp, xem là luận thuyết gì”, liền cùng đi đến chỗ Đề-bà-đạt-đa. Bấy

giờ, Đê-bà-đạt-đa xa thấy Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đi đến, liền bảo các Tỳ-kheo:

— Hai người này là đệ tử của Tất-đạt, rất được khen ngợi.

Hai Tôn giả đến rồi, cùng hỏi thăm, ngồi một bên. Bấy giờ các Tỳ-kheo đều khởi nghĩ rằng: “Đệ tử của Phật Thích-ca, nay hướng hết về Đê-bà-đạt-đa”. Đê-bà-đạt-đa bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

— Nay Thầy có thể thuyết pháp cho các Tỳ-kheo chăng ? Tôi đau lưng muốn nghỉ một chút.

Đê-bà-đạt-đa bèn nằm nghiêng hông mặt, hai chân xếp lên nhau, do lòng vui mừng nên ngủ luôn. Bấy giờ, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên thấy Đê-bà-đạt-đa ngủ, liền dùng thân túc đem các vị Tỳ-kheo bay lên hư không mà đi.

Khi Đê-bà-đạt-đa thức dậy, không thấy các Tỳ-kheo, rất giận dữ nói:

— Nếu ta không trả được thù này thì không gọi là Đê-bà-đạt-đa.

Đây là lần đầu Đê-bà-đạt-đa phạm tội ngũ nghịch. Đê-bà-đạt-đa vừa khởi ý ấy, liền bị mất thân túc.

Bấy giờ, nhiều Tỳ-kheo bạch Phật:

— Tỳ-kheo Đê-bà-đạt-đa có thân tức lớn mới có thể phá hoại Thánh chúng.

Phật bảo:

— Không phải chỉ hôm nay Đê-bà-đạt-đa mới phá hoại Thánh chúng. Đời quá khứ ông ta cũng thường phá hoại Thánh chúng. Vì sao thế ? Vê đời quá khứ ông ta cũng phá hoại Thánh chúng.

Đê-bà-đạt-đa lại khởi ý ác: “Ta sẽ giết Sa-môn Cù-đàm để làm Phật độc tôn trong ba cõi”. Khi ấy, Đê-bà-đạt-đa nói với thái tử A-xà-thế:

— Người xưa thọ mạng rất dài, ngày nay đã ngắn ngủi. Nếu như Thái tử chết, chắc lại sanh trong dân gian. Sao không giết phụ vương, rồi lên ngôi vua ? Tôi sẽ giết Như Lai và sẽ làm Phật. Vua mới, Phật mới, cũng chẳng thích ư ?

Bấy giờ, A-xà-thế bèn sai quân thị vệ bắt phụ vương giam vào ngục, tự lên làm vua cai trị nhân dân. Khi đó, quần thần đều nói với nhau: “Người này khi chưa sanh ắt là oan gia”. Nhân đó đặt tên là A-xà-thế.

Đê-bà-đạt-đa thấy A-xà-thế đã hại phụ vương xong, lại khởi nghĩ: “Ta sẽ hại Sa-môn Cù-đàm”.

Bấy giờ, Thế Tôn đang ở tại một ngọn núi nhỏ

cạnh núi Kỳ-xà-quật, Đê-bà-đạt-đa leo lên núi Kỳ-xà-quật, tay vác một tảng đá lớn dài ba mươi khuỷu tay, rộng năm mươi khuỷu tay, ném vào Thế Tôn. Khi đó, sơn thần, quý Kim-tỳ-la thường ở tại núi ấy, thấy Đê-bà-đạt-đa vác đá ném Phật, liền đưa tay đỡ lấy để chỗ khác. Tảng đá bẻ văng ra một mảnh nhỏ trúng chân Như Lai chảy máu. Thế Tôn thấy vậy nói với Đê-bà-đạt-đa:

— Nay Ông khởi ý muốn hại Như Lai, đây là tội ngũ nghịch thứ hai.

Đê-bà-đạt-đa tự nghĩ: “Nay ta không hại được Sa-môn Cù-đàm”. Liền bỏ đi, đến chỗ A-xà-thế, tâu nhà vua rằng:

— Nên cho con voi uống rượu say, khiến hại Sa-môn. Vì sao ? Con voi ấy hung dữ chắc có thể hại được Sa-môn Cù-đàm. Nếu Sa-môn có Nhất thiết trí, ngày mai sẽ không vào thành khát thực; nếu không có Nhất thiết trí, ngày mai vào thành khát thực, ắt sẽ bị voi dữ này làm hại.

Khi ấy, vua A-xà-thế liền đem rượu mạnh cho voi uống say, ra lệnh cho dân chúng: “Ai muốn an ổn, thương mạng mình, ngày mai đừng đi lại trong thành”.

Bấy giờ, Thế Tôn đúng thời đắp y mang bát

vào thành La-duyet khát thực. Hàng tứ chúng nam nữ già trẻ trong nước nghe tin vua A-xà-thế cho voi uống rượu say muốn hại Thế Tôn, đều cùng nhau đi đến chỗ Phật, làm lễ dưới chân, và bạch Phật:

— Cúi xin Thế Tôn, chớ vào thành La-duyet khát thực. Vì vua A-xà-thế phục rượu voi say muốn hại Thế Tôn.

Phật bảo các Ưu-bà-tắc:

— Phàm là bậc Đăng Chánh Giác trọn không bị người khác làm hại.

Thế Tôn tuy nghe như thế vẫn đi vào thành. Voi dữ xa thấy Thế Tôn đến, sân giận bùng bùng chạy về phía Phật, muốn làm hại. Song, Phật thấy voi chạy đến liền nói kệ:

*Voi chớ hại đến rồng,
Voi, rồng khó xuất hiện,
Do không hại đến rồng,
Được sanh vào cõi lành.*

Voi kia nghe Như Lai nói kệ xong, liền đến trước quỳ mọp, liếm chân Như Lai. Voi kia vì tâm hối quá không an, liền chết, sanh lên cõi trời Ba mươi ba. Vua A-xà-thế và Đề-bà-đạt-đa thấy voi đã chết, buồn rầu không vui. Đề-bà-đạt-đa nói với vua:

— Sa-môn Cù-dàm đã giết voi chết.

Vua đáp:

— Sa-môn Cù-dàm này có sức thân lớn, có nhiều kỹ thuật, mới có thể trù rủa voi chết.

Vua A-xà-thế lại nói:

— Sa-môn này chắc đầy đủ oai đức mới không bị voi dữ làm hại.

Đê-bà-đạt-đa đáp:

— Sa-môn Cù-dàm có chú thuật huyền hoặc, có thể khiến ngoại đạo dị học thầy đều hàng phục, hướng chi loài súc sanh.

Khi ấy, Đê-bà-đạt-đa bèn suy nghĩ: “Ta thấy vua A-xà-thế ý muốn thay đổi”. Đê-bà-đạt-đa lo buồn không vui, ra khỏi thành La-duyet. Bấy giờ Tỳ-kheo-ni Pháp Thí xa thấy Đê-bà-đạt-đa đến, nói với Đê-bà-đạt-đa:

— Nay điều Ông làm rất sai quấy, hiện tại hối lỗi còn dễ, sợ sau khó.

Đê-bà-đạt-đa nghe nói, lại thêm sân giận hỏi:

— Con ngốc ! Ta có lỗi gì mà nay dễ, sau khó ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Thí đáp:

— Nay Ông đi chung với ác và tạo các điều chẳng lành.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa sân giận bùng bùng, lấy tay đánh Tỳ-kheo-ni chết.

Đề-bà-đạt-đa đã hại bậc Chân nhân, về đến phòng mình bảo các đệ tử:

— Các Ông nên biết ! Nay ta khởi ý đối với Sa-môn Cù-dàm, song việc ấy không nên. Vì A-la-hán lại khởi ý ác đối với A-la-hán. Nay ta có thể hướng về Cù-dàm sám hối.

Do đây Đề-bà-đạt-đa lo buồn, bị bệnh nặng. Đề-bà-đạt-đa bảo các đệ tử:

— Ta không đủ sức đến gặp Sa-môn Cù-dàm. Các Ông nên giúp ta đến chỗ Sa-môn.

Đề-bà-đạt-đa bôi thuốc độc vào mười đầu ngón tay, bảo các đệ tử:

— Các Ông khiêng ta đến chỗ Sa-môn ấy.

Bấy giờ, các đệ tử liền khiêng Đề-bà-đạt-đa đến chỗ Thế Tôn. Tôn giả A-nan xa thấy Đề-bà-đạt-đa đến liền bạch Phật:

— Nay Đề-bà-đạt-đa đến, chắc có tâm hối hận muốn hướng về Thế Tôn cầu xin cải hối.

Phật bảo A-nan:

— Đê-bà-đạt-đa trợn không thể đến chỗ Thế Tôn.

A-nan ba phen bạch Phật:

— Nay Đê-bà-đạt-đa đã muốn đến xin hối lỗi.

Phật bảo A-nan:

— Người ác ấy trợn không thể đến chỗ Như Lai. Ngày nay mạng ông ấy đã hết.

Bấy giờ, Đê-bà-đạt-đa đến chỗ Thế Tôn, bảo các đệ tử:

— Nay ta không nên nằm ra mất Như Lai, nên xuống vũng mới đến gặp.

Đê-bà-đạt-đa vừa bước chân xuống đất, bấy giờ tại nơi ấy nổi lên gió lửa mạnh, đốt chân Đê-bà-đạt-đa. Đê-bà-đạt-đa bị lửa đốt, liền khởi tâm hối hận, ở chỗ Phật chính muốn xưng “Nam-mô Phật”, song rốt cuộc không xưng được “Nam-mô Phật”, bèn vào địa ngục.

A-nan thấy Đê-bà-đạt-đa rơi vào địa ngục, bạch Phật:

— Nay Đê-bà-đạt-đa đã chết, rơi trong địa ngục chăng ?

Phật bảo:

— Đê-bà-đạt-đa không được diệt tận đến chỗ cứu cánh. Nay ông ấy khởi tâm ác đối với thân Như Lai, khi chết đọa địa ngục A-tỳ.

A-nan buồn khóc rơi lệ không ngừng, Phật bảo A-nan:

— Vì sao Thấy buồn khóc như thế ?

A-nan bạch Phật:

— Tâm dục ái của con chưa dứt, chưa thể đoạn kết sử nên buồn khóc vậy.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Như người tự gây tạo,
Tự xem lại gốc ngọn,
Người lành thọ báo lành,
Kẻ ác chịu ương lụy.
Người đời làm hạnh ác,
Chết bị khổ địa ngục,
Nếu lại làm hạnh lành,
Chuyển thân thọ phước trời.
Kia tự gây hạnh ác,
Tự rơi vào địa ngục,
Không phải lỗi của Phật.
Nay vì sao Thấy buồn ?*

A-nan bạch Phật:

— Đê-bà-đạt-đa chết, thân sanh chỗ nào ?

Phật bảo A-nan:

— Nay Đê-bà-đạt-đa chết, thân rơi vào địa ngục A-tỳ. Vì sao ? Do kia tạo tội ngũ nghịch nên cảm báo này.

A-nan lại bạch Phật:

— Đúng thế, thưa Thế Tôn ! Như lời dạy của Thế Tôn, tự thân làm ác hiện thân vào địa ngục. Vì thế con buồn khóc vậy. Do Đê-bà-đạt-đa không quý tiếc danh xưng, dòng họ, cũng không nể cha mẹ tôn trưởng, làm nhục dòng họ Thích, hủy hoại gia thế chúng ta.

Đê-bà-đạt-đa hiện thân vào địa ngục thực không đúng. Vì sao ? Dòng họ chúng ta phát xuất từ địa vị Chuyển luân Thánh vương, Đê-bà-đạt-đa cũng phát xuất từ dòng vua, không nên hiện thân vào địa ngục như thế. Đê-bà-đạt-đa nên hiện thân chấm dứt hữu lậu thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nơi hiện thân này được chứng quả. Sanh tử đã tận, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ thân sau, như thật mà biết. Tập theo dấu của chân nhân, đắc A-la-hán, nơi Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn; vì sao mang thân này vào địa ngục ? Đê-bà-đạt-đa khi còn sống có oai

thân lớn, rất có thân đức, có thể lên cõi trời Ba mươi ba biến hóa tự do. Người như thế lại rơi vào địa ngục ư ? Bạch Thế Tôn ! Chẳng biết Đê-bà-đạt-đa ở địa ngục trải qua bao nhiêu năm ?

Phật bảo A-nan:

— Ông ấy ở địa ngục một kiếp.

A-nan lại bạch Phật:

— Kiếp có hai loại, đại kiếp và tiểu kiếp. Ông ấy ở kiếp nào ?

Phật bảo:

— Kiếp của ông ấy sẽ trải qua một đại kiếp. Nói đại kiếp tức hết số kiếp của Hiền kiếp này. Hết nghiệp, mạng chung trở lại thân người.

A-nan bạch Phật:

— Đê-bà-đạt-đa mất thân Người mới trở lại. Vì sao ? Kiếp số dài lâu, đại kiếp không quá Hiền kiếp.

A-nan càng thêm buồn khóc than thơ không vui, lại bạch Phật:

— Đê-bà-đạt-đa từ địa ngục ra, sẽ sanh về chỗ nào ?

Phật bảo A-nan:

— Đê-bà-đạt-đa mạng chung nơi ấy, sẽ sanh lên cõi Tứ thiên vương.

A-nan lại hỏi:

— Ở đó mạng chung sẽ sanh về đâu ?

Phật bảo:

— Ở đó mạng chung, lần lượt sẽ sanh lên trời Ba mươi ba, trời Diêm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại.

0 A-nan lại hỏi:

— Ở nơi ấy mạng chung, sẽ sanh về đâu ?

Phật bảo:

— Khi Đê-bà-đạt-đa từ địa ngục mạng chung, sanh lên các cõi Trời lành trải qua trong sáu mươi kiếp không rơi vào ba đường ác, qua lại trong cõi Trời, Người. Thân rồi sau, ông ta sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, thành vị Bích-chi Phật hiệu là Nam-mô.

Bấy giờ, A-nan đến trước bạch Phật:

— Như thế, bạch Thế Tôn ! Đê-bà-đạt-đa do ác báo nên chịu tội ở địa ngục, lại tạo đức gì mà trong sáu mươi kiếp trải qua sanh tử, không bị khổ não, sau lại thành vị Bích-chi Phật, hiệu là Nam-mô.

Phật bảo A-nan:

— Phước sanh ý lành trong khoảng giây lát, phước ấy khó thí dụ. Hà hướng Đê-bà-đạt-đa thông suốt cổ kim, tụng tập nhiều, giữ gìn các pháp, điều đã nghe không quên. Xưa Đê-bà-đạt-đa do oán thù mà khởi tâm sát hại đối với Như Lai. Lại do duyên báo xưa nên ông ta có tâm vui vẻ với Như Lai, do nhân duyên này trong sáu mươi kiếp không rơi trong ba đường ác. Lại do Đê-bà-đạt-đa, vào lúc cuối khi mạng chung, khởi tâm hòa vui xưng Nam-mô, nên sau làm vị Phật Bích-chi hiệu Nam-mô.

Bấy giờ, A-nan liền đến trước lễ Phật, thưa rằng:

— Thưa vâng, bạch Thế tôn ! Như lời dạy của Phật.

Khi ấy, Tôn giả Đại-mục-kiên-liên đến trước Phật bạch:

— Nay con muốn xuống địa ngục A-tỳ, nói về yếu hạnh nhẫn nhục, hoan hỷ cho Đê-bà-đạt-đa.

Phật bảo Mục-liên:

— Thấy nên biết, chớ vội vàng hung bạo, chuyên tâm chánh ý chớ khởi loạn tưởng. Vì sao ? Hạng chúng sanh cực ác khó điều phục, khó thành

tự, vậy sau mới đọa vào địa ngục A-tỳ. Lại tội hơn kia không hiểu âm thanh đối đáp qua lại của cõi Người.

Mục-liên bạch Phật:

— Nay con hiểu được sáu mươi bốn âm thanh, thông suốt ngôn ngữ, con sẽ dùng âm thanh ấy nói với ông ấy.

Phật bảo Mục-liên:

— Thầy nên biết đúng thời.

Khi ấy, A-nan nghe như vậy, vui mừng phấn khởi không thể tự kềm. Đại Mục-liên lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, liên ở trước chỗ Phật, sang địa ngục A-tỳ nhanh như trong khoảng lực sĩ duỗi tay. Bấy giờ, Đại Mục-liên đang ở địa ngục A-tỳ, đứng trên không khảy móng tay kêu:

— Đề-bà-đạt-đa !

Đề-bà-đạt-đa im lặng không đáp. Các ngục tốt hỏi Mục-liên:

— Nay Tôn giả gọi Đề-bà-đạt-đa nào ?

Ngục tốt lại bảo:

— Trong đây cũng có Đề-bà-đạt-đa thời Phật Câu-lưu-tôn, Đề-bà-đạt-đa thời Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, Đề-bà-đạt-đa thời Phật Ca-diếp, cũng có

Đê-bà-đạt-đa cư sĩ, Đê-bà-đạt-đa xuất gia. Nay Tôn giả muốn gọi Đê-bà-đạt-đa nào ?

Mục-liên đáp:

— Nay ta muốn mời Đê-bà-đạt-đa em con nhà chú của Phật Thích-ca Văn, nên cần được gặp.

Khi đó, ngục tốt tay cầm xích sắt, đốt lửa đổ chích vào thân Đê-bà-đạt-đa để cho tỉnh giấc. Thân thể Đê-bà-đạt-đa bị lửa đốt cháy cao ba mươi khuỷu tay. Các ngục tốt bảo:

— Ông là kẻ ngu, ngủ gì như thế !

Đê-bà-đạt-đa bị các khổ bức bách, thưa rằng:

— Nay các Ông dạy bảo tôi điều gì ?

Ngục tốt lại bảo:

— Ông hãy nhìn lên không trung !

Đê-bà-đạt-đa theo lời ngược nhìn hư không, thấy Đại Mục-kiên-liên ngồi kiết-già trên hoa sen báu, rực rỡ như mặt trời vén mây, Đê-bà-đạt-đa thấy rồi bèn nói kệ:

*Ai hiện hào quang trời,
Như mặt trời vén mây,
Cũng như núi vàng chói,
Không có bụi nhơ nhớp ?*

Tôn giả Mục-liên dùng kệ đáp:

*Ta, đệ tử Thích-ca,
Thuộc dòng dõi Cù-đàm,
Là Thanh văn trong ấy,
Tên là Đại Mục-liên.*

Đê-bà-đạt-đa thưa với Mục-liên:

— Tôn giả Mục-liên ! Có gì hạ cố đến nơi này ? Nơi đây chúng sanh tạo ác vô lượng, khó giáo hóa, không tạo các căn lành, sau khi mệnh chung sanh vào nơi này.

Mục-liên đáp:

— Tôi do Phật sai nên đến đây, muốn thương xót nhổ sạch gốc khổ cho Ông.

Bấy giờ, Đê-bà-đạt-đa nghe âm hưởng Phật, vui mừng phấn khởi không thể tự kềm, nói rằng:

— Cúi xin Tôn giả, đúng thời diễn nói. Đức Thế Tôn có lời dạy gì ? Lại nói đến đường ác chẳng ?

Mục-liên đáp:

— Đê-bà-đạt-đa chớ lo sợ, địa ngục khổ nhất không hơn chốn này. Đức Phật Thích-ca Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, thương xót tất cả các loài cho đến côn trùng nhỏ nhít, như mẹ thương con, tâm

không sai biệt, tùy thời diễn nói trọn không để mất, cũng không trái với điều đã nói.

Nay chính từ miệng Phật dự ký. Ông vốn khỏi niệm ác muốn hại Thế Tôn, lại đem việc ấy dạy người khiến hướng về đường ác; do nhân duyên tội báo ấy đọa vào địa ngục A-tỳ, sẽ trải qua một kiếp trọn không ra khỏi. Kiếp số ấy hết nghiệp tận mạng chung, sẽ sanh lên cõi trời Tứ thiên vương, lần lượt sanh lên cõi trời Ba mươi ba, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại trong sáu mươi kiếp không ở trong con đường ác, lưu chuyển chốn Trời, Người. Thân cuối cùng được làm người, cạo bỏ râu tóc mặc ba pháp y, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, sẽ thành Bích-chi Phật hiệu Nam-mô. Vì sao thế ? Do khi Ông sắp chết, xưng “Nam-mô” nên được danh hiệu ấy. Nay đức Như Lai quán sát lời nói lành “Nam-mô”, nên Ông được danh hiệu đó, trong mười kiếp làm Bích-chi Phật.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa nghe xong vui mừng hơn hờ, tâm lành phát sanh, lại bạch với Mục-liên:

— Lời nói của Như Lai quả nhiên không nghi, thương xót chúng sanh mà cứu tế vô lượng, đại từ đại bi hóa độ kẻ ngu. Dù cho ngày nay tôi nghiêng hông bên mặt trong địa ngục A-tỳ trải qua một kiếp, tâm ý vẫn chuyên nhất, trọn không mệt nhọc.

Tôn gia Mục-liên lại bảo Đê-bà-đạt-đa:

— Thế nào, sự đau đớn của Ông nay có tăng giảm gì không ?

Đê-bà-đạt-đa nói:

— Thân tôi chịu khổ chỉ tăng chứ không giảm, nay được nghe Như Lai thọ ký danh hiệu, nỗi khổ giảm bớt không thể nói hết.

Mục-liên hỏi:

— Nay hoạn nạn của Ông, nguyên lai đau khổ giống như thế nào ?

Đê-bà-đạt-đa đáp:

— Bánh xe sắt nóng nghiền nát thân hình, lại có chày sắt đập nát thân thể, có voi đen dữ dày đập thân tôi, lại có núi lửa đến gần trên mặt tôi, Cà-sa ngày trước nay hóa làm lá đồng nóng quăn thân, nguyên lai đau khổ tình trạng như thế.

Mục-liên bảo:

— Ông có tự biết cội gốc tội báo, khiến chịu đau khổ này chăng ? Nay tôi phân biệt từng tội một, Ông muốn nghe chăng ?

Đê-bà-đạt-đa thưa:

— Xin vâng, đúng thời xin nói.

Tôn giả Mục-liên bèn nói kệ:

Xưa Ông ở chỗ Phật,
Phá hoại Tỳ-kheo Tăng,
Nay có chày sắt nóng,
Đập quét trên thân Ông.
Vì hàng đại chúng kia,
Là Thanh văn bậc nhất,
Gây rối chúng Tỳ-kheo,
Nay có xe nóng nghiêng.
Xưa Ông bảo vua thả
Voi đen uống rượu say,
Nay có bảy voi đen,
Chà đập trên thân mình.
Xưa ông vác đá lớn,
Xa ném đến Như Lai,
Nay quả báo núi lửa,
Đốt Ông không chừa sót.
Xưa Ông dùng nắm tay,
Giết chết Tỳ-kheo-ni,
Nay bị lá đồng nóng,
Cuốn cháy không đuổi được.
Hành báo trọn không mất,
Cũng chẳng phải rỗng không,
Cho nên phải siêng năng,
Là các nguồn ác này.

Đê-bà-đạt-đa ! Ông vốn tạo cội gốc chính là các điều này, nên tự nhất tâm hướng về Phật, được phước lâu dài.

Bấy giờ, Đê-bà-đạt-đa lại bạch với Mục-liên:

— Nay xin nhờ Tôn giả Mục-liên cúi đầu lễ chân Thế Tôn, kính thăm Thế Tôn ngồi đứng khinh an, dạo đi mạnh mẽ tôi cũng lại lễ bái Tôn giả A-nan.

Tôn giả Đại-mục-kiên-liên phóng đại thần túc, khiến các khổ não trong địa ngục A-tỳ dừng lại, lại nói kệ này:

*Đều xưng Nam-mô Phật,
Bậc họ Thích tối thắng,
Vị ấy ban an ổn,
Dẹp trừ các khổ não.*

Bấy giờ, chúng sanh trong địa ngục A-tỳ nghe Tôn giả Mục-liên nói kệ này rồi, hơn sáu vạn người được dứt quả báo khổ, liền mạng chung nơi ấy, sanh lên trời Tứ Thiên vương.

Tôn giả Mục-liên liền thấu thần túc, trở về tinh xá đến chỗ Thế Tôn, lễ chân Phật, đứng một bên. Tôn giả bạch Phật rằng:

— Đê-bà-đạt-đa cung kính vô lượng, thăm hỏi Thế Tôn ngồi đứng khinh an, dạo đi mạnh mẽ. Cúng

lại hỏi thăm A-nan, và nói thế này: “Nhu Lai thọ ký cho trong sáu mươi kiếp, thành Bích-chi Phật hiệu Nam-mô, dù cho tôi nằm nghiêng hông mặt trong địa ngục A-tỳ, vẫn trọn không một nhọc”.

Bấy giờ Phật nói:

— Lành thay, lành thay ! Mục-liên, Thầy làm nhiều lợi ích, nhiều sự thấm nhuần, thương tưởng loài ngu tối, Trời Người được an lạc, khiến cho hàng Thanh văn của Nhu Lai dẫn đến Niết-bàn.

Thế nên, Mục-liên ! Nên siêng năng thành tựu ba pháp. Vì sao thế ? Nếu Đê-bà-đạt-đa tu pháp lành về thân ba, miệng bốn, ý ba, ông ấy trọn đời không tham lợi dưỡng, cũng không tạo tội ngũ nghịch mà bị vào địa ngục A-tỳ. Vì sao ? Phàm người tham lợi dưỡng, cũng không có tâm cung kính đối với Tam bảo, cũng không vâng giữ giới cấm, không đầy đủ về thân, khẩu, ý hành. Nên chuyên chú nhớ nghĩ về thân, khẩu, ý hành. Như thế, Mục-liên, nên học điều này !

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có chúng sanh tu hành tâm từ giải thoát, lưu truyền rộng nghĩa ấy, vì người diễn nói, sẽ được mười một quả báo. Thế nào là mười một ? Ngũ an ổn, thức an ổn, không chiêm bao dữ, Trời ủng hộ, Người thương mến, không có độc hại, không bị binh đao, nước, lửa, đao tặc không xâm tổn, khi chết sanh lên trời Phạm thiên. Đó gọi là Tỳ-kheo hay thực hành tâm từ được mười một phước này.

Thế Tôn liền nói kệ này:

*Nếu người hành lòng từ,
Không có hạnh phóng dật,
Các kết dân dân mỏng,
Dân thấy dấu vết đạo.
Do hay hành lòng từ,
Sẽ sanh lên Phạm thiên,
Được diệt độ mau chóng,
Hằng đến chỗ vô vi.
Không sát, không tâm hại,
Cũng không ý hơn thua,
Lòng từ trùm tất cả,
Trọn không tâm oán hận.*

Thế nên, Tỳ-kheo nên tìm phương tiện thực hành lòng từ, lưu truyền rộng nghĩa ấy. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

L. PHẨM LỄ TAM BẢO

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn muốn lễ bái chùa tháp Như Lai, nên thực hành mười một pháp lễ chùa Phật. Thế nào là mười một ? Hung khởi tâm dống mãnh vì có thể kham; ý không tán loạn vì thường nhất tâm;... vì ghi nhớ chuyên tâm các pháp Chi;... Quán; các niệm hằng dứt vì nhập chánh định; ý biết vô lượng vì có trí tuệ; ý khó quán sát do hình tướng Như Lai; ý vắng lặng tràm nhiên vì oai nghi Như Lai; ý không chạy nhảy vì danh xưng Như Lai; ý không tương tượng do sắc tướng Như Lai; Phạm âm khó bì kịp do âm hưởng nhu nhuyến.

Các Tỳ-kheo ! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nham muốn lễ bái chùa tháp Như Lai, nên đầy đủ mười một pháp này. Lễ chùa tháp của Như Lai thì được phước lâu dài vô lượng. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu thiện nam tử, thiện nữ nham muốn làm lễ pháp thì nên ghi nhớ mười một việc sau hãy lễ pháp. Thế nào là mười một pháp ? Có kiêu mạn nên trừ kiêu mạn; Chánh pháp ở cõi dục mà trừ dục; Chánh pháp hay đoạn dứt dòng sanh tử thâm sâu; hành Chánh pháp được pháp bình đẳng; Chánh pháp đoạn dứt các đường ác; theo Chánh pháp này được đến chỗ lành; Chánh pháp hay đoạn dứt lưới ái; người hành Chánh pháp từ hữu vi đến vô vi; người hành Chánh pháp chiếu sáng khắp nơi; người hành Chánh pháp đến Niết-bàn.

Nếu thiện nam tử, thiện nữ nham muốn làm lễ pháp, nên tư duy về mười một pháp này, sau

được phước vô lượng, phước không hạn lượng mãi mãi. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn tu hành lễ chúng Tăng, nên suy nghĩ mười một pháp, sau mới lễ chúng Tăng. Thế nào là mười một ? Chúng của Như Lai thành tựu Chánh pháp; Thánh chúng của Như Lai trên dưới hòa hợp; Thánh chúng của Như Lai thành tựu các pháp; Thánh chúng của Như Lai thành tựu giới; thành tựu chánh định; thành tựu trí tuệ; thành tựu giải thoát; thành tựu giải thoát tri kiến; Thánh chúng của Như Lai hay hộ trì Tam Bảo; Thánh chúng của Như Lai hay hàng phục ngoại đạo dị học; Thánh chúng của Như Lai là bạn tốt, ruộng phước cho tất cả chúng sanh.

Thiện nam tử, thiện nữ nhơn muốn lễ chúng Tăng, nên tư duy về mười một pháp này, được phước lâu dài vô lượng. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ các hàng Tỳ-kheo, Trời, Rồng, Quỷ Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khấu-na-la, Ma-hầu-la-già, Trời Ma-hưu-lặc và Người nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Ma-kiệt, thành Mật-đề-la cư ngụ phía Đông vườn Đại Thiên, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người câu hội.

Khi ấy, Thế Tôn sau khi thọ thực cùng với Tôn giả A-nan đi kinh hành trong vườn. Phật mỉm cười, A-nan nghĩ thầm: “Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác không cười suông. Nay có gì cười ? Ất phải có ý, Ta sẽ hỏi điều này”. A-nan chỉnh đốn y phục, quỳ gối mặt chấm đất, chấp tay hỏi Phật:

— Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác không cười suông. Nay có gì cười ? Ất phải có ý, xin được nghe ý đó.

Phật bảo A-nan:

— Ta sẽ vì Thầy nói. Về Hiền kiếp đã qua, ban đầu ở đây có một vị Chuyển luân Thánh vương làm chủ bốn châu thiên hạ tên là Đại Thiên, sống lâu không bệnh, đoan chánh đông minh, dùng Chánh pháp cai trị, không ép uổng nhân dân, có

bảy báu tự nhiên xuất hiện. Những gì là bảy ? Một là xe báu, hai là voi báu, ba là ngựa báu, bốn là châu báu, năm là ngọc nữ báu, sáu là chủ tạng báu, bảy là điển binh báu.

Phật bảo A-nan:

— Khi vua Đại Thiên còn thơ ấu, thời gian ấy

A-nan bạch Phật:

— Thế nào là xe báu ?

Phật bảo A-nan:

— Vào ngày rằm trăng tròn, vua tắm gội sạch sẽ, cùng thế nữ lên lầu phía Đông, nhìn hướng Đông. Có xe nghìn cỗ vàng, xe cao bảy đa-la, bảy nhân là một đa-la. Đa-la là cây độc diên, dùng cây này làm hạn lượng, toàn bằng vàng tử ma. Vua thấy xe rồi, nghĩ rằng: “Xe này là xe quý, xin nguyện bắt được”. Nghĩ xong, vua liền đến bên tay trái vua, rồi chuyển qua tay mặt. Vua bảo xe ấy:

— “Những nước chưa từng hàng phục, hãy vì ta hàng phục, chẳng phải đất của ta, hãy vì ta thu nhận, hãy đúng pháp không nên phi pháp”

Nói xong, xe trở lên hư không, trục xe xoay về hướng Đông.

Nhà vua sai tả hữu chuẩn bị đủ bốn binh chủng, binh đã đủ liền đưa binh chủng theo xe trên không. Xe dẫn sang phương Đông, qua hết các cõi nước phía Đông. Ban đêm, vua và binh chủng ngủ dưới xe báu. Các tiểu vương nước phía Đông đều đến triều kiến, dùng bát vàng đựng thóc bạc tiến dâng vua, thưa rằng:

— “Kính chào Đại vương ! Bờ cõi Đông này, tất cả đất đai, trân bảo, nhân dân đều là của Đại vương. Xin đừng xa giá tại đây, chúng tôi sẽ vâng theo Đại vương dạy”.

Vua Đại Thiên bảo các tiểu vương:

— “Các Ông muốn theo lời dạy của ta thì mỗi người nên trở về nước mình dùng Thập thiện dạy dân, chớ làm ngang bướng”.

Vua khuyên dạy xong, xe báu liền ở trên biển, quay lại nương hư không mà đi. Trong biển tự nhiên mở đường rộng một do-diên, vua và bốn bộ binh chủng theo xe báu như trước, đi qua cõi phương Nam. Các tiểu vương phương Nam cũng đến triều kiến, đều dùng bát vàng đựng thóc bạc,

bát bạc đựng thóc vàng, dâng lên nhà vua, thưa rằng:

— “Kính chào Đại vương ! Cõi nước phương Nam này cùng trần bảo, nhân dân đều là của Đại vương. Xin đừng xa giá ở đây, chúng tôi sẽ vâng theo lệnh Đại vương”.

Vua Đại Thiên bảo các tiểu vương:

— “Các Ông muốn theo lệnh ta thì mỗi người nên trở về nước mình, đem Thập thiện dạy dân, chớ làm việc phi pháp”.

Vua khuyên dạy xong, xe báu quay sang hướng Tây, dẫn đi về cõi phía Tây. Các vua nước phía Tây cũng hiền, thỉnh mời như ở phương Nam. Xong, xe báu quay sang hướng Bắc, dẫn đi qua bờ cõi phía Bắc. Các vua phía Bắc cũng đến triều kiến, nạp cống và cầu thỉnh như các pháp trước.

Đi bốn ngày hết bốn biển Diêm-phù-đê, trở về thành Mật-đế-la, xe dừng trước cửa cung, ở trên hư không cao bảy cây đa-la, vành xe hướng về phía Đông, vua liền vào cung.

Phật bảo A-nan:

— Vua Đại Thiên được xe báu như thế.

A-nan lại hỏi đức Phật:

— Vua Đại Thiên được voi báu như thế nào ?

Phật đáp:

— Sau đó, vua Đại Thiên lại đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ lên lầu phía Đông, nhìn về hướng Đông, thấy trong hư không có một voi chúa màu trắng tên Mãn Hồ, từ hư không đến, thân hình đều đặn, miệng có sáu ngà, mũi vàng đội đầu, dây vàng, anh lạc, chơn châu kết vòng quanh thân, hai bên hông đeo chuông vàng. Voi có sức thần, biến hình tự tại. Vua Đại Thiên thấy rồi, tự nghĩ rằng: “Ta có thể được voi báu này chăng ? Ta sẽ khiến voi làm việc”. Nghĩ xong, voi liền đứng trên hư không trước vua. Vua bèn sai làm năm việc, lại nghĩ: “Nên thử xem voi này có thể làm được chăng ?”. Ngày mai, mặt trời lên, vua cỡi voi dạo khắp bốn biển, trong khoảnh khắc về lại chỗ cũ, đứng trước cửa cung, hướng về phía Đông. A-nan ! Vua Đại Thiên được voi báu như thế.

A-nan hỏi Phật:

— Vua Đại Thiên được ngựa báu như thế nào ?

Phật bảo:

— Sau đó, đến ngày rằm trăng tròn, vua Đại Thiên tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ lên lầu Tây, nhìn về phía Tây, thấy có một ngựa chúa màu xanh

tên là Bà-la-xá từ hư không bay đến, đi không động thân, đầu đội mão vàng, các báu anh lạc, chơn châu kết quanh thân, hai bên hông đeo chuông vàng. Ngựa chúa có sức thần, biến hình tự tại. Vua Đại Thiên thấy rồi, tự nghĩ: “Ta có thể được ngựa này cõi rất tốt”. Vua nghĩ xong, ngựa đến trước nhà vua, vua liền cỡi ngựa muốn thử tài đó. Ngày mai, mặt trời lên, vua cỡi ngựa đi về phía Đông, trong khoảnh khắc dạo khắp bốn bể, rồi trở về nước. Ngựa đứng ở cửa cung phía Tây, hướng về Tây.

A-nan ! Vua Đại Thiên ngựa báu như thế.

A-nan hỏi Phật:

— Vua Đại Thiên được châu báu như thế nào ?

Phật đáp:

— Sau đó, đến ngày rằm trăng tròn, vua Đại Thiên tắm gội sạch sẽ, cùng các thế nữ lên lầu phía Đông, nhìn về phương Đông, thấy có hạt thân châu. Thân châu to tròn một thước sáu tấc, có tám mặt, màu xanh lưu ly, từ hư không bay đến, cao bảy cây đa-la. Vua thấy rồi, tự nghĩ: “Được thân châu này để ngắm”. Vua như ý nghĩ mà được thân châu. Vua muốn thử, vào nửa đêm tập hợp bốn binh chủng, đem thân châu treo ở đầu cột phướn, ra khỏi thành dạo đi. Hạt thân châu chiếu sáng các nơi mười hai

do-diên, binh chủng thấy nhau như ban ngày, ánh sáng của thần châu chiếu đến đâu, nhân dân kinh ngạc thức dậy, đều nói trời sáng. Nhà vua về cung, dựng cây phướn trong cung, trong ngoài đều sáng như ban ngày.

A-nan ! Vua Đại Thiên được châu báu như thế.

A-nan bạch Phật:

— Vua Đại Thiên được ngọc nữ báu như thế nào ?

Phật bảo A-nan:

— Nhà vua đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ lên lầu Đông, nhìn về hướng Đông, thấy bảo nữ dòng Sát-đế-lợi tên Mạn-na-ha-lợi đoan chánh không ai bì, nghiêm trang thù diệu, không cao không thấp, không mập không ốm, không trắng không đen, mùa đông thân ấm, mùa hạ thân mát, từ lỗ chân lông tiết ra mùi hương chiên-đàn, miệng có mùi thơm hoa sen xanh, cũng không có các trạng thái xấu ác của người nữ, tánh tình ôn hòa, ý tùy thuận trước, từ hư không đến chỗ vua.

A-nan ! Vua Đại Thiên được ngọc nữ báu như thế.

A-nan bạch Phật:

— Vua Đại Thiên được châu tạng báu như thế nào ?

Phật đáp:

— Vua Đại Thiên đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ lên lầu phía Bắc, nhìn về hướng Bắc, thấy đại thân chủ tạng tên A-la-tra-chi, tướng đoan chánh thù diêu, không cao không thấp, không mập không gầy, thân sắc vàng, tóc màu xanh, mắt đen trắng phân minh. Chủ tạng lại có thể thấy được các kho báu báu nằm dưới đất, có chủ thì giữ gìn, không chủ thì đem dâng vua sử dụng, thông minh trí tuệ, giỏi các mưu lược. Đại thân từ hư không bay đến trước vua, tâu rằng:

— “Từ nay về sau, nhà vua có thể tự vui thích chớ lo buồn. Tôi sẽ cung cấp tài bảo cho Đại vương không để thiếu”.

Vua muốn thử đại thân chủ tạng, bèn cùng dòng thuyền ra biển. Vua bảo:

— “Ta muốn được vàng bạc châu báu”.

Tạng thân tâu:

— “Xin trở lại bờ, hạ thân sẽ dâng tài bảo”.

Vua nói:

— “Ta muốn được châu báu dưới nước, không cần trên bờ”.

Thân chủ tạng bèn đứng dậy sửa y phục, quỳ

gối hữu, chấp tay làm lễ nước, trong nước liên tục nhiên xuất hiện vàng khối to như bánh xe, chói lát đầy thuyền. Vua bảo:

— “Hãy dừng ! Chớ chất thêm vàng, thuyền sắp đắm”.

A-nan ! Vua Đại Thiên được đại thần chủ tạng như thế.

A-nan bạch Phật:

— Vua Đại Thiên được diễn binh báu như thế nào ?

Phật bảo:

— Nhà vua đến ngày rằm trăng tròn, lại tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ lên lầu phía Nam, thấy có đại tướng quân tên Tỳ-tỳ-na, đoan chánh tướng hảo, tóc màu trân châu, thân thể màu lục, không cao không thấp, không mập không gầy, mắt có thể nhìn thấu tâm niệm người khác, biết việc quân binh, quyền biến, mưu lược, tiến lui đúng thời. Đại tướng nương hư không bay đến trước vua, tâu rằng:

— Cúi xin Đại vương tự ý vui thích, chớ lo thiên hạ, việc chinh phạt bốn phương thần tự điều khiển.

Nhà vua muốn thử tài, vào giữa đêm suy nghĩ muốn tập hợp bốn bộ binh chủng, nghĩ vừa dứt bốn binh đã tập hợp. Nhà vua lại nghĩ tiến binh về phía

Đông, quân liền tiến về Đông. Nhà vua ở giữa, đại tướng đi đầu, bốn binh vây quanh. Vua nghĩ muốn tiến thì quân tiến, muốn lùi thì quân lùi. A-nan ! Vua Đại Thiên được diễn binh bấu như thế.

Phật bảo A-nan:

— Vua Đại Thiên được bấu bấu như thế.

Phật lại bảo A-nan:

— Vua Đại Thiên cai trị rất lâu, bèn bảo thợ hót tóc tên Kiếp-tỷ rằng: “Nếu ta có tóc bạc, nên nhổ và báo cho ta biết”. Kiếp-tỷ chăm sóc tóc cho vua; lâu sau, thấy có một sợi tóc bạc, bèn tâu:

— “Trước Đại vương có ra lệnh, nay thấy tóc bạc !”

Vua bảo:

— “Nhổ đưa ta xem”.

Kiếp-tỷ dùng nhíp vàng nhổ tóc bạc, để vào tay vua. Vua cầm tóc bạc, bèn nói kệ:

*Trên đầu của ta,
Sinh tóc bạc này,
Sứ thần đến gọi,
Đến thời vào đạo.*

Vua suy nghĩ: “Ta đã hưởng ngũ dục tốt độ

trong loài Người, nay nên xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục”. Bèn gọi thái tử Trường Sanh đến, bảo:

— “Này Con ! Đầu ta đã sanh tóc bạc. Ta đã chán ngũ dục thế gian, muốn tìm vui cõi Trời. Nay ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục xuất gia học đạo. Con nên lãnh việc nước, lập con lớn làm thái tử; nên cấp dưỡng cho Kiếp-tỷ coi việc tóc bạc, khi tóc bạc xuất hiện, trao nước cho thái tử rồi như ta cạo râu tóc xuất gia, mặc pháp phục”.

Nhà vua bảo thái tử:

— “Nay ta đem ngôi vua ân cần trao cho con, nên làm cho Thánh vị tiếp nối đời đời chớ để đứt mất; nếu đứt đoạn sẽ bị làm người ở biên địa; nếu đoạn mất hạnh lành, liên sanh chỗ không có pháp”.

Vua Đại Thiên dạy xong, liền trao nước cho thái tử Trường Sanh, ban cho Kiếp-tỷ ruộng đất.

Phật bảo A-nan:

— Vua Đại Thiên ở thành này, nước này, đất này, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục vào đạo, ở cõi này thực hành bốn Phạm hạnh Từ, Bi, Hỷ, Xả, trải qua tám vạn bốn ngàn năm, ở đây mạng chung sanh về Phạm thiên.

Vua Đại Thiên xuất gia, bảy ngày sau ngọc nữ báu mệnh chung. Trường Sanh lên ngôi, đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, đem các thể nữ lên lầu phía Đông, nhìn về phương Đông, thấy ngọc nữ đoan chánh như trước, từ hư không đến. Vua Trường Sanh lại được bảy thứ báu. Vua trị vì nước, cai quản thiên hạ, sau lại bảo Kiếp-tỷ:

— “Từ nay về sau chăm sóc trên đầu, thấy tóc bạc thì đem báo cho ta”.

Nhà vua lên ngôi trải qua tám vạn bốn ngàn năm. Tóc vua bạc, thợ hớt tóc Kiếp-tỷ tâu vua:

— “Đã có tóc bạc”.

Vua bảo:

— “Nhớ đem đến để trên tay ta”.

Thợ hớt tóc Kiếp-tỷ dùng nhíp vàng nhổ tóc bạc để lên tay vua. Vua cầm tóc bạc nói kệ:

*Trên đầu của ta,
Sinh tóc bạc này,
Sứ thần đến gọi,
Đến thời vào đạo.*

Vua tự nghĩ: “Ta đã hưởng ngũ dục tốt đỉnh. Nay nên xuất gia, cạo râu tóc, mặc pháp phục”. Vua liền gọi thái tử Quán Cát bảo:

— Nay Con, đầu ta đã có tóc bạc. Ta đã chán ngũ dục thế gian, muốn cầu thú vui cõi Trời. Nay ta muốn xuất gia hành đạo, cạo bỏ râu tóc mặc pháp phục. Con nên lãnh việc nước, lập con trưởng làm thái tử, chu cấp cho Kiếp-tỳ khiến coi việc tóc bạc. Khi tóc bạc xuất hiện, Con nên giao việc nước cho thái tử, xuất gia như ta, cạo bỏ râu tóc mặc pháp phục.

Vua bảo thái tử:

— “Nay ta đem ngôi vị ân cần trao cho con. Nên làm cho ngôi Thánh vương đời đời tiếp nối, chớ để đoạn dứt; nếu đoạn dứt sẽ bị làm người ở biên địa; nếu dứt hạnh lành phải sanh nơi không có pháp”.

Vua Trường Sanh răn dạy xong, liền giao nước cho thái tử Quán Cát, ban cho Kiếp-tỳ ruộng đất.

Phật bảo A-nan:

— Vua Trường Sanh cũng ở thành này, nước này, đất này, cạo bỏ râu tóc mặc pháp y nhập đạo. Ở đây trải qua tám vạn bốn ngàn năm, vua thực hành bốn Phạm hạnh Từ, Bi, Hỷ, Xả. Ở đây mệnh chung, vua sanh lên Phạm thiên.

Phật bảo A-nan:

— Vua Trường Sanh xuất gia, bảy ngày sau,

— “Đại vương vì sao không vui ?”

Vua đáp:

— “Vì bảy báu biến mất”.

Các đại thần tâu:

— “Xin Đại vương chớ lo”.

Vua hỏi:

— “Vì sao không lo ?”

Các đại thần tâu:

— “Tiên vương đang tu Phạm hạnh trong vườn gân đây, có thể đến đó thỉnh vấn, chắc ngài sẽ dạy Đại vương pháp được bảy báu”.

Nhà vua ra lệnh trang hoàng xa giá, các đại thần chuẩn bị xong liền tâu vua. Vua cùng quần thần cỡi xe thất bảo, mang năm vật: cờ lọng, mũ vua, kiếm, quạt, giày cùng các đại thần tả hữu tùy tùng đến vườn. Đến nơi, vua xuống xe, bỏ năm vật nghiêm sức, đi bộ vào cửa vườn, đến trước phụ vương, cúi lạy lui ngôi một bên, chấp tay thưa:

— “Phụ vương có bảy báu, nay đều đã biến mất”.

Vua cha trước đã ngồi yên, nghe thua, ngẩng đầu đáp:

— “Này con ! Phàm pháp của Thánh vương không ý lại vào vật của cha. Con tự thực hành cách để cầu được các món ấy”.

Vua lại hỏi:

— “Chuyển luân Thánh vương dùng pháp hóa gì ?”

Vua cha đáp:

— “Pháp kinh, pháp trọng, pháp nghĩ nhớ, pháp nuôi dưỡng, pháp làm tăng trưởng, pháp làm giàu mạnh, pháp làm lớn rộng. Làm theo bảy pháp này chính là cách trị dân của Thánh vương, có thể được bảy báu”.

Vua lại hỏi:

— “Thế nào là pháp kinh ?... cho đến pháp lớn ?”

Phụ vương đáp:

— “Nên chu cấp cho người bần cùng, dạy dân chúng hiếu dưỡng song thân, bốn mùa tám tiết tùy thời tế lễ, dạy dân nhẫn nhục, trừ bỏ hạnh dâm dục, ngu si v.v... Bảy pháp này chính là pháp của Thánh vương”.

Vua liền nghe lời dạy, lễ bái xin hư, nhiều

quanh bảy vòng rồi dẫn chúng trở về. Khi ấy vua vâng lệnh phụ vương làm theo bảy pháp, khiến cho xa gần đều tôn trọng lời vua dạy. Vua mở kho cấp dưỡng người nghèo, nuôi kẻ cô độc, già nua. Dân chúng bốn phương đều vâng làm theo. Khi ấy, vào ngày rằm trăng tròn, vua tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ lên lầu phía Đông, nhìn về hướng Đông, thấy có xe báu ngàn cựa vàng, xe cao bảy đa-la, cách đất cũng bảy đa-la, từ hư không bay đến dừng trên hư không. Vua tự nghĩ: “Nguyện được xe báu này chăng?”. Xe báu liền hạ xuống bên tay trái vua, lại chuyển sang tay mặt. Vua bảo xe báu ấy:

— “Các nơi không hàng phục, hãy vì ta hàng phục; nơi chẳng phải đất ta, hãy vì ta giữ lấy. Nên đúng pháp, không nên phi pháp”.

Vua liền dùng tay ném xe lên hư không trước cửa cung phía Đông. Xe trụ trên hư không hướng về phía Đông. Sau xe báu, kế đến là voi trắng, tiếp theo có ngựa xanh, thần châu, ngọc nữ, chủ tạng báu, điển binh báu, bảy vật báu xuất hiện như thời vua Đại Thiên, thù thách cũng thế. Trải qua tám vạn bốn ngàn năm, vua cũng lập thái tử, tặng thưởng cho Kiếp-tỳ, giao nước cho thái tử, xuất gia học đạo đều như pháp của vua trước.

Phật bảo A-nan:

— Vua Quán Cát ấy ở tại thành này, vườn này, cạo tóc, mặc pháp phục, trải qua tám vạn bốn ngàn năm tu bốn Phạm hạnh Từ, Bi, Hỷ, Xả. Ở đây mạng chung, vua cũng sanh Phạm thiên.

Phật bảo A-nan:

— Vua Đại Thiên và con cháu nối tiếp nhau cho đến tám vạn bốn ngàn triệu đại làm Chuyển luân Thánh vương, dòng dõi lành không dứt đoạn. Vị Thánh vương sau cùng tên Nhâm, dùng Chánh pháp cai trị, là người thông minh, nhớ kỹ không quên, có ba mươi hai tướng tốt, sắc như hoa sen hồng, ưa thích bố thí, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, săn sóc nuôi dưỡng người già, cô độc, chu cấp người nghèo. Ở bốn cửa thành và trung tâm thành, vua đều dựng kho lẫm, chứa vàng bạc, châu báu, voi ngựa, xe cộ, y phục, giường chiếu, hương hoa, thức ăn uống, thuốc men, người cô độc thì cấp cho thê thiếp, bố thí các thứ tùy ý người muốn.

Trong những ngày lục trai, vua ra lệnh nội cung, ngoại cung đều giữ giới Bát quan trai. Vào ngày ấy, chư Thiên cõi trời Tịnh Cư đều cùng xuống thọ giới. Trời Đế Thích, Ba mươi ba cũng khen ngợi nhân dân nước ấy: “Vui thay ! Lợi lành

mới gặp bậc Pháp vương như thế, bố thí các thứ theo nhu cầu nhân dân, lại hay trai giới thanh khiết không thiếu sót”.

Chư Thiên đều nói: “Muốn gặp, có thể mời lên đây”. Thích-đề-hoàn-nhân liền sai thiên nữ Cùng-tỳ-ni:

— “Ngươi đến thành Mật-đề-la bảo Nhâm vương rằng: “Đại vương được lợi ích lớn ! Chư Thiên ở đây đều khen ngợi công đức cao tốt của Đại vương, bảo tôi đến thăm hỏi khuyên mời. Chư Thiên đều muốn được gặp, xin vui lòng đến đó””.

Thiên nữ Cùng-tỳ-ni vâng lời bay xuống, trong khoảng co duỗi tay, hốt nhiên hiện trên hư không trước cung vua. Lúc ấy nhà vua đang ngồi tư duy trong điện, có một thể nữ hầu. Vua suy nghĩ: “Thế gian đều muốn gọi sự an ổn, không có khổ hoạn”. Cùng-tỳ-ni ở trên hư không búng ngón tay để kêu, vua ngẩng đầu lên, thấy trên cung điện có ánh sáng, nghe tiếng bảo rằng:

— “Ta là thị giả của Thích-đề-hoàn-nhân. Thiên đế sai ta đến chỗ Đại vương”.

Vua đáp:

— “Không biết Thiên đế có điều gì dạy bảo ?”

Thiên nữ nói:

— “Ý của Thiên đế ân cần, chư Thiên khen ngợi công đức của nhà vua, muốn được gặp. Đại vương có vui lòng ?”

Vua im lặng hứa nhận. Thiên nữ liền trở về thưa Thiên đế:

— “Đã truyền lệnh xong, vua hứa sẽ đến”.

2

Thiên đế liền ra lệnh cho người đánh xe, trang nghiêm xe thất bảo, cỡi xe ngựa bay xuống thành Mật-đế-la đón vua Nhâm. Người đánh xe vâng lệnh, liền cho xe ngựa hốt nhiên bay xuống thành. Vua đang ngồi họp cùng quần thần, xe dừng trước điện vua, trụ trên hư không. Người đánh xe kêu:

— “Nay Thiên đế đưa xe xuống đón, các Thiên tử cũng đang đợi, Đại vương nên lên xe, chớ lưu luyến”.

Các quan lớn nhỏ nghe vua sắp đi, tỏ vẻ không vui, đều đứng dậy chấp tay thưa:

— “Sau khi Đại vương đi, chúng hạ thân vâng lệnh ai ?”

Vua đáp:

— “Các Khanh chớ lo, sau khi ta đi nên bố thí, trai giới, cấp dưỡng dân chúng, trị quốc như lúc ta đang thời. Ta sẽ về không lâu”.

Vua ra lệnh xong, xe liền hạ xuống đất. Vua lên xe, người đánh xe hỏi:

— “Vua sẽ đi theo đường nào ?”

Vua hỏi:

— “Lời này là thế nào ?”

Người đánh xe đáp:

— “Có hai đường đi, một là đường ác, hai là đường lành. Người làm ác từ đường ác đến chỗ khổ, người làm lành dạo chơi đường lành đến chỗ vui”.

Vua nói:

— “Nay tôi muốn đi cả hai đường ác và lành”.

Người đánh xe nghe hồi lâu mới hiểu nói:

— “Rất lành ! Đại vương”.

Người đánh xe bèn đưa vua đi cả hai đường, thấy đủ thiện ác, đến trời Ba mươi ba. Thiên đế và chư Thiên xa thấy vua đến, Thích-đề-hoàn-nhân nói:

— “Kính chào Đại vương ! Mời cùng ngồi”.

Phật bảo A-nan:

— Vua bèn ngồi trên tòa Thiên đế. Vua cùng Thiên đế dung mạo tương tợ, y phục tiếng nói như nhau. Các Thiên tử nghĩ thầm: “Ai là Thiên đế ? Ai là vua ?”. Lại nghĩ: “Người và pháp phải tuân theo mà đều chẳng tuân theo”. Chư Thiên đều ngạc nhiên không phân biệt được. Thiên đế thấy chư Thiên có tâm nghi, bèn nghĩ: “Ta sẽ mời nhà vua ở lại, sau mới làm sáng tỏ”. Thiên đế bảo chư Thiên:

— “Các Ông có muốn ta lưu nhà vua ở lại đây chẳng ?”

Chư Thiên thưa:

— “Thật muốn mời ở lại”.

Thiên đế bảo vua Nhâm:

— “Đại vương ! Có thể ở đây chẳng ? Tôi sẽ cung cấp ngũ dục”.

Nhân đó chư Thiên mới biết. Vua thưa Thiên đế:

— Thưa, tôi không thể !

Thiên đế bèn cấp tặng, xong vua thưa:

— “Nguyện cho chư Thiên thọ mạng vô tận”.

Chủ khách thỉnh nhượng như thế ba lần.

Thiên đế hỏi vua:

— “Sao không ở lại ?”

Vua thưa:

— “Tôi phải xuất gia tu đạo, nay ở cõi Trời không có duyên học đạo”.

Thiên đế hỏi:

— “Phụ vương tôi dặn dò, nếu có tóc bạc nên xuất gia”.

Đế thích nghe nói lời di mệnh nhập đạo, im lặng không đáp. Vua ở cõi Trời, trong khoảnh khắc ngũ dục tự vui, mà ở thế gian đã trải qua mười hai năm. Vua muốn cáo biệt, bèn cùng các Thiên tử nói pháp chân thật. Thiên đế dạy người đánh xe.

— “Ông đưa vua Nhâm trở về nước”.

Người đánh xe vâng lời liền trang hoàng xe, chuẩn bị xong, thưa nhà vua:

— “Đại vương có thể lên xe”.

Nhà vua bèn từ biệt Thiên đế và chư Thiên rồi lên xe, theo đường cũ mà về. Đến thành Mật-đế-la, người đánh xe liền trở về Trời. Vua trở về vài hôm, vua bảo Kiếp-tý:

— Nếu thấy có tóc bạc, nên báo cho ta.

Trong vài ngày, trên đầu vua có tóc bạc, Kiếp-tỷ dùng nhíp vàng nhổ tóc bạc, để trên tay vua, vua thấy rồi bèn nói kệ:

*Trên đầu của ta,
Sinh tóc bạc này,
Sứ thần đến gọi,
Đến thời vào đạo.*

Vua nghĩ: “Ta đã hưởng ngũ dục tốt đĩnh, nay nên xuất gia, cạo tóc, mặc pháp phục”. Vua bèn gọi thái tử Thiện Tận bảo:

— “Ta đã có tóc bạc, ta đã chán ngũ dục thế gian, nên tìm vui cõi Trời, nên cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, xuất gia học đạo. Nay ta đem việc nước giao cho con, chu cấp cho Kiếp-tỷ. Nếu khi có tóc bạc, Con nên đem việc nước giao cho thái tử rồi xuất gia học đạo. Nay Con ! Nay ta đem ngôi vị Thánh vương trao cho con, chớ để đoạn dứt; nếu đoạn dứt thì sẽ bị làm người ở biên địa”.

Phật bảo A-nan:

— Vua Nhâm bèn đem việc nước trao cho thái tử, chu cấp ruộng đất cho Kiếp-tỷ, rồi ở nơi thành này xuống tóc, mặc pháp phục, xuất gia tu đạo. Sau khi vua tu đạo, trong bảy ngày xe báu, châu báu

biến mất, voi, ngựa, ngọc nữ, diên binh, chủ tạng thầy đều không còn. Nhà vua ở trong vườn tám vạn bốn ngàn năm, hành bốn Phạm hạnh Từ, Bi, Hỷ, Xả, sau khi mệnh chung, sanh lên Phạm thiên.

Sau đó vua Thiện Tận không theo nghiệp cha, bỏ phế Chánh pháp. Do đó bảy món báu không ứng hiện lại, không tiếp tục hạnh lành nên có năm điều tổn giảm: tuổi thọ dân chúng ngắn, sắc suy, lực kém, nhiều bệnh, không trí tuệ. Năm điều tổn giảm này đã có lại rồi chuyển thêm sang bốn khổ. Do cùng khổ nên trộm cướp lẫn nhau, người ta đến vua thưa kiện:

— “Người này trộm cắp !”

Vua liền ra lệnh hành hình người trong nước. Nghe tội trộm cắp, vua liền đem giết, vì chứa điều ác nên có đao bén. Đao gươm từ đó bắt đầu chế tạo, do đây sát sanh khởi lên, đó là hai điều ác (trộm, sát) xuất hiện.

Kế lại dâm phạm vợ người, tranh cãi với chồng người ấy, tự nói: “Tôi không có !” bèn thành ra bốn điều ác (đạo, sát, dâm, vọng). Nói dối chiêu gây nên đấu tranh là năm điều ác. Do gây gổ nên có chửi bới là sáu điều ác. Lời nói không thật là bảy điều

ác. Ganh ghét sự hòa hợp của người là tám điều ác. Giận hờn đối sắc là chín điều ác. Lòng nghi loạn là mười điều ác. Mười điều ác đã đủ thì sự tổn giảm càng tăng.

Phật bảo A-nan:

— Muốn biết vua Đại Thiên lúc đó ở vào Hiền kiếp ban đầu là ai chăng ? Chính là Ta vậy ! A-nan. Vua sau cùng của tám vạn bốn ngàn triệu vua tên là Nhâm, trị nước đoan chánh, chính là Thấy vậy. Vua sau chót tên Thiện Tận bạo nghịch vô đạo, làm đoan dứt dòng Thánh vương ấy, chính là Điều Đạt.

A-nan ! Thấy ở thời quá khứ, kế thừa sự nghiệp lành của Chuyển luân Thánh vương Đại Thiên, khiến ngôi vị lưu truyền không dứt, là công đức của Thấy, đúng pháp chẳng phi pháp. A-nan ! Nay Ta là Pháp vương vô thượng, đem pháp lành vô thượng ân cần trao phó cho Thấy. Thấy là con dòng Thích, chớ làm người biên địa, chớ làm hạnh đoan chừng.

A-nan bạch Phật:

— Vì có gì làm hạnh đoan chừng ?

Phật bảo A-nan:

— Vua Đại Thiên tuy làm pháp lành nhưng

chưa được lậu tận xuất thế gian, chưa được độ, chưa được đoạn dục, chưa phá hai mươi một kiết sử, sáu mươi kiến chưa trừ, ba cấu chưa sạch, chưa được thần thông, chưa được chơn đạo giải thoát, chưa được Niết-bàn. Vua Đại Thiên làm pháp lành, bắt quá chỉ sanh lên Phạm thiên.

A-nan ! Nay Ta nói pháp vô vi là pháp Ta được đến bờ chân thật trên cõi Trời, Người. Pháp Ta vô lậu, vô dục, diệt độ, thần thông, giải thoát, Sa-môn chơn thật đến Niết-bàn. A-nan ! Nay Ta đem đạo pháp Vô thượng ân cần trao phó cho Thầy, chớ làm giảm pháp của Ta, chớ làm người biên địa. A-nan ! Nếu có hiện hạnh Thanh văn; nếu có người đoạn dứt pháp này thì đó là người biên địa. Nếu người hay làm hưng thịnh pháp này là trưởng tử Phật, tức là thành tựu quyến thuộc, chớ làm hạnh diệt dòng tộc. A-nan ! Pháp của Ta đã nói ra trước sau đều giao phó cho Thầy. Thầy nên học điều này !

A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có bốn tội nhân lớn ở trong địa ngục. Thế

nào là bốn ? Mạt-khu-lê là đại tội nhân. Tỳ-kheo Đế-xá là đại tội nhân, Đề-bà-đạt-đa là đại tội nhân, Tỳ-kheo Cù-ba-ly là đại tội nhân.

Tội nhân Mạt-khu-lê thân phát ra lửa dài sáu mươi khuỷu tay. Tội nhân Đế-xá thân phát lửa dài bốn mươi khuỷu tay. Tội nhân Đề-bà-đạt-đa thân phát lửa dài ba mươi khuỷu tay. Tội nhân Cù-ba-ly thân phát lửa dài hai mươi khuỷu tay.

Này Tỳ-kheo ! Nên biết Mạt-khu-lê dạy vô số chúng sanh khiến làm việc tà kiến điên đảo, chấp có chấp không. Kẻ ngu Đế-xá làm đoạn dứt hạt giống Thánh không còn sót. Kẻ ngu Đề-bà-đạt-đa gây rối loạn chúng Tăng, giết Tỳ-kheo-ni đắc A-la-hán. Tội nhân Cù-ba-ly phỉ báng Xá-lợi-phất, Mục-kiên-liên.

Lại nữa, tội nhân Mạt-khu-lê dạy vô số chúng sanh làm tà kiến, thân hoại mạng chung堕 vào địa ngục Diêm Quang. Tội nhân Đế-xá làm đoạn dứt hạt giống Thánh không còn sót, thân hoại mạng chung rơi vào địa ngục Đẳng Hại. Tội nhân Đề-bà-đạt-đa khởi tâm mưu hại đối với Như Lai, thân hoại mạng chung rơi vào địa ngục A-tỳ. Tội nhân Cù-ba-ly do phỉ báng Xá-lợi-phất, Mục-kiên-liên, thân hoại mạng chung rơi vào địa ngục Bát-dầu-ma.

Khi ấy tội nhân Mạt-khư-lê bị ngục tốt rút lưới, vắn cổ ra sau. Vì sao thế ? Do ngày trước dạy vô số chúng sanh khiến làm tà kiến. Đại tội nhân Đế-xá bị ngục tốt mổ xẻ thân hình, đổ nước đồng cháy tiêu bụng, đem hoàn sắt nóng bắt nuốt. Vì sao thế ? Do ông ấy đoạn dứt hạt giống Thánh chúng. Tội nhân Đê-bà-đạt-đa bị bánh xe sắt nóng nghiền nát thân thể, lại có chày sắt đập trên thân, bảy voi dữ chà đập trên thân, lại có núi sắt nóng lớn đè trên mặt, toàn thân bị lá đồng nóng quấn chặt. Vì sao thế ? Do ngày trước ông ấy gây rối trong chúng, phá hòa hợp Tăng, nên phải bị bánh xe sắt nghiền đứt đầu. Lại, kẻ ngu Đê-bà-đạt-đa xúi thái tử làm hại phụ vương do quả báo ấy nên bị chày sắt đập nát thân thể. Lại, kẻ ngu Đê-bà-đạt-đa cho voi uống rượu say đến hại Như Lai, do quả báo ấy bị bảy voi dữ chà đập thân thể. Lại, kẻ ngu Đê-bà-đạt-đa leo lên núi Kỳ-xà-quật vác đá ném Phật, do quả báo ấy nên khiến núi sắt nóng đè trên mặt. Kẻ ngu Đê-bà-đạt-đa giết Tỳ-kheo-ni đắc A-la-hán, do quả báo ấy nên lá đồng nóng quấn thân. Tỳ-kheo nên biết, tội nhân Cù-ba-ly ở trong địa ngục Liên Hoa, có một ngàn trâu kéo cày trên lưới. Vì sao thế ? Vì đã phi báng Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, do quả báo này có một ngàn trâu kéo cày nát lưới.

Lại tội nhân Mạt-khu-lê, thân phát ra lửa dài sáu mươi khuỷu tay. Nếu có chúng sanh khởi lên ý niệm này: “Ta có thể cứu tế làm lợi ích người này” mà lấy nước bốn biển cao bốn mươi khuỷu tay rưới trên thân người ấy thì sau đó nước biển liền cạn hết mà lửa không giảm. Cũng như một chiếc lá sắc bị thiêu đốt đã bốn ngày, có người dùng bốn giọt nước rưới lên, nước lập tức rút mất. Đây cũng như thế, nếu có người đem nước bốn biển lớn rưới lên thân tội nhân, muốn cho được an lạc thì rốt cuộc không kết quả. Vì sao thế ? Vì tội kẻ ấy quá sâu nặng.

Tội nhân Đế-xá thân phát ra lửa dài bốn mươi khuỷu tay. Giả sử có chúng sanh thương xót người này, đem nước trong ba biển lớn rưới trên thân thì nước biển liền khô cạn, lửa không tắt, cũng như người rưới ba giọt nước lên sắt nóng, nước liền cạn khô không đọng lại. Đây cũng lại như vậy, nếu đem nước của ba biển lớn rưới trên thân Đế-xá, nước liền cạn mất mà lửa vẫn y nhiên.

Tội nhân Đề-bà-đạt-đa thân phát ra lửa dài ba mươi khuỷu tay. Nếu có chúng sanh khởi lòng thương xót, muốn làm cho Đề-bà-đạt-đa được an ổn lâu dài, đem nước của hai biển lớn rưới trên thân ông ta thì nước liền cạn mất, lửa không tắt. Cũng

như rưới hai giọt nước trên lá sắt nóng, trọn không kết quả. Với tội nhân Đê-bà-đạt-đa cũng lại như thế, đem nước của hai biển lớn rưới trên thân, nước liền rút mất còn lửa không giảm. Thân thể của Đê-bà-đạt-đa khổ đau như thế.

Tội nhân Cù-ba-ly thân phát ra lửa dài hai mươi khuỷu tay. Nếu có chúng sanh thương xót người này, đem nước một biển lớn rưới lên thân thì nước biển kia liền rút mà lửa vẫn cháy. Cũng như rưới một giọt nước lên lá sắt nóng, nước cạn khô không đọng lại. Với tội nhân Cù-ba-ly cũng lại như vậy, do tội báo lỗi kéo nên chịu tội như vậy.

Các Tỳ-kheo ! Bốn hạng người này thọ tội rất nặng, các Thầy nên hết lòng xa lìa sự khổ hoạn này, tuân theo các bậc Hiền Thánh tu Phạm hạnh. Như thế, này các Tỳ-kheo nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta biết rõ về địa ngục, cũng biết con đường dẫn đến địa ngục, cũng biết cội gốc của

chúng sanh trong địa ngục ấy. Nếu có chúng sanh làm các hạnh ác không lành thì thân hoại mệnh chung rơi vào địa ngục, Ta cũng biết điều này.

Lại này các Tỳ-kheo ! Ta cũng biết rõ về súc sanh, cũng biết con đường dẫn đến súc sanh, cũng biết cội gốc của súc sanh kẻ làm các hạnh ác sanh trong ấy, Ta cũng đều biết rõ.

Ta cũng biết con đường ngã quý, có người làm các điều ác sanh trong ngã quý, Ta cũng biết điều đó.

Nay Ta cũng biết con đường côi Người, dẫn đến loài Người. Có chúng sanh được thân Người, Ta cũng biết.

Ta cũng biết con đường dẫn đến côi Trời, có chúng sanh làm các cội đức lành sanh lên côi Trời, Ta cũng biết điều đó.

Ta cũng biết đường dẫn đến Niết-bàn. Có chúng sanh chấm dứt hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ở trong pháp hiện tại được chứng quả, Ta cũng biết điều đó.

Tỳ-kheo nên biết ! Ta biết đường dẫn đến địa ngục. Do nhân duyên gì mà Ta nói lời này ?

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta quán sát tâm ý chúng sanh, biết

chịu khổ não đau đớn khảo tra vô số, lo buồn khổ não không thể tính kể. Cũng như có một hầm lửa lớn không có bụi khói, giả sử có người đi trên chỗ ấy lại có người có mắt quán sát lối đi của người kia, biết chắc sẽ rơi vào lửa không sai, và sau đó thấy người này rơi vào hầm lửa. Ta nói rằng người này đã rơi vào hầm lửa. Nay Ta quán sát tâm ý nghĩ nhớ của chúng sanh, biết chắc chắn chúng sanh ấy sẽ rơi vào địa ngục không nghi. Sau đó, Ta quán sát người này, nhất định vào địa ngục chịu khổ cay đắng không thể tính kể. Vì sao người ấy rơi vào địa ngục ? Đó là xem xét chúng sanh thú hướng địa ngục, làm các hạnh ác, nghiệp chẳng lành, thân hoại mạng chung rơi vào địa ngục, Ta đều biết rõ. Điều Ta nói chính là điều này.

Ta biết con đường súc sanh, cũng biết đường dẫn đến súc sanh. Do cội gốc nhân duyên nào mà nói như thế ? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Ta quán sát ý niệm trong tâm chúng sanh, biết người này thân hoại mạng chung sanh vào trong súc sanh. Sau đó, Ta thấy người ấy đã sanh vào đường súc sanh, lo buồn khổ não không thể tính kể. Vì sao người này rơi vào súc sanh ? Cũng như làng xóm có một hầm

xí đây phần tiểu, giả sử có người đi qua chỗ đó, người có mắt nhìn thấy người đi qua nơi ấy, biết người này không bao lâu sẽ rơi vào hầm xí. Sau đó thấy người ấy đã rơi vào hầm xí, chịu khổ sở không thể tính kể. Tại sao người này lại rơi vào hầm xí ? Nay Ta quán sát chúng sanh cũng lại như thế, biết người này mạng chung phải đọa vào súc sanh, sau đó lại thấy đã sanh trong súc sanh chịu khổ vô lượng. Nay Ta quán sát chúng sanh trong súc sanh thấy đều rõ ràng. Điều Ta nói chính là điều này.

Ta cũng biết chúng sanh trong đường ngạ quỷ, con đường hướng về ngạ quỷ. Ai thân hoại mạng chung sanh vào ngạ quỷ, Ta cũng biết. Có chúng sanh thân hoại mạng chung hướng về đường ngạ quỷ, Ta đều biết rõ. Thời gian sau, Ta cũng thấy chúng sanh ấy đã vào đường ngạ quỷ chịu khổ thọ, lạc thọ. Vì sao người này lại rơi vào đường ngạ quỷ ? Ví như bên cạnh làng xóm lớn có một đại thọ, ở chỗ nguy hiểm cành nhánh rớt gãy. Giả sử có người đi qua nơi đó, người có mắt xa thấy người ấy, biết đi qua chỗ đại thọ không nghỉ, sau lại thấy người này hoặc ngồi hoặc nằm chỗ gốc ấy, chịu báo khổ vui. Tại sao người này lại đến nằm ngồi dưới cây ? Nay Ta quán sát các loài chúng sanh cũng lại như vậy, thân hoại mạng chung ắt đến ngạ quỷ không nghỉ, thọ báo khổ lạc không thể tính kể. Ta

biết nga quý và con đường dẫn đến nga quý, Ta đều biết rõ ràng. Điều Ta nói chính là điều này.

Ta biết cõi Người, cũng biết con đường dẫn đến cõi Người. Có người hành động thân hoại mạng chung sanh trong cõi Người, Ta cũng biết đó. Ở đây, này Tỳ-kheo ! Ta quán sát ý niệm trong tâm chúng sanh. Người này chắc chắn khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào loài Người. Sau đó, Ta lại thấy người ấy đã sanh trong loài Người. Vì sao người này sanh trong loài Người ? Cũng như bên xóm làng có một cây lớn, ở chỗ bằng phẳng nhiều bóng mát. Có người đi thẳng đến đó. Người có mắt thấy rồi liền biết rằng, hướng đi của người này ắt đến cây lớn không nghi. Sau đó, Ta thấy người này đã đến cây lớn hưởng vui vô lượng. Vì sao người này đến được chỗ ấy ? Đây cũng như thế. Ta quán sát tâm chúng sanh suy nghĩ cũng lại như thế, thân hoại mạng chung sanh trong loài Người không nghi. Thời gian sau Ta lại thấy người này đã sanh trong loài người được vui vô lượng. Ta biết cõi Người, cũng biết con đường làm người, nay sanh cõi Người Ta cũng biết. Điều Ta nói chính là điều này.

Ta cũng biết cõi Trời, biết con đường dẫn đến cõi Trời. Có chúng sanh tạo công đức sanh cõi Trời, Ta cũng biết. Do nhân duyên gì mà nói như thế ? Nay Ta quán sát ý niệm trong tâm của các loài

chúng sanh. Người này khi thân hoại mạng chung chắc chắn sẽ sanh cõi lành, cõi Trời. Sau đó Ta thấy người ấy thân hoại mạng chung sanh cõi lành trên trời, ở đó hưởng phước tự nhiên vui sướng không thể sánh. Đó gọi là người ấy đã sanh cõi Trời, ở đó hưởng phước tự nhiên vui sướng không thể bì. Cũng như bên xóm làng có một giảng đường cao rộng đẹp đẽ, chạm trổ hình ảnh, treo các phan lọng, nước thơm rưới đất, trải các tòa ngồi tốt đẹp, đệm gấm, thảm thêu mịn màng. Nếu có người thẳng một đường đi đến, người có mắt thấy hướng đi, biết người này chắc chắn sẽ đến giảng đường cao rộng ấy, không nghi. Sau đó, lại thấy người này đã đến giảng đường, hoặc ngồi hoặc nằm, ở trong đó hưởng phước vui sướng không thể sánh. Đây cũng như thế, nay Ta quán sát các loại chúng sanh thân hoại mạng chung sẽ sanh cõi Trời, ở nơi đó hưởng khoái lạc không thể tính kể. Vì sao người ấy sanh lên cõi lành trên Trời ? Ta biết cõi Trời và con đường dẫn đến cõi Trời. Điều Ta nói chính là điều này.

Nay Ta biết Niết-bàn, cũng biết con đường Niết-bàn, cũng biết chúng sanh sẽ nhập Niết-bàn. Hoặc có chúng sanh chấm dứt hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, hiện thân thủ chúng mà tự du hóa, Ta đều biết rõ. Do nhân

duyên gì mà nói như thế ? Ở đây, này Tỳ-kheo ! Ta quán sát ý niệm trong tâm chúng sanh. Người này không xa, có một ao lớn nước trong mát, nếu có người thẳng một đường đi đến đó. Người có mắt xa thấy người ấy đến, biết người này chắc chắn sẽ đến ao nước không nghi. Lại sau đó thấy người ấy đã đến ao nước tắm gội, trừ bỏ các thứ dơ bẩn, bụi bặm, ngồi một bên, cũng không tranh cãi với người. Nay Ta quán sát chúng sanh cũng lại như thế, chấm dứt hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, biết như thật về danh sắc. Đó gọi là người ấy đã đến nơi. Ta biết con đường Niết-bàn, cũng biết chúng sanh nhập Niết-bàn, thầy đều biết rõ.

Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác có trí này, sức vô úy đầy đủ, thầy đều thành tựu đầy đủ. Trí của Như Lai không hạn lượng, Như Lai có thể quán sát sự việc ở quá khứ không hạn lượng, không thể tính, thầy đều biết rõ, việc tương lai, hiện tại không hạn lượng, thầy đều phân biệt.

Cho nên, này Tỳ-kheo ! Nên tìm phương tiện

để thành tựu đầy đủ mười sức vô úy. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nương nơi núi Tuyết có đại thọ rất to lớn, năm thứ rộng lớn. Thế nào là năm ? Góc rất vững chắc, vỏ rất dày, cành nhánh dài xa, bóng mát che trùm, lá rậm rạp. Các Tỳ-kheo ! Đó là trên núi Tuyết có cây to lớn này rất xanh tốt.

Nay thiện nam tử, thiện nữ nhơn cũng lại như thế, nương nhà hào tộc được năm việc tăng trưởng lợi ích. Thế nào là năm ? Là tăng trưởng lợi ích về tín, tăng trưởng lợi ích về giới, tăng trưởng lợi ích về văn, tăng trưởng lợi ích về thí, tăng trưởng lợi ích về tuệ.

Tỳ-kheo ! Đó gọi là thiện nam tử, thiện nữ nhơn nương nơi nhà hào tộc, thành tựu được năm việc này. Cho nên, Tỳ-kheo nên tìm phương tiện thành tựu về tín, giới, văn, thí, tuệ.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Cũng như cây núi Tuyết,
Thành tựu năm công đức,
Gốc, vỏ, nhánh dày rộng,
Bóng mát, lá rậm rạp.
Thiện nam tử tín tâm,
Thành tựu năm công đức,
Tín, giới, văn, bố thí,
Trí tuệ cùng tăng trưởng.*

Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần cùng các Tỳ-kheo-ni đi dạo chơi, các Tỳ-kheo-ni cũng thích cùng dạo chơi với Thầy. Có dân chúng cơ hiểm về Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần, khi ấy các Tỳ-kheo-ni rất giận tức buồn lo không vui. Nếu lại có người hủy nhục các Tỳ-kheo-ni, lúc ấy, Tỳ-kheo Phá-quần cũng lo buồn không vui. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo bảo Tỳ-kheo Phá-quần:

— Nay vì sao Thầy lại thân cận với các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni cũng giao tiếp với Thầy ?

Phá-quần đáp:

— Nay tôi hiểu rõ lời dạy của Như Lai, ai phạm giới dâm tội rất ít.

Các Tỳ-kheo lại bảo:

— Thôi, thôi, Tỳ-kheo ! Chớ nói lời ấy, chớ phỉ báng lời dạy của Như Lai. Người phỉ báng lời dạy của Như Lai, tội không ít. Lại nữa, Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói về sự ô uế của dâm dục. Người nào tập theo dâm dục mà không tội, trọn không có lý. Nay Thầy nên bỏ ác kiến này, sẽ bị khổ lâu dài, vô lượng.

Nhưng Tỳ-kheo Phá-quần, cứ giao thiệp với các Tỳ-kheo-ni, không sửa đổi. Bấy giờ, nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy, và bạch:

— Trong thành Xá-vệ có một Tỳ-kheo tên Phá-quần, giao tiếp với các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni cũng giao tiếp qua lại với Tỳ-kheo Phá-quần. Chúng con đến đó khuyên dụ sửa đổi hành động, song hai người ấy còn tăng thêm, không bỏ kiến chấp điên đảo, cũng không thuận theo Chánh pháp.

Bấy giờ, Phật bảo một Tỳ-kheo:

— Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo Phá-quân nói rằng Như Lai gọi.

Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, liền đến chỗ Tỳ-kheo Phá-quân nói:

— Thầy nên biết Như Lai gọi.

Tỳ-kheo Phá-quân nghe lời Thầy Tỳ-kheo nọ, liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy lui ngồi một bên.

Thế Tôn hỏi:

— Có thật Thầy thân cận với các Tỳ-kheo-ni không ?

Tỳ-kheo Phá-quân thưa:

— Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Phật bảo:

— Thầy là Tỳ-kheo, vì sao lại giao thiệp với Tỳ-kheo-ni ? Thầy nay là dòng dõi hào tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc ba y, có phải do lòng tin vững chắc xuất gia học đạo chăng ?

Phá-quân bạch Phật:

— Thưa vâng, Thế Tôn ! Con nhà hào tộc, do lòng tin vững chắc xuất gia học đạo.

Phật bảo:

— Chẳng phải là pháp của Thầy, tại sao lại giao thiệp với Tỳ-kheo-ni ?

Phá-quân bạch Phật:

— Con nghe Như Lai dạy rằng người nào làm theo hạnh dâm, tội ấy không đáng kể.

Phật bảo:

— Thầy là người ngu. Vì sao nói Như Lai dạy rằng theo dâm dục không tội ? Ta dùng vô số phương tiện nói sự nhơ uest của dâm dục. Nay tại sao Thầy nói lời này: “Như Lai nói dâm dục không tội.” Thầy nên khéo giữ miệng, đừng để mang tội báo lâu dài.

Phật bảo:

— Nay Thầy hãy chờ, Ta sẽ hỏi lại các Tỳ-kheo.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy có nghe Ta dạy các Tỳ-kheo rằng dâm dục không tội chẳng ?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Thưa Thế Tôn ! Không nghe Như Lai nói dâm dục không tội. Vì sao thế ? Như Lai dùng vô số phương tiện nói sự nhơ uest của dâm dục. Nếu nói không tội, việc ấy không đúng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Lành thay, lành thay, các Tỳ-kheo ! Như các Thầy nói, Ta dùng vô số phương tiện nói sự nhơ uest của dâm dục.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy nên biết ! Nếu có người ngu tụng tập theo pháp hành như là Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ ký, Nhân duyên, Bốn sự, Thí dụ, Bốn sanh, Phương đẳng, Vị tăng hữu, Tụ thuyết, Luận nghị. Tuy tụng tập pháp ấy mà không hiểu nghĩa lý. Do không quán sát nghĩa lý cũng không thuận theo pháp ấy nên pháp đáng tuân theo lại không theo. Sở dĩ tụng pháp ấy chỉ buông lung muốn cạnh tranh cùng người, ý toan tính hơn thua, cũng không tự mình được lợi ích. Người ấy tụng pháp rồi ắt phạm cấm chế. Cũng như có người ra khỏi làng, muốn tìm bắt rắn độc. Khi thấy rắn to lớn đến nơi người ấy dùng tay trái nắm đuôi rắn, rắn bèn quay đầu mổ vào tay, do nhân duyên này mà người ấy mạng chung. Đây cũng như thế, có người ngu tụng tập kinh pháp, mười hai bộ kinh đều biết, lại không quán sát nghĩa lý các kinh. Vì sao thế ? Vì không biết rõ ràng nghĩa của Chánh pháp.

Có thiện nam tử, giữ gìn tụng tập kinh pháp,

như Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ ký, Nhân duyên, Bốn sự, Thí dụ, Bốn sanh, Phương đẳng, Vị tăng hữu, Tự thuyết, Luận nghị. Người ấy tụng đọc rồi, lại hiểu sâu ý nghĩa; do hiểu sâu ý nghĩa kinh pháp, thuận theo lời dạy không sai trái. Sở dĩ tụng đọc thì không đem tâm hơn thua, cạnh tranh với người khác mà tụng đọc kinh pháp là muốn tự mình tu có lợi ích. Sở dĩ tụng đọc kinh pháp muốn đạt kết quả bốn nguyện. Do nhân duyên này, dần dần đến Niết-bàn. Cũng như có người ra khỏi làng xóm kia, muốn bắt rắn độc. Người ấy thấy rắn rồi, tay cầm kẽm sắt trước tiên kẹp đầu rắn, sau mới nắm chắc cổ rắn, không cho nhúc nhích. Nếu như rắn độc quay đuôi muốn hại người ấy thì trọn không thể được. Vì sao thế ? Tỳ-kheo ! Vì do người ấy nắm cổ rắn. Thiện nam tử này cũng lại như vậy, tụng đọc khắp các kinh pháp, quán sát ý nghĩa, thuận theo kinh pháp, trọn không sai trái, do nhân duyên này, dần dần được đến Niết-bàn. Vì sao thế ? Do người kia giữ gìn Chánh pháp vậy.

Cho nên, này các Tỳ-kheo ! Người nào hiểu ý nghĩa của Ta nói, nên ghi nhớ vâng làm, ai không hiểu nên trở lại hỏi Ta. Như Lai còn đang hiện tiền, để sau hối hận vô ích.

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có Tỳ-kheo ở trong đại chúng nói lời thế này: “Giới cấm Như Lai đã nói ra, tôi thấy đều biết rõ, ai tập theo dâm dục tội không đáng kể”. Các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo ấy rằng: “Thôi, thôi ! Chớ nói lời ấy. Chớ phỉ báng Như Lai mà nói năng như thế này. Như Lai trọn không nói lời ấy”. Nếu Tỳ-kheo ấy sửa đổi thì tốt, nếu không sửa đổi sẽ bị đọa. Nếu có Tỳ-kheo che giấu việc này không phát lộ ra, mọi người đều đọa.

Này các Tỳ-kheo ! Đó là cấm giới của Ta.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tội nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Phạm chí Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, cùng hỏi thăm và lui ngồi một bên. Phạm chí Sanh Lậu bạch Phật:

— Có bao nhiêu kiếp quá khứ ?

Phật bảo Phạm chí:

— Các kiếp ở quá khứ không thể tính kể.

Phạm chí bạch Phật:

— Có thể tính kể số ấy chăng ? Sa-môn Cù-

đàm thường nói về ba đời. Thế nào là ba ? Là quá khứ, hiện tại, tương lai. Sa-môn Cù-đàm cũng biết về các đời quá khứ, tương lai, hiện tại. Cúi xin Sa-môn diễn nói về ý nghĩa kiếp số.

Phật bảo Phạm chí:

— Nếu Ta nói về kiếp này, lại tiếp theo kiếp này thì Ta diệt độ, Ông cũng mạng chung mà vẫn không biết ý nghĩa của kiếp số. Vì sao thế ? Ngày nay thọ mạng của người ngắn ngủi, sống lâu tốt cũng không hơn trăm tuổi. Tính số kiếp trong trăm năm ấy, thì Ta diệt độ, Ông đã mạng chung, trọn không biết được nghĩa của kiếp số.

Phạm chí nên biết ! Như Lai cũng có trí này, biết hết, phân biệt đầy đủ về kiếp số, thọ mạng chúng sanh dài ngắn, hưởng sự khổ vui, thấy đều rành rẽ. Nay Ta sẽ nêu thí dụ cho Ông, người có trí do thí dụ mà hiểu. Cũng như số cát sông Hằng, cũng không giới hạn, không lường, không thể tính toán; số của kiếp quá khứ như thế, không thể tính kể, không hạn lượng.

Phạm chí bạch Phật:

— Có bao nhiêu kiếp số về tương lai ?

Phật bảo Phạm chí:

— Cũng như số cát sông Hằng không có bờ mé, không thể tính kể, chẳng toán số nào theo kịp.

Phạm chí lại hỏi Phật:

— Có kiếp hiện tại, kiếp thành, kiếp hoại chẳng ?

Phật bảo Phạm chí:

— Có kiếp thành, kiếp hoại, chẳng phải là một kiếp, trăm kiếp. Cũng như cái chén để ở chỗ gập ghềnh không an toàn, nếu có đứng yên cũng bị chao động. Các thế giới phương vực cũng bị chao động, hoặc có kiếp thành, hoặc có kiếp hoại. Số ấy cũng không thể tính kể là bao nhiêu kiếp thành, là bao nhiêu kiếp hoại. Vì sao như thế ? Vì sanh tử dài xa không có giới hạn, chúng sanh do vô minh đan kết ngăn che, trôi nổi từ đời này sang đời sau, từ đời trước đến đời này, chịu khổ não lâu dài. Nên chán ngán hoạn này, xa lìa khổ não này. Cho nên, Phạm chí, nên học như thế.

Phạm chí Sanh Lậu bạch Phật:

— Sa-môn Cù-đàm thật kỳ đặc, biết ý nghĩa của số kiếp quá khứ, hiện tại, tương lai. Nay con tự quy y Sa-môn Cù-đàm, cúi xin Sa-môn Cù-đàm nhận con làm Ưu-bà-tắc, suốt đời không sát sanh... không uống rượu.

Bấy giờ Phạm chí Sanh Lậu nghe lời Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở Thành La-duyệt, núi Kỳ-xà-quật, cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Khi ấy, có một Tỳ-kheo bạch Phật:

— Kiếp số có bờ mé chẳng ?

Phật bảo Tỳ-kheo:

— Có phương tiện dẫn dụ, nhưng kiếp số không cùng tận. Về quá khứ lâu xa trong Hiền kiếp này, có đức Phật ra đời hiệu Câu-lưu-tôn, Chí Chơn Đăng Chánh Giác. Bấy giờ núi Kỳ-xà-quật này có tánh hiệu, lúc đó nhân dân trong thành La-duyệt, leo lên núi Kỳ-xà-quật này, bốn ngày bốn đêm mới tới đỉnh.

Lại nữa, này Tỳ-kheo ! Vào thời đức Phật Câu-na-hàm-nâu-ni, núi Kỳ-xà-quật này cũng có tánh hiệu. Khi ấy, nhân dân trong thành La-duyệt leo ba ngày ba đêm tới đỉnh núi.

Đức Như Lai Ca-diếp xuất hiện ở đời, núi Kỳ-xà-quật này cũng có tánh hiệu. Khi ấy nhân dân trong thành La-duyệt leo hai ngày hai đêm tới đỉnh.

Như Ta ngày nay, Phật Thích-ca Văn xuất hiện ở đời, núi này tên Kỳ-xà-quật, trong khoảnh khắc lên tới đỉnh núi.

Nếu Phật Di-lặc ra đời, núi này cũng tên là Kỳ-xà-quật. Vì sao thế ? Vì thần lực của chư Phật khiến núi này tồn tại.

Tỳ-kheo, nên do phương tiện này biết, kiếp có suy tận không thể tính kể. Kiếp có hai thứ, đại kiếp và tiểu kiếp. Nếu trong kiếp ấy không có Phật ra đời, bấy giờ có Bích-chi Phật ra đời, đó là tiểu kiếp. Nếu Như Lai xuất hiện ở kiếp nào, kiếp đó không có Bích-chi Phật xuất hiện, đây gọi là đại kiếp.

Tỳ-kheo ! Do phương tiện này biết là kiếp số lâu dài không thể tính kể. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên nhớ ý nghĩa của kiếp số này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

* * *

LI. PHẨM PHI THƯỜNG

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Thế nào, Tỳ-kheo các Thầy lưu chuyển sanh tử trải qua khổ não, trong đó buồn khóc nước mắt rơi là nhiều chăng ? Hay nước sông Hằng nhiều ?

Các Tỳ-kheo đến trước bạch Phật:

— Chúng con khi quan sát ý nghĩa câu nói của Như Lai, trải qua sanh tử, nước mắt rơi khi buồn khóc nhiều hơn nước sông Hằng.

Phật bảo Tỳ-kheo:

— Lành thay, lành thay ! Các Tỳ-kheo ! Như

các Thầy nói không khác. Các Thầy ở trong sanh tử, nước mắt nhiều hơn nước sông Hằng. Vì sao như thế ? Ở trong sanh tử, cũng vì phụ mẫu mạng chung, khi ấy khóc lóc không thể tính kể. Lâu dài cha con, chị em, vợ con, ngũ thân và các quyến thuộc ân ái thương nhớ khóc lóc không thể tính kể.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên chán họa sanh tử, xa lìa pháp ấy. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Khi Phật nói pháp này, có sáu mươi Tỳ-kheo được lậu tận ý giải.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Thế nào, Tỳ-kheo các Thầy, ở trong sanh tử thân thể hủy hoại, máu chảy có nhiều chăng ? Hay nước sông Hằng nhiều ?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

— Như chúng con quán sát lời nói của Như Lai, máu chảy nhiều hơn nước sông Hằng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Lành thay, lành thay, các Tỳ-kheo ! Như các Thầy nói, máu chảy nhiều hơn nước sông Hằng. Vì sao như thế ? Ở trong sanh tử, hoặc làm bò, dê, heo, chó, nai, ngựa, chim thú và vô số các loài khác nhau, trải qua khổ não. Thật đáng chán họa hoạn, nên nghĩ xa lìa. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Khi đức Thế Tôn nói pháp này, có sáu mươi Tỳ-kheo được lậu tận ý giải.

4 Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nên tư duy về tướng vô thường, lưu bố rộng tướng vô thường. Đã tư duy tướng vô thường, lưu bố rộng tướng vô thường thì sẽ đoạn sạch hết dục ái, sắc ái, vô sắc ái, vô minh, kiêu mạn thấy đều trừ hết. Cũng như đem lửa đốt cây cỏ cháy sạch không còn sót, Tỳ-kheo nên biết, nếu tư duy về tướng vô thường, lưu bố rộng tướng vô thường thì

sẽ đoạn dứt hết ái trước trong ba cõi. Xưa có quốc vương tên Thanh Tịnh Âm Hương thống lãnh cõi Diêm-phù-đề, có tám vạn bốn ngàn thành ấp, có tám vạn đại thân, có tám vạn bốn ngàn cung như thể nữ, mỗi thể nữ có bốn người hầu hạ. Đại vương Âm Hương không có con nối dõi. Đại vương bèn nghĩ: “Nay ta thống lãnh quốc gia này, dùng pháp cai trị không công vậy. Nhưng nay ta không người kế tục, nếu ta chết, sau đó dòng tộc sẽ đoạn diệt”. Nhà vua do nhân duyên cầu con, nên tự quy y chư thiên long, Quỷ thần, nhật nguyệt tinh tú, tự quy y Thích Phạm, Tứ thiên vương, sơn thần, thọ thần, dưới đến các thân thảo mộc, hoa quả, xin cầu được phước khiến vua sanh con.

Bấy giờ, nơi cung trời Ba mươi ba có một Thiên tử tên Tu-bồ-đề, mạng sống sắp hết, có năm điềm ứng tự đến ép ngặt thân. Thế nào là năm ? Hoa của chư Thiên trổ không héo, Thiên tử này hoa đội đầu cũng héo. Y phục của Thiên tử này sanh bụi nhơ. Hơn nữa, thân thể của chư Thiên cõi trời Ba mươi ba thơm sạch, ánh sáng chói lòa, bấy giờ thân của Thiên tử này hôi dơ không thể đến gần. Lại chư Thiên cõi trời Ba mươi ba thường có ngọc nữ vây quanh trước sau, ca hát đờn địch ngũ dục tự do vui

thích, Thiên tử này mệnh sắp hết, các ngọc nữ ly tán. Lại, chư Thiên cỡi trời Ba mươi ba có tòa ngồi tự nhiên ấn sâu vào đất bốn thước, khi chư Thiên đứng lên, tòa rời đất bốn thước, song Thiên tử này sắp mạng chung nên không thích tòa của mình. Đó gọi là năm điềm ứng hiện tự nhiên bất ngật.

Khi Thiên tử Tu-bồ-đề do những điềm ứng này, Thích-đề-hoàn-nhân bảo một Thiên tử:

— Ông hãy đến cỡi Diêm-phù, bảo với vua Âm Hưởng rằng: “Thích-đề-hoàn-nhân hỏi thăm Đại vương, ngôi nằm khinh an, đi đứng mạnh khỏe. Cỡi Diêm-phù-đề không có người đúc độ để làm con Đại vương, nay cỡi trời Ba mươi ba có một Thiên tử tên Tu-bồ-đề, có năm điều ứng hiện tự nhiên bức bách trên thân, chắc sẽ giáng thân làm con Đại vương, tuy thế vào lúc tuổi thanh niên cường tráng, chắc sẽ xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh vô thượng”.

Vị Thiên tử ấy đáp:

— “Thưa vâng ! Đại vương”.

Thiên tử ấy vâng lời dạy của Đế Thích, trong khoảng lực sĩ duỗi tay, từ cỡi Ba mươi ba ấn, đến cỡi Diêm-phù. Bấy giờ vua Âm Hưởng đang ở trên lầu cao, cùng với một người cầm lọng che. Khi ấy, Thiên tử kia ở trên lầu, nơi hư không bảo nhà vua:

— “Thích-đề-hoàn-nhân kính lời thăm Đại Tu-bồ-đề, này có năm điểm ứng bức ngặt nơi thân, sẽ giáng thân làm con Đại vương. Nhưng vào tuổi thanh niên ắt sẽ xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh vô thượng”.

Vua Âm Hưởng nghe lời ấy rồi, vui mừng phấn khởi không thể tự kềm, liền bảo vị Thiên tử kia:

— “Nay đến đây bảo cho như vậy, thật hạnh phúc vô cùng. Xin cứ giáng hạ làm con tôi, muốn cầu xuất gia thì tôi trọn không trái ý”.

Vị thiên tử kia trở về chỗ Thích-đề-hoàn-nhân, liền thưa rằng:

— “Vua Âm Hưởng rất vui mừng. Và thưa lại rằng: “Xin cứ giáng thân, nếu muốn xuất gia thì tôi trọn không trái ý””.

Thích-đề-hoàn-nhân bèn qua chỗ Thiên tử Tu-bồ-đề, bảo Thiên tử Tu-bồ-đề:

— “Nay Ông nên phát nguyện sanh vào cung của vua Âm Hưởng. Vì sao thế ? Vua Âm Hưởng không có thái tử, thường dùng Chánh pháp trị dân.

Xưa Ông có phước, tạo các công đức, nay nên giáng thân sanh vào cung vua ấy”.

Thiên tử Tu-bồ-đề thưa:

— “Thôi, thôi, Thiên vương ! Tôi không thích nguyện sanh trong cung vua cõi Người, ý tôi muốn xuất gia học đạo, ở trong cung vua học đạo rất khó”.

Thích-đề-hoàn-nhân bảo:

— “Ông nên phát nguyện sanh trong cung vua ấy. Ta sẽ ủng hộ cho Ông được xuất gia học đạo”.

Tỳ-kheo nên biết ! Khi ấy Thiên tử Tu-bồ-đề liền phát thệ nguyện sanh trong cung vua. Vua Âm Hưởng cùng đệ nhất phu nhân giao tiếp nhau, phu nhân biết mình mang thai, bèn thưa cùng vua Âm Hưởng:

— “Đại vương nên biết ! Nay tôi biết có mang thai”.

Vua nghe rồi, vui mừng hớn hở, liền đem nệm quý báu, trải tòa ngồi tốt đẹp, dùng món ăn ngon cho phu nhân như vua không khác. Trải qua tám chín tháng, phu nhân sanh một hoàng nam rất đoan chánh, dung mạo phi thường ít có trong đời. Vua Âm Hưởng cho mời các ngoại đạo Phạm chí, quân thân bảo xem tướng, vua đem đầu đuôi mọi việc trình bày hết cho các tướng sư.

Các Bà-la-môn râu bày:

— “Xin thưa Đại vương, theo lý lẽ này thì nay sanh Thái tử rất đặc biệt trong đời, xưa làm Thiên tử tên Tu-bồ-đề, nay y theo tên cũ cũng gọi là Tu-bồ-đề”.

Các tướng sư đặt tên hiệu rồi, liền rời chỗ ngồi lui ra.

Vương tử Tu-bồ-đề, được vua thương mến không hề rời mắt. Vua Âm Hưởng bèn khởi nghĩ: “Ta xưa nay không có con, vì muốn cầu con nên lễ bái chư Thiên, để cầu được con. Trải qua bao lâu nay mới sanh thái tử. Song Thiên đế có dự báo, thái tử sẽ xuất gia học đạo. Nay ta phải tìm chước khéo để thái tử đừng xuất gia học đạo”.

Khi ấy, vua Âm Hưởng vì thái tử mà thiết lập cung điện ba mùa, mùa đông lập cung điện ấm, mùa hạ lập cung điện mát, mùa không lạnh không nóng lập cung điện thích hợp. Vua lại lập nên bốn cung cho cung nữ ở, cung thứ nhất có sáu vạn thể nữ, cung thứ hai có sáu vạn thể nữ, cung thứ ba có sáu vạn thể nữ, cung thứ tư có sáu vạn thể nữ. Có bốn thị tùng cung cấp tòa ngồi cho thái tử. Nếu thái tử Tu-bồ-đề muốn dạo chơi phía trước, các thể nữ liền đứng hầu ở trước, lúc ấy sàng tòa di chuyển theo

thân mình, phía trước có sáu vạn thể nữ và bốn thị giả. Nếu ý Thái tử muốn dạo chơi phía sau, thì sàng tòa tùy theo thân di chuyển. Nếu thái tử muốn vui chơi cùng các thể nữ, lúc ấy sàng tòa cũng tùy thân di chuyển, khiến cho thái tử Tu-bồ-đề ý đắm trong ngũ dục không thích xuất gia.

Khi ấy Thích-đê-hoàn-nhân vào lúc nửa đêm vắng người, liền đến chỗ vương tử Tu-bồ-đề, ở trên hư không bảo:

— “Vương tử ! Ngày xưa Vương tử có khởi ý niệm này chăng ? Rằng “nếu ta ở nhà, lúc tuổi tráng niên sẽ xuất gia học đạo”; ngày nay vì sao vui trong ngũ dục, ý lại không nguyện xuất gia học đạo ? Ta cũng có lời rằng sẽ khuyến khích vương tử khiến xuất gia học đạo. Nay chính đúng lúc, nếu không xuất gia học đạo, sau hối hận vô ích”.

Thích-đê-hoàn-nhân nói lời ấy rồi liền lui đi.

Vương tử Tu-bồ-đề ở trong cung bèn khởi nghĩ: “Vua cha đã vì ta làm lưới ái dục, vì lưới ái dục này nên không xuất gia học đạo được. Nay ta phải đoạn dứt lưới này, không để cho uế trược câu dặt, dùng lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, ở chỗ vắng, siêng học kinh khiến cho ngày thêm tiến”.

Vương tử lại khởi ý này: “Phụ vương Âm

*Ta không nhớ nghĩ dục,
Ất dục không có mặt.*

Đức Bích-chi Phật nói kệ này rồi, bay trên hư không mà đi, đến một ngọn núi ngói dưới cội cây, nơi Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn.

Bấy giờ vua Âm Hương bảo các cận thần:

— “Ông đến nội cung của vương tử Tu-bồ-đề xem vương tử có vui chơi an ổn chăng !”

Đại thần vâng lệnh vua, liền đi qua nội cung của vương tử, song nội thất cửa đóng chắc chắn. Đại thần bèn trở về, tâu vua:

— “Vương tử ngủ say an ổn, cửa cung đóng chắc chắn”.

Nhà vua lại ba phen bảo:

— “Ông hãy qua xem vương tử có ngủ ngon chăng !”

Đại thần lại đi đến cửa cung, song cửa gài chắc, lại trở về tâu vua:

— “Vương tử ở trong cung ngủ say không hay biết, cửa đóng kín đến giờ chưa mở”.

Khi ấy vua Âm Hương lại khởi niệm: “Vương tử con ta khi nhỏ còn chẳng ngủ say, huống gì ngày nay tráng niên sung thành lại ngủ say ư ? Nên tự

sang xem biết con lành dữ, con ta có tật bệnh gì chẳng !” Nhà vua liền sang đến nội cung của Tu-bồ-đề, đến ngoài cửa bảo một người:

— “Ông thử trèo tường vào cung mở cửa cho ta”.

Người ấy vâng lệnh vua bèn trèo qua tường, vào cung mở cửa cho nhà vua. Vua vào xem xét trong cung, thấy giường nằm trống không chẳng có vương tử, bèn hỏi thể nữ:

— “Vương tử Tu-bồ-đề, hiện giờ ở đâu ?”

Các thể nữ tâu:

— “Chúng tôi cũng không biết vương tử ở đâu”.

Vua Âm Hưởng nghe lời ấy, ngã xuống đất giẫy lâu mới tỉnh. Vua bèn bảo quần thân:

— “Con ta khi còn nhỏ sang ý niệm rằng: “Khi lớn lên sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo”. Nay chắc vương tử đã bỏ ta, xuất gia học đạo. Các Ông nên đi bốn phía tìm kiếm vương tử xem ở đâu”.

Tức thời quần thân cỡi xa mã rong ruổi nơi nơi tìm kiếm. Bấy giờ có một đại thần đi đến núi đó, giữa đường bèn khởi nghĩ: “Nếu vương tử Tu-bồ-đề xuất gia học đạo, chắc sẽ ở đây học đạo”. Đại

thân xa thấy vương tử Tu-bồ-đề ngồi kiết-già dưới một cội cây. Đại thần ấy bèn nghĩ: “Đây chính là vương tử Tu-bồ-đề”. Đại thần nhìn kỹ, quan sát rồi trở về chỗ vua tâu rằng:

— “Vương tử Tu-bồ-đề ở gần đây, ngồi kiết-già dưới gốc cây trong núi”.

Vua Âm Hưởng nghe nói, liền đi đến núi đó, xa thấy Tu-bồ-đề ngồi kiết-già dưới gốc cây trong núi, vua lại ngã xuống đất: “Con ta khi xưa tự thệ nguyện đến năm hai mươi tuổi sẽ xuất gia học đạo; nay đã không lầm. Lại Thiên đế có bảo ta: “Con Đại vương chắc sẽ học đạo””.

Khi ấy vua Âm Hưởng đến thẳng trước mặt Tu-bồ-đề, bảo:

— “Nay Con vì có gì bỏ ta mà xuất gia học đạo ?”

Bích-chi Phật im lặng không đáp.

Vua lại bảo:

— “Mẹ con rất lo buồn, đợi gặp con mới ăn, nên đứng lên đi về cung”.

Bích-chi Phật cũng không nói không rằng, ngồi im lặng. Vua Âm Hưởng bước tới nắm tay cũng không lay động. Vua liền bảo quần thần:

— “Vương tử đã chết. Trước đây Thích-đề-hoàn-nhân có đến bảo ta rằng: “Đại vương được con, nhưng sẽ xuất gia học đạo”. Nay vương tử đã xuất gia học đạo, nay nên đem xá-lợi này về cõi nước mình”.

Đang lúc chuẩn bị thiêu, các thần trong núi hiện nửa thân hình tâu nhà vua:

— “Đây là Phật Bích-chi, không phải vương tử, pháp thiêu xá-lợi không phải như pháp thiêu vương tử. Vì sao thế ? Tôi là đệ tử của chư Phật quá khứ, chư Phật có dạy thế này: Ở đời có bốn hạng người nên xây tháp. Thế nào là bốn ? Bạc Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác nên xây tháp; Bích-chi Phật nên xây tháp, bậc A-la-hán lậu tận, đệ tử của Như Lai nên xây tháp, hàng Chuyển Luân Thánh Vương nên xây tháp. Khi hỏa thiêu thân Chuyển luân Thánh vương cũng như hỏa thiêu thân Phật và thân Bích-chi Phật không khác”.

Vua Âm Hưởng hỏi chư Thiên:

— “Nên cúng dường và hỏa thiêu thân Chuyển luân Thánh vương thế nào ?”

Thọ thân bảo:

— “Thân Chuyển luân Thánh vương nên làm kim quan bằng sắt, dùng dầu thơm tắm rửa thân

Chuyển luân Thánh vương, rồi dùng vải trắng quấn quanh thân, vải gấm thêu bọc bên ngoài, đặt vào kim quan, đây nắp quan bằng sắt, đóng đinh cẩn thận. Lại dùng một trăm lớp vải trắng bao quanh kim quan, rưới các thứ nước thơm trên chỗ đất ấy, kim quan đặt vào giữa, cúng dường hương hoa bảy ngày bảy đêm, treo phan lọng, đánh kỹ nhạc. Sau bảy ngày mới đem thiêu, nhật xá-lợi rồi lại trải qua bảy ngày bảy đêm cúng dường không ngớt. Xây tháp tại ngã tư đường, dùng các thứ hương hoa, phan lọng cúng dường.

Đại vương nên biết ! Cúng dường xá-lợi của Chuyển luân Thánh vương, việc ấy như thế. Đối với các đức Phật, các vị Bích-chi Phật và A-la hán cũng lại như thế”.

Vua Âm Hưởng bảo Thiên thần:

— “Do nhân duyên gì cúng dường thân Chuyển luân Thánh vương ? Do nhân duyên gì cúng dường thân Phật, thân Bích-chi Phật, thân A-la-hán ?”

Thiên thần bảo:

— Chuyển luân Thánh vương dùng pháp cai trị, tự mình không sát sanh, lại dạy người khác không sát sanh; tự chẳng lấy trộm, lại dạy người khác không lấy

trộm; tự mình không dâm dục, lại dạy người không xâm phạm vợ người; tự mình không nói dối, ý ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt khiến đôi bên đấu tranh, ganh ghét, sân, si; ý mình chuyên chánh, thường hành chánh kiến, cũng khiến người khác tập theo chánh kiến. Đại vương ! Do nhân duyên này nên xây tháp thờ Chuyển luân Thánh vương”.

Vua lại hỏi Thiên thần.

— “Do nhân duyên gì nên xây tháp đối với bậc A-la-hán lậu tận ?”

Thiên thần bảo:

— “Hàng Tỳ-kheo lậu tận A-la-hán, dục ái đã dứt, sân nhuế ngu si đã trừ, đã vượt qua hữu lậu đến chỗ vô vi, là ruộng tốt, bạn lành của thế gian. Do nhân duyên ấy nên xây tháp đối với bậc A-la-hán lậu tận”.

Vua lại hỏi:

— “Do nhân duyên gì nên xây tháp đối với đức Phật Bích-chi ?”

Thiên thần bảo:

— “Đức Bích-chi Phật không thấy tự ngộ, ra đời rất hiếm; được pháp báo hiện tại ra khỏi đường ác, khiến người sanh cõi Trời. Do nhân duyên ấy, nên xây tháp đối với Bích-chi Phật”.

Vua lại hỏi:

— “Do nhân duyên gì nên xây tháp cho Như Lai ?”

Thiên thần bảo:

— “Như Lai đầy đủ mười lực. Mười lực này chẳng phải Bích-chi, Thanh văn sánh kịp, Chuyển luân Thánh vương không sánh kịp, hạng ngu si ở thế gian không sánh kịp. Như Lai có Bốn vô sở úy, ở trong đại chúng rống tiếng sư tử, chuyển bánh xe pháp. Như Lai với người không được độ khiến cho được độ, người không giải thoát khiến cho giải thoát, người chưa nhập Niết-bàn khiến nhập Niết-bàn, che chở con người không ai cứu hộ, làm mắt cho người mù, làm bậc đại y vương cho người đau. Trời, Người, Ma và Thiên ma đều sùng phụng, rất đáng kính đáng quý. Xoay nêo ác thành đường lành. Đại vương ! Do nhân duyên ấy nên xây tháp đối với Như Lai. Đại vương ! Do nhân duyên gốc ngọn này, mà đối với bốn hạng người nên xây tháp”.

Vua Âm Hưởng bảo vị thần:

— “Lành thay, lành thay, Thiên thần ! Nay tôi vâng lời dạy khiến cúng dường xá-lợi này như cúng dường Bích-chi Phật.

Bấy giờ vua Âm Hưởng bảo mọi người:

— “Các Ông nên đưa xá-lợi của đức Thích-ca Phật Tu-bồ đề về nước”.

Quân thân nghe lệnh vua rồi, đưa thân Phật lên giường vàng trở về nước.

Khi ấy, vua Âm Hương ra lệnh làm kim quan, dùng dầu thơm tắm gội thân Thích-ca Phật, dùng vải trắng quấn quanh thân Phật, lại dùng gấm thêu tốt đẹp phủ bên ngoài; đặt thân vào kim quan, đậy nắp sắt, đóng đinh thật chắc chắn, dùng trăm lớp vải trắng bao quanh kim quan, rưới các hương thơm, đặt kim quan vào giữa; bảy ngày bảy đêm cúng dường hương hoa, sau bảy ngày đêm bèn hỏa thiêu và nhặt xá-lợi của Ngài; lại đánh kỹ nhạc cúng dường thêm bảy đêm; nơi ngã tư đường xây tháp, đem hoa hương, tràng phan, lọng dù, đánh kỹ nhạc để cúng dường tháp.

Tỳ-kheo nên biết ! Nếu có chúng sanh nào cung kính cúng dường xá-lợi của Thích-ca Phật, sau khi mạng chung bèn sanh lên cõi trời Ba mươi ba. Có chúng sanh suy nghĩ về tướng vô thường, sẽ vượt khỏi ba đường ác, sanh trong cõi Trời, Người.

Này các Tỳ-kheo ! Các Thầy chớ thấy thế. Vua Âm Hương lúc ấy đâu phải ai lạ, chính là thân Ta.

Người tư duy về tướng vô thường được nhiều

lợi ích. Nay Ta quán sát nghĩa này rồi, bảo các Tỳ-kheo nên suy nghĩ về tướng vô thường, lưu bố rộng tướng vô thường. Do suy nghĩ tướng vô thường, lưu bố rộng tướng vô thường, liền được đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái, vô minh kiêu mạn vĩnh viễn không thừa sót; cũng như dùng lửa đốt vô cây. Như trong giảng đường cao rộng tốt đẹp cửa nêo mở rộng, không có vật gì. Tỳ-kheo tư duy về tướng vô thường cũng lại như thế, đoạn dứt dục ái, sắc ái, vô sắc ái, vĩnh viễn không thừa sót. Cho nên, các Tỳ-kheo nên đem hết tâm ý dùng để trái mất.

Đang khi Phật nói pháp này, có sáu mươi Tỳ-kheo ngay tại chỗ được lậu tận ý giải.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không đoạn dứt năm điều ngăn che trong tâm, không trừ năm kết trong tâm thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ấy trong đêm ngày, với pháp lành diệt mà không tăng thêm lợi ích.

Thế nào là Tỳ-kheo không đoạn dứt năm điều ngăn che ? Ở đây, Tỳ-kheo có tâm hồ nghi đối với Như Lai, không được giải thoát, không vào Chánh pháp, tâm người ấy không ở tại nơi tụng đọc. Đó gọi là Tỳ-kheo không đoạn dứt tâm ngăn che.

Lại, Tỳ-kheo có tâm nghi đối với Chánh pháp, cũng không giải thoát, không thâm nhập Chánh pháp, người ấy không đọc tụng. Đó gọi là Tỳ-kheo không đoạn dứt tâm ngăn che.

Lại, Tỳ-kheo có tâm nghi đối với Thánh chúng, cũng không giải thoát, không có ý hướng hòa hợp với chúng, cũng không ở trong pháp đạo phẩm. Đó gọi là Tỳ-kheo không đoạn dứt tâm ngăn che.

Lại nữa, Tỳ-kheo phạm cấm giới không tự hối quá, đã phạm cấm giới không tự sửa đổi, cũng không để tâm vào trong đạo phẩm. Đó gọi là Tỳ-kheo không đoạn dứt tâm ngăn che.

Lại nữa, Tỳ-kheo tâm ý không định mà tu Phạm hạnh, nghĩ: “Ta do đức của Phạm hạnh được sanh cõi Trời như các thần tiên”. Vì Tỳ-kheo ấy do tâm hạnh này tu Phạm hạnh nên tâm không chuyên chánh trong đạo phẩm, tâm đã không ở trong đạo phẩm. Đó gọi là không đoạn dứt điều ngăn che trong tâm.

Như thế gọi là Tỳ-kheo không đoạn năm điều ngăn che trong tâm.

Thế nào gọi là Tỳ-kheo không đoạn trừ năm kết ? Ở đây, Tỳ-kheo tâm giải đãi không tìm cầu phương tiện. Tỳ-kheo ấy đã có giải đãi không tìm cầu phương tiện nên đó gọi là Tỳ-kheo không đoạn trừ tâm kết.

Lại nữa, Tỳ-kheo thường quên nhiều, tham ngũ nghị. Tỳ-kheo ấy do ưa quên nhiều, tham ngũ nghị nên gọi là Tỳ-kheo không đoạn tâm kết thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo ý không định, thường có nhiều rối loạn. Tâm Tỳ-kheo ấy đã loạn, không định nên gọi là Tỳ-kheo không đoạn trừ tâm kết thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo căn không định. Tỳ-kheo ấy đã căn không định nên gọi là Tỳ-kheo không đoạn trừ tâm kết thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo thường thích chỗ chợ búa, không ở chỗ vắng vẻ. Đó gọi là Tỳ-kheo không đoạn trừ tâm kết thứ năm.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni có năm điều ngăn che trong tâm không dứt, năm kết trong tâm không trừ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ấy trong đêm ngày pháp lành đoạn tuyệt, không được tăng ích. Cũng như gà

mẹ có tám hoặc mười hai trứng, không tùy thời ấp ủ, sẵn sóc, không tùy thời giữ gìn. Gà mẹ ấy tuy nghĩ rằng: “Muốn các con ta được an toàn, không hư hại”. Song các gà con rốt cuộc không an ổn. Vì sao thế ? Đều do không tùy thời giữ gìn nên như vậy, sau trứng ấy bị hồng không thành gà con. Đây cũng như thế, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, năm tâm kết không đoạn, năm tâm ngăn che không trừ, trong đêm ngày nơi thiện pháp bị diệt không tăng ích. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, tâm năm kết đoạn, tâm năm ngăn che trừ, trong đêm ngày pháp lành tăng ích không bị tổn giảm. Cũng như gà mẹ có tám hoặc mười hai trứng, tùy thời giữ gìn, tùy thời sẵn sóc, tùy thời ấp ủ. Dù cho gà mẹ có ý niệm: “Muốn con ta hoàn toàn không thành tựu”, các gà con tự nhiên thành tựu an ổn. Vì sao thế ? Vì tùy thời sẵn sóc khiến được vô sự, khi ấy các gà con đúng lúc ra khỏi vỏ. Đây cũng như thế, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni năm điều ngăn che trong tâm đoạn dứt, tâm năm kết trừ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ấy ở trong đêm ngày pháp lành tăng ích, không tổn giảm.

Cho nên Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nên phát sanh tâm không do dự hồ nghi đối với Phật, không do dự hồ nghi với Pháp, với chúng Tăng, đầy đủ giới luật, tâm ý chuyên chánh không tán loạn, cũng không

khởi ý trông mong pháp khác, cũng không cầu may mà tu Phạm hạnh, nghĩ rằng: “Ta sẽ dùng pháp này được thân Trời thân diêu tôn quý”.

Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không hồ nghi do dự đối với Phật, Pháp, Thánh chúng, cũng không phạm giới, không để lọt mất; nay Ta bảo các Thầy, căn dặn phó chúc các Thầy rằng Tỳ-kheo ấy sẽ hướng đến hai đường hoặc sanh cõi Trời hoặc trong loài Người. Cũng như người ở trong chỗ rất nóng, lại thêm đói khát, gặp được chỗ mát mẻ, được suối mát, nước uống; người ấy tuy nghĩ rằng: “Ta gặp nước trong mát để uống cũng không hết khát”. Nhưng người ấy đã dứt hết nóng bức, trừ được đói khát. Đây cũng như thế, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không do dự hồ nghi đối với Như Lai, Tỳ-kheo ấy liền hướng đến hai nơi, hoặc sanh cõi Trời hoặc ở trong loài Người.

Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nên tìm phương tiện đoạn trừ năm điều ngăn che, dứt năm kết trong tâm. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có lúc uy thế của nhà vua không trùm khắp, đạo tặc nổi lên. Đạo tặc đã dấy thì thôn xóm, gia đình, thành ấp, nhân dân đều bại vong, hoặc gặp đói khát mà chết. Nếu chúng sanh nào chết trong lúc đói khát, thì sẽ rơi vào ba đường ác.

Nay Tỳ-kheo tinh tấn cũng lại như thế. Nếu người trì giới giảm thiểu, bấy giờ Tỳ-kheo ác nổi dậy. Tỳ-kheo ác đã dấy lên thì Chánh pháp dần dần suy, phi pháp đã tăng, chúng sanh trong ấy đều rơi trong ba đường ác.

Nếu khi ấy uy thế nhà vua lại lan xa thì đạo tặc đều ẩn núp. Uy thế nhà vua đã vang xa thì làng xóm, thành ấp, nhân dân đông đúc. Nay Tỳ-kheo tinh tấn cũng lại như thế. Nếu người trì giới đầy đủ thì bấy giờ Tỳ-kheo phạm giới giảm thiểu, Chánh pháp hưng thịnh, phi pháp suy giảm. Trong đó, chúng sanh sau khi mạng chung đều sanh lên cõi Trời, cõi Người.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên nhớ nghĩ đầy đủ giới luật, oai nghi lễ độ, đừng để khuyết giảm. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Chăng thà thường ngu ngỗ chứ không ở trong lúc tỉnh táo tư duy loạn tưởng, thân hoại mạng chung rơi vào đường ác. Chăng thà dùng dùi sắt nóng nung vào mắt chứ không do nhìn sắc mà khởi loạn tưởng. Tỳ-kheo khởi tưởng bị thức đánh bại, Tỳ-kheo đã bị thức đánh bại, ắt sẽ rơi vào ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Vì vậy nay Ta nói như thế.

Người ấy thà ngu ngỗ chứ không ở trong lúc tỉnh táo mà tư duy loạn tưởng. Thà dùng dùi bén đâm lũng lỗ tai chứ không vì nghe tiếng mà khởi loạn tưởng. Tỳ-kheo khởi tưởng bị thức đánh bại.

Thà thường ngu ngỗ chứ không ở trong lúc tỉnh táo mà khởi loạn tưởng. Thà dùng kềm nóng làm đứt lỗ mũi chứ không do ngửi mùi mà khởi loạn tưởng. Tỳ-kheo khởi tưởng bị thức đánh bại. Đã bị thức đánh bại thì sẽ rơi trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Điều Ta nói chính là điều này.

Thà dùng kiếm bén cắt đứt lưỡi chứ không nói

lời ác, mắng chửi để rơi trong ba đường ác địa ngục, ngã quỷ, súc sanh.

Thà thường ngủ nghỉ chứ không ở lúc tỉnh táo mà khởi loạn tưởng. Thà dùng lá đồng nóng quần thân chứ không giao tiếp với các người nữ, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn. Nếu cùng họ giao tiếp nói năng qua lại, ắt sẽ rơi trong ba đường ác địa ngục, ngã quỷ, súc sanh. Điều Ta nói chính là điều này.

Thà thường ngủ nghỉ chứ không ở lúc tỉnh táo mà ý có tư tưởng muốn phá hoại Thánh chúng. Đã hoại Thánh chúng sẽ phạm vào năm tội nghịch, dù ngàn ức chư Phật cũng không thể cứu. Phạm người gây rối loạn trong chúng, ắt sẽ bị tội không thể cứu. Cho nên nay Ta nói, chẳng thà hay ngủ nghỉ chứ không nên trong khi tỉnh táo, ý khởi niệm muốn phá hoại Thánh chúng, chịu tội không thể cứu.

Cho nên, này Tỳ-kheo, nên giữ gìn sáu tình, đừng để rơi mất. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, trưởng giả A-na-bân-đề có bốn con trai không thừa sự Phật, Pháp, Thánh chúng, cũng chẳng tự quy mạng Phật, Pháp, Thánh chúng. Lúc ấy trưởng giả A-na-bân-đề bảo bốn con trai:

— Các Con nên tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng, sẽ được phước vô lượng lâu dài.

Các con thưa cha:

— Chúng con không kham quy y Phật, Pháp, Thánh chúng.

Trưởng giả A-na-bân-đề nói:

— Nay ta sẽ tặng mỗi Con ngàn lượng vàng, nếu theo lời ta dạy quy y Phật, Pháp, Thánh chúng.

Các con thưa:

— Con không kham tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng.

Cha lại bảo:

— Cha tặng thêm cho mỗi Con hai ngàn, ba ngàn, bốn ngàn, năm ngàn lượng vàng. Các Con nên tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng, được phước vô lượng lâu dài.

Các con nghe lời, im lặng nhận chịu. Các người con nói với trưởng giả A-na-bân-đề:

— Chúng con làm thế nào để tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng ?

Trưởng giả A-na-bân-đề nói:

— Các Con nên theo ta đến chỗ đức Thế Tôn. Nếu Thế Tôn có dạy bảo, các Con nên ghi nhớ vâng theo.

Các con thưa cha:

— Đức Như Lai hiện nay ở đâu ? Gần hay xa ?

Người cha bảo:

— Nay đáng Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác hiện ở tại nước Xá-vệ, nghỉ trong vườn của ta.

Khi ấy, Trưởng giả A-na-bân-đề dẫn bốn người con đến chỗ đức Thế Tôn, đến nơi cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Trưởng giả bạch Phật:

— Nay bốn người con của con không tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Hôm qua con tặng mỗi đứa năm ngàn lượng vàng, khuyến khích chúng vâng theo Phật, Pháp, Thánh chúng. Cúi xin Thế Tôn vì chúng thuyết pháp, khiến được phước vô lượng lâu dài.

Bấy giờ, Thế Tôn vì bốn người con của trưởng giả, dần dần thuyết pháp khuyến khích cho hoan hỷ. Các con của Trưởng giả nghe Phật thuyết pháp

vui mừng phần khởi không thể tự kềm, tự quý trước Phật, bạch rằng:

— Chúng con tự quy y với Thế Tôn, Chánh pháp, Thánh chúng. Từ nay về sau chúng con không còn sát sanh,... không uống rượu.

Bạch như thế ba lần. Trưởng giả A-na-bân-đề bạch Thế Tôn:

— Nếu có người đem tài vật cho người, khiến thừa sự Phật. Phước ấy thế nào ?

Thế Tôn bảo:

— Lành thay, lành thay ! Trưởng giả hỏi như thế khiến Người, Trời được an lạc, mới có thể hỏi Như Lai nghĩa này. Nên khéo suy nghĩ đó, Ta sẽ vì Ông nói:

Trưởng giả nghe lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

— Có bốn kho tàng lớn. Thế nào là bốn ? Kho Thi-la-bát-long tại nước Càn-đà-vệ, đây là một kho tàng, vô số trân bảo chất đầy trong cung. Lại có kho tàng lớn Ban-trù tại nước Mật-đề-la, chứa chất trân bảo không thể tính kể. Lại có kho lớn Tân-già-la tại nước Tu-lại-sất, trân bảo tích tụ không thể tính kể. Lại có kho lớn Nhượng-khư tại nước Ba-la-nại, trân bảo tích tụ không thể tính kể.

Giả sử tất cả các nam nữ lớn nhỏ trong cõi Diêm-phù-đề mỗi người đều đến nhặt châu báu trong bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho Thi-la-bát trọn không giảm sút. Kho Ban-trù có người cũng đến lấy trong bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, không hao giảm. Kho Tần-già-la bốn năm, bốn tháng, bốn ngày mọi người đến lấy cũng không hao giảm. Kho lớn Nhượng-khư tại nước Ba-la-nại, mọi người đến lấy trong bốn năm, bốn tháng, bốn ngày không hề sút giảm. Trường giả ! Đó là bốn kho tàng lớn, nếu tất cả mọi nam nữ lão ấu của Diêm-phù-đề đều đến lấy châu báu, trải qua bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, không hề giảm thiểu.

Về đời tương lai có đức Phật tên Di-lặc xuất hiện. Bảy giờ cõi nước tên Kê Đầu do vua cai trị, chiều Đông Tây mười hai do-tuần, chiều Nam Bắc mười hai do-tuần, nhân dân đông đảo, lúa thóc phong nhiêu. Cõi nước Kê-Đầu, chung quanh thành bảy lớp ao nước, mỗi ao rộng một do-tuần, cát vàng dưới đáy, các loài hoa bát-đầu-na, hoa câu-vật-đầu, hoa phân-đà-lợi đều mọc trong ao ấy. Nước ao màu vàng, màu bạc, màu thủy tinh, màu lưu ly. Nếu nước màu bạc thì ngưng đọng hóa thành bạc, nước màu vàng thì ngưng đọng hóa thành vàng, nước màu lưu ly thì ngưng đọng hóa thành lưu ly, nước màu thủy tinh thì ngưng đọng hóa thành thủy tinh.

Trưởng giả nên biết ! Bấy giờ có bốn thành lớn, trong ao nước bạc làm cửa vàng, trong ao nước vàng làm cửa bạc, trong ao lưu ly làm cửa thủy tinh, trong ao thủy tinh làm cửa lưu ly.

Trưởng giả nên biết ! Bấy giờ chung quanh thành Kê-Đầu treo linh, tiếng linh phát ra nghe như tiếng ngũ nhạc. Trong thành ấy thường có bảy thứ tiếng. Thế nào là bảy ? Tiếng loa, tiếng trống, tiếng đờn cầm, tiếng trống nhỏ, tiếng trống tròn, tiếng trống da, tiếng ca múa là bảy.

Trong thành Kê-Đầu tự nhiên sanh một loại lúa dài ba tấc, rất thom ngon có vị thù thắng hơn hết, vừa gặt liền sanh, không thấy dấu gặt. Bấy giờ có vua Nhượng-khư, dùng pháp cai trị, bảy báu đầy đủ.

Trưởng giả nên biết ! Bấy giờ đại thần chủ tạng tên là Thiện Bảo, cao đức trí tuệ thiên nhãn thứ nhứt, biết hết thấy tất cả kho tàng báu, kho tàng có chủ thì tự nhiên giữ gìn, kho tàng vô chủ liền đem dâng vua. Khi ấy vua rồng Thi-la-bát, vua rồng Ban-trù, vua rồng Tân-già-la, vua rồng Nhượng-khư. Bốn quan chủ tạng báu của các vua rồng trên đều đi đến chỗ quan chủ tạng Thiện Bảo, mà nói rằng:

— “Nếu cần gì, chúng tôi sẽ cung cấp”.

Khi ấy, bốn vua rộng nguyện dâng bốn kho tàng báu để cho đầy kho. Quan chủ tạng Thiện Bảo liền lấy bốn kho báu dâng lên vua Nhượng-khư, châu báu, xe báu, vàng bạc tăng tăng.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

*Thi-la, tại Càn-đà
 Ban-trù, tại Mật-đề
 Tân-già nước Tu-lại.
 Nhượng-khư, nước Ba-nại.
 Đây là bốn kho báu,
 Các kho tàng đầy đầy,
 Lúc ấy liền xuất hiện,
 Do công đức cảm nên.
 Dâng lên bậc Thánh vương,
 Vàng, bạc, báu, xe báu
 Các thần đều ủng hộ,
 Trưởng giả thọ phước ấy.*

Bấy giờ có Phật xuất thế hiệu Di-lặc, Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Trưởng giả nên biết ! Quan chủ tạng Thiện Bảo khi đó đâu phải người nào lạ. Chớ nghĩ thế ấy. Vì sao ? Quan chủ tạng ấy là trưởng giả hiện nay.

Thuở ấy, vua Nhượng-khu dùng vàng bạc làm việc phước đức rộng rãi, cùng tám vạn bốn ngàn đại thần vây quanh trước sau, đến chỗ đức Phật Di-lặc xuất gia học đạo. Khi đó quan chủ tạng cũng làm việc phước đức rộng lớn, cũng sẽ xuất gia học đạo chấm dứt mé khổ. Đây là do trường giả hướng dẫn bốn người con khiến tự quy Phật, Pháp, Tỳ-kheo Tăng; do công đức này mà không rơi trong ba đường ác. cũng duyên nơi đức này được bốn kho tàng lớn; cũng do duyên này mà làm quan chủ tạng cho vua Nhượng-khu, ngay nơi đời ấy chấm dứt mé khổ. Vì sao thế ? Quy y Phật, Pháp, Tăng công đức không thể lường. Người tự quy y Phật, Pháp, Tăng được phước ấy như thế.

Cho nên, này Trường giả, nên thương xót loài hữu tình, tìm phương tiện hướng về Phật, Pháp, Tăng. Như thế, Trường giả, nên học điều này.

Bấy giờ, Trường giả A-na-bân-đề hoan hỷ vui mừng không thể tự kềm, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng làm lễ rồi lui ra. Bốn người con cũng lại như thế.

Bấy giờ, Trường giả A-na-bân-đề và bốn người con nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, trưởng giả A-na-bân-đề thân có bệnh nặng. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất dùng Thiên nhân thanh tịnh trong suốt, thấy trưởng giả A-na-bân-đề đau nặng, liền bảo Tôn giả A-nan:

— Thầy đi với tôi đến chỗ trưởng giả A-na-bân-đề thăm hỏi.

A-nan đáp:

— Nên biết đúng thời.

Bấy giờ, A-nan đến thời đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực, lần lượt đến nhà trưởng giả A-na-bân-đề và vào tòa ngồi. Xá-lợi-phất ngồi trên tòa, hỏi trưởng giả A-na-bân-đề:

— Hôm nay bệnh của Ông tăng hay giảm ? Sự đau đớn có giảm bớt dần không ? Tăng thêm không ?

Trưởng giả thưa:

— Nay bệnh của con giảm rất ít, chỉ tăng chứ không giảm.

Xá-lợi-phất bảo:

— Như vậy, nay Trưởng giả nên nhớ đến Phật, là bậc Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác. Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; cũng nên nghĩ nhớ Pháp, Pháp của Như Lai rất là thâm sâu, đáng tôn đáng quý, không gì sánh bằng, là chỗ tu hành của Thánh chúng; cũng nên nhớ nghĩ đến Tăng chúng, chúng của Như Lai trên dưới thuận hòa, không tranh cãi, thành tựu các pháp. Thánh chúng giới thành tựu, tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu. Tăng là các vị bốn đôi tám bậc. Đây gọi là Thánh chúng của Như Lai đáng tôn đáng quý, là phước điền vô thượng của thế gian. Trưởng giả ! Nếu tu hành niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, đức ấy không thể tính kể, được vị cam lồ diệt tận. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nghĩ nhớ ba ngôi báu Phật, Pháp, Thánh chúng rồi mà rơi vào ba đường ác thì trọn không có lý ấy. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhen tu niệm ba ngôi báu, ắt sẽ đến chỗ lành trong cõi Trời, cõi Người.

Lại nữa, Trưởng giả ! Chớ khởi tướng về sắc, cũng đừng y cứ sắc mà khởi thức. Chớ khởi về thanh, đừng y vào thanh mà khởi thức. Chớ khởi về hương, đừng y vào hương mà khởi thức. Chớ khởi

vê vị, dùng y cứ vào vị mà khởi thức. Chớ khởi xúc giác, dùng y cứ vào xúc mà khởi thức. Chớ khởi ý, dùng y cứ vào ý mà khởi thức. Chớ khởi ái, dùng y cứ vào ái mà khởi thức. Vì sao thế ? Vì duyên ái có thọ, duyên thọ có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh tử, ưu bi khổ não không thể tính kể. Đây là, có năm thanh ấm khổ này, không có ngã, nhơn, thọ mạng, sĩ phu, mầm móng của loài hữu tình.

Nếu khi mất khởi thời khởi, không biết chỗ đến, nếu mất diệt thời diệt, không biết chỗ đi. Từ không mất sinh, mất có rồi mất diệt, đều do các pháp nhân duyên hội hợp. Pháp nhân duyên nghĩa là duyên đây mà có đây, không đây thì ắt không. Đó là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên tử, tử duyên ưu bi khổ não không thể tính kể. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Không có mà sanh, có rồi thì diệt; cũng không biết chỗ đến, cũng không biết chỗ đi; đều do các pháp nhân duyên hội hợp. Nay Trưởng giả ! Đây gọi là hành không, pháp đệ nhất.

Bấy giờ Trưởng giả A-na-bân-đề buồn khóc rơi lệ không ngừng. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

— Vì sao buồn khóc như thế ?

Trưởng giả thưa:

— Con bị cảm vì từ xưa đến nay, con thừa sự đức Phật, và tôn kính chư Tỳ-kheo trưởng lão, cũng chưa được nghe pháp tôn trọng như thế, như lời chỉ dạy của Tôn giả Xá-lợi-phất.

Khi ấy, Tôn giả A-nan bảo A-na-bân-đề:

— Trưởng giả nên biết ! Như Lai có dạy, thế gian có hai hạng người. Thế nào là hai ? Một là biết vui, hai là biết khổ. Người tập vui là Tôn giả Da-du-đề (Tu-bồ-đề) con nhà hào tộc. Người tập khổ là Tỳ-kheo Bà-già-lê.

Lại này Trưởng giả ! Tỳ-kheo Tu-bồ-đề giải không đệ nhất. Người được tín giải thoát là Tỳ-kheo Bà-già-lê. Này Trưởng giả ! Người biết khổ, người biết vui, cả hai người tâm đều giải thoát, cả hai đều là đệ tử của Như Lai, không ai bằng. Do hai vị ấy không chết, không sanh, hai người siêng năng vâng lời Phật dạy không lười nhác bỏ qua. Chỉ vì tâm có tăng giảm, nên có người biết, người không biết. Như lời Trưởng giả nói: “Con từ xưa đến nay thừa sự Phật, cung kính chư Tỳ-kheo trưởng lão, ban đầu chưa nghe được pháp tôn trọng như thế,

như lời Tôn giả Xá-lợi-phất nói”. Tỳ-kheo Tu-bồ-đề quán sát nơi đất mà tâm được giải thoát. Tỳ-kheo Bà-già-lê quán sát nơi đạo tức thời tâm được giải thoát. Cho nên, này Trưởng giả, nên làm như Tỳ-kheo Bà-già-lê.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp rộng cho Trưởng giả, khuyến khích khiến ông hoan hỷ, khiến phát tâm vô thượng. Xong rồi Tôn giả rời tòa đi.

Tôn giả Xá-lợi-Phất và Tôn giả A-nan đi chưa bao lâu, giây lát trưởng giả A-na-bân-đề mạng chung, liền sanh lên cõi trời Ba mươi ba. Khi ấy, Thiên tử A-na-bân-đề có được năm công đức hơn các chư Thiên. Thế nào là năm ? Là tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, niềm vui trời, oai thần trời, ánh sáng trời. Thiên tử A-na-bân-đề bèn khởi niệm: “Nay ta được thân trời này đều do ân đức của Như Lai. Nay ta không nên vui chơi trong ngũ dục, trước hết nên đến chỗ Thế Tôn quỳ lạy hỏi thăm”.

Thiên tử A-na-bân-đề dẫn chư Thiên vây quanh trước sau, đem các hoa trời rải trên thân Phật. Khi ấy đức Phật đang ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà vườn Cấp Cô Độc, thiên tử ấy ở trên hư không chấp tay hướng về đức Phật, và nói kệ:

*Đây là vườn Kỳ-hoàn,
Chúng tiên nhơn vui chơi,
Chỗ Pháp vương ngự trị,
Nên phát tâm vui mừng.*

Thiên tử A-na-bân-đề nói kệ xong, đức Như Lai im lặng hứa khả, Thiên tử ấy bèn nghĩ: “Như Lai đã mặc nhiên hứa khả, ta nên xả thân túc, ngồi một bên”. Thiên tử A-na-bân-đề bạch Phật:

— Con là Tu-đạt, cũng có tên là A-na-bân-đề, mọi người biết rõ, Tôn giả là đệ tử của Như Lai, vâng lời dạy tôn thánh, nay mạng chung sanh lên trời Ba mươi ba.

Thế Tôn bảo:

— Ông do ân đức gì nay được thân Trời này ?

Thiên tử bạch Phật:

— Nhờ oai lực của Thế Tôn, được thọ thân Trời.

Thiên tử A-na-bân-đề lại dùng hoa trời rải trên thân Như Lai, cũng rải trên A-nan và Xá-lợi-phất, đi nhiễu quanh tinh xá Kỳ-hoàn bảy vòng, rồi ẩn không hiện.

Sáng ngày, Thế Tôn bảo A-nan:

— Đêm qua, có Thiên tử đến chỗ Ta, nói kệ:

*Đây là vườn Kỳ hoàn,
Chúng tiên như vui chơi,
Chỗ Pháp vương ngự trị,
Nên phát tâm vui mừng.*

Thiên tử ấy đi nhiều quanh vườn Kỳ-hoàn bảy vòng rồi đi. A-nan ! Thấy biết Thiên tử ấy chẳng ?

A-nan bạch Phật:

— Chắc là trưởng giả A-na-bân-đề.

Phật bảo:

— Như lời Thầy nói. Lành thay ! Thấy có thể dùng trí vi tri mà biết được Thiên tử ấy. Vì sao ? Đó là Thiên tử A-na-bân-đề.

A-nan bạch Phật:

— A-na-bân-đề nay sanh cõi trời tên là gì ?

Phật bảo:

— Cũng tên A-na-bân-đề. Vì sao thế ? Ngay hôm Thiên tử ấy sanh, chư Thiên ai cũng nói: “Thiên tử này khi ở cõi Người là đệ tử của Như Lai, thường đem tâm bình đẳng bố thí tất cả, cứu giúp kẻ cùng khổ thiếu thốn; làm công đức ấy rồi, nay là vị Trời ở cõi Ba mươi ba”. Vì thế này theo đó, tặng cho tên A-na-bân-đề.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo A-nan có công đức lớn, thành tựu trí tuệ. Tỳ-kheo A-nan hiện ở địa vị hữu học mà trí tuệ không ai bằng. Vì sao thế ? Điều mà trí tuệ của A-la-hán biết, A-nan cũng biết. Những điều nên học từ chư Phật quá khứ, A-nan đều biết rõ. Thời quá khứ có người vừa nghe liền biết rõ, như Tỳ-kheo A-nan của Ta hiện nay nhìn qua liền biết Như Lai cần điều này, không cần điều này. Đệ tử của chư Phật quá khứ nhập định mới biết được việc chưa rõ; ngày nay, Tỳ-kheo A-nan của Ta, vừa quán sát liền biết rõ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Trong hàng Thanh văn của Ta, người học rộng biết nhiều, có sức dũng mãnh, tinh tấn, ý niệm không tán loạn, đa văn đệ nhất, kham nhậm làm việc là Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Khi ấy, trưởng giả A-na-bân-đề có con dâu tên Thiện Sanh, dung mạo đoan chánh, mặt như sắc hoa đào, là con gái quan đại thần của vua Ba-tu-nặc.

Nàng ấy ý vào dòng họ, cậy gia thế vọng tộc, không cung kính mẹ chồng và chồng, cũng không thừa sự Phật, Pháp, Tỳ-kheo Tăng, cũng không kính phụng Ba ngôi báu.

Bấy giờ, trưởng giả A-na-bân-đề đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật lui ngôi một bên. trưởng giả bạch Phật:

— Con vừa cưới vợ cho con trai của con, cô ấy là con gái quan đại thần đệ nhất của vua Ba-tư-nặc, tự ý thị dòng họ vọng tộc mà không thừa sự Ba ngôi báu, trưởng lão tôn ty. Cúi xin Thế Tôn thuyết pháp cho con dâu ấy, khiến phát tâm hoan hỷ, mở rộng tâm ý.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Trưởng giả lại bạch Phật:

— Cúi xin Thế Tôn nhận lời con thỉnh cùng chúng Tỳ-kheo Tăng.

Trưởng giả thấy Như Lai đã im lặng thọ thỉnh, liền rời chỗ ngôi lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi. Trở về nhà, trưởng giả sắp đặt các thức ăn uống, trải nệm ngồi tốt đẹp và đến bạch Phật.

— Đúng thời, cúi xin Thế Tôn nhận lời con thỉnh. Thức ăn uống đã đủ.

Thế Tôn dẫn chúng Tỳ-kheo vây quanh trước

sau đến nhà trưởng già, vào chỗ ngồi. Trưởng già lại đem ghế nhỏ ngồi trước Như Lai. Thế Tôn bảo nàng Thiện Sanh:

— Nay Trưởng già nữ ! Nên biết làm vợ có bốn cách. Thế nào là bốn ? Có người vợ như mẹ, có người vợ như bạn thân, có người vợ như giặc, có người vợ như nô tỳ.

Nay Cô nên biết ! Vợ như mẹ là tùy thời chăm sóc chồng, không để cho thiếu thốn, thừa sự cúng dường. Người ấy được sự ủng hộ của chư Thiên, dù Nhân hay Phi nhân không hại được, chết được sanh cõi trời. Đây gọi là người vợ như mẹ.

Thế nào là vợ như bạn thân ? Nay Trưởng già nữ ! Thấy chồng mà không có tâm tăng giảm, cùng chung khổ vui. Đó gọi là người vợ như bạn thân.

Thế nào là vợ như giặc ? Nay Trưởng già nữ ! Nếu thấy chồng bèn ôm lòng sân giận, ghét chồng, không thừa sự cung kính lễ bái, thấy chồng mà muốn hại, tâm để nơi người khác, chồng không thân với vợ, vợ không thân với chồng, không được người ái kính, chư Thiên không ủng hộ, ác quỷ xâm hại, thân hoại mạng chung rơi vào địa ngục; đó gọi là người vợ như giặc.

Thế nào gọi là vợ như nô tỳ ? Ở đây, người vợ

trình lương, thấy chồng bèn tùy thời sẵn sóc, nhẫn nhịn lời nói không trả lời lại, nhẫn nại sự lạnh khô, thường có lòng từ; đối với Ba ngôi báu cũng sanh ý niệm rằng: “Ba ngôi báu còn, ta còn, Ba ngôi báu mất, ta mất”. Do việc này người ấy được chư Thiên ủng hộ, dù Người hay Phi nhân đều thương tưởng nghĩ nhớ, khi chết sanh cõi lành, trên trời.

Này Trương giả nữ ! Đó là bốn hạng vợ, nay Cô ở vào hạng vợ nào ?

Nàng ấy nghe lời Phật dạy, liền đến trước lễ Phật, bạch rằng:

— Cúi xin Thế Tôn ! Nay con sửa đổi lỗi cũ, không dám phạm. Từ nay về sau con thường làm pháp lễ độ như nô tỳ.

Khi ấy, nàng Thiện Sanh trở lại chỗ chồng, cúi đầu lễ, nguyện sẵn sóc chồng như nô tỳ đối với chủ. Nàng Thiện Sanh lại đến chỗ Phật, cúi lạy lui ngồi một bên.

Đức Thế Tôn dần dần thuyết pháp cho nàng, nói về luận bố thí, luận giới, luận sanh thiên, ái dục là tướng bất tịnh, dâm dục là nhơ uế lớn. Thế Tôn biết nàng đã mở rộng tâm ý, bèn nói về pháp mà các đức Phật thường nói: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, đức Phật nói hết cho nàng. Nàng ấy liền tại chỗ ngồi

được pháp nhãn tịnh. Cũng như chiếc áo mới dễ nhuộm màu, đây cũng vậy, nàng ấy phân biệt các pháp khéo hiểu nghĩa thâm diệu, tự quy y Ba ngôi báu, thọ ngũ giới.

Bấy giờ nàng Thiện Sanh nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy lui ngồi một bên, giầy lát sau rời chỗ ngồi, bạch Phật:

— Thế Tôn thường khen hào tộc cao quý, không nói đến thấp hèn. Song, bạch Thế Tôn, con không khen tôn quý không nói thấp hèn, chỉ nói với hàng trung lưu khiến được xuất gia học đạo.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

— Thầy tự nói rằng không khen hàng tôn quý, không nói thấp hèn, chỉ nói hàng trung lưu được xuất gia học đạo. Nhưng nay Ta không nói về nơi thọ sanh thượng, trung, hạ. Vì sao thế ? Phàm thọ sanh là rất khổ, không đủ mong muốn. Như đồng phân kia chút ít còn rất hôi huống gì nhiều; nay sự thọ sanh cũng

lại như vậy, một đời hai đời còn khổ nạn, hưởng gì lưu chuyển mãi mãi mà có thể cam chịu. Do hữu có sanh, do sanh có lão, do lão có bệnh có tử, lo buồn khổ não, có gì đáng tham ưa, bèn thành thân ngũ thạnh ẩm. Nay Ta quán sát nghĩa này mà nói như thế. Một đời hai đời còn khổ nạn, hưởng gì lưu chuyển mãi mãi mà có thể cam chịu.

Này Xá-lợi-phất ! Nếu có ý muốn thọ sanh, nên phát nguyện sanh trong gia đình hào quý, không sanh nơi ty tiện. Vì sao thế ? Chúng sanh bị tâm ràng buộc lâu dài, chứ không bị hào tộc ràng buộc. Này Xá-lợi-phất ! Như Ta ở trong gia đình hào quý, là dòng Sát-lợi Chuyển luân Thánh vương, nếu như Ta không xuất gia học đạo thì sẽ làm vua Chuyển luân. Nay Ta bỏ địa vị Chuyển quân Thánh vương, xuất gia học đạo thành đạo Vô thượng. Còn nếu sanh trong nhà thấp hèn, không được xuất gia học đạo thì trở lại bị rơi trong đường ác.

Cho nên, Xá-lợi-phất ! Nên tìm phương tiện hàng phục tâm. Như thế, Xá-lợi-phất, nên học điều này !

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*
* * *

LII. PHẨM ĐẠI ÁI ĐẠO NHẬP NIẾT BÀN

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Tỳ-xá-ly, giảng đường Phổ Hội, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, bà Đại Ái Đạo đang ở trong thành Tỳ-xá-ly, chùa Cao Đài, cùng với chúng đại Tỳ-kheo-ni năm trăm người câu hội, đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết. Bà Đại Ái Đạo nghe các Tỳ-kheo nói: “Nhu Lai không bao lâu sẽ diệt độ, không quá ba tháng sẽ Niết-bàn tại Sa-la song thọ, xứ Câu-thi-na-kiệt”. Bà liền nghĩ: “Ta không kham nhìn thấy Nhu Lai diệt độ, cũng không kham nhìn thấy A-nan diệt độ. Nay ta nên diệt độ trước”. Bà Đại Ái Đạo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy lui ngôi một bên. Bà đến trước bạch Phật:

— Con nghe Thế tôn không bao lâu sẽ diệt độ, không quá ba tháng sau, tại xứ Câu-thi-na-kiệt, khoảng rừng Sa-la song thọ. Nay con không kham thấy Thế Tôn và A-nan diệt độ. Cúi xin Thế tôn cho phép con diệt độ trước.

Khi ấy Thế Tôn im lặng hứa khả.

Bà Đại Ái Đạo lại bạch Phật:

— Từ nay về sau cúi xin Thế Tôn cho các Tỳ-kheo-ni thuyết giới.

Phật bảo:

— Nay Ta cho phép Tỳ-kheo-ni cùng với Tỳ-kheo-ni thuyết giới. Những giới cấm do Như Lai chế ra đừng để sai phạm.

Khi ấy, bà Đại Ái Đạo làm lễ dưới chân Phật, và đứng trước Phật, bà lại bạch Phật:

— Hôm nay con không còn thấy lại tôn nhan của Như Lai, cũng không thấy chư Phật tương lai, không còn tái sanh, vĩnh viễn ở chỗ vô vi. Ngày nay con xa lìa thánh nhan, vĩnh viễn không thấy lại.

Bà Đại Ái Đạo đi nhiều quanh Phật bảy vòng, cũng đi nhiều quanh Tôn giả A-nan bảy vòng, đi nhiều quanh hết chúng Tỳ-kheo rồi lui đi. Bà trở về trong chúng Tỳ-kheo-ni bảo các Tỳ-kheo-ni:

— Nay ta muốn vào Niết-bàn vô vi. Vì sao thế ? Như Lai chẳng bao lâu sẽ diệt độ, các vị nên tùy nghi mà hành động.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Sai-ma, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-sắc, Tỳ-kheo-ni Co-lợi-thi, Tỳ-kheo-ni Xá-cừ-lê, Tỳ-kheo-ni Xà-ma, Tỳ-kheo-ni Bát-đà-lan-giá, Tỳ-kheo-ni Bà-la-giá-la, Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên, Tỳ-kheo-ni Xà-da cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni đi đến chỗ Thế Tôn, đứng một bên. Khi ấy năm trăm Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni Sai-ma làm thượng thủ, bạch Phật:

— Chúng con nghe Như Lai không bao lâu diệt độ, chúng con không kham thấy Thế Tôn và Tôn giả A-nan diệt độ trước. Cúi xin Thế Tôn cho phép chúng con diệt độ trước. Nay chúng con vào Niết-bàn chính là phải thời.

Khi ấy Thế Tôn im lặng hứa khã. Tỳ-kheo-ni Sai-ma và năm trăm Tỳ-kheo-ni thấy đức Thế tôn im lặng hứa khã, liền lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh ba vòng rồi lui đi, trở về phòng của mình. Khi ấy bà Đại Ái Đạo đóng cửa giảng đường, đánh kiền chùy, trải tọa cụ nơi đất trống, bay lên hư không. Ở trong hư không, bà ngồi, nằm, đi kinh hành hoặc phát ra ánh lửa, nửa thân dưới phun

khói, nửa thân trên phun lửa, nửa thân dưới phun nước, nửa thân trên phun khói, toàn thân phóng lửa, toàn thân phóng khói, hông bên trái tuôn nước, hông bên mặt tuôn lửa, hông bên mặt tuôn nước, hông bên trái tuôn khói, phía trước tuôn lửa, phía sau tuôn nước, phía trước tuôn nước, phía sau tuôn lửa, toàn thân tuôn lửa, toàn thân tuôn nước.

Bà Đại Ái Đạo làm bao nhiêu biến hóa ấy, trở về tòa mình ngồi kiết-già, chánh thân chánh ý buộc niệm ở trước rồi nhập Sơ thiên; từ Sơ thiên xuất, nhập Nhị thiên; từ Nhị thiên xuất, nhập Tam thiên; từ Tam thiên xuất, nhập Tứ thiên; từ Tứ thiên xuất, nhập Không xứ; từ Không xứ xuất, nhập Thức xứ; từ Thức xứ xuất, nhập Vô sở hữu xứ; từ Vô sở hữu xứ xuất, nhập Hữu tướng vô tướng xứ; từ Hữu tướng vô tướng xứ xuất, nhập Tướng tri diệt; từ Tướng tri diệt xuất, nhập lại Hữu tướng vô tướng xứ; từ Hữu tướng vô tướng xứ xuất, nhập lại Thức xứ; từ Thức xứ xuất, nhập Không xứ; từ Không xứ xuất, nhập Tứ thiên; từ Tứ thiên xuất, nhập Tam thiên; từ Tam thiên xuất, nhập Nhị thiên; từ Nhị thiên xuất, nhập Sơ thiên; từ Sơ thiên xuất, nhập lại Nhị thiên; từ Nhị thiên xuất, nhập Tam thiên; từ Tam thiên xuất, nhập Tứ thiên; đã nhập Tứ thiên liền diệt độ.

Khi ấy, trời đất chấn động, bên Đông nổi bên Tây chìm, bên Tây nổi, bên Đông chìm, bốn bên nổi chính giữa chìm, lại bốn bề gió mát trời lên, chư Thiên ở trên không trung đánh nhạc, chư Thiên cõi dục buồn khóc rơi lệ cũng như vào tháng mùa Xuân trời mưa cam lồ, cõi trời thần diệu tung rải hoa ưu-bát, lại rải bột chiên-đàn trên thân bà.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Sai-ma, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-sắc, Tỳ-kheo-ni Cơ-lợi-thi-cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni Xá-cù-ly, Tỳ-kheo-ni Xà-ma, Tỳ-kheo-ni Bà-đà-lan-giá-la, Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên, Tỳ-kheo-ni Xà-da, các vị Tỳ-kheo-ni thượng thủ như thế năm trăm vị, mỗi vị đều trải tòa nơi đất trống, bay lên hư không, ở trên hư không nằm ngời, đi kinh hành làm mười tám phép thần biến, cho đến nhập tướng tri diệt và đến diệt độ.

Khi ấy, trong thành Tỳ-xá-ly có đại tướng tên Da-du-đê dẫn năm trăm đồng tử nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội lúc đó đang giảng thuyết. Da-du-đê và năm trăm đồng tử xa thấy năm trăm vị Tỳ-kheo-ni làm mười tám phép thần biến, thấy rồi vui mừng phấn khởi vô lượng, đều chấp tay hướng về phía các vị ấy.

Khi ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

— Thầy đến chỗ đại tướng Da-du-đê bảo rằng: “Hãy mau sắm năm trăm giường, năm trăm tọa cụ, năm trăm bình tô lạc, năm trăm bình dầu, năm trăm xe hoa, năm trăm xe hương, năm trăm xe cũi”.

A-nan bạch Phật:

— Chẳng biết Thế Tôn muốn làm việc gì ?

Phật bảo:

— Bà Đại Ái Đạo đã diệt độ, và năm trăm Tỳ-kheo-ni nhập Niết-bàn, Ta muốn cúng dường xá-lợi.

Khi ấy A-nan buồn khóc xen lẫn không thể tự kềm, than: “Bà Đại Ái Đạo diệt độ sao nhanh chóng thay !” A-nan đưa tay gạt lệ, liền đến chỗ đại tướng Da-du-đê. Da-du-đê xa thấy Tôn giả A-nan đi đến, đứng dậy đón tiếp, nói:

— Tôn giả A-nan đến đây rất quý ! Tôn giả muốn dạy bảo gì mà đến bất ngờ ?

Tôn giả A-nan:

— Tôi do Phật sai đến, muốn có việc báo Ông.

Đại tướng hỏi:

— Có điều gì dạy bảo ?

A-nan đáp:

— Thế Tôn bảo Đại tướng rằng: Nên sắm sửa năm trăm giường, năm trăm tọa cụ, năm trăm bình tô, năm trăm bình dầu, năm trăm xe hoa, năm trăm xe hương, năm trăm xe cũi. Bà Đại Ái Đạo và năm trăm Tỳ-kheo-ni đều diệt độ, chúng ta đến đó cúng dường xá-lợi.

Đại tướng buồn khóc lẫn lộn, nói rằng:

— Bà Đại Ái Đạo diệt độ sao mà nhanh chóng thay ! Năm trăm Tỳ-kheo-ni diệt độ nhanh chóng thay ! Ai sẽ giáo hóa chúng ta và chỉ dạy về bố thí ?

Đại tướng Da-du-đề liền sắm sửa năm trăm giường, năm trăm tọa cụ, năm trăm bình tô, dầu, năm trăm xe hoa, hương, cũi và các dụng cụ hỏa thiêu, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên.

Đại tướng Da-du-đề bạch Phật:

— Như Lai chỉ dạy con sắm sửa đồ cúng dường, nay đã xong.

Phật bảo:

— Nay Ông đưa thân của bà Đại Ái Đạo và năm trăm Tỳ-kheo-ni, ra khỏi thành Tỳ-xá-ly đến chỗ đất trống, Ta muốn cúng dường xá-lợi ở đó.

Đại tướng Da-du-đề bạch Phật:

— Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Khi ấy Đại tướng đến tinh xá của bà Đại Ái Đạo, bảo một người:

— Nay Người thử leo tường vào trong từ từ mở cửa đừng gây tiếng động.

Người kia theo lời dạy liền vào mở cửa. Đại tướng lại bảo năm trăm người, mỗi người đưa thân các vị lên giường. Bấy giờ có hai Sa-di-ni tại đó, một là Nan-đà, hai là Ưu-ban-nan-đà, hai Sa-di-ni bảo Đại tướng:

— Thôi, thôi, Đại tướng ! Chớ xúc nhiều các Thầy.

Đại tướng Da-du-đề bảo:

— Thầy các Cô không phải ngủ, mà đều đã diệt độ.

Hai Sa-di-ni nghe các Thầy đều diệt độ, ôm lòng lo sợ, tự suy nghĩ, quan sát các pháp có nhóm họp đều là pháp diệt tận, liền tại chỗ ngồi được tam minh, lục thông. Khi ấy hai Sa-di-ni liền bay lên hư không, bay trước đến chỗ đất trống làm mười tám pháp thân biến, nằm, ngồi, đi kinh hành, thân phóng ra nước lửa, biến hóa vô lượng, liền ở Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn chúng Tỳ-kheo Tăng vây quanh trước sau, đi đến tinh xá của Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo.

Thế Tôn bảo A-nan, Nan-đà, La-vân:

— Các Thầy khiêng thân của bà Đại Ái Đạo, Ta sẽ đích thân cúng dường.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân biết ý nghĩ trong tâm Thế Tôn, liền từ cõi trời Ba mươi ba trong khoảng lục sĩ duỗi cánh tay ẩn và đi đến thành Tỳ-xá-ly, đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi đứng một bên. Trong chúng, những vị Tỳ-kheo lậu tận đều thấy Thích-đề-hoàn-nhân và chư Thiên trời Ba mươi ba, còn những Tỳ-kheo hữu dục không lậu tận, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di chưa lậu tận đều không thấy Thích-đề-hoàn-nhân và chư Thiên cõi trời Ba mươi ba.

Vua trời Phạm thiên xa biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, đem các Phạm thiên từ cõi Phạm thiên ẩn đến chỗ đức Thế Tôn, cúi lạy lui qua một bên.

Tỳ-sa-môn Thiên vương biết ý nghĩ trong tâm đức Thế Tôn, đem các quý thần Dược Xoa đến chỗ Như Lai, cúi lạy đứng qua một bên.

Đê-địa-lại-tra Thiên vương đem các thần Càn-

thất-bà, từ phương Đông đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy đứng qua một bên.

Tỳ-lâu-lặc-xoa Thiên vương đem vô số thân Cưu-bàn-trà, từ phương Nam đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy đứng qua một bên.

Tỳ-lâu-ba-xoa Thiên vương đem các Long thần đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy đứng qua một bên.

Và chư Thiên côi dục, côi sắc, côi vô sắc, mỗi mỗi đều biết ý niệm trong tâm Thế Tôn, đều đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy đứng qua một bên.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân, Tỳ-sa-môn Thiên vương đến trước bạch Phật:

— Cúi xin Thế Tôn ! Chớ tự nhọc thân, chúng con tự sẽ cúng dường xá-lợi.

Phật bảo chư Thiên:

— Thôi, thôi, Thiên vương ! Như Lai tự biết thời. Đây là việc Như Lai cần phải làm, chẳng phải hàng Trời, Rồng, Quỷ thần làm được. Vì sao thế ? Cha mẹ sanh con nhiều lợi ích cho con, ân trọng dưỡng nuôi, bú mớm ẵm bồng, cần phải báo ân, không được không báo ân. Chư Thiên nên biết ! Chư Phật quá khứ, thân mẫu sinh thành đều diệt độ trước, sau đó chư Phật Thế Tôn đều tự cúng

dường trà tỳ xá-lợi. Giả sử chư Phật Thế Tôn ở tương lai, thân mẫu sinh thành cũng diệt độ trước, sau đó chư Phật đều tự cúng dường. Do phương tiện này biết Như Lai nên tự cúng dường, chẳng phải Trời, Rồng, Quỷ thần làm được.

Bấy giờ Tỳ-sa-môn Thiên vương bảo năm trăm Quỷ:

— Các Ngươi đến rừng Chiên-đàn lấy củi thom chiên-đàn, đến đây cúng dường trà-tỳ.

Năm trăm Quỷ nghe Thiên vương nói xong, liền đến rừng Chiên-đàn lấy củi chiên-đàn, đem đến chỗ đất trống.

Khi ấy, Thế Tôn đích thân khiêng một chân giường, Nan-đà khiêng một chân, La-vân khiêng một chân, A-nan khiêng một chân, bay lên hư không đến chỗ hỏa thiêu. Bốn bộ chúng trong ấy, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, đưa thân thể của năm trăm Tỳ-kheo-ni đến chỗ hỏa thiêu.

Phật bảo đại tướng Da-du-đề:

— Nay Ông sắm sửa thêm hai giường, hai tọa cụ, hai xe củi, hương hoa để cúng dường thân hai Sa-di-ni.

Đại tướng Da-du-đề thưa:

— Xin vâng, bạch Thế tôn.

Đại tướng liền sắm sửa đồ cúng dường.

Thế Tôn lấy cùi chiên-đàn chuyên đến chư Thiên. Thế Tôn lại bảo đại tướng:

— Nay Ông nhặt lấy năm trăm xá-lợi, mỗi mỗi phân biệt mà cúng dường. Đối với hai Sa-di-ni cúng làm như vậy.

Đại tướng vâng lời Phật dạy, mỗi mỗi phân biệt mà cúng dường, liền chuẩn bị hỏa thiêu.

Thế Tôn lại dùng gỗ chiên-đàn chất trên thân bà Đại Ái Đạo.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Tất cả hành vô thường,
Có sanh ắt có diệt,
Không sanh, thời không diệt,
Diệt này và vui tốt.*

Chư Thiên và nhân dân đều vân tập tại chỗ trà-tỳ, Trời Người đại chúng lên đến số mười ức cai-na-thuật. Đại tướng đợi lửa tắt rồi bèn nhặt xá-lợi và xây tháp.

Phật bảo đại tướng:

— Nay Ông đem xá-lợi của năm trăm Tỳ-kheo-ni xây tháp, được phước vô lượng lâu dài. Vì sao

thế ? Thế gian có bốn hạng người nên xây tháp. Thế nào là bốn ? Nếu có người vì Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác xây tháp, vì Chuyển luân Thánh vương, vì hàng Thanh văn, Bích-chi Phật xây tháp được phước vô lượng.

Khi ấy Thế Tôn vì hàng chư Thiên và nhân dân, nói pháp vi diệu, khuyến khích khiến cho hoan hỷ. Có một ức Trời và Người được trần cấu dứt sạch, đắc pháp nhân thanh tịnh.

Bấy giờ, Trời, Người, Càn-thát-bà, A-tu-la, bốn bộ chúng, nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc, cùng với chúng đại Tỳ-kheo, năm trăm người câu hội.

Bấy giờ trong thành Xá-vệ, có Tỳ-kheo-ni Bà-đà ở chỗ vắng ngồi kiết-già tự suy nghĩ, buộc niệm ở trước, tự nhớ lại việc của vô số kiếp về trước, liền tự mỉm cười. Có Tỳ-kheo-ni xa thấy Tỳ-kheo-ni Bà-đà mỉm cười, thấy rồi liền đến chỗ Tỳ-kheo-ni nói:

— Nay Tỳ-kheo-ni Bà-đà ngồi một mình dưới cội cây mà mỉm cười là có nhân duyên gì ? Năm trăm Tỳ-kheo-ni liền cùng nhau đến chỗ Tỳ-kheo-ni Bà-đà cúi lạy và thưa với Tỳ-kheo-ni Bà-đà:

— Có nhân duyên gì ngồi một mình dưới cội cây mà mỉm cười ?

Tỳ-kheo-ni Bà-đà bảo năm trăm Tỳ-kheo-ni:

— Vừa rồi ta ngồi dưới gốc cây này, tự nhớ việc trong vô số đời đã qua, lại thấy những thân đã trải qua ngày trước, chết đây sanh kia thấy đều xem thấy.

Năm trăm Tỳ-kheo-ni lại thưa:

— Cúi xin nói những nhân duyên quá khứ.

Tỳ-kheo-ni Bà-đà bảo năm trăm Tỳ-kheo-ni:

— Quá khứ lâu xa cách đây chín mươi mốt kiếp, có Phật xuất thế hiệu Tỳ-bà-thi Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở đời. Bảy giờ thế giới tên Bàn-đầu-ma, nhân dân đông đảo không thể tính kể. Như Lai Tỳ-bà-thi du hóa nơi thế giới ấy đem theo mười sáu vạn tám ngàn Tỳ-kheo, vây quanh trước sau và vì họ thuyết pháp. Khi ấy danh hiệu Phật lưu truyền bốn phương, xưng tụng rằng: “Phật Tỳ-bà-thi đầy đủ các tướng tốt, là bạn lành, ruộng phước cho tất cả người”.

Trong nước ấy có một đồng tử tên Phạm

Thiên, dung mạo đoan chánh ít có trong đời. Đồng tử ấy tay cầm dù báu đi trên đường. Bấy giờ có vợ của một cư sĩ, cũng rất đoan chánh, cũng đi trên đường ấy, mọi người đều nhìn theo. Đồng tử liền khôi niệm: “Nay ta cũng có dung mạo đoan chánh, cầm dù báu mà mọi người không nhìn đến ta. Những người này đều cùng nhìn nữ nhon kia. Nay ta cần tìm cách khiến mọi người nhìn ta”.

Đồng tử ấy liền ra khỏi thành, đến chỗ đức Phật Tỳ-bà-thi, tay cầm hoa báu cúng dường bảy ngày đêm, và phát thệ nguyện rằng: “Nếu đức Phật Tỳ-bà-thi có thần túc, có thần lực, là ruộng phước cho cõi Người cõi Trời, nguyện đem công sức này khiến đời tương lai, tôi làm thân người nữ, mọi người thấy đều vui mừng”.

Đồng tử trải bảy ngày bảy đêm cúng dường Phật rồi, tùy tuổi thọ ngắn dài liền sanh lên cõi trời Ba mươi ba, nơi ấy làm thân thiên nữ, rất đoan chánh bậc nhất trong các ngọc nữ, có năm công đức hơn các thiên nữ kia. Thế nào là năm ? Là tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, sự vui trời, oai phước trời và tự tại trời. Chư Thiên cõi trời Ba mươi ba thấy rồi, ai cũng tự nhủ “Thiên nữ này rất thù diệu không ai bằng”. Hoặc có vị Trời nói: “Ta phải được Thiên nữ này để làm vợ”. Họ cùng tranh giành với nhau. Khi ấy vua trời nói:

— “Các Ông chớ tranh cãi nhau, trong đây ai có thể nói kệ rất hay, ta sẽ cho Thiên nữ này làm vợ”.

Một Thiên tử nói kệ:

*Hoặc khi đứng, hoặc ngồi,
Thức giấc đều không vui,
Chỉ khi tôi ngủ say,
Mới không lòng mơ ước.*

Một Thiên tử nói kệ:

*Nay ông cũng còn vui,
Khi ngủ không mơ tưởng,
Nay tôi khởi dục niệm,
Tợ như đánh trống trận.*

Một Thiên tử nói kệ:

*Giả sử đánh trống trận,
Còn có lúc nghỉ tay,
Niệm dục tôi chảy mau,
Như nước cuốn không ngừng.*

Lại một Thiên tử nói kệ:

*Như nước cuốn cây to,
Còn có khi dừng nghỉ,
Tôi thường tư tưởng dục,
Như giết voi không thuận.*

Bấy giờ, vị Thiên tử hơn hết trong các chư Thiên, nói kệ:

*Các Ông còn nhàn hạ,
Đều có thể nói kệ,
Nay tôi không tự biết,
Là mình còn hay mất.*

Chư Thiên bèn thưa với vị Thiên tử ấy:

— “Lành thay ! Thiên tử đã nói kệ rất thanh diệu. Nay dâng Thiên nữ này cho Thiên vương”.

Thiên nữ liền vào cung điện Thiên vương.

Các em chó hô nghi. Vì sao thế ? Đồng tử cúng dường bảo cái lên đức Phật, đâu phải người nào lạ. Chó nghĩ thế ấy. Đồng tử khi ấy tức là thân ta.

Về quá khứ ba mươi một kiếp, có đức Phật Thi-khí xuất hiện nơi đời, du hóa nơi thế giới Dã-nã, cùng với chúng Tỳ-kheo mười sáu vạn người câu hội. Bấy giờ Thiên nữ ấy sau lại mạng chung sanh trong cõi Người, làm thân người nữ rất đoan chánh, ít có trong đời.

Đức Như Lai Thi-khí đúng thời đáp y ôm bát vào thành Dã-nã khát thực. Khi ấy Thiên nữ lại làm vợ trưởng giả, đem thức ăn uống ngon cúng dường đức Phật Thi-khí, cũng thệ nguyện rằng:

“Dem công đức này sanh nơi nào không rơi trong ba đường ác, dung mạo đoan chánh đặc biệt hơn người”. Nữ nhơn ấy sau lại mệnh chung sanh lên cõi trời Ba mươi ba, ở đó làm thân thiện nữ rất đoan chánh, có năm công đức hơn chư Thiên. Thiên nữ khi ấy đâu phải người nào lạ, chớ nghĩ thế ấy. Vì sao thế ? Thiên nữ ấy chính là thân ta.

Vào kiếp đó, đức Như Lai Tỳ-xá-la-bà xuất hiện nơi đời, bấy giờ Thiên nữ tùy theo thọ mạng dài ngắn, sau khi mạng chung lại cõi người, làm thân người nữ dung mạo đoan chánh, ít có trong đời, lại làm vợ trưởng giả cư sĩ. Bấy giờ phu nhân lại đem y phục đẹp dâng lên đức Như Lai, phát thệ nguyện rằng: “Khiến cho đời sau, tôi lại làm thân người nữ”. Phu nhân ấy sau mệnh chung, sanh lên cõi trời Ba mươi ba, dung mạo đoan chánh hơn các Thiên nữ cõi trời ấy. Nữ nhân khi ấy đâu phải người nào lạ. Chớ nghĩ thế ấy. Vì sao thế ? Nữ nhân khi ấy chính là thân ta.

Thiên nữ ấy tùy theo thọ mệnh dài ngắn, sau khi mệnh chung sanh lại cõi người, làm nô tỳ cho phu nhân của trưởng giả Nguyệt Quang trong thành Ba-la-nại, dung mạo thô xấu, mọi người không ưa. Từ khi đức Phật Tỳ-xá-la-bà diệt độ, lại không có Phật. Bấy giờ các đức Bích-chi Phật đi du hóa. Phu nhân của trưởng giả Nguyệt Quang bảo tỳ nữ:

— “Người đi ngoài đường, tìm vị Sa-môn dung mạo đoan chánh vừa ý ta, đưa về nhà, ta muốn cúng đường”.

Tỳ nữ liền ra khỏi nhà tìm Sa-môn, thấy vị Bích-chi Phật đi khát thực trong thành, song dung mạo xấu xí, dung sắc thô tệ.

Tỳ nữ thưa vị Bích-chi Phật:

— “Trưởng giả muốn gặp, xin quang lâm đến nhà”.

Liền về thưa chủ nhân:

— “Sa-môn đã đến, có thể đến gặp”.

Khi ấy, phu nhân của trưởng giả thấy Sa-môn rồi, tâm không vui liền bảo tỳ nữ:

— “Đuổi Thầy ấy đi, ta không bố thí. Vì sao ? Vì dung mạo Thầy ấy thô xấu”.

Tỳ nữ thưa phu nhân:

— “Nếu Phu nhân không bố thí cho Sa-môn, phần ăn của tôi hôm nay sẽ đem cúng hết”.

Phu nhân liền phát phần ăn cho tỳ nữ một đấu gạo tám, tỳ nữ nhận lấy và đem cúng Sa-môn. Đức Bích-chi Phật nhận thức ăn xong, bay lên hư không làm mười tám phép thần biến, tỳ nữ của trưởng giả liền phát nguyện: “Dem công đức này,

sanh vào chỗ không rơi trong đường ác. Khiến con đời sau làm thân nữ rất đoan chánh”. Đức Phật ấy tay ôm bát thức ăn, bay quanh thành ba vòng. Khi ấy trưởng giả Nguyệt Quang cùng năm trăm khách buôn nhóm tại giảng đường Phổ Hội. Nam nữ lớn nhỏ trong thành thấy đức Phật cầm bát thức ăn bay trong hư không, thấy rồi cùng nói với nhau:

— “Người nào có công đức như thế ? Ai được gặp vị Bích-chi Phật này mà cúng dường thức ăn ?”

Khi ấy, tỳ nữ thừa phu nhân:

— “Xin ra xem thân đức của Sa-môn, bay trên hư không làm mười tám pháp biến, thân đức vô lượng”.

Phu nhân bảo tỳ nữ:

— “Nay Người thức ăn bố thí cho Sa-môn, nếu được phước cho hết về ta, ta sẽ cho người bằng giá hai ngày công”.

Tỳ nữ thưa:

— “Không thể đem phước cho được”.

Phu nhân bảo:

— “Cho Người bằng giá bốn ngày cho đến mười ngày”.

Tỳ nữ thưa:

— “Tôi không thể đem phước cho được”.

Phu nhân bảo:

— “Nay ta cho Ngươi trăm đồng tiền vàng”.

Tỳ nữ thưa:

— “Tôi không cần”.

Phu nhân lại bảo:

— “Cho Ngươi hai trăm... cho đến ngàn đồng tiền vàng”.

Tỳ nữ thưa:

— “Tôi cũng không cần”.

Phu nhân bảo:

— “Ta miễn cho Ngươi khỏi làm nô lệ”.

Tỳ nữ thưa:

— “Tôi cũng không cần làm người thường”.

Phu nhân lại bảo:

— “Ngươi làm phu nhân, ta làm tỳ nữ”.

Tỳ nữ thưa:

— “Tôi cũng không cần làm phu nhân”.

Phu nhân bảo:

— “Ta sẽ đem Ngươi ra đánh đập, xẻo mũi tai, chặt tay chân Ngươi, sẽ chặt đầu Ngươi”.

Tỳ nữ thưa:

— “Tôi cam nhận hết mọi thống khổ, trọn không đem phước cho đi, thân này thuộc về Phu nhân, tâm lành có khác”.

Bấy giờ phu nhân liền đánh tỳ nữ.

Khi ấy, năm trăm khách buôn mỗi người bàn tán rằng:

— “Vị thân nhân này hôm nay đến khát thực, ắt phải là nhà ta bố thí”.

Trưởng giả Nguyệt Quang giải tán các người ấy rồi trở về nhà, thấy phu nhân đánh đập tỳ nữ, liền hỏi:

— “Do nhân duyên gì mà đánh tỳ nữ này ?”

Khi đó, tỳ nữ đem hết mọi sự thuật lại. Trưởng giả Nguyệt Quang vui mừng phấn khởi không thể tự kềm, liền đầy phu nhân xuống làm tỳ nữ, đưa tỳ nữ thay chỗ phu nhân.

Thành Ba-la-nại có vua tên Phạm-ma-đạt cai trị, vua nghe trưởng giả Nguyệt Quang dâng cơm cho Bích-chi Phật rất là vui mừng, đã gắp bạc chân nhân tùy thời bố thí. Vua Phạm-ma-đạt liền sai người gọi trưởng giả Nguyệt Quang hỏi:

— “Có thật Người cúng dường cơm cho bậc chân nhân thân tiên chăng ?”

Trưởng giả tâu:

— “Thật gặp bậc chân nhân, đem cơm cúng dường”.

Vua Phạm-ma-đạt liền tặng thưởng cho trưởng giả và tăng thêm chức vị.

Tỳ nữ ấy theo mệnh dài ngắn sau khi mệnh chung sanh lên cõi trời Ba mươi ba, nhan sắc thù diệu, ít có trong đời, có năm công đức hơn các vị trời khác.

Các em chớ nghĩ gì, tỳ nữ của trưởng giả khi ấy tức là thân ta.

Trong Hiền kiếp này có Phật xuất hiện ở đời hiệu là Câu-lưu-tôn. Khi ấy, Thiên nữ kia tùy theo thọ mệnh dài ngắn, sau khi mệnh chung sanh trong cõi người, làm con gái Phạm chí Da-nhã-đạt. Khi ấy, cô lại dâng cơm cho Như Lai và phát thệ nguyện xin được làm thân người nữ, sau khi mệnh chung sanh lên trời Ba mươi ba, dung mạo đoan chánh hơn các Thiên nữ.

Lại từ cõi trời mệnh chung sanh trong cõi người. Bấy giờ đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni xuất

hiện ở đời, Thiên nữ ấy làm con gái trưởng giả, lại đem hoa vàng cúng dường đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, nguyện: “Đem công đức này sanh ra chỗ nào không rơi trong ba đường ác, khiến cho thân con sau được làm người nữ”. Cô gái ấy tùy theo thọ mệnh dài ngắn, sau khi mệnh chung sanh lên trời Ba mươi ba, dung mạo đoan chánh hơn tất cả Thiên nữ, có năm công đức không bì kịp.

Con gái trưởng giả cúng dường đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni khi ấy đâu phải ai lạ, chớ nghĩ gì, con gái trưởng giả tức là thân ta.

Thiên nữ ấy tùy theo thọ mệnh dài ngắn, sanh trở lại cõi Người làm vợ trưởng giả, dung mạo thù đặt ít có trong đời. Khi ấy, đức Phật Ca-diếp xuất hiện ở đời, phu nhân của trưởng giả cúng dường đức Phật Ca-diếp trong bảy ngày bảy đêm, phát thệ nguyện rằng: “Khiến con đời tương lai làm thân người nữ”. Phu nhân của trưởng giả tùy tuổi thọ dài ngắn, sau khi mệnh chung sanh lên trời Ba mươi ba, có năm công đức hơn các Thiên nữ trên ấy.

Phu nhân của trưởng giả cúng dường Phật Ca-diếp thuở ấy đâu phải người nào lạ, chớ nghĩ thế ấy, phu nhân Trưởng giả khi ấy chính là thân ta.

Vào Hiền kiếp này có đức Phật Thích-ca xuất hiện ở đời, Thiên nữ ấy sau khi mệnh chung lại

sinh vào thành La-duyệt, làm con gái Bà-la-môn Kiếp-tỳ-la, dung mạo đoan chánh hơn các thiếu nữ khác. Con gái của Bà-la-môn Kiếp-tỳ-la đẹp như tượng vàng tử ma, ai đứng gần nàng đều bị lu mờ đen tối. Ý của nàng ấy không tham ngũ dục.

Các em chớ nghĩ gì, cô gái ấy đâu phải người nào lạ, con gái của Bà-la-môn bấy giờ chính là thân ta.

Các em nên biết ! Do nhân duyên công đức nhiều kiếp nên ta làm vợ của Tỷ-bát-la-ma-nạp là Ma-ha Ca-diếp. Tôn giả Đại Ca-diếp tự xuất gia trước, sau ta mới xuất gia. Ta tự nhớ trải qua vô số kiếp làm thân người nữ, do đó nên nay tự cười. Ta do ngu si che mờ, nên cúng dường trải qua sáu đức Phật, cầu làm thân nữ. Do nhân duyên này nên ta cười những kiếp đã qua.

Bấy giờ, các Tỷ-kheo-ni nghe Tỷ-kheo-ni Bà-đà, tự nhớ túc mạng những việc đã qua trong vô số đời, liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy ngôi một bên, đem hết mọi việc bạch lên đức Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo-ni.

— Các vị có thấy trong hàng Tỷ-kheo-ni Thanh văn có ai tự nhớ việc trong vô số đời như Tỷ-kheo-ni ấy chăng ?

Các Tỷ-kheo-ni bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn, không thấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo-ni:

— Đệ tử bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta, tự nhớ túc mạng trong vô số đời, chính là Tỳ-kheo-ni Kiếp-tỳ-la.

Bấy giờ các Tỳ-kheo-ni nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ đức Thế Tôn, cúi lạy lui ngồi một bên, giây lát sau rời chỗ ngồi đến trước bạch Phật:

— Kiếp có dài ngắn, có giới hạn chăng ?

Phật bảo Tỳ-kheo:

— Kiếp rất dài xa, nay Ta dẫn dụ cho Thấy. Hãy một lòng lắng nghe, nay Ta sẽ nói.

Tỳ-kheo nghe theo lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

— Tỳ-kheo nên biết, như một cái thành bằng sắt cao rộng một do-tuần, chứa đầy hạt cải trong ấy không có chỗ trống. Giả sử có người trăm năm đến lấy đi một hạt cải, mà số hạt cải trong thành sắt ấy

còn có thể giảm hết, nhưng một kiếp còn không thể tính kể. Vì sao thế ? Sanh tử dài xa không có giới hạn, chúng sanh ân ái trôi buộc, đắm trước trôi nổi trong sanh tử, chết đây sanh kia không có cùng tận. Ta ở trong đó chán ghét sanh tử. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên tìm phương tiện khéo léo, thoát khỏi tướng ái trước này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo, đến chỗ đức Thế Tôn, cúi lạy lui ngồi một bên. Tỳ-kheo ấy bạch Phật:

— Thưa Thế Tôn ! Kiếp là lâu dài chăng ?

Phật bảo Tỳ-kheo:

— Kiếp rất lâu dài, không thể dùng toán mà tính được. Nay Ta sẽ thí dụ cho Thấy. Hãy khéo suy nghĩ, nay Ta sẽ vì Thấy nói.

Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

— Cũng như núi đá lớn rộng một do-tuần, cao một do-tuần. Giả sử có người đến đó, cầm thiên y trăm năm quét một lần, đá còn có thể mòn, kiếp số

khó hạn lượng. Vì sao thế ? Kiếp số lâu dài không có bờ mé. Như thế chẳng phải một kiếp trăm kiếp. Vì sao thế ? Sanh tử lâu dài, không thể hạn lượng không có bờ mé. Các loài chúng sanh bị vô minh che lấp, trôi lăn trong sanh tử không có thời hạn ra khỏi. Chết đây sanh kia không cùng tận. Ta ở trong ấy chán ghét sanh tử. Như thế, nay các Tỳ-kheo, nên tìm phương tiện khéo thoát khỏi tướng ái trước này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Tùy thời nghe pháp có năm công đức, thường không mất thời. Thế nào là năm ? Pháp chưa từng nghe liền được nghe; nghe rồi liền thọ trì; trừ bỏ hồ nghi; không có tà kiến; hiểu pháp sâu xa. Đó gọi là Tỳ-kheo tùy thời nghe pháp có năm công đức này.

Cho nên các Tỳ-kheo nên ghi nhớ thường nghe pháp sâu xa. Đây là lời dạy của Ta. Như thế, nay các Tỳ-kheo nên học điều này !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Tỳ-xá-ly, vườn Ma-ha Bà-na, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, đại tướng Sur Tũ đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy, ngồi một bên. Bấy giờ Phật bảo đại tướng:

— Đàn-việt thí chủ có năm công đức. Thế nào là năm ? Ở đây, danh tiếng của Thí chủ vang xa, trong làng đó có người như thế ưa bố thí, chu cấp cho người nghèo, giúp đỡ người thiếu, không có yêu ghét. Này Đại tướng Sur Tũ ! Đó là công đức thứ nhất, Thí chủ đạt được.

Lại nữa, này Đại tướng Sur Tũ ! Đàn-việt thí chủ nếu đến trong chúng dòng Sát-lợi, dòng Bà-la-môn, chúng Sa-môn, đều không sợ hãi cũng không nghi nan. Này đại tướng Sur Tũ ! Đó là công đức thứ hai.

Lại nữa, Đàn-việt thí chủ được nhiều người thương mến nhớ nghĩ, khắp đến kính ngưỡng như con yêu mẹ, tâm không rời xa. Thí chủ cũng như thế, được nhiều người yêu mến.

Lại nữa, Đại tướng Sur Tũ ! Đàn-việt thí chủ khi bố thí phát tâm vui vẻ, do có tâm vui vẻ liền có mừng rỡ, tánh ý chắc chắn, khi ấy liền tự biết có

vui có khổ cũng không biến đổi, tự biết như thật. Thế nào là tự biết ? Biết có Khổ đế, Khổ tập, Khổ tận, Khổ xuất yếu, như thật mà biết.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

*Thí đầy đủ các phước,
Mà được đệ nhất nghĩa,
Ai hay nhớ bố thí,
Bèn phát tâm hoan hỉ.*

Lại nữa, Đại tướng Sư Tử ! Khi Đàn-việt thí chủ bố thí, thân hoại mạng chung sanh lên trời Ba mươi ba, lại có năm việc hơn chư Thiên cõi ấy. Thế nào là năm ? Một là dung mạo hào quý oai thần sáng rõ. Hai là điều mong ước tự tại, việc gì cũng thành. Ba là nếu Đàn việt thí chủ sanh trong loài người gặp nhà hào quý. Bốn là nhiều tài lợi châu báu. Năm là nói ra nhiều người nghe.

Này Đại tướng Sư Tử ! Đó là Đàn-việt có năm công đức như thế dẫn vào đường lành.

Đại tướng Sư Tử nghe lời Phật dạy, vui mừng hơn hờ không thể tự kiềm, đến trước bạch Phật:

— Cúi xin Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của con.

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Khi ấy, đại tướng Sư Tử thấy Thế Tôn đã im lặng nhận lời, liền đứng dậy cúi đầu lễ Phật rồi lui ra. Về đến nhà, đại tướng sắm sửa đầy đủ các thức ăn uống, trải tòa ngồi tốt đẹp, rồi đến bạch Phật:

— Thời đã đến, nay chính phải thời, cúi xin bậc Đại thánh rũ lòng từ, hạ cố đến nhà.

Thế Tôn đúng thời đáp y mang bát, dẫn chúng Tỳ-kheo vây quanh trước sau, đến nhà đại tướng, theo thứ lớp ngồi.

Bấy giờ, đại tướng Sư Tử thấy Phật và chúng Tỳ-kheo đã ngồi theo thứ tự, tự tay san sát các thức ăn uống. Khi đại tướng dâng thức ăn, chư Thiên ở trên hư không bảo:

— Đây là A-la-hán, người này là hướng A-la-hán. Cúng người này được phước nhiều, cúng người này được phước ít. Đây là A-na-hàm, người này hướng A-na-hàm. Người này là Tư-đà-hàm, người này hướng Tư-đà-hàm. Người này là Tu-đà-hoàn, người này hướng Tu-đà-hoàn. Người này còn bảy phen qua lại, người này còn trở lại một đời. Người này giữ lòng tin, người này vâng theo Pháp. Đây là người lợi căn, đây là độn căn. Người này hạ liệt, người này tinh tấn trì giới, người này phạm giới. Cúng người này được phước nhiều, cúng người này được phước ít.

Bấy giờ, đại tướng Sư Tử nghe chư Thiên nói rồi cũng không để tâm. Thấy Như Lai thọ trai xong, rửa bát sạch, rồi lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi trước Như Lai. Đại tướng Sư Tử bạch Thế Tôn:

— Trước đây có chư Thiên đến chỗ con nói từ vị A-la-hán đến người phạm giới, đều đem thừa hết với Phật. Tuy con nghe lời như thế cũng chẳng để tâm, cũng chẳng sanh ý tưởng: “Ta sẽ bỏ người này cúng người kia, bỏ người kia cúng người này”. Con lại sanh ý tưởng này: “Nên cúng dường tất cả loài chúng sanh có hình dáng, vì có ăn mới sống, không ăn ắt chết”. Con đích thân được nghe từ Như Lai nói bài kệ ấy, thường ghi nhớ trong lòng không quên mất. Kệ như thế nào ?

*Bố thí khắp bình đẳng,
Trọn không chỗ trái nghịch,
Ắt sẽ gặp Hiền Thánh,
Duyên đây mà được độ.*

Bạch Thế Tôn ! Bài kệ này được nói ra, con đích thân nghe từ đức Thế Tôn, thường ghi nhớ vâng làm.

Phật bảo đại tướng:

— Lành thay ! Đây gọi là tâm Bồ-tát, bố thí bình đẳng. Khi Bồ-tát bố thí thì cũng chẳng sanh ý

niệm như vậy: “Ta sẽ cho người nầy, bỏ người nầy”, thường đem lòng bình đẳng mà bố thí, cũng lại khởi ý niệm này: “Tất cả chúng sanh có ăn mới tồn tại, không ăn ắt chết”. Khi Bồ-tát làm việc bố thí, cũng suy nghĩ nghĩa này.

Phật bèn nói kệ:

*Phàm người tu hạnh này,
Làm ác và làm lành,
Mỗi mỗi tự thọ báo,
Việc làm trọn không hao.
Như người làm hạnh này,
Liên chịu quả báo này,
Làm lành được quả lành,
Làm ác chịu quả ác.
Là ác hay là lành,
Tùy theo người tập quen,
Như gieo năm thứ lúa,
Đều gặt được kết quả.*

Này Đại tướng Sư Tử ! Do phương tiện này nên biết lành, ác mỗi việc có hạnh của nó. Vì sao thế ? Từ khi mới phát tâm đến khi thành đạo tâm không tăng giảm, không chọn lựa người cũng không quán sát chỗ nơi. Cho nên Đại tướng Sư Tử ! Khi muốn bố thí, hãy thường nghĩ nhớ bình đẳng, chớ khởi tâm thị phi. Như thế, Sư Tử, nên học điều này.

*Thí làm vui người nhận,
Mọi người đều khen ngợi,
Đến đâu không nghi nan,
Cũng không tâm tật đổ.
Cho nên người trí thí,
Trừ bỏ các tướng ác,
Đến chỗ lành lâu dài,
Nơi chư Thiên hoan hỷ.*

Thế Tôn nói kệ xong, liền đứng dậy đi.

Đại tướng Sur Tũ nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy, ngồi một bên. Nhà vua bạch Phật:

— Phàm bố thí, nên bố thí nơi nào ?

Phật bảo nhà vua:

— Tùy theo tâm hoan hỷ nơi nào thì bố thí nơi ấy.

Vua lại bạch Phật:

— Bồ thí nơi nào được công đức lớn ?

Phật bảo:

— Trước Đại vương hỏi nên bồ thí nơi nào, nay lại hỏi về phước công đức.

Vua bạch Phật:

— Nay con hỏi Như Lai bồ thí nơi nào được công đức ?

Phật bảo:

— Nay Ta hỏi lại, Đại vương tùy sở thích trả lời Ta. Thế nào, Đại vương, nếu có người dòng Sát-lợi đến, dòng Bà-la-môn đến, nhưng ngu si không biết chi, tâm ý tán loạn, thường không nhất định, đến chỗ nhà vua tâu rằng: “Chúng tôi sẽ cung phụng Đại vương, tùy thời cần dùng”. Thế nào, Đại vương có cần người ấy làm tả hữu chăng ?

Vua bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn không cần. Vì sao thế ? Do người ấy không có trí tuệ, tâm thức không định, không kham đối phó với kẻ địch từ ngoài đến.

Phật bảo nhà vua:

— Nay Đại vương, nếu hàng Sát-lợi, Bà-la-môn có nhiều phương tiện không sợ khó, cũng không sợ hãi, có thể trừ được kẻ địch bên ngoài, đến chỗ Đại

vương và tâu rằng: “Chúng tôi tùy thời cung phụng Đại vương, cúi xin rủ lòng ân tứ nạp thọ.” Thế nào, Đại vương có nhận người ấy chẳng ?

Vua bạch Phật:

— Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Con sẽ nạp thọ người ấy. Vì sao ? Vì người ấy có thể đối phó với kẻ địch bên ngoài, không sợ khó cũng chẳng khùng khiếp.

Phật bảo:

— Nay Tỳ-kheo cũng lại như thế, các căn đầy đủ, bỏ năm, thành tựu sáu, hộ trì một, hàng phục bốn. Bó thí cho người như thế thì được phước rất nhiều.

Vua bạch Phật:

— Thế nào là Tỳ-kheo bỏ năm, thành tựu sáu, hộ trì một, hàng phục bốn ?

Phật bảo nhà vua:

— Là vị Tỳ-kheo bỏ năm điều ngăn che: tham dục, sân nhuế, thù miên, trạo cử, nghi. Tỳ-kheo như thế gọi là bỏ năm.

Thế nào là Tỳ-kheo thành tựu sáu ? Đại vương nên biết, nếu Tỳ-kheo thấy sắc rồi không khởi tưởng sắc, duyên nơi đây giữ gìn nhãn căn, trừ

bỏ niệm ác không lành, mà giữ gìn nhĩn căn, hoặc tai, mũi, miệng, thân, ý, không khởi ý thức, mà giữ gìn ý căn. Tỳ-kheo như thế gọi là thành tựu sáu.

Thế nào là Tỳ-kheo hộ trì một ? Là khi Tỳ-kheo buộc niệm ở trước. Tỳ-kheo như thế gọi là hộ trì một.

Thế nào là Tỳ-kheo hàng phục bốn ? Là khi Tỳ-kheo hàng phục thân ma, dục ma, tử ma, thiên ma, thầy đều hàng phục. Tỳ-kheo như thế là hàng phục bốn.

Đại vương ! Như thế là Tỳ-kheo bỏ năm, thành tựu sáu, hộ trì một, hàng phục bốn. Bồ thí cho người như thế được phước khó lường. Nay Đại vương ! Những người thích hợp với tà kiến và biên kiến, bồ thí cho những người như thế là vô ích.

Khi ấy, vua bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn ! Đúng thế, bồ thí cho người như thế được phước khó lường. Nếu Tỳ-kheo thành tựu một pháp phước còn khó lường, huống gì những pháp khác. Thế nào là một pháp ? Là thân niệm vậy. Vì sao ? Ni-kiến Tử thường chấp thân hành, ý hành, không kể khẩu hành.

Phật bảo nhà vua:

— Ni-kiến Tử ngu si, ý thường tán loạn, tâm thức không định. Đây là pháp của thầy họ nên nói như thế. Họ chịu quả báo về thân hành, khẩu hành không đáng kể, ý hành vô hình không thể thấy.

Vua bạch Phật:

— Trong ba hành này, cái nào quan trọng nhất, thân hành ư, khẩu hành ư, ý hành ư ?

Phật bảo:

— Trong ba hành này, ý hành rất quan trọng. Khẩu hành, thân hành không đáng kể.

Vua bạch Phật:

— Do nhân duyên gì nói ý suy nghĩ là thứ nhứt ?

Phật bảo:

— Phàm người hành động, trước ý suy nghĩ sau mới phát ra miệng, miệng đã phát khỏi, thân mới làm sát, đạo, dâm. Lưỡi không nhất định, cũng không phải đầu mối. Nếu người ấy mệnh chung, thân và lưỡi vẫn còn. Đại vương, vì sao người ấy thân và lưỡi không làm, không nói ?

Vua bạch Phật:

— Do người ấy không có ý căn nên như thế.

Phật bảo nhà vua:

— Do phương tiện này nên biết ý căn rất quan trọng, hai cái kia nhẹ hơn.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Tâm là gốc pháp,
Tâm tôn, tâm sử,
Tâm khởi nghĩ ác,
Liền làm liền tạo.
Nơi ấy chịu khổ,
Vết xe theo xe,
Tâm là gốc pháp,
Tâm tôn, tâm sử.
Trong tâm nghĩ thiện,
Liền làm liền tạo,
Nhận quả báo lành,
Như bóng theo hình.*

Vua Ba-tu-nặc bạch Phật:

— Đúng thế, bạch Thế Tôn ! Người làm ác, thân hành ác, tùy hành động rơi vào đường ác.

Phật hỏi nhà vua:

— Đại vương quán sát nghĩa gì mà đến hỏi Ta rằng bố thí cho người nào được phước tăng nhiều ?

Vua bạch Phật:

— Xưa con đến chỗ Ni-kiên Tử hỏi Ni-kiên Tử rằng: “Nên bố thí nơi nào?”. Ni-kiên Tử nghe con hỏi, lại luận bàn việc khác, cũng không trả lời. Ni-kiên Tử bảo con rằng: “Sa-môn Cù-đàm nói thế này: Bố thí cho Ta được phước nhiều, người khác không phước. Nên bố thí cho đệ tử Ta, không nên bố thí cho người khác. Có ai bố thí cho đệ tử Ta, phước ấy khó lường”.

Phật bảo:

— Bây giờ Đại vương trả lời ra sao ?

Vua bạch Phật:

— Khi ấy con liền nghĩ: “Có lý này, bố thí cho Như Lai phước ấy khó lường” chẳng ? Nên nay con đến hỏi Phật là bố thí nơi nào được phước khó lường. Song nay Thế Tôn không tự khen mình cũng chẳng chê người.

Phật bảo nhà vua:

— Ta không nói lời rằng: “Bố thí cho Ta được phước nhiều, cho người khác không được phước”. Nay Ta chỉ nói rằng: “Thức ăn trong bát còn dư đem cho người, phước ấy khó lường”. Dùng tâm thanh tịnh chuyên chú vào trong nước sạch, luôn sanh ý niệm này: “Mong những loài hữu tình trong đây được nhờ cây vô lượng, hưởng gì loài Người”.

Nhưng này Đại vương ! Nay Ta nói bố thí cho người trì giới, phước ấy khó lường, cho người phạm giới không đáng kể. Đại vương nên biết ! Như nông dân khéo săn sóc ruộng đất, dọn bỏ rác dơ, đem giống lúa tốt gieo vào ruộng tốt, trong đó thu hoạch không hạn lượng. Và như nông dân kia không chăm sóc đất, không dọn bỏ rác dơ mà gieo giống, sau thu hoạch không đáng kể.

Nay Tỳ-kheo cũng lại như thế, Tỳ-kheo bỏ năm, thành tựu sáu, giữ một, hàng phục bốn. Những người như thế được phước vô lượng, cho người tà kiến phước không đáng kể. Cũng như Đại vương, người dòng Sát-lợi, dòng Bà-la-môn, ý không nghi nan, có thể hàng phục giặc ngoài nên xem như bậc La-hán, còn người Bà-la-môn kia, ý không chuyên định nên xem như người tà kiến.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

— Bố thí cho người trì giới phước ấy khó lường, từ nay về sau có ai đến xin, con trọn không trái ý. Nếu bốn bộ chúng có điều mong cầu cũng không trái thì con tùy thời cấp cho y phục, thức ăn, sàng nằm, tọa cụ. Con cũng lại bố thí cho người Phạm hạnh.

Phật bảo:

— Chớ nói thế ấy, Vì sao ? Bố thí cho loài súc sanh phước còn khó lường, huống gì bố thí cho người. Song nay Ta nói bố thí cho người trì giới, phước khó tính kể, hơn cho người phạm giới.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

— Nay con lại tự quy y. Đức Thế Tôn ân cần đến thế, ngoại đạo dị học phỉ báng Thế Tôn, song Thế Tôn thường khen ngợi họ. Ngoại đạo dị học tham trước lợi dưỡng, Như Lai không tham lợi dưỡng. Việc nước nhiều, con muốn lui về.

Phật bảo:

— Nên biết đúng thời.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc giết trăm người em khác mẹ, bèn ôm lòng hối hận: “Ta làm việc rất ác, lại hành động thế này, do vương vị nên giết trăm người. Ai có thể trừ mối lo buồn cho ta ?”. Vua Ba-tư-nặc lại khởi nghĩ: “Chỉ có Thế Tôn hay trừ bỏ mối lo của ta”. Vua lại nghĩ: “Nay ta không nên

ôm mối lo buồn này, im lặng đến chỗ Thế Tôn, nên chuẩn bị nghi thức vua đến chỗ Thế Tôn”.

Vua Ba-tư-nặc bảo quần thân:

— Các Ông sửa soạn xa giá, xe vũ bảo, như pháp các vua thuở trước, ta muốn ra khỏi thành Xá-vệ, đến thăm đức Thế Tôn.

Quần thân nghe vua ra lệnh, liền trang nghiêm xa giá, xe vũ bảo, đến tâu vua:

— Xa giá đã xong, xin Bệ hạ biết đúng thời.

Vua Ba-tư-nặc liền ngự trên xe báu, đánh chuông đánh trống, treo phan lọng, tùy tùng đều mặc giáp khí, quần thân vây quanh ra khỏi thành Xá-vệ; đến vườn Kỳ Hoàn đi bộ vào tinh xá. Theo phép các vua trước, dẹp năm nghi vệ như dù, mũ, quạt, kiếm, giày. Vua đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu sát đất, lại lấy tay sờ bàn chân Thế Tôn, rồi tự bạch rằng:

— Nay con hối quá, sửa lỗi cũ, do ngu si không biết chân nguy, giết trăm người em khác mẹ vì tranh thế lực ngôi vua. Từ nay trở đi, con tự cải hối, cúi xin nạp thọ.

Phật bảo nhà vua:

— Lành thay, Đại vương ! Hãy trở về chỗ ngôi, nay Ta sẽ thuyết pháp.

Vua Ba-tu-nặc bèn đứng dậy lễ Phật, trở về chỗ ngồi.

Phật bảo nhà vua:

— Mạng người rất nguy ách, tuổi thọ tốt cùng không quá trăm năm, tính ra không bao nhiêu người thọ đến trăm tuổi. Một ngày một đêm ở cõi trời Ba mươi ba, tính theo ngày đêm cõi ấy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, tuổi thọ cõi trời Ba mươi ba là một ngàn năm, tính ra thọ mạng cõi người là mười vạn năm.

Lại tính một ngày một đêm ở địa ngục Hoàn Hoại, tính theo ngày đêm ở đó, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, địa ngục Hoàn Hoại sống năm ngàn năm, hoặc thọ nửa kiếp hoặc thọ một kiếp tùy theo hành động của người, hoặc có khi chết nửa chừng tính theo thọ mạng cõi người là trăm ức năm.

Người trí thường nhớ nghĩ tu hạnh này, lại làm ác để chi ? Vui ít khổ nhiều tai ương khó kể. Thế nên Đại vương đừng vì thân mình cùng phụ mẫu, thê tử, quốc độ, nhân dân mà làm nghiệp tội, cũng chớ vì thân vua mà làm gốc tội. Cũng như chút mật dính dao, trước ngọt sau khổ; đây cũng lại như thế, ở trong thọ mạng ngắn, tạo ác làm gì ?

Đại vương nên biết ! Có bốn điều sợ hãi lớn hăng bức ngặt thân người, trọn không thể chế phục, cũng chẳng thể dùng chú thuật chiến đấu, thuốc men có thể trừ. Sanh, lão, bệnh, tử cũng như bốn núi lớn từ bốn phía đến cùng ép vào, xô dẹp cây cối thây đều hủy diệt. Bốn việc này cũng lại như thế. Đại vương nên biết ! Khi sanh đến, khiến cha mẹ lo sợ không thể tính kể. Nếu già đến, không còn trẻ mạnh, hình thể bại hoại gân cốt chậm chạp. Khi bệnh đến vào lúc tráng niên, không có khí lực mạng dân rút ngắn. Nếu chết đến, chấm dứt mạng căn, ân ái biệt ly năm ấm phân tán. Đại vương ! Đó gọi là có bốn điều lớn không được tự tại.

Nếu có người gần gũi sát sanh thì sẽ chịu các khổ não, nếu sanh trong loài người thọ mệnh rất ngắn. Nếu người trộm cắp thì sau sinh ra bần khốn, áo không kín thân, thức ăn không đủ. Vì sao thế ? Đều do lấy tài vật của người khác, nên bị sự thay đổi như thế, hoặc sanh làm người, chịu khổ vô lượng. Nếu người tà dâm vợ người thì sau sanh làm người, vợ không trinh lương. Nếu người vọng ngữ thì sau sanh làm người lời nói không đủ tin, bị người khinh mạn; đó là do đời trước nói dối trá hư ngụy. Nếu người nói lời ác thì sẽ chịu tội báo ở địa ngục, hoặc sanh loài người nhan sắc xấu tệ; đó là

do đời trước nói lời ác nên chịu báo ấy. Nếu người ý nghĩ chịu tội báo địa ngục, nếu sanh cõi người trong gia đình không hòa, thường bị gây gổ. Vì sao thế ? Do đời trước tạo ra báo ấy. Nếu người nói hai lưỡi gây rối đôi bên thì sẽ chịu tội địa ngục, hoặc sanh cõi người gia đình bất hòa thường có tranh tụng. Vì sao thế ? Do đời trước gây chia rẽ đôi bên mà ra. Nếu người ưa tật đổ thì sẽ chịu tội địa ngục, nếu sanh cõi người thì bị người ghét; đó là việc làm đời trước mà bị như thế. Nếu người sanh tâm mưu hại thì sẽ chịu tội địa ngục, nếu sanh làm người ý không chuyên định. Vì sao thế ? Đó là do đời trước khởi tâm như thế. Nếu người tập tà kiến thì sẽ chịu tội địa ngục, nếu sanh làm người thì bị đui, điếc, câm ngọng, người không ưa thấy. Nguyên do này đều nhân việc làm đời trước mà ra.

Thế nên, này Đại vương ! Do mười ác báo này gây nên ương lụy, chịu khổ vô lượng, hưởng lại ngoài những điều này !

Cho nên Đại vương, nên dùng pháp cai trị chớ dùng phi pháp, dùng lý trị dân chớ dùng phi lý. Đại vương ! Các bậc dùng Chánh pháp trị dân, sau khi mệnh chung đều sanh lên trời. Giả sử Đại vương sau khi mệnh chung, nhân dân nghĩ nhớ, trọn không quên, danh tiếng vang xa. Đại vương nên

biết, những người dùng phi pháp trị dân, sau khi chết đều sanh địa ngục, khi ấy ngục tốt trói thân thể, ở trong đó chịu khổ không thể tính kể; hoặc bị đánh, hoặc bị trói, hoặc bị giã nát, hoặc bị cắt xẻo từng phần, hoặc bị lấy lửa đốt, hoặc bị rót nước đông sôi vào mình, hoặc bị lột da, hoặc bị mổ bụng, hoặc bị rút lưỡi, hoặc bị đâm, hoặc bị cưa, hoặc bị bỏ vào cối sắt giã, hoặc bị bánh xe nghiền nát thân, bắt treo lên núi đao cây kiếm không cho ngừng, ôm cột đồng nóng, hoặc bị móc mắt, hoặc bị chọc thủng tai, bị cắt đứt tay chân, tai, mũi, đã đứt rồi sanh lại; hoặc bị ném thân hình vào trong chảo lớn, bị dùng chìa sắt xóc vào thân không ngừng; hoặc từ chảo ra, bị rút sống lưng làm roi đánh xe; hoặc bắt vào trong địa ngục lửa nóng, hoặc vào địa ngục phần nóng, lại vào địa ngục đâm chém, lại vào địa ngục tro than, lại vào địa ngục cây đao, lại bị bắt nằm ngựa lấy hoàn sắt nóng bắt ăn, ruột gan ngũ tạng thầy đều cháy tiêu, hoàn sắt rơi xuống; lại bị đem nước đồng nóng rót vào miệng tuột từ trên xuống, trong ấy chịu khổ, hết tội sau mới được ra.

Như thế, Đại vương, chúng sanh vào địa ngục việc ấy như thế, đều do đời trước cai trị bất chánh mà ra.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Trăm năm làm phóng dật,
Nên sau vào địa ngục,
Phóng túng tham nào đủ,
Chịu tội không tính kể.*

Đại vương ! Dùng pháp cai trị tự cứu thân mình, cha mẹ, vợ con, nô tỳ, thân tộc cùng giúp việc nước. Cho nên, Đại vương, thường nên dùng pháp cai trị chớ dùng phi pháp. Mạng người rất ngắn, ở đời chỉ chốc lát, sanh tử dài xa rất nhiều nạn đáng sợ. Khi chết tới, kêu khóc, gân cốt phân tán, thân thể đau đớn. Bấy giờ không ai cứu, chẳng phải cha mẹ, vợ con, nô tỳ, hầu cận, quốc độ, nhân dân có thể cứu hộ. Có những nạn này ai có thể thay thế ? Chỉ có bố thí, trì giới, lời nói thường hòa vui, không tổn thương người, làm các công đức, làm các cội lành.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Người trí thường bố thí,
Điều chư Phật khen ngợi,
Cho nên tâm thanh tịnh,
Chớ có ý giải đãi.
Bị chết làm bức ngặt,
Chịu khổ não rất lớn,
Vào con đường ác thú,
Không có lúc ngừng nghỉ.*

Nếu khi tham dục đến,
Chịu khổ não rất nhiều,
Các căn tự nhiên hoại,
Do ác không ngừng nghĩ.
Nếu khi thấy thuốc đến,
Gom góp các cỏ thuốc,
Không đủ thấm khắp thân,
Do ác không ngừng nghĩ.
Nếu thân tộc lại đến,
Hỏi thăm việc tiền của,
Tai cũng chẳng nghe tiếng,
Do ác không ngừng nghĩ.
Nếu lại dòi dãi đất,
Bệnh nhân nằm trên ấy,
Thân như gốc cây khô,
Do ác không ngừng nghĩ.
Nếu lại đã mệnh chung,
Thân mạng thức đã là,
Thân như đất tường vách,
Do ác không ngừng nghĩ.
Nếu lại tử thi ấy,
Thân quuyến đưa ra mộ,
Cũng chẳng thể níu kéo,
Chỉ phước có thể cày.

Cho nên, Đại vương, nên tìm phương tiện làm

việc phước nghiệp, đời nay không làm, sau hối vô ích.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Như Lai do phước lực,
Hàng phục quyến thuộc ma,
Nay đã được Phật lực.
Cho nên phước lực hơn.
Phàm người làm phước nghiệp,
Thường được là khổ hoạn,
Làm phước được phước báo,
Đời này và đời sau.*

Cho nên, Đại vương, nên nghĩ nhớ làm việc phước, làm ác đã hối hận, chớ phạm lại.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Tuy làm ác tội cùng,
Hối quá dần mỏng nhẹ,
Bấy giờ ở thế gian,
Cội gốc đều tiêu diệt.*

Cho nên, Đại vương, đừng vì thân mình làm các việc ác. Chớ vì cha mẹ, vợ con, Sa-môn, Bà-la-môn mà làm việc ác tập theo hạnh ác. Như thế, Đại vương, nên học điều này.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Chẳng cha mẹ anh em,
Cũng chẳng phải thân tộc,
Hay miễn điều ác này,
Đều bỏ, trở về chết.*

Cho nên, Đại vương, từ nay về sau nên dùng pháp trị dân, chớ dùng phi pháp. Như thế, Đại vương, nên học điều này.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

9. Tòì nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đêm nằm mộng thấy mười việc, vua liên tỉnh giấc rất lo sợ, e sợ mất nước, thân mình và vợ con. Sáng mai vua liền triệu tập các công khanh đại thân, các Bà-la-môn đạo sĩ sáng suốt có thể giải điềm mộng, thầy đều câu hỏi. Vua liền đem mười điều mộng trong đêm nói lại, hỏi ai có thể giải được. Bà-la-môn thưa:

— Hạ thân có thể giải được, chỉ sợ vua nghe rồi sẽ không vui.

Vua bảo:

— Cứ nói.

Bà-la-môn tâu:

— Vua sẽ mất nước, mất thái tử và hoàng hậu.

Vua hỏi:

— Này các Khanh, có thể tế lễ cầu giải trừ chẳng ?

Bà-la-môn tâu:

— Việc ấy có thể tế lễ được. Phải giết thái tử và vị đại phu nhân vua yêu quý nhất, những kẻ hầu cận, thị tùng, nô bộc và đại thần quý nhất để dâng tế Thiên vương. Có bao nhiêu bảo vật trân kỳ quý báu đều phải đốt hết để tế Trời. Như thế vua và nước có thể hết nạn không lo.

Vua nghe lời Bà-la-môn tâu, rất lo buồn không vui, đi về phòng riêng suy nghĩ việc này. Phu nhom vua tên Mạt-lợi, đến chỗ vua hỏi thăm:

— Vua vì sao lo buồn không vui ? Thân thiếp có lỗi gì với bề hạ chẳng ?

Vua đáp:

— Khanh không có lỗi với ta, nhưng đừng hỏi điều này, Khanh có nghe sẽ lo sợ.

Phu nhom đáp:

— Chẳng lo sợ.

Vua bảo:

— Đừng hỏi, nghe rồi lo sợ.

Phu nhân nói:

— Thiếp là người bên cạnh Đại vương, có việc gì gấp nên bảo cho thiếp biết rồi sẽ giết một mình thiếp, vua an ổn không có gì lo sợ, xin Đại vương nói.

Vua liền đem diêm mộng đêm qua nói với phu nhân, thấy mười việc: một, thấy ba cái vạc, hai vạc bên đây, vạc ở giữa trống, hai vạc bên hơi nước sôi giao nhau, không bay vào vạc trống ở giữa. Hai, thấy con ngựa miệng ăn mà hậu môn cũng ăn. Ba, mộng thấy cây lớn trở bông. Bốn, mộng thấy cây nhỏ ra trái. Năm, mộng thấy người cầm dây, đằng sau có con dê, chủ dê ăn sợi dây. Sáu, thấy con chồn ngồi trên ghế vàng ăn bát vàng. Bảy, thấy trâu già lại bú nghe con. Tám, mộng thấy bảy trâu đen, từ bốn phía kêu rống chạy đến muốn đánh nhau, đang hợp chưa hợp, không biết chỗ trâu. Chín, mộng thấy một ao nước lớn, ở giữa đục bốn bên trong. Mười, mộng thấy khe suối lớn nước dậy sóng màu đỏ.

Mộng rồi tỉnh dậy rất sợ hãi, e sợ mất nước và thân mình, thê tử và nhân dân. Nay triệu tập hàng công khanh đại thần, đạo sĩ Bà-la-môn có thể giải

mộng. Thời có một Bà-la-môn nói rằng: “Phải giết thái tử của vua, giết phu nhân quý trọng, và đại thần, tôi tớ để tế Trời”. Do đó nên lo buồn.

Phu nhơn thưa:

— Đại vương chớ lo việc mộng. Như người mua vàng, lấy lửa đốt thử và mài vào đá, xấu tốt tự hiện. Nay đức Thế Tôn ở gần, tại tinh xá Kỳ-hoàn, có thể đến đó hỏi Phật. Phật giải thích, nên nghe lời Phật dạy. Tại sao nghe lời Bà-la-môn cuồng si ấy, mà tự lo khổ để như vậy ?

Vua bèn vui về tinh ngộ, liền triệu tập quần thần tả hữu, gấp rút chuẩn bị xa giá. Vua ngự trên xe che lọng cao, thị tùng cỡi ngựa theo có ngàn vạn người, ra khỏi thành Xá-vệ, đến tinh xá Kỳ-hoàn. Đến nơi vua đi bộ đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, quỳ gối chấp tay bạch Phật:

— Đêm qua con mộng thấy mười việc, xin đức Thế tôn thương xót con, vì con giải nói từng việc.

Phật bảo:

— Lành thay, Đại vương ! Điềm mộng của nhà vua sẽ ứng cho đời tương lai sau này. Đời sau nhân dân không sợ phép cấm, sẽ làm nhiều việc dâm thất tham đắm vợ con, buông lung việc dâm không chán

đủ, đồ kỵ ngu si không biết hổ thẹn, bỏ điều trinh khiết, siểm ngụy loạn quốc.

Vua mộng thấy ba cái vạc, vạc hai bên đây, vạc chính giữa trống, hai vạc bên hơi nước sôi bốc lên giao nhau, không bay vào vạc trống ở giữa. Đó là đời sau nhân dân đều không cấp dưỡng thân thuộc, nghèo cùng, không gấn gũi bà con mà kết bạn với người dung phú quý cùng qua lại biếu tặng. Vua thấy mộng thứ nhất, chính là đây vậy.

Thấy ngựa, miệng ăn và hậu môn cũng ăn, là đời sau nhân dân đại thần bá quan, sứ giả công khanh, ăn lộc vua lại ăn của dân, giặc giã không ngừng, kẻ sứ làm kẻ gian, dân mất an ninh không ở quê nhà. Vua mộng điều thứ hai, chính là đây vậy.

49b Vua thấy cây lớn trở hoa, là đời sau nhân dân phân nhiều bị xua đuổi, tâm phiền ý não thường lo sợ, tuổi mới ba mươi đầu bạc. Vua mộng thấy việc thứ ba, chính là đây vậy.

Vua mộng thấy cây nhỏ trở trái, đời sau, người nữ chưa đến mười lăm tuổi đã có chồng, ẵm con trở về không biết hổ thẹn. Vua mộng thấy việc thứ tư, chính là đây vậy.

Vua mộng thấy người cầm dây, sau đó có con dê, người chủ dê ăn sợi dây, là đời sau, người chồng

đi buôn bán hoặc vào quân đội, dạo chơi các nơi kết bạn giao du, không biết đến vợ nhà tư thông với nam tử, ngủ nghỉ ăn uống trên tài sản của chồng, buông lung tình ý không biết hổ thẹn. Người chồng cũng biết, bắt chước bạn ngu. Vua mộng thấy việc thứ năm, chính là đây vậy.

Vua mộng thấy chôn ngôi trên ghế vàng, ăn dùng bát vàng, là đời sau kẻ hạ tiện sẽ được quý trọng, ngôi ghế vàng ăn thức ăn ngon, hàng quý tộc danh giá sẽ là tôi tớ, ông chủ làm nô tỳ, nô tỳ làm chủ nhân. Vua mộng thấy điều thứ sáu, chính là đây vậy.

Vua thấy trâu già lại bú ghé con, người đời sau, mẹ sẽ vì con gái làm mai mối, đem người nam vào phòng, mẹ đứng canh cửa, do đó được tài vật dùng tự sinh sống, cha cũng đồng tình ngu ngơ không biết. Vua mộng thấy điều thứ bảy, chính là đây vậy.

Vua mộng thấy bảy trâu đen từ bốn phía kéo đến, cùng kêu rống muốn đánh nhau, đang hợp mà không thấy chỗ trâu, đời sau, quốc vương, đại thần, trưởng giả, nhân dân đều không sợ pháp luật, tham dâm dục, tích chứa tài sản, vợ con lớn nhỏ đều không liêm khiết, dâm thất, tham ăn uống không

chán, tất đồ ngu si không xấu hổ, không làm người trung hiếu, siểm khúc hại nước, không sợ trên dưới, mưa không đúng thời, khí không điều hòa, gió bụi nổi dậy, cát bay gãy đổ cây cối, sâu rầy ăn lúa khiến bông không chín. Vua chúa nhân dân đều làm như thế, nên Trời khiến như vậy, lại bốn bên kéo mây, vua và nhân dân đều mừng bảo rằng: “Mây che bốn phía, nay chắc sẽ mưa”. Trong chốc lát mây tự tan, nên hiện điềm gỡ, muốn cho dân chúng sửa đổi hành vi, giữ việc lành, trì giới, kính sợ trời đất không vào đường ác, tự giữ trinh lương một chồng một vợ, tâm lành không sân. Vua mộng điều thứ tám, chính là đây vậy.

Vua mộng thấy ao nước lớn, chính giữa đục bốn bên trong, đời sau nhân dân trong Diêm-phù-đê, thân không trung, con không hiếu, không kính trọng người già, không tin Phật đạo, không kính bậc Đạo sĩ thông suốt kinh điển, kẻ bề tôi tham của vua ban, con tham tài vật của cha, không biết ơn nghĩa, không đoái hoài nghĩa lý. Cõi biên giới thì trung hiếu tôn kính người già, ưa tin Phật đạo, cấp dưỡng cho bậc đạo sĩ thông kinh, nhớ nghĩ đến ơn. Vua mộng thấy điềm thứ chín, chính là đây vậy.

Vua mộng thấy nước khe lớn dậy sóng màu đỏ, là đời sau, các vua chúa không chán có thêm nhiều

nước, khởi binh cùng đánh nhau, sẽ làm các thứ chiến xa, binh mã cùng công phạt nhau, giết hại nhau, máu chảy đỏ tràn. Vua mộng thấy điều thứ mười, chính là đây. Thấy đều là việc của người đời sau.

Người đời sau nếu hay để tâm vào Phật đạo, phụng sự bậc Đạo nhưn thông suốt kinh, khi chết đều sanh lên Trời. Nếu làm hạnh ngu si, lại tàn hại nhau thì chết rồi sanh vào trong ba đường ác không thể kể hết.

Vua liên quỳ gối chấp tay nghe lời Phật dạy, trong tâm vui vẻ, được định tuệ, không còn sợ hãi. Vua lay Phật rồi trở về cung, trọng thưởng cho phu nhân và phong làm chánh hậu, cấp cho nhiều tài bảo để bố thí cho người, khiến trong nước giàu vui. Vua lấy hết bổng lộc của công khanh, đại thần, Bà-la-môn, đuổi ra khỏi nước không còn tin dùng. Tất cả nhân dân đều phát tâm vô thượng chánh chân. Vua và phu nhân lễ Phật mà đi.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

HẾT
(TĂNG NHẤT A-HÀM TRỌN BỘ)

KINH TƯƠNG ĐƯƠNG

Giữa Kinh Tăng Nhất A-Hàm và Kinh Tạng Pàli

BẢNG KÝ HIỆU

A. : Anguttara-nikāya	: Tăng Chi bộ kinh
M. : Majjhima-nikāya	: Trung bộ kinh
S. : Samyutta-nikāya	: Tương ưng bộ kinh
D. : Dīgha-nikāya	: Trường bộ kinh
Jātaka	: Chuyện tiền thân
Vinaya	: Luật tạng
Itivuttaka	: Phật Thuyết Như Vậy
Theragāthā	: Trưởng lão Tăng kệ

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM	KINH TẠNG PÀLI
Phẩm Thập niệm	A. 1. 20 93 - 102
Phẩm Đệ tử	A. 1. 14. 1 - 4
Phẩm Tỳ-kheo-ni	A. 1. 14. 5.
Phẩm Thanh tín sĩ	A. 1. 14. 6.
Phẩm Thanh tín nữ	A. 1. 14. 7.
Phẩm A-tu-la	
Kinh số 2	A. 1. 13. 1.
Kinh số 4	A. 1. 13. 6.
Kinh số 7	A. 1. 13. 4.
Kinh số 10	A. 1. 13. 5.
Phẩm Nhất nhập đạo	
Kinh số 1	M. 10. Satipatthāna [No. 26 (98)]

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM	KINH TĂNG PÀLI
Phẩm Hữu vô	[No. 99 (107)]
Kinh số 5	M. 7. Vatthùpama [No. 26 (93) 51, 99(1185), 100 (99)]
Kinh số 6	S. 11. 2. 6 Yajamàna
Phẩm Hữu vô	
Kinh số 3 & 4	A. II. 13. 1-2
Phẩm Hỏa diệt	
Kinh số 1	cf. Theragàthà V. 279.
Kinh số 2	Itiv. 44.
Phẩm An ban (1)	
Kinh số 1	M. 62 Rāhulovāda
Phẩm An ban (2)	
Kinh số 1	A. II. 6. 2
Kinh số 7	cf. A. V. 31 Verses [No. 26 (148)]
Kinh số 10	A. IV. 70
Phẩm Tàm quý	
Kinh số 1	A. II. 1. 9. Hīrottapa
Kinh số 2	A. II. 1. 1. Vajja
Kinh số 3	M. 3. Dhammadāyāda [No. 26 (88)]
Kinh số 5	Vinaya. cv. VII. 3. 2.
Kinh số 6	S. 21. 8. Nanda

KINH TĂNG NHẤT A HÀM	KINH TĂNG BÀ L
Kinh số 3	M. 37. Tanhāsankhaya. [No. 99 (505)]
Kinh số 9	A. II. 4. 7.
Kinh số 11	D. 16. 2. 12 - 15
Phẩm Thiện tri thức	
Kinh số 3	cf. Divyāvadāna, pp. 246 - 254
Kinh số 11	A. II. 4. 2. Duppatikāra.
Phẩm Tam bảo	
Kinh số 1	A. IV. 34. Pasāda.
Kinh số 2	cf. A. IV. 32 (gāthā)
Kinh số 3	cf. M. 38. Tanh-sankhayasutta.
Kinh số 4	A. III. 75. 2.
Kinh số 5	S. 6. 1. 10. Kokālika.
Kinh số 6	A. III. 16. Katam
Kinh số 8	Itivuttaka, 54 - 65
Kinh số 9	M. 13. Mahā-Dukkhakkhandha sutta. [No. 26 (99), No. 53.]
Phẩm Cúng dường	
Kinh số 6	A. III. 2 - 9
Kinh số 8	A. III. 39 Madā
Phẩm Địa chủ	
Kinh số 3	A. VI. 55. Sona [No. 26 (123), No. 99 (254)]

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM	KINH TĂNG PÀLI
Kinh số 4	S. 3. 2. 10. Aputtaka.
Kinh số 5	A. III. 79. Gandha.
Phẩm Cao tràng (1)	
Kinh số 1	S. 11. 1. 3. Dhajagga [No. 99 (982 - 983)]
Kinh số 4	S. 22. 97. Nakhāsikha
Kinh số 5	Vinaya, Mahavagga. 16. 16 - 20 & 54
Phẩm Cao tràng (3)	
Kinh số 6	A. III. 36 & 70
Kinh số 8	M. 48. Kosambiya.
Kinh số 10	A. III. 163.
Phẩm Tứ đế	
Kinh số 1	S. 56. 21. Vija 1.
Kinh số 3	A. IV. 127. Abbh tadhammā.
Kinh số 4	S. 22. 22. Bhāra.
Kinh số 6	M. 5. Anaigana. [No. 26 (87), No. 49]
Kinh số 7	A. IV. 106. Ambāni.
Kinh số 10	A. IV. 102. Valāhaka.
Phẩm Tứ ý đoạn (1)	
Kinh số 1	cf. S. 3. 2. 7. Appamāda.
Kinh số 2	cf. S. 3. 2. 7. Appamāda.
Kinh số 3 & 4	cf. S. 3. 2. 7. Appamāda.
Kinh số 5	cf. S. 3. 3. 1. Puggalā [No. 127.]

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM	KINH TĂNG PÀLI
Kinh số 6	S. 3. 1. 3. Bājā [Nos. 99 (1240), 100 (67).]
Kinh số 7	cf. S. 3. 3. 2. Ayyakā [Nos. 99 (1227), 100 (54), 122.]
Kinh số 8	cf. A. IV. 185. Samanasacca [Nos. 99 (972), 100 (206)]
Phẩm Tứ ý đoạn (2)	
Kinh số 10	cf. S. 22. 87. Vakkali. [No. 99 (1265)]
Phẩm Đăng thú Tứ đế	
Kinh số 1	M. 141. Sacchavibhanga. [No. 26 (31), No. 32]
Kinh số 2	M. 11. Sihanāda. [No. 26 (103).]
Kinh số 3	A. IX. 20. Velāma [Nos. 26 (155), 72-74].
Kinh số 6	A. IV. 8. Vesārajja.
Kinh số 7	A. IV. 7. Sobhetti.
Phẩm Thanh văn	
Kinh số 2	A. IV. 50. Upakkilesā.
Kinh số 3	A. III. 34.
Kinh số 5	A. IV. 108. Mahāpadesana.
Kinh số 7	A. IV. 88. Sannojana.
Phẩm Khổ lạc	
Kinh số 6	A. IV. 77. Acintita.
Kinh số 8	A. IV. 9. Tanhuppāda

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM	KINH TĂNG PÀLI
Phẩm Tu đà	
Kinh số 3	[Nos. 128-130.].
Phẩm Tăng thượng	
Kinh số 1	M. 4. Bhayabherava.
Kinh số 2	[No. 131]
Kinh số 6	S. 35. 197. Àsivisa.
Kinh số 8	M. 12. Sihanàda (pp.79 f.)
Kinh số 9	S. 1. 2.
Phẩm Thiện tự	
Kinh số 1	A. V. 2.
Kinh số 2	A. V. 52. Ràsi.
Kinh số 4	M. 130 Devadūta.
	[No. 26 (64), Nos. 42, 43].
Kinh số 5	Pravāraṇa
	(Fragment, Hoernle, p.36
	S. 8. 7. Pavāraṇa
	(Nos. 26 (121), 61, 63, 99
	(1212), 100 (228)
Kinh số 7	A. V. 50. Nārada.
Kinh số 8	A. V. 124 Upptthāna.
Kinh số 10	A. V. 34. Sīha.
Kinh số 11	A. V. 37. Bhojana.
	[No. 136]
Kinh số 12	A. V. 36. Kāla.
Phẩm Ngũ vương	
Kinh số 1	S. 3. 2. 2. Pancarājāno

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM	KINH TĂNG PÀLI
Kinh số 3	A. V. 75. Yodhàjivà.
Kinh số 4	A. V. 76. Yodhàjivà.
Kinh số 7	A. V. 221. Dighacàrika.
Kinh số 10	A. VII. 68. Aggi.
Phẩm Đăng kiến	
Kinh số 5	[No. 133]
Kinh số 8	S. 11. 1. 4. Vepaciti
Phẩm Tà tụ	
Kinh số 10	[No. 134]
Phẩm Thỉnh pháp	
Kinh số 1	A. V. 202 Dhammasavana.
Kinh số 3	A. V. 200 Kattham.
Phẩm Lục chủng (1)	
Kinh số 1	A. VI. 1. Àhuneyya.
Kinh số 2	cf. . 6. 2. 4. Arunavati
Kinh số 3	M. 32. Gosinga. [No. 26. (184)].
Kinh số 5	A. VI. 2. Àhuneyya.
Phẩm Lục chủng (2)	
Kinh số 8	A. VI. 52. Khattiya. [No. 26 (149)]
Kinh số 9	A. VII. 47. Methunà.
Kinh số 10	M. 35. Saccaka.
Phẩm Lục (1)	
Kinh số 1	A. VIII. 27. Bala.

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM	KINH TĂNG PÀLI
Kinh số 3	A. IV. 36 (1 - 2) [Nos. 99 (101), 100 (267)]
Kinh số 4	S. 12. 55. Nagara.
Kinh số 6	M. 86. Angulimāla. [Nos. 99 (1077), 100 (16), 118-120]
Phẩm Lục (2)	
Kinh số 7	M. 116. Isigili
Kinh số 8	S. 35. 206. Chapāna.
Phẩm Đẳng pháp	
Kinh số 1	A. VII. 64. Dhammannū. [Nos. 26 (1), 27]
Kinh số 2	A. VII. 65. Pāricchattaka. [Nos. 26 (2), 28]
Kinh số 3	A. VII. 15. Udakūpama. [Nos. 26(4), 29]
Kinh số 4	A. VII. 63. Nagara. [No. 26 (3)]
Kinh số 7	S. 46. 42. Cakkavatti [Nos. 26 (58), 38, 99 (721)]
Kinh số 10	M. 24. Rathavinīta. [No. 26. (9)]
Phẩm Thất nhật (1)	
Kinh số 1	A. VII. 62. Suriya. (1-8) & D. 27. Agganna.
Kinh số 2	A. VII. 20. Vassakāsa. [Nos. 1 (2), 26 (142)]

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM	KINH TĂNG PÀLI
Kinh số 6	M. 2. Sabbàsava [No. 26 (10), No. 31].
Phẩm Thất nhật (2)	
Kinh số 7	[No. 26 (7)]
Kinh số 9	M. 18. Madhupindika [No. 26 (115)]
Kinh số 10	M. 18. Madhupindika
Phẩm Mạc úy	
Kinh số 1	S. 55.21. Mahànàma. [Nos. 99 (930), 100 (155)]
Kinh số 3	S. 22. 57. Sattatthàna.
Phẩm Bát nạn (1)	
Kinh số 1	A. VIII. 29. Akkana [No. 26 (124)]
Kinh số 3	cf. D. 18. Mahàparinibbàna. IV - V. [Nos. 135, 136, cf No. 1 (2)]
Phẩm Bát nạn (2)	
Kinh số 4	A. VIII. 19. Arurinda [No. 26 (35)].
Kinh số 5	A. VIII. 70. Bhumicàla. [No. 26 (36)]
Kinh số 6	A. VIII. 30. Anuruddha [No. 26 (74), No. 46]
Kinh số 7	A. VIII. 69. Parisà.
Kinh số 9	A. VII. 37. Sappurisa.

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM	KINH TĂNG PÀLI
Phẩm Mã huyết thiên tử hỏi về bát chánh (1)	
Kinh số 1	A. IV. 45. Rohitassa.
Kinh số 2	A. VIII. 41. Samkhitta.
Kinh số 3	S. 35. 200. Dàrukkhandha.
Kinh số 4	M. 29. Saropama.
Phẩm Mã huyết thiên tử hỏi về bát chánh (2)	
Kinh số 6	M. 34. Gopālaka. [No. 99 (1248)].
Kinh số 7	D. 2. Sāmannaphala. [Nos. 1 (27) 22]
Kinh số 8	A. VIII. 5. Lokaparivatta.
Phẩm Chín nơi cư trú của chúng sinh	
Kinh số 1	A. IX. 24. Sattavāsa.
Kinh số 5	A. VIII. 17. Bandha.
Kinh số 8	A. IX. 10. Ahuneyya.
Kinh số 11	A. IX. 24. Satta.
Phẩm Mã vương	
Kinh số 1	Jā. 196. Valāhassa. [No. 26 (136)]
Kinh số 2	M. 67. Cātumā. [No. 137]
Kinh số 6	cf. M. 151. Pindapāṭaparisuddhi. [cf. Nos. 99 (236)]

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM	KINH TĂNG PÀLI
Phẩm Kết cãm	
Kinh số 2	A. X. 20. Ariyavàsa.
Kinh số 4	A. X. 21. Siha.
Kinh số 6	A. X. 45. Pavesana.
Kinh số 8	A. X. 27. Mahàpanhà.
Kinh số 9	A. X. 56 - 57. Sannà.
Phẩm Thiện ác	
Kinh số 4	A. X. 70. Kathàvatthu.
Phẩm Thập bát thiện	
Kinh số 4	D. 14. Mahàpadàna. [Nos. 1 (1), 2 - 4.]
Phẩm Chấn trâu (1)	
Kinh số 1.	XI. 18. M. 33. Gopàlaka. [No. 99 (1249)]
Phẩm Chấn trâu (2)	
Kinh số 7	M. 65. Bhaddàli & M. 66. Latukikopama.
Kinh số 9	Vin-cul. VII. 3-4.
Kinh số 10	A. XI. 16. Mettā [No. 138].
Phẩm Lễ Tam bảo	
Kinh số 4	M. 83. Makhàdeva. [No. 25 (67)]
Kinh số 6	cf. M. 12. Sihanàda.
Kinh số 8	M. 21. Kakacūpama [No. 26 (193)].

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM	KINH TĂNG PÀLI
Phẩm Phi thường Kinh số 1 Kinh số 2 Kinh số 4 Kinh số 8 Kinh số 9 Phẩm Đại ái đạo nhập Niết-bàn Kinh số 1 Kinh số 3 Phẩm Đại ái đạo nhập Niết-bàn Kinh số 4 Kinh số 6 Kinh số 9	S. 15. 3. Assu. [Nos. 99 (938), 100 (331)] S. 15. Timsamatta. [Nos. 99 (937), 100 (330)] M. 16. Cetokhila. [No. 26 (206)]. M. 143. Anàthapindikovàda. [No. 26 (28)]. A. VII. 59. Sattabhariyà. [Nos. 141 - 143] [Nos. 144 - 145]. S. 15. 6. Sàgapà S. 15. 5. Pabbata. A. V. 34. Sīha. [Nos. 146 - 148]

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

TẬP III

MỤC LỤC

	<i>trang</i>
XXXX. — PHẨM THẤT NHẬT (1)	9
— PHẨM THẤT NHẬT (2)	47
XXXXI. PHẨM MẠC ÚY	63
XXXXII. — PHẨM BÁT NẠN (1)	82
— PHẨM BÁT NẠN (2)	112
XXXXIII. — PHẨM THIÊN TỬ MÃ HUYẾT HỎI VỀ BÁT CHÁNH (1)	141
— PHẨM THIÊN TỬ MÃ HUYẾT (2)	171
XXXXIV. PHẨM CHÍN NƠI CƯ TRÚ CỦA CHÚNG SINH	202
XXXXV. PHẨM MÃ VƯƠNG	233
XXXXVI. PHẨM KẾT CẨM	274
XXXXVII. PHẨM THIỆN ÁC	306
XXXXVIII. — PHẨM THẬP BẤT THIỆN (1)	340
— PHẨM THẬP BẤT THIỆN (2)	368
XXXXIX. — PHẨM CHẶN TRÂU (1)	392
— PHẨM CHẶN TRÂU (2)	433
L. PHẨM LỄ TAM BẢO	476
LI. PHẨM PHI THƯỜNG	527
LII. PHẨM ĐẠI ÁI ĐẠO NHẬP NIẾT-BÀN	573

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ĐẠI TẶNG KINH VIỆT NAM

KINH TẶNG NHẤT A-HÀM

(Trọn bộ 3 tập)

TẬP III

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Thượng tọa THÍCH CHƠN THIỀN

Cư sĩ VÕ ĐÌNH CƯỜNG

Biên tập và sửa bản:

Cư sĩ TRẦN TUẤN MÃN

Đại đức THÍCH NGUYỄN THIỀN

Đại đức THÍCH NGUYỄN THÀNH

Đại đức THÍCH MINH TÂM

Cư sĩ TRẦN THANH TÚ

Kỹ thuật và thực hiện:

Cư sĩ TÂM DUNG

XIN LIÊN HỆ ĐỊA CHỈ:

716 Nguyễn Kiệm - Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8448893

In 500 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại XN In Người Lao Động,

131 Cống Quỳnh, Q.1 - TP.HCM - ĐT: 8373083 - 8374604.

Giấy phép số: 24-1716/XB-QLXB ngày 03/10/2005.

In xong và nộp lưu chiểu: tháng 12 năm 2005.